**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý DỰ ÁN LUẬT VIỄN THÔNG (SỬA ĐỔI)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Giải trình, tiếp thu ý kiến** |
| **I** | **Nhất trí với nội dung dự thảo:**  - Bộ ngành, cơ quan: Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam, Thanh tra CP.  - UBND (Sở TTTT) các tỉnh, thành: Điện Biên (Sở KHCN), Thái Bình, Vĩnh Phúc, HCM, Đắk Lắk, Quảng Trị, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình, Đồng Tháp, Thanh Hóa, Hưng Yên, Cần Thơ, Quảng Bình, Ninh Bình, Tây Ninh  - DNVT: Vishipel,  - Các đơn vị thuộc Bộ: Cục Chuyển đổi số quốc gia, Viện Chiến lược TTTT, Cục Thông tin cơ sở | |
| **II** | **Các ý kiến góp ý:** |  |
| ***1*** | ***Cục An toàn thông tin:*** |  |
|  | - Về Điều 6. Bảo đảm bí mật thông tin  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, xem xét thay thế cụm từ “thông tin riêng” tại khoản 4 Điều 6 bằng cụm từ “thông tin cá nhân” đã được quy định tại khoản 15 Điều 3 Luật An toàn thông tin mạng. Cụ thể:  “Doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ các thông tin riêng có thể xác định danh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi, địa chỉ IP và thông tin cá nhân mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp), trừ các trường hợp sau đây: …”. | Tiếp thu |
|  | - Về Điều 74. Điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, điều chỉnh điểm a khoản 1 như sau:  "a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin mạng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác, nâng cấp, mở rộng trung tâm dữ liệu, bảo vệ dữ liệu của người sử dụng dịch vụ, đồng thời, phải phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông." | Đã điều chỉnh cho phù hợp |
| ***2*** | ***UBND tỉnh Gia Lai:*** |  |
|  | - Tại khoản 6 Điều 15:  Đề nghị điều chỉnh nội dung “6. Thực hiện thời gian cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của chính quyền địa phương;” thành:  “6. Thực hiện thời gian cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;”.  Lý do: Trên thực tế có dịch vụ viễn thông cần phải quy định thống nhất thời gian cung cấp dịch vụ chung trên phạm vi toàn quốc để thống nhất thực hiện mà nội dung quy định này thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Ví dụ: Theo quy định tại khoản 8 Điều 36 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng thì điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng “không được hoạt động từ 22 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau” | Tiếp thu |
|  | - Tại Điều 62:  Đề xuất lựa chọn phương án 1: “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh” nhằm đảm bảo có sự tham gia của cơ quan chuyên ngành về tài chính. | Tiếp thu |
|  | - Tại điểm a khoản 2 Điều 69:  Đề nghị điều chỉnh nội dung “a) Phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;” thành:  “Xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương và tích hợp vào quy hoạch kinh tế - xã hội cấp tỉnh của địa phương mình theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan”  Lý do: Nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan; cũng như trên thực tế, tỉnh Gia Lai cũng đang thực hiện các bước xây dựng Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có tích hợp nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương vào quy hoạch này. | Đề xuất giữ như dự thảo hiện nay.  Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ độngnghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
| ***3*** | ***Bộ Công thương (thành viên TBT):*** |  |
|  | - Tờ trình Chính phủ:  + Kính đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung những vấn đề vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật viễn thông, để từ đó thấy được sự cần thiết trong việc sửa đổi hoặc bổ sung các chính sách mới trong Dự thảo Luật Viễn thông.  + Về Quan điểm, mục đích và yêu cầu xây dựng Luật: Kính đề nghị Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xem xét, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, trình bày các nội dung này theo hướng bám sát với nội dung nêu tại Mục 6 Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 01 năm 2022 | Tiếp thu |
|  | - Báo cáo đánh giá tác động chính sách: |  |
|  | + 1. Đối với chính sách 1 Chính sách quản lý và điều tiết thị trường bán buôn  Kính đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung cơ sở thực tiễn khi xây dựng các phương án 2 “tương quan hợp lý trong việc xác định giá bán buôn và giá bán lẻ của doanh nghiệp”.  Kính đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung cơ sở thực tiễn, khó khăn, vướng mắc khi xây dựng phương án 3 “Có hai cách xác định giá bán buôn của DNVT: dựa vào tính giá thành của dịch vụ hoặc chênh lệch với giá bán lẻ cho người sử dụng (retail minus). Đã có quy định về việc xác định giá thành của từng dịch vụ viễn thông nhưng thời gian qua khó thực hiện nên đề xuất: Bổ sung điều khoản quy định”.  Kính đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung bài học kinh nghiệm liên quan giá bán buôn và giá bán lẻ trong chính sách 1. | Tiếp thu  Trong các phương pháp định giá hiện nay trên thế giới có áp dụng phương pháp retail minus để tính giá bán buôn (bản chất của phương pháp tính giá này là lấy giá bán lẻ trừ đi một khoản chiết khấu hợp lý).  Theo thống kê của tổ chức viễn thông thế giới ITU, hiện có 8.2% quốc gia sử dụng phương pháp retail minus để tính giá bán buôn dịch vụ viễn thông. |
|  | + Đối với chính sách 3, 4, 5, 6  Kính đề nghị Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xem xét, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm các căn cứ, cơ sở thực tiễn tham khảo kinh nghiệm của quốc tế khi đề xuất, lựa chọn các phương án cho các Chính sách số 3, 4, 5 và 6. Do các nội dung tại chính sách nêu trên là những nội dung lớn, mới phát sinh nhu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực viễn thông, các phương án được xây dựng tại chính sách nên học hỏi kinh nghiệm từ các nước trên thế giới, từ đó đảm bảo tính hiệu quả và thực tiễn khi xây dựng chính sách | Tiếp thu |
|  | - Về dự thảo Luật sửa đổi: |  |
|  | + Thứ nhất, chính sách mới về việc Bộ Thông tin và Truyền thông được phép ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh không phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước hiện nay.  Trước hết, Hiến pháp, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã công nhận doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh và quyền cạnh tranh theo quy định pháp luật. Đồng thời, với xu hướng mở cửa, hội nhập kinh tế, quốc tế, trong các ngành nghề lĩnh vực đặc thù tương tự như lĩnh vực viễn thông (ví dụ lĩnh vực chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử trong ngân hàng, lĩnh vực bảo hiểm, lĩnh vực hàng không,...), cũng không có xu hướng ban hành danh sách nhà nước cần quản lý cạnh tranh.  Ngoài ra, công cụ điều tiết, quản lý nhà nước đối với các dịch vụ viễn thông mang tính chất an ninh quốc phòng; dịch vụ viễn thông công ích hoặc lĩnh vực độc quyền nhà nước đã được quy định tại Luật Viễn Thông 2009 và pháp luật khác có liên quan (ví dụ: Luật giá). | Tiếp thu 1 phần  Khái niệm cạnh tranh trong viễn thông theo thông lệ quốc tế bao gồm cả quản lý tiền kiểm (quốc tế gọi là Ex ante Regulation/SMP Regulation/Sector-specific Regulation) và quản lý hậu kiểm (theo Luật Cạnh tranh chung).  Do đặc thù của viễn thông tác động trên phạm vi lớn tới toàn bộ người dân (là loại hình dịch vụ công nghệ cao nên có tính biến động lớn, thay đổi nhanh) vì vậy cần phải có một số quy định tiền kiểm hạn chế rủi ro, tác động tới người dân. Vì vậy, trên thế giới ngoài các quy định quản lý cạnh tranh theo hướng hậu kiểm theo Pháp luật cạnh tranh chung vẫn cần có những quy định cạnh tranh tiền kiểm đối với 1 số loại hình dịch vụ.  Với quan điểm quản lý cạnh tranh theo hướng tiền kiểm, không phải là quản lý cạnh tranh theo hướng hậu kiểm, dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi sẽ quy định một số quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phải tuân thủ trong một số dịch vụ đặc thù.  Vì vậy, dự thảo dự kiến sửa đổi thành “*Danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý tiền kiểm*” theo đó ban hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp khi tham gia cung cấp một dịch vụ cụ thể. |
|  | + Thứ hai, dự thảo Luật Viễn Thông cần thiết xây dựng nguyên tắc áp dụng pháp luật liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông phù hợp với Luật Cạnh tranh 2018. Với hệ thống các quy định liên quan đến tố tụng cạnh tranh (nguyên tắc tố tụng, chứng cứ, thẩm quyền,…) tại Luật Cạnh tranh 2018, việc điều tra xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định tố tụng cạnh tranh đảm bảo minh bạch, công bằng cũng như quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trên thị trường. Đồng thời, các chế tài xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh được quy định tại Luật Cạnh tranh 2018 được xây dựng nghiêm minh, đảm bảo tính răn đe hiệu quả, từ đó đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng. | Tiếp thu |
|  | + Điều 1:   Điều 1 Dự thảo 1 bổ sung 02 khái niệm niệm mới (trung tâm dữ liệu; điện toán đám mây) và các vấn đề liên quan đến 2 khái niệm mới nêu trên. Tuy nhiên, việc “quản lý” lại chỉ phát sinh với trung tâm dữ liệu (mà không có điện toán đám mây).   Điều 1 LVT 2009 chỉ quy định các hoạt động liên quan tới viễn thông, mà không quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động viễn thông. Thay vào đó, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan được xem là một phần tất yếu của hoạt động này. Do đó, khi bổ sung “quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông và kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây” không phù hợp với cách thức quy định của LVT 2009, đồng thời tạo ra quan ngại về phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản làm rõ “quản lý trung tâm dữ liệu, hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây” để tạo sự thống nhất. * Kính đề nghị bỏ “quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông và kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây”. | Bảo lưu  - Lý do: trung tâm dữ liệu là hạ tầng nên cần quản lý trung tâm dữ liệu như hạ tầng và quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu. Còn điện toán đám mây là dịch vụ nên chỉ quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây.  - Luật VT 2009 có quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông, luật sửa đổi bổ sung thêm phần kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây tương ứng với mở rộng phạm vi của luật. |
|  | + Điều 2:   Điều 1 Dự thảo 1 quy định hoạt động viễn thông bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây tại Việt Nam. Với cách thức quy định tại Điều 2 Dự thảo 1, hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây được xem là hoạt động không thuộc hoạt động viễn thông.   Với cách thức quy định như tại Điều 2 Dự thảo 1, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý trung tâm dữ liệu có là đối tượng áp dụng hay không?   * Về cách thức: đề nghị sử dụng các dấu “;” để tách các ý, đảm bảo nội dung diễn đạt của quy định. * Về nội dung: Kính đề nghị cơ quan chủ quản rà soát và chỉnh sửa đảm bảo tính nhất quán giữa các quy định tại dự thảo Luật. | Bảo lưu  Điều 2 quy định hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây được quản lý là hoạt động riêng, không nằm trong hoạt động viễn thông, tương ứng với Điều 1.  Tiếp thu ý kiến về việc diễn đạt rõ ràng hơn. |
|  | + Khoản 5 Điều 3:  “Giữa người sử dụng dịch vụ viễn thông và thiết bị” không rõ ràng.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản làm rõ cách thức gửi, truyền, nhận xử lý thông tin giữa người sử dụng dịch vụ viễn thông và thiết bị. * Kính đề nghị làm rõ “thiết bị” tại khoản 5 Điều 3 Dự thảo 1 | Đã điều chỉnh |
|  | + Khoản 19 Điều 3:  Khi đề cập tới “phương tiện thiết yếu”, cần làm rõ tính thiết yếu” của phương tiện trong các hoạt động trong lĩnh vực viễn thông (bao gồm hoạt động kinh doanh).   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản sửa đổi khoản 19 Điều 3 LVT 2009 nhằm đảm bảo rõ ràng, phù hợp với bản chất của nội dung điều chỉnh. Theo đó, khi quy định phương tiện thiết yếu cần tập trung làm rõ “tính thiết yếu” của phương tiện, thay vì quy định chủ thể nắm giữ phương tiện. | Đề xuất giữ như dự thảo hiện nay.  Nội hàm tại khoản 19 Điều 3 dự thảo hiện nay đã nêu rõ bản chất của “phương tiện thiết yếu” gắn hoạt động của DN viễn thông: |
|  | + Khoản 23 Điều 3:  Trên thực tế, doanh nghiệp sở hữu mạng viễn thông vừa cung ứng dịch vụ viễn thông vừa cung ứng dịch vụ ứng dụng viễn thông.   * Kính đề nghị sửa đổi “hoặc” thành “và/hoặc” | Đã điều chỉnh |
|  | + Điểm a khoản 4 Điều 6:  Trên thực tế khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, doanh nghiệp có được sự đồng ý của người sử dụng dịch vụ viễn thông. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, người sử dụng dịch vụ viễn thông lại không nắm rõ đầy đủ thông tin liên quan đến trường thông tin được phép tiết lộ và mục đích sử dụng/phạm vi sử dụng trường thông tin đó của doanh nghiệp viễn thông.  Theo kinh nghiệm các cơ quan cạnh tranh trên thế giới (Úc và EU), việc thu thập trường thông tin của người sử dụng mạng viễn thông thông qua các địa chỉ IP đang diễn ra phổ biến, các nền tảng lớn còn đầu tư tài chính để có thể mua lại các dữ liệu người dùng mạng viễn thông thông qua địa chỉ IP. Trong khi đó, người sử dụng mạng viễn thông không nhận thức được đầy đủ các hoạt động nêu trên.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản điều chỉnh theo hướng “người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin sau khi doanh nghiệp viễn thông đã cung cấp đầy đủ tới người sử dụng về chính sách chia sẻ thông tin, bao gồm: loại thông tin, mục đích chia sẻ, nguyên tắc chia sẻ, phạm vi chia sẻ,….”. | Xem xét, tiếp thu |
|  | + Khoản 2.2 Điều 14:   Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc dịch vụ ứng dùng viễn thông. Do vậy, doanh nghiệp có hạ tầng mạng có thể kinh doanh nhiều sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông. Do vậy, khi đề cập giá bán buôn, cần gắn liền với loại sản phẩm, dịch vụ nhất định.   Đối với “làm cơ sở cho các doanh nghiệp thỏa thuận”, doanh nghiệp thỏa thuận là doanh nghiệp nào?   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản rà soát quy định liên quan đến công bố giá của doanh nghiệp viễn thông phù hợp với Dự thảo Luật giá sửa đổi. * Kính đề nghị cơ quan chủ quản làm rõ “giá bán buôn” của loại hình sản phẩm, dịch vụ nào. * Kính đề nghị cơ quan chủ quản làm rõ mục đích của “làm cơ sở cho doanh nghiệp thỏa thuận” và đối tượng “doanh nghiệp thỏa thuận” để đảm bảo cơ chế không hình thành các thỏa thuận trong lĩnh vực viễn thông. | Đã tiếp thu loại bỏ tại dự thảo: Đây là nội dung tại dự thảo cũ, trong quá trình soạn thảo chưa được đồng bộ với nội dung tại dự thảo mới. |
|  | + Khoản 3 Điều 14:   Việc xác định giá bán lẻ trung bình trên thị trường cần phải phù hợp cơ chế thị trường, theo kịp sự biến động của thị trường.   Việc xác định tỷ lệ chênh lệch giữa giá bán buôn bán lẻ cần được xác định theo nguyên tắc công bằng, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Do quy mô kinh doanh, mức độ tiếp cận cơ sở hạ tầng khác nhau, việc xác định nguyên tắc chênh lệch cần đảm bảo phù hợp với mọi doanh nghiệp trên thị trường, không được trở thành rào cản thị trường đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoặc mới gia nhập thị trường.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản rà soát quy định này phù hợp với Dự thảo Luật giá (sửa đổi) đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật. * Kính đề nghị cơ quan chủ quản tổng hợp kinh nghiệm quốc tế liên quan tới chính sách điều tiết giá thị trường viễn thông bằng phương thức xác định giá bán lẻ trung bình, nguyên tắc xác định tỷ lệ chênh lệch giữa giá bán buôn và bán lẻ. | Đã tiếp thu loại bỏ tại dự thảo: Đây là nội dung tại dự thảo cũ, trong quá trình soạn thảo chưa được đồng bộ với nội dung tại dự thảo mới. |
|  | + Khoản 8 Điều 28:  Kính đề nghị cơ quan chủ quản cung cấp lý do bổ sung điều khoản nêu trên và đánh giá tác động của điều khoản nêu trên đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông. | Sau khi nghiên cứu, cân nhắc, Bộ TT&TT đã bỏ quy định này khỏi dự thảo. |
|  | + Khoản 2 Điều 31:   Kính đề nghị lảm rõ “dịch vụ viễn thông thống lĩnh thị trường”.   Khi đó, doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh (không nắm giữ phương tiện thiết yếu) ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông nhưng không chấm dứt hoạt động phải thực hiện một trong các biện pháp như tại khoản 2 Điều 28 Dự thảo 1. Điều khoản này được xem là rào cản rút lui thị trường của các doanh nghiệp, thậm chí là rào cản phát triển cho các doanh nghiệp khác đang kinh doanh trên thị trường. Khi 01 doanh nghiệp chấm dứt kinh doanh thì là cơ hội cho các doanh nghiệp khác phát triển. Tuy nhiên với điều khoản này lại tạo ra nguy cơ duy trì số lượng doanh nghiệp viễn thông nhất định trên thị trường trong thời gian dài, tạo nên tính không hiệu quả về mặt kinh tế.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản xem xét quy định này để đảm bảo thúc đẩy cạnh tranh, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế. * Theo đó, cơ quan chủ quản xem xem việc áp dụng các biện pháp nêu trên chỉ giới hạn ở doanh nghiệp độc quyền hoặc doanh nghiệp nắm giữ cơ sở hạ tầng thiết yếu, việc chấm dứt ảnh hưởng một cách đáng kể tới hoạt động kinh doanh trên thị trường viễn thông.    Việc đảm bảo tiếp tục duy trì việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động được thực hiện thông qua doanh nghiệp viễn thông khác. Khi đó, việc lựa chọn doanh nghiệp khác để duy trì sau khi giải thể thông thường sẽ bị doanh nghiệp có sức mạnh thị trường đáng kể nắm giữ (do đưa ra các giải pháp cung cấp chi phí hợp lý hơn). Từ đó, quy định này không chỉ là rào cản rút lui thị trường mà còn tạo ra lợi thế cho doanh nghiệp có sức mạnh thị trường đáng kể, tạo ra quan ngại về cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông.   Hơn thế nữa, sau khi doanh nghiệp giải thể, việc lựa chọn doanh nghiệp nghiệp viễn thông thay thế là quyền lựa chọn của người tiêu dùng. Khi định hướng doanh nghiệp khác thay thế như tại dự thảo 1 có thể cũng là việc giới hạn quyền thay thế của người tiêu dùng.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản xem xét điều chỉnh quy định tại Dự thảo đảm bảo thúc đẩy cạnh tranh, đảm bảo quyền tự do cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế. * Theo đó, doanh nghiệp chấm dứt hoạt động có nghĩa vụ chuyển tiếp đầu số/dữ liệu,….để doanh nghiệp viễn thông do người tiêu dùng lựa chọn thay thế có thể tiếp cận để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người tiêu dùng. | Đã điều chỉnh trong dự thảo |
|  | + Điều 56:   Quản lý nhà nước về cạnh tranh là khái niệm đã được ghi nhận tại Luật Cạnh tranh 2018, cụ thể:  Điều 1: Luật này quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh đến thị trường Việt Nam; hành vi cạnh tranh không lành mạnh; tố tụng cạnh tranh; xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh; quản lý nhà nước về cạnh tranh.  Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cạnh tranh  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cạnh tranh.  2. Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh.  3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh.  4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh.  Do vậy, quản lý nhà nước về cạnh tranh là nhiệm vụ tại mọi ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế, không cần tới việc ban hành danh sách thị trường quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.   Các nguyên tắc cơ bản của Chính sách của nhà nước về cạnh tranh cũng đã được quy định tại Điều 6 LCT, bao gồm:  “1. Tạo lập, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng, bình đẳng, minh bạch.  2. Thúc đẩy cạnh tranh, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh trong kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.  3. Tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  4. Tạo điều kiện để xã hội, người tiêu dùng tham gia quá trình giám sát việc thực hiện pháp luật về cạnh tranh”.   Quyền tự do kinh doanh đã được ghi nhận tại Hiến pháp, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp. Nhà nước chỉ kiểm soát các lĩnh vực đặc thù liên quan tới an ninh quốc phòng, lĩnh vực độc quyền Nhà nước.  Đối với hàng hóa dịch vụ tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh, Dự thảo Luật giá sửa đổi cũng có những biện pháp nhằm điều tiết giá phù hợp với chính sách của Nhà nước về quản lý giá.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản xem xét quy định này phù hợp với Luật Cạnh tranh 2018 (đã được ban hành và có hiệu lực), Dự thảo Luật Giá sửa đổi, các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cam kết quốc tế về lĩnh vực viễn thông. * Kính đề nghị cơ quan chủ quản liệt kê cụ thể nguyên tắc xác định dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh tại Dự thảo Luật. * Kính đề nghị xem xét thẩm quyền ban hành danh mục viễn thông mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh phù hợp với các văn bản pháp luật khác (Dự thảo Luật giá quy định Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá). | => Kính đề nghị cơ quan chủ quản xem xét quy định này phù hợp với Luật Cạnh tranh 2018 (đã được ban hành và có hiệu lực), Dự thảo Luật Giá sửa đổi, các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cam kết quốc tế về lĩnh vực viễn thông.  Giải trình:  Khải niệm cạnh tranh trong viễn thông theo thông lệ quốc tế bao gồm cả quản lý tiền kiểm (quốc tế gọi là Ex ante Regulation/SMP Regulation/Sector-specific Regulation) và quản lý hậu kiểm (theo Luật Cạnh tranh chung).  Do đặc thù của viễn thông tác động trên phạm vi lớn tới toàn bộ người dân (là loại hình dịch vụ công nghệ cao nên có tính biến động lớn, thay đổi nhanh) vì vậy cần phải có một số quy định tiền kiểm hạn chế rủi ro, tác động tới người dân. Vì vậy, trên thế giới ngoài các quy định quản lý cạnh tranh hậu kiểm theo Pháp luật cạnh tranh chung vẫn cần có những quy định tiền kiểm đối với 1 số loại hình dịch vụ.  Trên cơ sở quan điểm quản lý tiền kiểm, không phải là quản lý cạnh tranh mang tính hậu kiểm, dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi sẽ quy định một số quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phải tuân thủ trong một số dịch vụ đặc thù.  Bên cạnh các quyền và nghĩa vụ mang tính tiền kiềm, doanh nghiệp viễn thông vẫn phải tuân thủ các quy định chung tại pháp luật về cạnh tranh tại Việt Nam (quản lý hậu kiểm).  => Kính đề nghị cơ quan chủ quản liệt kê cụ thể nguyên tắc xác định dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh tại Dự thảo Luật.  Giải trình: Tiếp thu một phần để xem xét và có quy định hướng dẫn cấp dưới Luật.  => Kính đề nghị xem xét thẩm quyền ban hành danh mục viễn thông mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh phù hợp với các văn bản pháp luật khác (Dự thảo Luật giá quy định Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá).  Giải trình: Luật Giá quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước bao gồm bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá; hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; hoạt động thẩm định giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.  Luật Viễn thông sửa đổi chỉ quy định Danh mục dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý tiền kiểm, không quy định Danh mục định giá đối với dịch vụ viễn thông. |
|  | + Điều 57:   Trong trường hợp doanh nghiệp bán buôn không là nhóm công ty (tập đoàn, tổng công ty), đơn vị bán lẻ là đơn vị trực thuộc công ty, quy định này không có ý nghĩa thực tiễn. Bởi lẽ, doanh nghiệp vẫn hoạch toán chi phí tương đương với các doanh nghiệp khác trên thị trường, nhưng giá bán lẻ của doanh nghiệp đó vẫn thấp hơn.   Để thực hiện được hành vi mô tả khoản 1 Điều 57 Dự thảo 1, doanh nghiệp bán buôn phải có sức mạnh thị trường đáng kể so với các doanh nghiệp khác là khách hàng ký kết sử dụng mạng viễn thông của doanh nghiệp bán buôn. Khi đó, hành vi này là hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh vị trí độc quyền đã được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 LCT 2018.   Với quy định tại dự thảo, doanh nghiệp cũng tham gia thị trường bán buôn nhưng không có sức mạnh thị trường đáng kể cũng có các nghĩa vụ tương tự như doanh nghiệp thống lĩnh là không phù hợp.   * Kính đề nghị làm rõ “bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp”. * Kính đề nghị dẫn chiếu hành vi tới các quy định tương ứng của Luật Cạnh tranh 2018, ví dụ: các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền không được thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 27 Luật Cạnh tranh 2018. * Kính đề nghị điều chỉnh nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp viễn thông phù hợp với quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đã được ghi nhận tại Hiến pháp, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư. Theo đó, LVT đã quy định cấm các hành vi hạn chế cạnh tranh trên thị trường viễn thông thì những hành vi tại khoản 1 Điều 57 Dự thảo Luật có thể kiểm soát bằng cơ chế hậu kiểm, từ đó đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng. | => Kính đề nghị làm rõ “bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp”.  Theo kinh nghiệm quốc tế thì có một số trường hợp phải áp dụng quy định này để quản lý. Tại Việt Nam, trên thực tế có một số doanh nghiệp đã tách bạch bán buôn và bán lẻ, tuy nhiên cũng có những doanh nghiệp chưa thực hiện được việc này.  Vì vậy, đối với nội dung này, đơn vị soạn thảo sẽ tiếp thu một phần để nghiên cứu đánh giá lại theo thực trạng doanh nghiệp tại Việt Nam.  => Kính đề nghị dẫn chiếu hành vi tới các quy định tương ứng của Luật Cạnh tranh 2018, ví dụ: các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền không được thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 27 Luật Cạnh tranh 2018.  Giải trình: Giải trình tương tự nội dung tại Điều 56  => Kính đề nghị điều chỉnh nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp viễn thông phù hợp với quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đã được ghi nhận tại Hiến pháp, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư. Theo đó, LVT đã quy định cấm các hành vi hạn chế cạnh tranh trên thị trường viễn thông thì những hành vi tại khoản 1 Điều 57 Dự thảo Luật có thể kiểm soát bằng cơ chế hậu kiểm, từ đó đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng.  Giải trình tương tự tại Điều 56 |
|  | + Điều 58:  Căn cứ Điều 24 Luật Cạnh tranh 2018, tiêu chí xác định vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp/nhóm doanh nghiệp là thị phần trên thị trường liên quan HOẶC sức mạnh thị trường đáng kể.   Trong quá trình soạn thảo, Dự thảo Luật Cạnh tranh đã tiếp thu kinh nghiệm quốc tế của các nước trên thế giới như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Úc và các nước lân cận như Singapore, Hàn Quốc,…. Trong đó, tiêu chí xác định sức mạnh thị trường đáng kể như tại LCT2018 phù hợp với lĩnh vực viễn thông ở các nước nêu trên. Thậm chí, EU còn sử dụng chung các hướng dẫn để xác định vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp ở các vụ việc tại lĩnh vực viễn thông hoặc lĩnh vực khác.   * Kính đề nghị cơ quan chủ quản điều chỉnh quy định Điều 58 Dự thảo 1 phù hợp với LCT 2018 bằng cách dẫn chiếu việc xác định vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp trong lĩnh vực viễn thông được thực hiện theo Luật Cạnh tranh 2018. | Tiếp thu |
|  | + Khoản 2 Điều 58:  Khoản 1 Điều 26 Luật Cạnh tranh 2018 đã quy định các tiêu chí để xác định doanh nghiệp có sức mạnh thị trường đáng kể, bao gồm:  a) Tương quan thị phần giữa các doanh nghiệp trên thị trường liên quan;  b) Sức mạnh tài chính, quy mô của doanh nghiệp;  c) Rào cản gia nhập, mở rộng thị trường đối với doanh nghiệp khác;  d) Khả năng nắm giữ, tiếp cận, kiểm soát thị trường phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ hoặc nguồn cung hàng hóa, dịch vụ;  đ) Lợi thế về công nghệ, hạ tầng kỹ thuật;  e) Quyền sở hữu, nắm giữ, tiếp cận cơ sở hạ tầng;  g) Quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;  h) Khả năng chuyển sang nguồn cung hoặc cầu đối với các hàng hóa, dịch vụ liên quan khác;  i) Các yếu tố đặc thù trong ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh.  Ngoài ra, LCT cũng quy định cách thức xác định thị phần và thị phần kết hợp tại Điều 10 LCT.  Các tiêu chí xác định thị phần, sức mạnh thị trường đáng kể tại LCT không chỉ phù hợp với lĩnh vực viễn thông mà phù hợp với mọi ngành nghề lĩnh vực trong nền kinh tế.   * Kính đề nghị dẫn chiếu tới Luật Cạnh tranh 2018 để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật. | Tiếp thu |
|  | + Điểm b khoản 2 Điều 59:  Hành vi này tương tự với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 LCT, bao gồm:  - Chủ thể hành vi: doanh nghiệp/nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh trên thị trường;  - Hành vi: “cung cấp hạ tầng, dịch vụ với mức giá quá cao” tương đương với “áp đặt giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý”;  Tác động hành vi: “gây trở ngại cho các doanh nghiệp bán lẻ” và “gây thiệt hại cho khách hàng”. Bởi lẽ, doanh nghiệp bán lẻ ở đây chính là các doanh nghiệp ký kết hợp đồng để có thể sử dụng mạng viễn thông của doanh nghiệp bán buôn. Trong mối quan hệ mua – bán, doanh nghiệp bán lẻ là khách hàng doanh nghiệp bán buôn   * Kính đề nghị dẫn chiếu hành vi này tới điểm b khoản 1 Điều 27 LCT. * Trong trường hợp khoản 1 Điều 59 Dự thảo 1 đã quy định dẫn chiếu tới LCT thì đề nghị loại bỏ. | Tiếp thu |
|  | + Điều 59:  Kính đề nghị cơ quan chủ quản bổ sung điều khoản liên quan đến việc xử lý vi phạm các hành vi quy định tại Điều 59 Dự thảo 1 được thực hiện theo quy định về tố tụng tại Luật Cạnh tranh 2018 nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật.  Lý do:   Khoản 1 Điều 4 LCT 2018 đã quy định “Luật Cạnh tranh điều chỉnh chung về các quan hệ cạnh tranh. Việc điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh phải áp dụng quy định của Luật cạnh tranh”.   Đồng thời, LCT cũng đã quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến tố tụng cạnh tranh (nguyên tắc tố tụng, chứng cứ, thẩm quyền,…). Việc điều tra xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định tố tụng cạnh tranh đảm bảo minh bạch, công bằng cũng như quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trên thị trường.   Việc dẫn chiếu biện pháp xử lý vi phạm tới LCT đảm bảo tính thống nhất trong thực thi, tránh tình trạng chồng chéo giữa cơ quan quản lý nhà nước. | Tiếp thu |
|  | + Điều 64:  Kính đề nghị cơ quan chủ quản xem xét điều chỉnh để phù hợp với Dự thảo Luật giá (sửa đổi) | Đã tiếp thu loại bỏ tại dự thảo: Đây là nội dung tại dự thảo cũ, trong quá trình soạn thảo chưa được đồng bộ với nội dung tại dự thảo mới. |
|  | - Về nội dung quy định đối với hoạt động khuyến mại (đang được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông)  Kính đề nghị Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xem xét, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng và đề xuất bỏ nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009 giao Bộ Thông tin và Truyền thông “phối hợp với Bộ Công thương quy định hoạt động khuyến mại trong cung cấp dịch vụ viễn thông” với các lý do sau:  - Về mặt chính sách, việc quy định theo như điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009 là không cần thiết vì:  + Hoạt động khuyến mại của thương nhân, doanh nghiệp (thuộc mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh tế của Việt Nam) hiện nay đang được sự điều chỉnh, quy định bởi Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật Thương mại gồm:  Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại (Nghị định số 81/2018/NĐ-CP): các Điều từ 1 đến 22, Điều 32; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương: khoản 4 Điều 21 (trong đó có sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2018/NĐ-CP);  Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử: khoản 10 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 25, khoản 6 Điều 37, các Điều từ 39 đến Điều 43; Nghị định 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài: khoản 3, 4 Điều 35, khoản 7 Điều 39; Nghị định 06/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2017 về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế: khoản 16 Điều 4, Điều 45, Điều 66;  Theo đó, Luật Thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ hướng dẫn Luật nêu trên đã quy định cụ thể, rõ ràng và đầy đủ về các hình thức khuyến mại, hàng hóa dịch vụ được khuyến mại, hàng hóa dịch dùng để khuyến mại, quyền và nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại, thông tin và cách thức thông báo hoạt động khuyến mại, các hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại và bảo đảm bí mật thông tin về chương trình, nội dung khuyến mại đối với hình thức khuyến mại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Bên cạnh đó, đối với từng hình thức khuyến mại cũng đã được quy định cụ thể nội dung của từng hình thức như là về trách nhiệm của thương nhân về chất lượng hàng hóa, dịch vụ khuyến mại, các thông tin liên quan đến việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ khuyến mại, thời gian thực hiện khuyến mại một loại nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ, thời gian thực hiện một chương trình khuyến mại, nguyên tắc để thực hiện khuyến mại và quy định hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại cụ thể giá trị hàng hóa, dịch vụ khuyến mại không được vượt quá 50% giá trị của hàng hóa, dịch vụ đó trước khi khuyến mại, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại cho một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị hàng hóa dịch vụ khuyến mại. Đồng thời, các thủ tục hành chính cũng đã được quy định cụ thể về trình tự, hồ sơ và cách thức thực hiện. Các quy định này về cơ bản đã được thực thi từ nhiều năm nay (từ năm 2006 khi Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, hiện đã được thay thế bởi Nghị định số 81/2018/NĐ-CP), tạo môi trường pháp lý thông thoáng, thuận lợi, minh bạch cho các doanh nghiệp trong hoạt động khuyến mại thuộc mọi lĩnh vực.  Tuy nhiên, do điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009 quy định giao Bộ Thông tin và Truyền thông “phối hợp với Bộ Công thương quy định hoạt động khuyến mại trong cung cấp dịch vụ viễn thông” nên Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành các Thông tư 11/2010/TT-BTTTT và Thông tư 47/2017/TT-BTTTT (năm 2010 và 2017) mà không có sự tiếp thu ý kiến từ Bộ Công Thương trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản. Điều này đã dẫn đến việc 02 Thông tư này đã ban hành những nội dung chính sách, quy định không phù hợp với tinh thần Luật Thương mại, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP của Chính phủ (như đã nêu trên tại phần góp ý về Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông 2009), đồng thời đề ra thêm thủ tục hành chính bắt buộc cho các doanh nghiệp viễn thông (yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông ngoài việc thực hiện TTHC với Sở Công Thương phải thực hiện thêm TTHC với Sở Thông tin và Truyền thông), gây ảnh hưởng đến hoạt động khuyến mại của doanh nghiệp trong lĩnh vực viễn thông và công tác quản lý nhà nước.  + Các văn bản cấp luật do Quốc hội ban hành hiện nay khi giao nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước cho các cơ quan Bộ, ngành cũng chưa có văn bản nào giao cụ thể cho 01 Bộ quản lý ngành, lĩnh vực nhiệm vụ chủ trì quy định về hoạt động khuyến mại mà đã được giao cho Chính phủ thống nhất quản lý (theo Luật Thương mại) như là Luật Viễn thông đang quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 Luật. Ngay cả khi Luật Viễn thông giao quyền quản lý nhà nước về cạnh tranh cho Bộ Thông tin và Truyền thông thì Luật cũng quy định Bộ Thông tin và Truyền thông “Chủ động phối hợp với Bộ Công thương thực hiện quản lý cạnh tranh trong hoạt động thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về cạnh tranh” để đảm bảo thống nhất với tinh thần Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ. Kể cả trong những lĩnh vực, ngành nghề kinh tế “có tính đặc thù” như tài chính, ngân hàng, y dược, bảo hiểm…, các văn bản quy phạm pháp luật cấp Luật cũng không quy định giao nhiệm vụ theo cách thức này. Việc giao nhiệm vụ theo như tại điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông 2009 có thể dẫn đến không đảm bảo được tính thống nhất trong quản lý nhà nước của Chính phủ trong các lĩnh vực, ngành nghề.  + Hiện nay, Luật Giá và dự thảo Luật Giá sửa đổi cũng không có bất kỳ nội dung nào quy định quản lý khuyến mại là một trong các chính sách, công cụ, nội dung quản lý nhà nước về giá tại Việt Nam. Trong khi đó, duy nhất Luật Viễn thông (điểm b khoản 1 Điều 56) lại đang xác định quản lý khuyến mại như là một công cụ quản lý giá trong lĩnh vực viễn thông.  - Về mặt thực tiễn, các nội dung quy định về khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông tại các văn bản hướng dẫn Luật Viễn thông (gồm các Điều 36, Điều 37 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Viễn thông, các Thông tư số 11/2010/TT-BTTTT và Thông tư 47/2017/TT-BTTTT) về cơ bản đều là: (1) Quy định lặp lại các nội dung được quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số 37/2007/NĐ-CP (đã được thay thế bởi Nghị định số 81/2018/NĐ-CP); (2) Quy định thêm về trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp viễn thông. | Bảo lưu.  - Khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông, quy định thống nhất Bộ TT&TT (đầu mối là Cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông) là cơ quan quản lý khuyến mại trong hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông (ngoại trừ hình thức khuyến mại mang tính may rủi). Các quy định quản lý khuyến mại dịch vụ viễn thông được xây dựng để thiết lập hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện quản lý cạnh tranh lành mạnh trên thị trường viễn thông; song hành với các quy định quản lý giá cước dịch vụ viễn thông để chống lại việc bán phá giá dịch vụ viễn thông, gây đổ vỡ thị trường.  - Căn cứ quy định tại Điểm đ khoản 12 Nghị định 48/2022/NĐ-CP, Bộ TTTT có nhiệm vụ và thẩm quyến "Ban hành cơ chế, chính sách, quy định và tổ chức thực hiện quản lý giá cước, khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông và Internet theo quy định của pháp luật..."  - Hiện nay, trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 25, Bộ TT&TT đề xuất sửa đổi các quy định về khuyến mại trong kinh doanh dịch vụ viễn thông để khắc phục một số điểm chưa đồng bộ, thống nhất với pháp luật chung về khuyến mại (Nghị định 81/2018/NĐ-CP), tạo hành lanh pháp lý đầy đủ để thực hiện quản lý cạnh tranh trên thị trường viễn thông, đồng thời tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông trong hoạt động khuyến mại dịch vụ viễn thông, sửa đổi các quy định về khuyến mại dịch vụ viễn thông trong Nghị định 25 đồng bộ với các quy định của pháp luật chung về khuyến mại trong Nghị định 81/2018/NĐ-CP. |
|  | - Dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi phát sinh mới 21 nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết so với nội dung Luật Viễn thông năm 2009, phát sinh 03 nội dung thay đổi từ chỗ giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trước đây (Luật Viễn thông năm 2009) thành giao cho Chính phủ quy định chi tiết.  Vì vậy, để đảm bảo tính phù hợp và tính thuyết phục của việc ban hành nội dung chính sách, quy định, kính đề nghị Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xem xét, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung thêm, làm rõ các nội dung này tại các tài liệu trong Hồ sơ trình (cụ thể tại Tờ trình Chính phủ, Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông 2009, Báo cáo đánh giá tác động chính sách, các dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật) về các nội dung này. | Tiếp thu |
| ***4*** | ***Vụ HTQT*** |  |
|  | - Đối với dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi  + Về khái niệm, đề nghị tham khảo các khái niệm có trong các hiệp định thương mại tự do - FTA (CPTPP, EVFTA hay RCEP) như khái niệm người sử dụng cuối cùng (end user) hay người sử dụng (user) dịch vụ viễn thông, dịch vụ viễn thông công cộng, chung điểm đặt thiết bị thực (Physical Co-location) và chung điểm đặt thiết bị ảo (Virtual Co-location), thỏa thuận kết nối viễn thông mẫu, hay phần tử mạng, ... để đưa vào dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi, đảm bảo nội luật hóa các khái niệm đang được sử dụng phổ biến trên thế giới. | Đưa vào VB dưới luật |
|  | + Về chính sách của Nhà nước về viễn thông, đề nghị bổ sung thêm nguyên tắc (Điều 4): “Bảo đảm việc truy cập và sử dung dịch vụ viễn thông công cộng trên cơ sở phân tách phần tử mạng theo các điều kiện hợp lý, không phân biệt đối xử và công khai, minh bạch. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm phân tách phần tử mạng đối với doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng ra thị trường” để nội luật hóa cam kết của Việt Nam trong các FTA. | Đưa vào VB dưới luật |
|  | + Điều 8 về quy hoạch “thị trường” viễn thông nên đổi thành quy hoạch lĩnh vực viễn thông vì chức năng quản lý nhà nước không nên can thiệp sâu vào thị trường, mà chỉ nên thực hiện chức năng kiến tạo thị trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng. Đồng thời đề nghị bỏ phần quy hoạch cơ sở hạ tầng viễn thông hay công nghệ, nên đề thị trường điều tiết. Bên cạnh đó, Việt Nam cam kết trung lập công nghệ, để doanh nghiệp viễn thông tự lựa chọn công nghệ để cung cấp dịch vụ. Vì vậy, việc quy hoạch có thể không phù hợp với cam kết của Việt Nam trong Hiệp định CPTPP. | Bảo lưu. Các điều khoản quy định phù hợp với Luật Quy hoạch và không trái với cam kết |
|  | + Điều 10 về cơ quan quản lý chuyên ngành viên thông, đề nghị bổ sung “Cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông thực hiện chức năng quản lý nhà nước và độc lập, không có bất cứ lợi ích tài chính nào hoặc không tham gia điều hành bất cứ doanh nghiệp viễn thông nào.” để đảm bảo cơ quan này hoàn toàn độc lập với bất cứ doanh nghiệp nào. Việt Nam đã cam kết nghĩa vụ này khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 2007. | Xem xét, đưa điều khoản về cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông trong vb dưới luật theo ý kiến của Bộ Nội vụ |
|  | + Điều 21 về quản lý cạnh tranh, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường khi có 1 trong 3 điều kiện như dự thảo. Vì vậy, đề nghị không sử dụng “và/hoặc” trong bối cảnh này được, mà nên dùng “hoặc”. | Tiếp thu |
|  | + Điều 38 về cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông theo hình thức xuyên biên giới vào Việt Nam, đề nghị quy định rõ những trường hợp không có hiện diện thương mại tại Việt Nam. | Đã điều chỉnh dự thảo |
|  | + Điều 42 về điều kiện cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, đề nghị nghiên cứu và bổ sung trường hợp doanh nghiệp nước ngoài, không có hiện diện tại Việt Nam, cung cấp dung lượng viễn thông toàn chủ đến trạm cập bờ hệ thống cáp biển quốc tế được cấp phép tại Việt Nam. Theo cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO, Việt Nam cho phép dung lượng cáp biển toàn chủ đến trạm cập bờ được cấp phép tại Việt Nam và được cung cấp dung lượng cáp biển quốc tế toàn chủ này cho các doanh nghiệp có hạ tầng mạng được cấp phép tại Việt Nam. Trong Hiệp định CPTPP, Việt Nam cam kết cho phép cung cấp dung lượng cáp biển toàn chủ cho cả các Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP). | GP lắp đặt cáp biển đã được phân vào loại giấy phép nghiệp vụ viễn thông. |
|  | + Điều 49 về kết nối mạng viễn thông, đề nghị bổ sung yếu tố khả thi cả về mặt kinh tế, vì trong các cam kết FTAs, việc cung cấp kết nối viễn thông đảm bảo tính khả thi cả về kỹ thuật và kinh tế. Về kỹ thuật thì địa điểm nào cũng có tính khả thi, nhưng sẽ có những điểm kết nối cần bổ sung thiết bị đầu cuối mạng và/hoặc các công trình viễn thông thụ động, ... nên phát sinh chi phí mà các bên phải thống nhất được với nhau về mặt kinh tế. | Đề xuất giữ nguyên  Việc bảo đảm tính khả thi về kinh tế/chi phí phát sinh thông qua thống nhất đã được quy định tại khoản a Điều 49 “Thông qua thương lượng trên cơ sở bảo đảm công bằng, hợp lý, phù hợp với quyền, lợi ích của các bên tham gia;” |
|  | + Điều 50, khoản 3 về kết nối giữa các mạng dùng riêng phải được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông, đề nghị xem xét lại sự cần thiết của thủ tục này. Nếu vẫn thấy cần thiết, đề nghị giải trình và đưa vào dự thảo Tờ trình Chính phủ để làm cở sở thực thi của Việt Nam đối với nghĩa vụ xem xét vấn đề này. | Quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 50 “Các mạng viễn thông dùng riêng không được kết nối trực tiếp với nhau, trừ ***trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản*** của cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông.” (*không phải thủ tục cấp phép như ý kiến góp ý của Quý đơn vị*) nhằm bảo đảm mạng viễn thông dùng riêng hoạt động theo đúng giới hạn, phạm vi “*Mạng viễn thông dùng riêng* là mạng viễn thông do tổ chức hoạt động tại Việt Nam thiết lập để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông cho các thành viên của mạng không nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp từ hoạt động của mạng”. Thực tế thời gian qua các chủ mạng viễn thông dùng riêng không có ý kiến vướng mắc, đề xuất với nội dung này. |
|  | + Điều 69 về quản lý công trình viễn thông, điểm 1.c, đề nghị lưu ý sớm ban hành Thông tư hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông được thành lập tại Việt Nam được quyền tiếp cận cống, cột, bể cáp (hạ tầng viễn thông thụ động) theo cam kết trong CPTPP (Điều 13.14) hay trong các FTA thế hệ mới khác (EVFTA, RCEP, ...). Hoặc cân nhắc đưa vào một nguyên tắc chung trong Luật viễn thông sửa đổi. Đồng thời lưu ý cam kết cho phép các doanh nghiệp viễn thông nước ngoài được tiếp cận (ảo) hệ thống cáp biển quốc tế, nhưng tuân thủ theo quy định cấp phép cung cấp dịch vụ (dung lượng quốc tế) của Việt Nam. | Tiếp thu trong quá trình ban hành văn bản dưới Luật  Sau khi Luật VT sửa đổi được ban hành, Cục VT sẽ tập trung nghiên cứu, xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành theo quy định. |
|  | + Đề nghị xem xét đánh số trang cho các tài liệu, và một số lỗi chính tả liên quan đến cụm từ “quan trọng”. | Tiếp thu |
| ***5*** | ***Sở TTTT Hà Tĩnh*** |  |
|  | Tại khoản 1, Điều 65: Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung như sau:  “Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được ưu tiên đặt tại nhà ga, bến  xe, cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu, công viên, khu vực cây xanh, vỉa  hè, giải phân cách và các địa điểm công cộng khác để phục vụ nhu cầu của  người sử dụng dịch vụ viễn thông. Lý do: khi triển khai hạ tầng cho 5G sẽ phải  xây dựng nhiều vị trí tại các khu vực nêu trên để có thể đảm bảo hạ tầng trong  khu vực đô thị, khu công nghiệp. | Tiếp thu bổ sung trong quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn Luật  Nội dung về tạo điều kiện cho việc phát triển hạ tầng viễn thông (bao gồm hạ tầng 5G) tại các khu vực đất công, công trình công cộng đã được nghiên cứu, bổ sung tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 25. Trong quá trình ban hành văn bản hướng dẫn Luật, Bộ sẽ nghiên cứu, cụ thể hoá thêm nội dung này (như cụ thể hoá quy định đã bổ sung tại Điều 4 “*Nhà nước có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp viễn thông trong việc thiết lập, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông công cộng”.)* |
|  | Tại Điều 66. Đất sử dụng cho công trình viễn thông:  Với các nội dung trong dự thảo chỉ nêu đến việc Ủy ban nhân dân cấp có  thẩm quyền có trách nhiệm giao đất; tuy nhiên, thực tế hiện nay số lượng công  trình viễn thông được giao đất chiếm rất nhỏ (khoảng 5%) do quỹ đất không phù  hợp với nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Các công trình viễn thông thực tế  đa số là đang sử dụng đất công cộng, đất ở của người dân, đất lâm nghiệp, nông  nghiệp, đất trồng cây lâu năm …và tương lai cũng phải thực hiện như vậy mới  có thể phát triển được hạ tầng đáp ứng được nhu cầu của người dân.  Đồng thời, việc phát triển công trình viễn thông đòi hỏi phát triển nhanh  trong thời gian ngắn (dưới 1 năm) trong khi đó việc xây dựng, điều chỉnh, bổ  sung để đưa vào “quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” thực hiện trong khoảng thời  gian dài. Dẫn đến việc triển khai theo Luật là khó thực hiện hiệu quả, tính khả  thi không cao trong việc giải quyết vấn đề thực tế của phát triển công trình viễn  thông.  Vì vậy, để đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của công trình viễn  thông, thuận lợi cho doanh nghiệp trong triển khai, Sở Thông tin và Truyền  thông Hà Tĩnh kiến nghị Cục Viễn thông bổ sung nội dung: “Căn cứ quy hoạch  hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, UBND cấp huyện có văn bản chấp thuận  về địa điểm xây dựng đối với công trình xây dựng công trình viễn thông không  thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi  mục đích sử dụng đất”. | Nội dung quy định về hình thức cấp phép xây dựng tuân thủ theo các quy định chung của ngành xây dựng, cụ thể như theo Nghị định 53/2017/NĐ-CP quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng cũng đã có quy định “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất*.” là một loại giấy tờ hợp pháp để cấp phép xây dựng. |
| ***6*** | ***Sở TTTT Thái Bình*** |  |
|  | Tại Khoản 1 Điều 62 đề xuất chọn phương án Bộ Thông tin và Truyền thông Quyết định giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh. | Theo quy định tại Luật Giá, các dịch vụ thuộc Danh mục định giá do Nhà nước quy định giá phải là các dịch vụ mang tính chất độc quyền. Trường hợp muốn bổ sung, sửa đổi phải được bổ sung, sửa đổi tại Luật Giá và giao trách nhiệm quyết định giá cho Bộ chuyên ngành. Ngành viễn thông hiện có giá cước kết nối và giá cước dịch vụ viễn thông công ích thuộc Danh mục định giá. |
| ***7*** | ***Hội Truyền thông số VN*** |  |
|  | Về cách giải thích các thuật ngữ  Dự thảo cần thống nhất nội hàm các định nghĩa giữa khái niệm “điện toán đám mây” và “dịch vụ điện toán đám mây”. Cụ thể, tại các khoản 32 và 33 Điều 3 dự thảo, “tài nguyên điện toán dùng chung” được nhắc đến trong khái niệm “điện toán đám mây” bao gồm mạng, máy chủ, lưu trữ, ứng dụng, dịch vụ; trong khi đó, “tài nguyên điện toán đám mây” trong khái niệm “dịch vụ điện toán đám mây” bao gồm cơ sở hạ tầng thông tin, nền tảng, phần mềm dưới dạng dịch vụ trên môi trường mạng. Như vậy, cần thống nhất từ ngữ sử dụng và nội hàm trong hai khái niệm trên để xác định được rõ ràng, cụ thể đối tượng điều chỉnh.  Ngoài ra, dự thảo cần làm rõ cụm từ “quá trình xử lý, lưu trữ dữ liệu” quy định tại khoản 2 Điều 75, bởi căn cứ định nghĩa về trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây tại Điều 3 thì nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây không có thẩm quyền xử lý dữ liệu của người dùng. Họ chỉ là đơn vị cung cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện cho người dùng lưu trữ, thực hiện các thao tác với dữ liệu. Trường hợp dữ liệu mà các doanh nghiệp này xử lý chỉ là dữ liệu khách hàng của doanh nghiệp. | Nghiên cứu, tiếp thu |
|  | Về các chính sách thúc đẩy thị trường kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây.  Liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây, thực tế cho thấy các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ này tại Việt Nam đang chiếm khoảng 80% thị phần mà chủ yếu là thị phần thuộc khu vực tư nhân. Với mục tiêu gia tăng thị phần của các doanh nghiệp điện toán đám mây trong nước, Dự thảo cần có thêm quy định về chính sách ưu tiên sử dụng điện toán đám mây trong khu vực công, tạo nền tảng và động lực để phát triển dịch vụ này trong nước. Cụ thể, dự thảo có thể đặt ra yêu cầu các cơ quan nhà nước phải ưu tiên sử dụng điện toán đám mây trong quá trình đánh giá, cân nhắc sử dụng các giải pháp công nghệ. Đồng thời, đối với việc sử dụng điện toán đám mây trong khu vực công, cơ quan nhà nước có lộ trình ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp trong nước, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp này phát triển. Đồng thời, dự thảo có thể quy định thêm về chính sách phân loại dữ liệu, dựa trên mức độ quan trọng, nhạy cảm của dữ liệu, cơ quan nhà nước có thể sử dụng kết hợp các hình thức lưu trữ phù hợp khác nhau nhằm giảm áp lực cho việc lưu trữ toàn bộ dữ liệu trên đám mây hoặc lưu trữ vật lý. | Giải trình:  Các chính sách về khuyến khích DC, cloud như Government cloud hay chính sách phân loại dữ liệu liên quan đến các chính sách chung nên không quy định chi tiết trong luật này. |
|  | Nhóm chính sách và quy định quản lý hoạt động của chủ thể kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây  Liên quan đến các nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây, các quy định trong dự thảo có mức độ khắt khe hơn mức cần thiết. Ví dụ, theo khoản 2 Điều 76, yêu cầu các trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây “phải gỡ bỏ nội dung thông tin” vi phạm là không hợp lý bởi doanh nghiệp chỉ cung cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện. Do vậy, dự thảo nên quy định trách nhiệm phối hợp xử lý, cụ thể là tạm dừng cung cấp tài nguyên khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thay vì trách nhiệm gỡ bỏ nội dung thông tin vi phạm. Ngoài ra, các quy định tương tự về trách nhiệm của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung gian dữ liệu, điện toán đám mây nên được quy định theo hướng miễn trừ trách nhiệm có điều kiện khi xem xét trong một giao dịch mà các doanh nghiệp này chỉ đóng vai trò trung gian. Bởi lẽ, họ không có thẩm quyền tiếp cận nội dung thông tin mà người sử dụng lưu trữ hoặc tải lên hệ thống của họ. Cụ thể: | Điều chỉnh thành “ngăn chặn truy cập” thay cho “gỡ bỏ” |
|  | - Về các chính sách quản lý hoạt động và điều kiện kinh doanh  Một số quy định tại khoản 1 Điều 74 chưa phù hợp với mục đích của quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ. Cụ thể là yêu cầu về nội dung hợp đồng với người sử dụng (hợp đồng mẫu), yêu cầu về hành vi liên quan trong lĩnh vực cạnh tranh. Xét về bản chất, các yêu cầu này nên được quy định dưới dạng là nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh thay vì điều kiện để được kinh doanh. Vì vậy, dự thảo nên thay đổi ngôn ngữ sử dụng. Cụ thể, điểm a, khoản 1 Điều 74 nên thay đổi thành “Đáp ứng điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn về kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu của người sử dụng và phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông”. Ngoài ra, dự thảo có thể bỏ các điểm c,d và đ khoản 1 Điều 74 hoặc chuyển thành các nghĩa vụ của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Đồng thời, dự thảo nên bổ sung quy định về cơ chế kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của các doanh nghiệp. | Giải trình: ngành nghề kinh doanh có đk nên cần đặt ra các quy định về điều kiện kinh doanh |
|  | - Liên quan đến quy định bảo đảm thông tin của người sử dụng, khoản 1 Điều 75 dự thảo quy định “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây có trách nhiệm lưu trữ các dữ liệu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật có liên quan”. Tuy nhiên, với mục tiêu bảo đảm thông tin của người sử dụng thì lưu trữ dữ liệu không chỉ là biện pháp duy nhất và không đem lại nhiều hiệu quả, bởi “thông tin” và “dữ liệu” là hai khái niệm không hoàn toàn giống nhau. Đồng thời, việc quy định này có thể tạo ra rào cản với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Do vậy, cần có thêm đánh giá tác động của quy định này trên một số khía cạnh, chẳng hạn như cạnh tranh, khả năng đáp ứng yêu cầu đảm bảo thông tin người sử dụng, cơ hội tiếp cận của người sử dụng. Trường hợp có quy định lưu trữ thì cần bổ sung thêm quy định kiểm tra theo dõi. Đồng thời, cần đánh giá khả năng phát hiện địa điểm lưu trữ của dữ liệu | Bảo lưu.  Các quy định hiện hành về lưu trữ dữ liệu tại VN đã được ban hành, cần tuân thủ. Luật chỉ quy định nguyên tắc chung thực hiện theo PL có liên quan. |
|  | - Giải thích từ ngữ (Điều 3) đề nghị bổ sung: Interner vạn vật, bên cạnh: Internet (Khoản 15), và Thiết bị Internet vạn vật (Khoản 3). | Đã điều chỉnh, bỏ thuật ngữ Thiết bị Internet vạn vật. |
|  | - Xem lại sự cần thiết của Điều 70: Quy định chung, vì nội dung này đã được quy định tại Điều 2, đề nghị bỏ. | Nghiên cứu, sắp xếp lại các điều khoản, các chương |
|  | - Xem xét bổ sung quy định về xây dựng và thiết lập trung tâm dữ liệu, để cung cấp dịch vụ TTDL và ĐTĐM | Việc xây dựng và thiết lập TTDL nhằm cung cấp dịch vụ và đã được đưa vào trong nội dung quy định về kinh doanh dịch vụ DC và cloud |
| ***8*** | ***UBND Cao Bằng*** |  |
|  | Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị viện dẫn chính xác Hiến pháp, vì hiện nay là Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 2013 | Tiếp thu |
|  | Tại Khoản 2 Điều 9, đề nghị chỉnh sửa như sau: “Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ việc quản lý nhà nước về viễn thông…” | Tiếp thu |
|  | Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 31, các gạch đầu dòng đề nghị trình bày bằng các điểm (a,b…) | Tiếp thu |
|  | Tại Khoản 1 Điều 62, nhất trí Phương án 1 để đảm bảo tính minh bạch, công khai và có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ TTTT và Bộ Tài chính là cơ quan quản lý nhà nước về giá. | Tiếp thu |
|  | Tại Khoản 2 Điều 69, đề nghị bỏ quy định tại điểm a “Phê duyệt quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tại địa phương theo quy định của Bộ TTTT; công bố, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương”.  Lý do: Căn cứ Khoản 10 Điều 3, Khoản 2, Khoản 3 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, đồng thời, theo hướng dẫn của Bộ KHĐT tại công văn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh thì “Quy hoạch tỉnh được lập thống nhất cho thời kỳ quy hoạch 2021 – 2030, bao gồm các nội dung quy hoạch ngành, lĩnh vực khác nhau ở cấp tỉnh đã được lập riêng rẽ cho thời kỳ quy hoạch 2011 – 2020, nay không được lập riêng rẽ cho thời kỳ quy hoạch 2021 – 2030”.  Do vậy, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác nhau ở cấp tỉnh được tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh, nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững, thay vì UBND tỉnh phê duyệt riêng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động riêng tại địa phương. | Tương tự như ý kiến giải trình với ý kiến của UBND tỉnh Gia Lai  Phòng PTHT đề xuất giữ nguyên do theo quy định tại Luật Quy hoạch hiện vẫn còn Quy hoạch HTKTVT thụ động tại địa phương cụ thể:  Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định của dự thảo Luật để phù hợp với các luật khác có liên quan như Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin… | Tiếp thu |
| ***9*** | ***Hiệp hội Internet VN*** |  |
|  | Khoản 1 Điều 13 có quy định kinh doanh viễn thông bao gồm kinh doanh dịch vụ viễn thông và kinh doanh hàng hóa viễn thông. Theo đó sẽ hiểu kinh doanh dịch vụ viễn thông là một phần thuộc kinh doanh viễn thông, trong khi đó, thiết kế Chương IV Kinh doanh dịch vụ viễn thông ngang hàng với Chương II Kinh doanh viễn thông (cùng cấp độ chương) và không có chương Kinh doanh hàng hóa viễn thông tạo ra một sự thiếu cân bằng và không hợp lý. | Tiếp thu, đã điều chỉnh |
|  | Khoản 30 Điều 1: hạn chế phạm vi thanh toán của tài khoản viễn thông. Chưa thống nhất trong cơ quan quản lý: quản lý chuyên ngành viễn thông là Cục Viễn thông, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động lại do Cục PTTH cấp.  Đề xuất xem xét mở rộng giới hạn thanh toán của thẻ trả trước dịch vụ viễn thông và tài khoản viễn thông giúp doanh nghiệp viễn thông có thể đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và phù hợp với xu hướng thanh toán di động hiện nay. | Đã điều chỉnh |
|  | Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 14: MVNO không có hạ tầng mạng vẫn được phân bổ tài nguyên viễn thông. Đề xuất sớm có phương án điều chỉnh nghị định hướng dẫn tương ứng. | Tiếp thu.  Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng nói chung (trong đó MVNO nói riêng) được phân bổ tài nguyên viễn thông theo quy định về quản lý tài nguyên viễn thông (được phân bổ loại mã số nào sẽ quy định tại Nghị định quy định về quản lý, sử dụng kho số viễn thông sau khi Luật Viễn thông được ban hành và có hiệu lực). Do MVNO có quy mô nhỏ hơn MNO vì vậy sẽ xem xét theo hướng phân bổ số lượng tài nguyên hạn chế hơn so với MNO (10k, 100k thay vì 100k, 1.000k) |
|  | Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 14: Đề nghị xem xét đối với nghĩa vụ của MVNO, mức thu nộp 1,5% doanh thu (theo dự thảo Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp và hạch toán các khoản đóng góp vào Quỹ Dịch vụ VTCI VN đến năm 2025) là mức thu quá lớn với mô hình kinh doanh MVNO. Đề xuất: nếu MVNO không được cấp đầu số thì không phải nộp quỹ VTCI vì không sử dụng tài nguyên riêng; nếu MVNO được cấp và sử dụng đầu số riêng thì nộp quỹ VTCI tối đa = 30% mức nộp MNO (tương đương 0.5% doanh thu hiện nay). Vì MNO sử dụng cả đầu số và tần số, trong đó tần số là tài nguyên quan trọng và hạn chế hơn rất nhiều.  Mục tiêu cung cấp dịch vụ VTCI tới năm 2025 theo QĐ 2269/QĐ- TTg là phổ cập dịch vụ viễn thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn… => Đây là những khu vực, thị trường mà chỉ MNO mới có khả năng vươn tới và đáp ứng. Sẽ bất cập đối với doanh nghiệp MVNO khi phải thực hiện nghĩa vụ VTCI nhưng lại không là đối tượng nhận được hỗ trợ của chương trình. | Xem xét điều chỉnh quy định tại Thông tư về mức phí |
|  | Điểm d Khoản 1.1 Điều 14: Đề xuất cần quy định rõ điều kiện để DN cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng quyền cho thuê lại (ví dụ cần sự đồng ý của DN viễn thông) và các quy định cần thiết để điều chỉnh nội dung thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông (chủ thể được quyền thuê lại, hơp đồng thuê lại…) | Việc thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận dân sự giữa các DN có liên quan theo quy định của pháp luật về thương mại (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông) |
|  | - Điều 20: Nội dung điều khoản chỉ quy định trách nhiệm của DN viễn thông cung cấp các dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh. Vậy những dịch vụ không thuộc danh mục thì doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn có trách nhiệm như thế nào?  Đề xuất cần quy định phạm vi điều khoản đúng với tên tiêu đề.  Theo Báo cáo đánh giá tác động của Luật Viễn thông sửa đổi, Bộ kiến nghị lựa chọn giải pháp theo phương án 3, bao gồm: Bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp sở hữu hạ tầng viễn thông trong việc công bố giá bán buôn lưu lượng, giá cho thuê hạ tầng để minh bạch thông tin và bổ sung điều khoản quy định cách xác định giá bán buôn của DNVT (cost plus và retail minus). Tuy nhiên, nội dung quy định tại Điều 20 mới chỉ quy định về trách nhiệm công bố thông tin. Đề xuất bổ sung quy định hoặc có nghị định hướng dẫn tương ứng đối với cách xác định giá bán buôn của DN bán buôn. | - Trên thế giới để xác định thị trường viễn thông quản lý tiền kiểm cần phải căn cứ trên một số nguyên tắc, tùy từng thời kỳ nếu cần thiết nhà nước mới can thiệp, bổ sung hoặc loại bỏ khỏi danh mục cần quản lý.  - Khoản 1b Điều 62 quy định Bộ TTTT có trách nhiệm Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý tiền kiểm.  Khoản 2b Điều 24 Luật Giá sửa đổi quy định Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ TC ban hành phương pháp định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ mà Luật khác quy định về phương pháp định giá riêng.  Như vậy, Bộ TT&TT có quyền quy định về quản lý giá cước viễn thông trong đó có phương pháp định giá. |
|  | Khoản 8 & 9 Điều 28: Dự thảo có 1 đối tượng mới là “doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông”. Khoản 8 Điều 28 chỉ quy định việc cung cấp dịch vụ sử dụng mạng viễn thông giữa doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng và các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông. Vậy DNVT không có hạ tầng mạng không thuộc trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông cho “doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông”? | Bộ TT&TT giải trình rõ hơn như sau: Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng không thực hiện thiết lập mạng viễn thông công cộng. Đối tượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông đã được quy định cụ thể tại khoản 9 Điều 28. Do đó, doanh nghiệp VT không có hạ tầng mạng không thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 28. |
| ***10*** | ***Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*** |  |
|  | - Về kỹ thuật trình bày văn bản: Đề nghị rà soát về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và các biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị sửa đổi, bổ sung Tờ trình theo mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị bỏ Điều 11 vì nội dung này thực hiện theo Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành. | Xem xét điều chỉnh |
|  | - Tại khoản 1 Điều 38, đề nghị nghiên cứu viết lại như sau: “1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông theo hình thức xuyên biên giới vào Việt Nam phải tuân thủ các quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 36 và Điều 37 Luật này.” | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo |
|  | - Tại khoản 4 Điều 39, đề nghị bỏ cụm từ “điều kiện” vì nội dung này đã được quy định tại các Điều 42, 43 và 44 của Dự thảo Luật. | Tiếp thu |
|  | - Điều 66. Đất sử dụng cho công trình viễn thông: Đề nghị rà soát đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật đất đai về thẩm quyền giao đất, thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, bồi thường thiệt hại… | Nội dung của dự thảo đã được quy định đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan (*việc giao đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt)* |
|  | - Tại Điều 78. Điều khoản chuyển tiếp, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu quy định rõ các nội dung cần chuyển tiếp để thuận lợi trong quá trình thực hiện; quy định chung chung như Dự thảo Luật không rõ nội dung nào đang được thực hiện, tiếp tục thực hiện. | Tiếp thu |
| ***11*** | ***Sở TTTT Hậu Giang*** |  |
|  | Tại điểm b khoản 3 Điều 51 đề nghị điều chỉnh “Cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương quyết định việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị”. | Điểm a, b K2 Điều 69 dự thảo đã quy định Phân cấp cho UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng VTTĐ, tổ chức việc dùng chung hạ tầng thụ động |
|  | Tại điểm a khoản 1 Điều 62 đề xuất theo Phương án 1. | Tiếp thu |
|  | Tại khoản 3 Điều 67 đề nghị điều chỉnh: “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương. Việc thông báo xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông”. | Khoản 3 Điều 67 đã có nội dung “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Ngoài ra việc xây dựng Hạ tầng viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống bể) ngoài việc tuân thủ các quy định chuyên ngành thì được thực hiện (cấp phép, miễn cấp phép) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Theo[khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng 2014](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-2014-238644.aspx?anchor=khoan_1_107) (được sửa đổi bởi [khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020)](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-sua-doi-2020-so-62-2020-QH14-418229.aspx?anchor=dieu_1):  *Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc.* |
| ***12*** | ***UBND Bến Tre*** |  |
|  | Đối với điểm b, khoản 1, Điều 62 trong dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi)  về Quản lý giá cước Viễn thông, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thống nhất chọn  phương án 1: “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc  kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch  vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh”. | Tiếp thu |
| ***13*** | ***Sở TTTT Điện Biên*** |  |
|  | Ý kiến tại Điểm b, Khoản 1, Điều 62. Quản lý giá cước viễn thông  Đề nghị xem xét, thực hiện theo “PA1: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính  ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh  nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản  lý cạnh tranh.”.  Nguyên nhân: Đồng bộ với các quy định về tài chính. | Tiếp thu |
|  | Bổ sung nội dung Điều 69. Quản lý công trình viễn thông  “d) Ban hành quy định về giá thuê sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ  thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông theo từng thời kỳ,  phân biệt giữa các vùng trong cả nước.”  Nguyên nhân: Quy định để hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá  và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. | Khoản 2 Điều 68 đã quy định “Chính phủ quy định chi tiết việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.”, cụ thể hiện Chính phủ đã ban hành Nghị định 72/2012/NĐ-CP về sử dụng chung, trên cơ sở đó Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 210/TTLT-BTC-BXD-BTTTT về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật. |
|  | Tại Chương III VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH:  Bổ sung nhiệm vụ, kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì hạ tầng, cung cấp các dịch vụ viễn thông (đặc biệt là dịch vụ thông tin di động) cho các doanh nghiệp viễn thông tại các khu vực chưa có điện lưới quốc gia vào Chương trình Viễn thông công ích và các chương trình, dự án khác liên quan.  Nguyên nhân: Để đảm bảo mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông là hạ tầng thiết yếu, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện trong đó đạt mục tiêu 100% khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) được phủ sóng thông tin di động 3G/4G/5G. | Trong chương trình VTCI đến 2025 đã có nội dung này. |
| ***14*** | ***UBND Kon Tum*** |  |
|  | Theo Nghị quyết số 149/NQ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2020 có nêu: “Giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu đưa quy định về việc xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên tài sản công vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông theo quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.  Để có cơ sở pháp lý xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết trên, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét đề cập nội dung này vào dự thảo Luật Viễn thông. | Trên cơ sở phân tích thẩm quyền về quản lý tài sản công được pháp luật về quản lý tài sản công phân cấp cho Chính phủ, Chính phủ đã quyết nghị nội dung tại Nghị quyết 149 theo đó việc quy định đối với lắp đặt BTS trên tài sản công sẽ thực hiện bởi Nghị định sửa đổi Nghị định 25.  Hiện Nghị định đang được xây dựng, xem xét, trình Chính phủ. |
| ***15*** | ***Sở TTTT Hà Giang*** |  |
|  | Tại điểm b khoản 3 điều 51 dự thảo Luật đề nghị chỉnh sửa bổ sung như sau:: “b/ Cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương quyết định việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị”.  Lý do: Cho đồng bộ, phù hợp, thống nhất với điểm a, điểm b khoản 2 điều 69 của dự thảo Luật. | Điểm a, b K2 Điều 69 đã phân cấp cho UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng VTTĐ, tổ chức việc dùng chung |
|  | Tại khoản 3 điều 67 dự thảo Luật có ghi: “3. Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương”. Đề nghị xem xét bổ sung nhu sau: “3. Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Việc thông báo xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.  Lý do: Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể về nội dung mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. | Khoản 3 Điều 67 đã có nội dung “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Ngoài ra việc xây dựng Hạ tầng viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống bể) ngoài việc tuân thủ các quy định chuyên ngành thì được thực hiện (cấp phép, miễn cấp phép) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Theo[khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng 2014](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-2014-238644.aspx?anchor=khoan_1_107) (được sửa đổi bởi [khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020)](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-sua-doi-2020-so-62-2020-QH14-418229.aspx?anchor=dieu_1):  *Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc.* |
| ***16*** | ***Quỹ DVVTCI*** |  |
|  | Đề nghị giữ nguyên khoản 4, Điều 22, Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009, cụ thể: "4. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về việc hạch toán, thu nộp các khoản đóng góp cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Quy chế quản lý tài chính Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam". Lý do: Quỹ sẽ không có cơ sở thực hiện việc hạch toán, kiểm tra, lập kế hoạch, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông nộp khoản thu đóng góp vào Quỹ. | Tiếp thu |
| ***17*** | ***UBND Vĩnh Long*** |  |
|  | Tại điểm b Khoản 1 Điều 62 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) đề xuất  chọn Phương án 1. | Tiếp thu |
| ***18*** | ***Cục BĐTW*** |  |
|  | - Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 51: Sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông để phục vụ hoạt động viễn thông công ích, hoạt động phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. | Khoản 4 Điều 51 đã quy định “Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông”, sau khi Luật VT sửa đổi được ban hành, Bộ sẽ nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn theo quy định. |
|  | - Bổ sung điểm g khoản 1 Điều 53: Ưu tiên quy hoạch tài nguyên Internet cho mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước. | Không tiếp thu  Không có quy định mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước được ưu tiên hơn các mạng viễn thông khác. Số lượng cơ quan Đảng, Nhà nước từ trung ương đến địa phương là rất lớn. Việc quy định quy hoạch ưu tiên tài nguyên Internet cho mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước là không phù hợp. Đề nghị chuyển VNNIC xin ý kiến thêm |
|  | - Bổ sung một khoản sau khoản 1 Điều 65: Công trình viễn thông mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước được ưu tiên sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển. | Việc ưu tiên xây dựng “Công trình viễn thông mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước” sẽ được quy định tại Quyết định của TTgCP theo nội dung tại khoản 4 Điều 24 “T*hủ tướng Chính phủ quy định chi tiết việc thiết lập và hoạt động của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.”* |
| ***19*** | ***UBND Lạng Sơn*** |  |
|  | Tại khổ đầu của Phần IV quy định “Luật Viễn thông năm 2009 có kết cấu 11 chương và 79 điều”, tuy nhiên Luật Viễn thông năm 2009 bao gồm 10 chương và 63 điều, do đó đề nghị chỉnh sửa cho chính xác. | Tiếp thu |
|  | - Tại khoản 3, khoản 9 Điều 5 đều quy định trách nhiệm của Bộ Công an trong bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông. Do đó, đề nghị xem xét gộp các nội dung quy định trách nhiệm của Bộ Công an trong một khoản. | Bảo lưu do 2 điều khoản quy định 2 nội dung khác nhau. |
|  | - Điều 66: trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 4088/BTTTT-CVT ngày 22/10/2022 về lắp đặt các trạm BTS trên tài sản công theo Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2020, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung nội dung cho phép xây dựng các trạm BTS trên đất công/tài sản công thuộc các khu vực được hưởng dịch vụ viễn thông công ích. | Trên cơ sở phân tích thẩm quyền về quản lý tài sản công được pháp luật về quản lý tài sản công phân cấp cho Chính phủ, Chính phủ đã quyết nghị nội dung tại Nghị quyết 149 theo đó việc quy định đối với lắp đặt BTS trên tài sản công sẽ thực hiện bởi Nghị định sửa đổi Nghị định 25.  Hiện Nghị định đang được xây dựng, xem xét, trình Chính phủ. |
| ***20*** | ***UBND Lai Châu*** |  |
|  | - Tại khoản 6 Điều 4 dự thảo văn bản đề nghị bổ sung từ "nước" vào trước  cụm từ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" cho đầy đủ, chính xác và câu văn  được ý nghĩa, lô gic hơn. | Tiếp thu |
|  | - Điều 5 dự án Luật có tiêu đề là “Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn  thông và an ninh thông tin”, tuy nhiên khoản 5 của điều này lại quy định nội dung  về thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong việc huy động cơ sở hạ tầng viễn thông  là không thống nhất giữa tên điều và nội dung của điều. | Bảo lưu  Nội dung huy động cơ sở hạ tầng viễn thông là một phần trong quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông |
|  | - Điều 10 dự thảo văn bản quy định về cơ quan quản lý chuyên ngành về  viễn thông. Tuy nhiên, nội dung của điều chỉ quy định “cơ quan quản lý chuyên  ngành về viễn thông là cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông” , chưa quy  định về cơ quan quản lý tại địa phương, điều này chưa đảm bảo đầy đủ và thống  nhất với nội dung tại các điều khác. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thiết  kế nội dung Điều 10 thành 2 khoản: khoản 1 quy định như nội dung Điều 10 của  dự thảo, khoản 2 sẽ quy định về cơ quan quản lý viễn thông tại địa phương là Sở  Thông tin và Truyền thông. | Xem xét điều chỉnh đưa xuống VB dưới luật theo ý kiến của Bộ Nội vụ. |
|  | - Khoản 2 Điều 13 dự thảo văn bản có nội dung viện dẫn như sau "Việc  kinh doanh hàng hóa viễn thông phải theo các quy định tại Điều 57 và Điều 58  của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan" là chưa đảm bảo  cụ thể vì nội dung tại Điều 58 của dự thảo văn bản bao gồm 6 khoản, tuy nhiên  chỉ có nội dung từ khoản 1 đến khoản 3 của điều này quy định nội dung liên quan  đến Doanh nghiệp viễn thông, còn nội dung từ khoản 4 đến khoản 6 quy định  trách nhiệm của cơ quan khác. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa nội  dung khoản 2 Điều 13 dự thảo văn bản như sau "Việc kinh doanh hàng hóa viễn  thông phải theo các quy định tại Điều 57 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 58  của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan" để nội dung viện  dẫn được chính xác và cụ thể hơn. | Tiếp thu |
|  | - Khoản 3 Điều 15 dự thảo văn bản có nội dung "Từ chối cung cấp dịch vụ  cho người sử dụng dịch vụ viễn thông vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật này  hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền" là chưa đầy đủ, do đó  đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa nội dung khoản 3 Điều 15 dự thảo  văn bản như sau "Từ chối cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ  viễn thông vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật này hoặc theo yêu cầu của cơ  quan nhà nước có thẩm quyền". | Bảo lưu do đã có giải thích từ ngữ “người sử dụng dịch vụ viễn thông tại Điều 3 bao gồm tổ chức, cá nhân. |
|  | - Điều 78 dự thảo văn bản có nội dung như sau "Quy định về các điều khoản  chuyển tiếp để đảm bảo tính liên tục, không đứt gãy trong chuyển tiếp giá trị, hiệu  lực của các giao dịch điện tử, hoạt động kinh tế nền tảng, kinh tế số, phù hợp,  thuận lợi, khả thi trong thực tế." là chưa cụ thể cơ quan nào có trách nhiệm Quy  định về các điều khoản chuyển tiếp? Đồng thời đối với các cá nhân, tổ chức đang  thực hiện các thủ tục về viễn thông (ví dụ: thủ tục cấp giấy phép viễn thông) theo  quy định của Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 mà chưa có kết quả giải quyết  thủ tục thì đến thời điểm Luật Viễn thông (sửa đổi) được Quốc hội thông qua thì  các thủ tục nêu trên sẽ được tiếp tục thực hiện theo quy định của luật nào?  Từ những phân tích trên, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu đề  nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm nội dung tại Điều 78 dự thảo văn bản  cho rõ ràng, cụ thể hơn. | Tiếp thu |
|  | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để chỉnh sửa thể thức tại Điều 14, Điều  16, Điều 31 của dự thảo văn bản cho đảm bảo chính xác theo quy định tại Điều  10 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ  Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của  Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. | Tiếp thu |
| ***21*** | ***Sở TTTT Sơn La*** |  |
|  | Tại điểm b khoản 3 điều 51 dự thảo Luật đề nghị chỉnh sửa bổ sung như  sau: “b. Cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương quyết định việc  sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh  quan, môi trường và quy hoạch đô thị”.  Lý do: Cho đồng bộ, phù hợp, thống nhất với điểm a, điểm b khoản 2 điều  69 của dự thảo Luật. | Điểm a, b K2 Điều 69 đã phân cấp cho UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng VTTĐ, tổ chức việc dùng chung |
|  | Nhất trí đề xuất theo phương án 1 tại điểm b khoản 1 điều 62 của dự  thảo Luật. | Tiếp thu |
|  | Tại khoản 3 điều 67 dự thảo Luật có ghi: “3. Tổ chức, cá nhân xây dựng  hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp  viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương.”  Đền nghị xem xét bổ sung như sau: “3. Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ  thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông  phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Việc thông  báo xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thực hiện theo hướng dẫn của Bộ  Thông tin và Truyền thông.”. Lý do, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn, quy  định cụ thể về nội dung mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện thông báo cho cơ  quan quản lý về viễn thông tại địa phương. | Khoản 3 Điều 67 đã có nội dung “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Ngoài ra việc xây dựng Hạ tầng viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống bể) ngoài việc tuân thủ các quy định chuyên ngành thì được thực hiện (cấp phép, miễn cấp phép) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Theo[khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng 2014](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-2014-238644.aspx?anchor=khoan_1_107) (được sửa đổi bởi [khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020)](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-sua-doi-2020-so-62-2020-QH14-418229.aspx?anchor=dieu_1):  *Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc.* |
| ***22*** | ***VNNIC*** |  |
|  | Đề nghị bổ sung vào Điều 3. Giải thích từ ngữ.  - Bổ sung định nghĩa về IX và Trạm trung chuyển Internet quốc gia:  XX. Trạm trung chuyển Internet (IX) là hệ thống thiết bị viễn thông được tổ chức hoặc doanh nghiệp thiết lập để cung cấp dịch vụ kết nối giữa các mạng độc lập (ASN) với nhau. Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập, quản lý và vận hành Trạm trung chuyển Internet quốc gia để đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục của Internet Việt Nam.  - Bổ sung định nghĩa về hệ thống máy chủ DNS quốc gia  XX. Hệ thống máy chủ tên miền DNS quốc gia Việt Nam là hệ thống thông tin nhằm bảo đảm hoạt động cho tên miền quốc gia Việt Nam trên Internet. Bộ Thông tin và Truyền thông thiết lập, quản lý và vận hành hệ thống máy chủ tên miền quốc gia Việt Nam.  - Bổ sung định nghĩa về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền  XX. Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền là dịch vụ cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khả năng tạo mới, cập nhật, duy trì và quản lý tên miền, bao gồm: dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam và dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.  - Tổ chức quản lý tên miền quốc gia Việt Nam  XX. Tổ chức quản lý tên miền quốc gia Việt Nam là đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ quản lý tên miền quốc gia Việt Nam (tên miền cấp cao mã quốc gia “.vn” và các tên miền cấp cao mã quốc gia khác của Việt Nam được chuyển giao bởi Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế ICANN).  - Tổ chức quản lý tên miền cấp cao dùng chung mới tại Việt Nam  XX. Tổ chức quản lý tên miền cấp cao dùng chung mới tại Việt Nam (New gTLD Registry) là các tổ chức, doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động để thực hiện vai trò quản lý tên miền cấp cao dùng chung mới được chuyển giao bởi Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế ICANN.  - Nhà đăng ký tên miền  XX. Nhà đăng ký tên miền là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền tới tổ chức, cá nhân, bao gồm: Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam, Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam được công nhận bởi Bộ Thông tin và Truyền thông, Nhà đăng ký tên miền quốc tế cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho tổ chức, cá nhân Việt Nam. | Xem xét đưa vào VB dưới luật, không phù hợp đưa vào luật |
|  | - Sửa đổi, bổ sung định nghĩa về tài nguyên Internet Việt Nam  22. Tài nguyên Internet là tập hợp tên và số thuộc quyền quản lý của Việt Nam, bao gồm:  a) Tên miền quốc gia Việt Nam (bao gồm tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và các tên miền khác liên quan đến quyền lợi quốc gia Việt Nam); địa chỉ Internet, số hiệu mạng, các tên và số Internet khác được các tổ chức quốc tế phân bổ cho Việt Nam thông qua Bộ Thông tin và Truyền thông;  b) Tên miền quốc tế, địa chỉ Internet, số hiệu mạng, các tên và số Internet khác được tổ chức quốc tế phân bổ cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam. | Đã điều chỉnh cho phù hợp |
|  | - Tại Điều 9  Bổ sung 02 điểm tại khoản 2 về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về tài nguyên Internet Việt Nam và về dịch vụ đăng ký duy trì tên miền.  XX. Quản lý hoạt động đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet Việt Nam.  XX. Quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. | Xem xét đưa vào VB dưới luật, VB khác, không phù hợp đưa vào luật |
|  | Tại Chương 7. Tài nguyên viễn thông  - Tại Điều 48. Phân bổ, sử dụng, hoàn trả kho số viễn thông, tài nguyên Internet  + Bổ sung 01 điểm tại khoản 1 – quy định về sử dụng và định tuyến IP/ASN  XX. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng IP, ASN độc lập được kết nối với các IX, với Trạm trung chuyển Internet quốc gia và có trách nhiệm kết nối, định tuyến theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để đảm an toàn và hoạt động liên tục cho Internet Việt Nam và Hệ thống máy chủ tên miền DNS quốc gia Việt Nam.  + Sửa đổi điểm đ và bổ sung điểm e tại khoản 1 – bổ sung quy định cho thừa kế, cho tặng, chuyển đổi tên chủ thể  XX. Các hoạt động cho tặng, thừa kế, mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền “.vn” thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền tài sản. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cách thức thực hiện việc đăng ký lại tên miền, chuyển đổi tên chủ thể sử dụng trong các trường hợp cho tặng, thừa kế, mua bán, chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.  + Sửa đổi điểm a, khoản 2 bỏ hình thức thi tuyển đối với tài nguyên Internet  2. Việc phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet được thực hiện theo các phương thức sau đây:  a) Đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng kho số viễn thông; đấu giá tài nguyên Internet có giá trị thương mại cao, có nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ;  + Sửa đổi khoản 6 – Bổ sung quy định về quản lý, đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet của Bộ TTTT.  6. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về quản lý, đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet; quy định về việc thi tuyển, đấu giá kho số viễn thông; đấu giá tài nguyên Internet và danh mục kho số viễn thông, tài nguyên Internet được đấu giá trong từng thời kỳ. | Xem xét đưa vào VB dưới luật, không phù hợp đưa vào luật |
|  | - Tại điều 49. Chuyển nhượng kho số viễn thông, tài nguyên Internet  + Bổ sung điểm c tại khoản 1.  c) Địa chỉ Internet, số hiệu mạng mà Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp cho các tổ chức Việt Nam.  + Sửa đổi điểm đ tại khoản 2  đ) Việc chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet được Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ cho tổ chức, cá nhân thông qua đấu giá phải được Bộ Thông tin và Truyền thông chấp thuận. | Đã điều chỉnh |
|  | - Bổ sung 01 Điều quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.  Điều XX. Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền  1. Bộ Thông tin và Truyền thông giao Tổ chức quản lý tên miền quốc gia Việt Nam cung cấp dịch vụ tới các doanh nghiệp được công nhận là Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam.  Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý yêu cầu từ tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền và có trách nhiệm nộp lệ phí đăng ký, phí duy trì sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam theo quy định của Luật phí, lệ phí.  2. Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế do các Tổ chức quản lý tên miền cấp cao dùng chung mới; các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam; các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền xuyên biên giới cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.  3. Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. | Xem xét quy định ở VB khác, không phù hợp đưa vào luật |
| ***23*** | ***Sở TTTT Cà Mau*** |  |
|  | Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý thực hiện  theo Luật Quy hoạch vì tại Điều 65 và Điều 69 của chương IX CÔNG TRÌNH  VIỄN THÔNG có nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.  Cụ thể tại mục b, khoản 1, Điều 69 “ Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh,  thành phố trực thuộc trung ương xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông  thụ động tại địa phương”. Hiện nay tỉnh Cà Mau đang xây dựng Quy hoạch của  tỉnh và quy hoạch các ngành phải tích hợp chung với quy hoạch tỉnh, vì vậy ngành  thông tin và truyền thông không thể xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn  thông thụ động. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
| ***24*** | ***Sở TTTT Bình Phước*** |  |
|  | Phần căn cứ: dự thảo Luật có ghi "Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa  xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo  Nghị quyết số 51/2001/QH10"  Đề nghị sửa thành "Căn cứ Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa  Việt Nam năm 2013 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt  Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013" | Tiếp thu |
|  | Tại Điều 11. Thanh tra chuyên ngành về viễn thông, có quy định:  "Thanh tra chuyên ngành về viễn thông và tổ chức bộ máy thanh tra chuyên  ngành do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định của pháp luật  về thanh tra", như vậy vai trò thanh tra viễn thông của các Sở Thông tin và  Truyền thông không có, vì vậy theo Luật các Sở sẽ không thể thanh tra được.  Đề nghị sửa thành "Thanh tra chuyên ngành về viễn thông và tổ chức bộ  máy thanh tra chuyên ngành do Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh,  thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra". | Xem xét điều chỉnh điều khoản này theo ý kiến của Bộ Nội vụ |
| ***25*** | ***Thanh tra Bộ*** |  |
|  | 1. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009, xem xét bổ sung và điều chỉnh tại mục IV, “Bố cục và nội dung cơ bản của Luật”, như sau:  - Tại mục này có ghi: “Luật Viễn thông năm 2009 có kết cấu 11 chương và 79 điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 có bố cục 11 chương và 79 điều”. Đề nghị sửa chính tả đối với khổ này, cụ thể: “Luật Viễn thông năm 2009 có kết cấu 10 chương và 63 điều…”. | Tiếp thu |
|  | - Bổ sung thêm phần điều chỉnh so với Luật Viễn thông năm 2009 liên quan đến việc lược bỏ đối với các khoản, điểm, điều của Luật Viễn thông năm 2009 (Ví dụ bỏ khoản 4 Điều 22, khoản 4 Điều 54…); Thông tin chi tiết đối với các điều khoản được bổ sung từ các nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông năm 2009 vào dự thảo Luật. | Tiếp thu |
|  | - Tại phần giới thiệu các chương cần nêu rõ các điểm khác, điểm mới và nhấn mạnh những nội dung nổi bật, có thể đưa nội dung một số điều khoản mới và phần mô tả chương (như được nêu tại mục “Sự cần thiết ban hành Luật”). Ví dụ: tại khoản 5 Điều 54 dự thảo Luật: “Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền”, giải thích việc lý do Chính phủ quy định đối với hoạt động này mà không phải do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện; | Tiếp thu |
|  | - Sửa lỗi chính tả về đánh số Chương tại dự thảo Tờ trình, dự thảo Tờ trình Chính phủ không đánh số “Chương X”. | Tiếp thu |
|  | 2. Đối với dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi):  - Tại Điều 14: đề nghị không viết theo hình thức văn bản “1.1; 1.2; 2.1; 2.2”, theo đó các điểm này chuyển thể thành từng khoản của Điều nay. Tương tự với Điều 16. | Tiếp thu |
|  | - Xem xét nội dung lặp lại được quy định tại khoản 28 Điều 3 và Điều 19. | Tiếp thu |
|  | - Khoản 1 Điều 20: xem xét bỏ cụm từ “hợp lý”. Lý do: việc triển khai thi hành luật, các Cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp không thể xác định, định lượng được việc “hợp lý” giữa hai bên. Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “khách quan” thay thế cho cụm từ này: “Cung cấp dịch vụ với mức giá cước và các điều kiện liên quan công bằng, khách quan…”; tương tự tại các Điều 48, 49. | Bảo lưu  Cụm từ “hợp lý” là cụm từ được sử dụng rất phổ biến trong các quy định về giá. Cụ thể các quy định về giá trong Luật Giá đều sử dụng cụm từ này. “Hợp lý” ở đây được hiểu là hợp lý trên chi phí dịch vụ, trong khi đó chi phí là một khái niệm có định lượng bao gồm giá thành dịch vụ và tỷ lệ lợi nhuận hợp lý. |
|  | - Đối với Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông quy định tại điểm a khoản 9 Điều 28: xem xét có quy định về quyền, nghĩa vụ của đối tượng này không (trừ trường hợp nếu khoản 3 Điều 36 có quy định về trách nhiệm là của tổ chức này thì có thể thêm điều khoản dẫn chiếu tại Điều 28) | Bảo lưu. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông thuộc lĩnh vực dịch vụ nào thì sẽ tuân thủ các quy định về quyền và trách nhiệm do pháp luật về lĩnh vực đó quy định. |
|  | - Đề nghị xem xét sử dụng cụm từ “lãnh thổ đất liền” hay “lãnh thổ” tại Điều 29 của dự thảo. Tại dự thảo đang sử dụng cụm từ “lãnh thổ đất liền”, cụm từ này dễ bị hiểu theo nghĩa hẹp là vùng đất nội địa và bị bỏ qua các vùng đất là các Đảo chủ quyền quốc gia. Như vậy sẽ giới hạn phạm vi quản lý của Luật đối với dịch vụ xuyên biên giới. | Tiếp thu |
|  | - Điểm b khoản 1 Điều 62: chọn phương án 1 “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh”. Việc Bộ TTTT chủ trì là hợp lý, bên cạnh đó, việc phối hợp với Bộ Tài chính là cần thiết nhằm đảm bảo nguyên tắc quản lý giá cước đối với các “dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh” được thống nhất theo trách nhiệm của hai Bộ. | Tiếp thu |
|  | - Điểm c khoản 1 Điều 74 quy định: “Khi ký kết Thỏa thuận cung cấp dịch vụ với người sử dụng phải bảo đảm tối thiểu các nội dung theo quy định”. Đề nghị làm rõ việc tham chiếu tại điều khoản nào để đảm bảo “tối thiểu các nội dung” theo quy định. | Nội dung cụ thể được quy định trong dự thảo NĐ hướng dẫn trình kèm hồ sơ dự án luật |
|  | Khoản 2 Điều 75 quy định “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải có phương án kỹ thuật để bảo đảm thông tin của người sử dụng trong quá trình xử lý, lưu trữ dữ liệu”: Tuy tại khoản 5 Điều 75 có ghi “Chính phủ quy định chi tiết việc bảo đảm thông tin của ngưởi sử dụng”, nhưng dự thảo Luật cũng cần giải thích và làm rõ nội hàm cơ bản cụm từ “đảm bảo thông tin của người sử dụng” tại Điều này. | Nghiên cứu, viết rõ hơn |
| ***26*** | ***Sở TTTT Thái Nguyên*** |  |
|  | Cần xem xét nội dung hàng hóa viễn thông là phần mềm và vật tư, thiết  bị viễn thông có sự trùng lặp, giao thoa với sản phẩm, thiết bị quy định trong  Luật Công nghệ thông tin | - Luật Viễn thông điều chỉnh phần hàng hóa viễn thông (sim, thẻ…) và thiết bị viễn thông (phần mềm kèm theo thiết bị. Không điều chỉnh đối với hàng hóa là phần mềm.  - Tiếp thu và rà soát. |
|  | Xem xét đưa nội dung quản lý cáp viễn thông thành một mục riêng để  quản lý, vì cáp viễn thông không phải hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động,  cũng không phải thiết bị mạng. Nhưng hiện nay cáp viễn thông được lắp đặt với  số lượng lớn, bao phủ rộng, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và an toàn giao  thông nên cần phải có những quy định cụ thể trong Luật Viễn thông để có hành  lang cho công tác quản lý nhà nước. Vì hiện nay việc quản lý cáp viễn thông chỉ  có quy chuẩn "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn  thông", nhưng không có quy định quản lý trong Luật và Nghị định. | Nội dung về quản lý mạng truyền dẫn (cáp viễn thông) hiện là một phần trong nội dung thuộc quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương (liên quan đến khu vực phải ngầm hoá). Trong quá trình hướng dẫn xây dựng QH HTKTVT thụ động, Bộ sẽ làm rõ hơn nội dung này. |
|  | Tại “Điều 51. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông”, cần xem xét việc chia  sẻ hạ tầng viễn thông không chỉ giao Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn  thông, vì đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động còn do địa phương quản  lý, ngành xây dựng cũng được giao quản lý nên cần có sự phân cấp phù hợp. | Điểm a, b K2 Điều 69 đã phân cấp cho UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng VTTĐ, tổ chức việc dùng chung. |
| ***27*** | ***Bộ Nội vụ*** |  |
|  | - Đề nghị bỏ Điều 10 quy định về Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông, Điều 11 quy định về Thanh tra chuyên ngành về viễn thông và Điều 25 quy định về Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, bảo đảm nguyên tắc không luật hóa tổ chức bộ máy trong luật chuyên ngành theo yêu cầu của Nghị quyết số 256/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | Xem xét điều chỉnh |
|  | - Về cấp giấy phép viễn thông; quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên viễn thông; xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động viễn thông:  Đề nghị biên tập theo hướng quy định rõ về quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế kiểm soát giá, phí đối với dịch vụ viễn thông. Trên cơ sở đó, phân quyền tối đa cho chính quyền địa phương trong việc cấp mới giấy phép, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, miễn giấy phép viễn thông; quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên viễn thông; xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động viễn thông, bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, loại bỏ các thủ tục thỏa thuận, chấp thuận, xin ý kiến và phù hợp với khả năng, nguồn lực thực hiện của địa phương. | Không tiếp thu  Việc phân cấp phân quyền tối đa cho chính quyền địa phương thực hiện các thủ tục hành chính  như cấp giấy phép viễn thông; quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên viễn thông sẽ quy định tại các văn bản dưới Luật (nếu khả thi) |
|  | - Về điều khoản chuyển tiếp:  Đề nghị bổ sung làm rõ nội dung, đối tượng và thời hạn trong điều khoản chuyển tiếp, không quy định chung chung, khái quát như dự thảo. | Tiếp thu |
|  | - Tại điểm c khoản 4 Điều 6 của Dự thảo Luật “Bảo đảm bí mật thông tin”, đề nghị bổ sung cụm từ “bằng văn bản” sau cụm từ “Khi có yêu cầu cung cấp thông tin” để tăng tính chặt chẽ và hiệu lực của quy định. | Tiếp thu |
|  | - Tại Điều 8 của Dự thảo Luật, đề nghị rà soát, bảo đảm phù hợp Luật Quy hoạch 2017 tránh chồng chéo, mâu thuẫn | Tiếp thu |
|  | - Tại Điều 12 của Dự thảo Luật “Các hành vi bị cấm trong hoạt động viễn thông”, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định “Sử dụng mạng Viễn thông để vi phạm bản quyền của cá nhân, tổ chức”. | Không tiếp thu  Bản quyền thuộc về nội dung thông tin truyền đưa trên mạng viễn thông, nên quy định về nội dung này tại Luật chuyên ngành khác ví dụ Luật sở hữu trí tuệ, Luật Điện ảnh…. |
|  | - Tại khoản 1 Điều 28 của Dự thảo Luật “Cung cấp dịch vụ viễn thông” đề nghị bổ sung cụm từ “trong và ngoài nước” sau cụm từ “Tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông” để đảm bảo quy định tại khoản này chặt chẽ và đầy đủ. | Đã quy định rõ trong phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng |
|  | - Tại Điều 30 của Dự thảo Luật “Từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông”, đề nghị bổ sung quy định “Người sử dụng dịch vụ viễn thông có hành vi làm phiền tới các cá nhân, tổ chức”. | Không tiếp thu  Người sử dụng dịch vụ viễn thông, thuê bao viễn thông có các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 16, vì vậy sửa đổi khoản 1 Điều 30 thành “1. Người sử dụng dịch vụ viễn thông, thuê bao viễn thông vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 16”; |
|  | - Tại khoản 1 Điều 31 của Dự thảo Luật “ Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông”, đề nghị cứu bổ sung quy định “Bàn giao cơ sở hạ tầng viễn thông cho cơ quan nhà nước, đơn vị khác tiếp quản hoặc tháo dỡ trong trường hợp không sử dụng”. | Xem xét đưa vào VB dưới luật |
|  | - Đề nghị rà soát các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong Dự thảo Luật, bảo đảm thống nhất và phù hợp với Dự thảo Luật Quy chuẩn và Tiêu chuẩn (sửa đổi) đang được Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng. | Tiếp thu  Nội dung Điều 57 và Điều 58 không mâu thuẫn với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (quy định chung đối với tất cả các đối tượng, bao hàm cả các đối tượng không thuộc lĩnh vực viễn thông), làm rõ nội hàm của Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật về viễn thông. |
|  | - Đề nghị bố cục lại dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) theo chương, điều, khoản, điểm, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị làm rõ nội dung của các dấu “...” trong dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), trường hợp không làm rõ được nội dung, đề nghị bỏ các dấu “...”, tránh hiểu khác nhau trong quá trình thi hành Luật. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị thiết kế lại Điều 9 quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về viễn thông theo hướng chuyển về phần dưới của dự thảo Luật và quy định trong phần trách nhiệm của Bộ, ngành. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị chuyển Điều 12 quy định về các hành vi bị cấm và Điều 70 quy định về các quy định chung vào Chương I quy định về những quy định chung. Theo đó, hoàn thiện, chỉnh sửa Điều 70 cho phù hợp và thống nhất với Chương I. | Nghiên cứu, xem xét lại về kết cấu luật do DC và cloud không nằm trong viễn thông nên không gộp trong chương quy định chung về viễn thông. |
|  | - Đề nghị biên tập lại trách nhiệm của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc hướng dẫn chi tiết thi hành Luật theo hướng ghi rõ Chính phủ hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn điều, khoản nào. | Tiếp thu |
| ***28*** | ***Đài Truyền hình VN*** |  |
|  | Về cấp phép thiết lập mạng viễn thông:  Hiện nay, Đài THVN là Đài truyền hình quốc gia thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ tầng truyềndẫn, phát sóng phát truyền hình số mặt đất của Đài đang thực hiện nhiệm vụ công ích, cung cấp phân phối các kênh chương trình quảng bá, trong đó có các chương trình thực hiện nhiệm vụ chính trị hoàn toàn miễn phí đến người dân. Đồng thời, ngoài phục vụ phát sóng quảng bá các chương trình truyền hình của Đài THVN, hệ thống hạ tầng truyền dẫn của Đài cũng thực hiện truyền dẫn, phát sóng một số kênh chương trình thiết yếu của địa phương. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thiết yếu mà để thực hiện tốt nó, Đài THVN rất cần được cấp giấy phép sử dụng tần số. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến nay (từ thời điểm kết thúc đề án số hóa truyền hình) Đài THVN không được gia hạn, cấp giấy phép tần số và thiết bị vô tuyến điện do các văn bản quy định hướng dẫn thi hành Luật Tần số và Luật Báo chí, Luật Viễn thông. Cụ thể:  Theo quy định Luật Tần số, để được cấp giấy phép tần số, đơn vị/cơ quan/tổ chứcnếu là doanh nghiệp phải có giấy phép viễn thông (theo Mục b, Khoản 2, Điều 19 của Luật Tần số) và nếu là cơ quan báo chí phải có giấy phép báo chí (Mục c, Khoản 2, Điều 19 của Luật Tần số). Theo đó, Đài THVN là cơ quan báo chí hiện được cấp giấy phép báo chí sản xuất các kênh truyền hìnhquảng bávàchỉ được phát sóng trên hệ thống truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất DVB-T2 do Đài THVN trực tiếp quản lý khi đáp ứng các quy định của pháp luật về báo chí, viễn thông và tần số vô tuyến. Tuy nhiên, tại khoản 9 Điều 3 Nghị định 06/2016/NĐ-CP ngày18/01/2016 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình có quy định:“Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình”. Căn cứ điều khoản quy định là mạng viễn thông, Cục Tần số yêu cầu Đài THVN phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông mới đủ điều kiện để cấp phép tần số. Do vậy,các máy phát truyền hình số mặt đất của Đài THVN hiện chưa được cấp phép sử dụng tần số.Trên thực tế, các hệ thống phát thanh, truyền hình là các trạm phát sóng độc lập, cung cấp tín hiệu một chiều đến người xem, không cần quy định về kết nối giữa các hệ thống phát sóng. Trong khi đó, với hệ thống viễn thông,các đơn vị có quyền và nghĩa vụ chia sẻ và cho cácđơn vị khác kết nối với mạng hoặc dịch vụ viễn thông của mình. Trước đây, quy hoạch phát thanh, truyền hình được thực hiện theo Quyết định số22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 (Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020)và đốivới hệ thống viễn thôngthìthực hiện theo 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/07/2012(về phê duyệt quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020). Như vậy, trước khi chuyển sang phát sóng truyền hình số mặt đất các máy phát truyền hình mặt đất quảng bá của Đài THVN luôn được cấp phép tần số mà không cần giấy phép thiết lập mạng viễn thông. Do vậy, để phù hợp với phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Công văn 2139/VPCP-KGVX ngày 6/4/2022 về việc yêu cầu “nghiên cứu sửa đổi các quy định pháp luật liên quan” để cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến cho Đài THVN và thực tế triển khai nhiệm vụ cho Đài THVN, Đài THVN đề xuất đơn vị soạn thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) bổ sung điều chỉnh để quy định tách bạch giữa mạng Viễn thông và mạng Truyền dẫn phát sóng truyền hình số mặt đất do các Đài THVN thiết lập. Đồng thời, sửa đổi theo hướng Đài THVN, Đài TNVN (là cơ quan thuộc Chính phủ) được phép thiết lập mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất phát sóng các chương trình miễn phí phục vụ người xem và bổ sung là đối tượng được miễn giấy phép thiết lập mạng viễn thông tại Điều 46 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) hoặc bổ sung các điều khoản để cấp phép sử dụng tần số cho các máy phát truyền hình số mặt đất của Đài THVN. | Bảo lưu quan điểm tách phần truyền dẫn và phần nội dung. Dịch vụ truyền dẫn sẽ được phân loại là dịch vụ viễn thông phải cấp phép. |
|  | Về thống nhất khái niệm và một số nội dung đã nêu tại Dự thảo với văn bản pháp luật liên quan:  -Về thống nhất định nghĩa về dịch vụ phát thanh, truyền hình: Theo khoản 9 Điều 3 Nghị định 06/2016-NĐ/CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ ban hành Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình có nêu: “Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình”.  Tại khoản 9 Điều 3 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) có nêu dịch vụ phát thanh, truyền hình thuộc “dịch vụ ứng dụng viễn thông”. Đồng thời, trong Dự thảo chỉ quy định doanh nghiệp viễn thông là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam và được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và không quy định việc cấp phép cho dịch vụ ứng dụng viễn thông. Như vậy, việc không thống nhất cách định nghĩa tại các văn bản quy phạm pháp luật và quy định chưa rõ ràng với đối tượng “ứng dụng dịch vụ viễn thông”tại Luật Viễn thông (sửa đổi) có thể dẫn đến việc hiểu và áp dụng khác nhau trong quá trình thực hiện. | Đã điều chỉnh chính sách cấp phép cho phù hợp |
|  | -Về thống nhất nội dung xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin: Hiện nay, viễn thông, phát thanh truyền hình và công nghệ thông tin ngày càng hội tụ gần nhau, đã tạo ra các loại hình dịch vụ mới, trong đó có cách thức sử dụng hạ tầng viễn thông như dịch vụ IPTV, OTT... để phân phối tín hiệu phát thanh, truyền hình đến người xem. Các dịch vụ này được xem là dịch vụ ứng dụng viễn thông và được quy định tại khoản 8, Điều 3 của dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi). Tuy nhiên, xu hướng hội tụ này mới chỉ đề cập trong dự thảo Tờ trình Chính phủ mà chưa thể hiện các nội dung trong Dự thảo. Do đó, Đài THVN đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các nội dung chưa thống nhất đã nêu đểnội dung Dự thảo cho phù hợp, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành. | Các dịch vụ IPTV, OTT truyền hình thuộc loại hình dịch vụ ứng dụng viễn thông để cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình. Việc quản lý các dịch vụ này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. |
| ***29*** | ***Sở TTTT Tuyên Quang*** |  |
|  | Để đảm bảo Luật Viễn thông (sửa đổi) được triển khai thực hiện có hiệu  quả ngay sau khi Luật được Quốc hội thông qua đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên  cứu để cụ thể hóa tối đa các nội dung quy định trong dự thảo Luật còn đang quy  định “Chính phủ quy định chi tiết.... hoặc Chính phủ quy định nguyên tắc/tiêu  trí...” (Hiện tại trong dự thảo Luật Viễn Thông (sửa đổi) có trên 20 Điều ghi nội  dung này) và bổ sung dự thảo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật  trong dự thảo hồ sơ dự án Luật Viễn thông (sửa đổi). | Bảo lưu do những nội dung Chính phủ quy định chi tiết là những nội dung cần linh hoạt do sự thay đổi của thị trường và công nghệ |
|  | Tại khoản 2 Điều 4: Đề nghị sửa “Bảo đảm môi trường cạnh tranh lành  lạnh trong hoạt động viễn thông” thành “Bảo đảm môi trường cạnh tranh lành  mạnh trong hoạt động viễn thông”. | Tiếp thu |
|  | Tại khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 18, khoản 6 Điều 28,  khoản 1 Điều 29: Đề nghị sửa “điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa  Việt Nam là thành viên” thành “điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ  nghĩa Việt Nam là thành viên”. | Tiếp thu |
|  | Tại khoản 2 Điều 13, đề nghị sửa:  “Việc kinh doanh dịch vụ viễn thông phải theo các quy định của Luật này  và quy định khác của pháp luật có liên quan.  Việc kinh doanh hàng hóa viễn thông phải theo các quy định tại Điều 57 và  Điều 58 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”  Thành:  “Việc kinh doanh dịch vụ viễn thông phải tuân theo các quy định của Luật  này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  Việc kinh doanh hàng hóa viễn thông phải tuân theo các quy định tại Điều  57 và Điều 58 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.” | Tiếp thu |
|  | Tại Điều 14, đề nghị sửa các cụm từ “doanh nghiệp cung cấp dịch vụ”  thành “doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông” | Tiếp thu |
|  | Điểm a, b, c, khoản 1 Điều 21, đề nghị viết hoa chữ cái đầu dòng.  Tại điểm a, khoản 1 Điều 21, đề nghị sửa cụm từ “quy định tại khoản b và c  Điều này” thành “quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này”.  Tại điểm b, khoản 1 điều 21, đề nghị xem lại cách trình bày. | Tiếp thu |
|  | Tại khoản 1 Điều 29: đề nghị sửa “Việc cung cấp dịch vụ viễn thông  qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải  theo các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội  chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” thành “Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua  biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân  theo các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã  hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. | Tiếp thu |
|  | Tại Chương 8. Đề nghị giữ nguyên tên “QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN,  QUY CHUẨN KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ CƯỚC VIỄN THÔNG” do  theo dự thảo Tờ trình, Chương này giữ nguyên các quy định của Luật Viễn thông  2009 liên quan đến chính sách về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất  lượng mạng và dịch vụ viễn thông và quản lý giá cước viễn thông, chỉ đề xuất sửa  đổi một vài thuật ngữ về thiết bị để phù hợp với thực tiễn. | Đã điều chỉnh lại cấu trúc, nội dung cho phù hợp và sẽ điều chỉnh Hồ sơ trình theo đúng thủ tục xây dựng VBQPPL. |
|  | Đề nghị xem xét chỉnh sửa khoản 5 Điều 58 đảm bảo theo đúng quy  định về trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2007.  “Điều 11. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn  1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và đề nghị thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia.  2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia”. | - Theo trình tự thực hiện hiện nay thì Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện thẩm định và công bố.  - Đề nghị bảo lưu vì không có mâu thuẫn hoặc bỏ vì đã quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn. |
|  | Đối với điểm b, khoản 1, Điều 62, dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi),  lựa chọn phương án 1: Bộ Thông tin và Truyền thông “Chủ trì, phối hợp với Bộ  Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các  doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần  quản lý cạnh tranh”. | Tiếp thu |
| ***30*** | ***Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*** |  |
|  | - Về căn cứ ban hành:  Hiến pháp năm 1992 đã hết hiệu lực, vì vậy, đề nghị thay “Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10” bằng “Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. | Tiếp thu |
|  | - Điều 3 (Giải thích từ ngữ)  + Tại khoản 7 quy định “Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ cung cấp đường truyền dẫn giữa các thiết bị Internet vạn vật”. Cần làm rõ đối tượng trong cụm từ “giữa hai hoặc một nhóm người” (giữa hai nhóm người hay hai người).  + Tại khoản 15 quy định “Internet là hệ thống thông tin toàn cầu sử dụng giao thức Internet và tài nguyên Internet để cung cấp các dịch vụ và ứng dụng khác nhau cho người sử dụng dịch vụ viễn thông”. Việc sử dụng các cụm từ “giao thức Internet” và “tài nguyên Internet” để giải thích cho từ ngữ “Internet” là chưa hợp lý và không đáp ứng được việc giải thích từ ngữ “Internet”. Do vậy, cần xem xét lại khoản này. | Đã điều chỉnh |
|  | - Điều 16 (Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông)  Cần bổ sung cụm từ "theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan khác" tại cuối điểm c khoản 1.2 Điều 16 dự thảo Luật (quy định về nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông). | Bảo lưu. Người sử dụng ngoài tuân thủ các quy định về viễn thông vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật khác liên quan |
|  | - Điều 42 (Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông) và Điều 43 (Điều kiện cấp giấy phép nghiệp vụ viễn thông)  Khoản 4 Điều 39 dự thảo Luật quy định “Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, điều kiện, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép viễn thông” (bao gồm tất cả các loại giấy phép viễn thông tại Điều 39). Tuy nhiên, khoản 3 Điều 42 giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, điểm e khoản 1 Điều 43 giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện cấp Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, trùng với quy định tại khoản 4 Điều 39. Do vậy, cần bỏ khoản 3 Điều 42 và điểm e khoản 1 Điều 43. | Tiếp thu. Đã bỏ 2 mục trong Dự thảo. |
|  | - Điều 76 (Xử lý nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định pháp luật)  Cần rà soát tên, nội dung Điều 76 và sử dụng cụm từ “nội dung thông tin xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu trí tuệ khác" thay cho các cụm từ “nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ”, “thông tin vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ”. | Tiếp thu |
|  | - Khoản 77 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023, quy định về trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian. Trong đó quy định: doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ của mình theo các trường hợp được liệt kê tại khoản 3 Điều 198b. Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) cần quy định bảo đảm không chỉ doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây mà bất kỳ doanh nghiệp viễn thông thực hiện các hoạt động đáp ứng điều kiện được coi là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại khoản 1 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ, nếu không thuộc các trường hợp được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ thì phải chịu các trách nhiệm pháp lý tương ứng | Tiếp thu |
| ***31*** | ***VP Bộ*** |  |
|  | Góp ý về dự thảo Tờ trình:  - Đề nghị làm rõ tên dự thảo Luật là “sửa đổi, bổ sung” hay “thay thế” Luật  Viễn thông năm 2009 để sử dụng tên luật thống nhất. Lý do: Tại dự thảo Luật ghi  là “sửa đổi” nhưng tại Tờ trình Chính phủ lại ghi là “Luật Viễn thông sửa đổi, thay  thế Luật Viễn thông năm 2009”, tại Điều 79 Hiệu lực thi hành lại ghi “Luật này  thay thế Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009...”. Trong  trường hợp đề nghị Quốc hội xem xét, sửa đổi tên luật, cần bổ sung phần giải trình  chi tiết tại dự thảo Tờ trình. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị xem xét, bổ sung việc đánh giá thực hiện các phương án đã được  Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan  đến hoạt động kinh doanh và phân cấp giải quyết TTHC trong dự thảo Tờ trình và  bổ sung kết quả đánh giá tác động TTHC quy định trong dự thảo Tờ tình để đề  xuất quy định cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết của từng TTHC (để loại bỏ  những quy định không phải là TTHC), để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn  cũng như quản lý nhà nước của Bộ (Chính phủ quy định hay Bộ quy định về  TTHC). Ví dụ: quy định tại khoản 2 Điều 41. Các hình thức cấp giấy phép viễn  thông “2. Chính phủ quy định chi tiết về các hình thức cấp phép nêu trên.”, quy  định tại khoản 4 Điều 49. Kết nối mạng viễn thông công cộng “4. Bộ Thông tin và  Truyền thông quy định chi tiết thủ tục ký kết, thực hiện thỏa thuận kết nối các  mạng viễn thông công cộng; chủ trì hiệp thương và giải quyết tranh chấp kết nối  giữa các doanh nghiệp viễn thông.”, quy định tại khoản 4 Điều 50. Kết nối mạng  viễn thông dùng riêng “4. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc kết  nối mạng viễn thông dùng riêng với mạng viễn thông công cộng.” ... | Tiếp thu, hoàn thiện Tờ trình |
|  | - Đề nghị xem xét, bổ sung: Tổng kết đánh giá thi hành Luật Viễn thông  năm 2009 và Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế  có liên quan đến dự thảo Luật (được ghi gửi kèm theo Tờ trình - nhưng không có  trong hồ sơ đề nghị lấy ý kiến) | Tiếp thu |
|  | Góp ý về Báo cáo đánh giá tác động: Đề nghị xem xét, bổ sung đánh giá  tác động của TTHC theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật ban hành văn bản quy  phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | Góp ý về dự thảo Luật Viễn thông  - Về Điều 3. Giải thích từ ngữ. Đề nghị xem xét, bổ sung giải thích đầy đủ  các từ ngữ chuyên ngành, kỹ thuật để bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất, đơn giản,  dễ hiểu của các quy định tại dự án Luật. Ví dụ: Cụm từ “tài khoản SIM” tại khoản  29 và 30 Điều 3; cụm từ “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di  động”; cụm từ “dịch vụ viễn thông công ích” tại khoản 3 Điều 4; cụm từ “nghiệp  vụ viễn thông” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9, khoản 1 và 3 Điều 39,  Điều 43. Điều kiện cấp giấy phép nghiệp vụ viễn thông, cần phải được định nghĩa  rõ ràng tại Điều 3...  Riêng khoản 30 Điều 3, đề nghị làm rõ hoặc bổ sung nội dung “chi trả cho  dịch vụ viễn thông và dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động” để  làm rõ quy định - hiện chưa được quy định tại dự án Luật về việc: Sử dụng tiền  trong “tài khoản SIM” để ủng hộ, giúp đỡ người yếu thế hoặc gặp khó khăn qua  Cổng thông tin nhân đạo Quốc gia 1400, bảo đảm các quy định được thống nhất từ  luật xuống các văn bản quy định chi tiết. | Bảo lưu  - Cụm từ “Tài khoản SIM thuê bao di động” đã được định nghĩa và giải thích rõ tại khoản 30 Điều 3 dự thảo Luật Viễn thông. Cụm từ “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động” đã được giải thích, định nghĩa tại pháp luật quản lý về dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.  - Công ích: “dịch vụ viễn thông công ích” là khái niệm chuyên sâu, cụ thể. Đã được định nghĩa tại VBQPPL dưới luật, dịch vụ VTCI bao gồm dịch vụ viễn thông phổ cập và dịch vụ viễn thông bắt buộc |
|  | - Về khoản 1 Điều 5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh  thông tin, quy định “1. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông  tin là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân; trường hợp phát hiện các hành vi phá  hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông  báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan công an nơi gần nhất.”. Đề nghị  xem xét, bổ sung số điện thoại và/hoặc địa chỉ email và/hoặc phần mềm tiếp nhận  thông báo của cá nhân, tổ chức để bảo đảm quy định “là trách nhiệm của mọi tổ  chức, cá nhân”, đặc biệt là trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành trong  thực thi nhiệm vụ và chuyển đổi số hiện nay. | Nội dung này Bộ sẽ nghiên cứu trong quá trình phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cơ quan có liên quan quy định việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an toàn mạng trong hoạt động viễn thông theo quy định tại khoản 8 Điều 5 |
|  | - Về khoản 3 Điều 6. Bảo đảm bí mật thông tin, quy định “3. Thông tin riêng  chuyển qua mạng viễn thông công cộng của mọi tổ chức, cá nhân được bảo đảm bí  mật. Việc kiểm soát thông tin trên mạng viễn thông do cơ quan nhà nước có thẩm  quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.”. Đề nghị thay cụm từ “pháp luật”  thành “luật” để bảo đảm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật ban hành văn  bản quy phạm pháp luật | Bảo lưu. Theo quy định của pháp luật là đề cập đến cả luật và các văn bản dưới luật. |
|  | - Về điểm c khoản 4 Điều 6 quy đinh “c) Khi có yêu cầu cung cấp thông tin  của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quy định cụ thể tại các văn bản quy  phạm pháp luật.”. Đề nghị thay cụm từ “văn bản quy phạm pháp luật”, có thể  được quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban  nhân dân các cấp (từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã), bằng quy định phù hợp hơn  (qua Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).  Đề nghị xem xét, chỉnh sửa tương tự đối với quy định tại khoản 4 Điều 30  “4. Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định  của pháp luật.”. Trong trường hợp giữ nguyên, đề nghị quy định thống nhất “của  pháp luật” hay “của văn bản quy phạm pháp luật”. | Bảo lưu  Quy định tại hai điều khoản có nội hàm khác nhau. Trường hợp cung cấp thông tin phải được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. |
|  | - Về Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông. Đề nghị xem  xét, bổ sung quy định trách nhiệm về “chuyển mạng giữ số” của các doanh nghiệp  viễn thông để các văn bản quy định chi tiết có căn cứ quy định chi tiết, cụ thể và rõ  ràng trách nhiệm các bên, tránh việc doanh nghiệp dùn đẩy, không thực hiện  nghiêm. Đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm “cung cấp thông tin cần thiết liên quan  đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông” để bảo  đảm thống nhất với quy định tại điểm b khoản 1.1 (khoản 1) Điều 16 quy định “b)  Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông, đại lý dịch vụ viễn thông cung cấp thông tin cần  thiết liên quan đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông;”.  Ngoài ra, đề nghị chỉnh sửa các quy định tại Điều 14 (cũng như Điều 16 ...)  để bảo đảm các quy định theo thứ tự: điểm (a, b, c ..) khoản (1, 2, 3 ...) Điều và  không được quy định khoản là 1.1, 1.2 ... theo quy định của Luật ban hành văn bản  quy phạm pháp luật và các quy định chi tiết thi hành. | Chuyển mạng giữ số là một tính năng trên mạng di động/cố định, đã được nêu trong cam kết quốc tế, xem xét quy định ở Nghị định.  Tiếp thu |
|  | - Về khoản 1.1 khoản 1 Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng dịch  vụ viễn thông và thuê bao viễn thông, đề nghị xem xét, bổ sung quyền “chuyển  mạng giữ số” của người sử dụng dịch vụ viễn thông, để các văn bản bản quy định  chi tiết có căn cứ quy định cụ thể, rõ ràng quyền và trách nhiệm của người sử dụng  dịch vụ. | Quy định chung đã bao quát đủ, xem xét quy định trong văn bản dưới luật |
|  | - Các điểm a, b khoản 1 Điều 21 có quy định “và/hoặc”, đề nghị cần xác  định rõ trong báo cáo đánh giá tác động để có quy định cụ thể biện pháp quản lý tối  ưu hoặc đơn giản nhất quy định tại dự án Luật. | Cụm từ này đã được loại bỏ tại dự thảo mới |
|  | - Về Điều 31. Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông. Các quy định tại khoản  1 và 2 (không có điểm) có quy định về “Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của  người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông đã  giao kết” và tại khoản 3 có quy định “doanh nghiệp phải có phương án bảo đảm  quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng sử  dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và phương án khắc phục vi phạm, báo cáo Bộ  Thông tin và Truyền thông bằng văn bản.”. Quy định như trên đã thể hiện không  thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông (trong  vụ, việc của công ty S-phone). Do đó, đề nghị bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể để  bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ. | Nghiên cứu để bổ sung quy định yêu cầu DN phát hành thẻ phải ký quỹ (lấy ý kiến P.KT và P.CNDV về vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng) |
|  | - Về Điều 34. Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định, có  những quy định không còn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Ví dụ: “Danh bạ  điện thoại công cộng” hiện rất ít người sử dụng, doanh nghiệp cũng không phát  hành để sửa đổi, bổ sung. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa cho phù hợp. | Tiếp thu, điều chỉnh cho phù hợp:  Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất là dịch vụ viễn thông cơ bản, phục vụ đối tượng là các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và hộ gia đình (không phải là cá nhân), đến nay chủ yếu đối tượng là các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Vì vậy việc tra cứu thông tin sử dụng số thuê bao cố định với chủ thuê bao, địa chỉ rõ ràng là có tính hữu ích cho xã hội, cho người dân và Luật VT quy định miễn cước người gọi đến tra cứu. Quy định tại văn bản dưới Luật sẽ chỉ áp dụng cho đối tượng sử dụng thuê bao điện thoại cố định là cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. |
|  | - Về khoản 3 Điều 50, quy định “Các mạng viễn thông dùng riêng không  được kết nối trực tiếp với nhau, trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cơ  quan quản lý chuyên ngành về viễn thông.”. Quy định này là quy định về thủ tục  hành chính, phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước trước khi thực  hiện, cần phải quy định đầy đủ về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hoặc ủy quyền  cho cấp có thẩm quyền quy định (Bộ/Chính phủ quy định). Đề nghị tương tự đối  với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 “b) Trình Bộ Thông tin và Truyền thông  phương án giá cước dịch vụ viễn thông do Nhà nước quy định;”; quy định tại  khoản 3 Điều 67 “3. Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn  liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ  quan quản lý về viễn thông tại địa phương.” ... | Xem xét hướng dẫn chi tiết trong văn bản dưới luật.  Khoản 3 Điều 67 đã có nội dung “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Ngoài ra việc xây dựng Hạ tầng viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống bể) ngoài việc tuân thủ các quy định chuyên ngành thì được thực hiện (cấp phép, miễn cấp phép) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Theo[khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng 2014](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-2014-238644.aspx?anchor=khoan_1_107) (được sửa đổi bởi [khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020)](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-sua-doi-2020-so-62-2020-QH14-418229.aspx?anchor=dieu_1):  Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc. |
|  | - Về điểm c khoản 2 Điều 56. Thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên  Internet, quy định “Tổ chức, cá nhân đã được phân bổ kho số viễn thông, tài  nguyên Internet không nộp lệ phí phân bổ, phí sử dụng kho số viễn thông, tài  nguyên Internet.”, đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng cụm từ “không nộp” là không  nộp một lần hay nhiều lần, nộp đủ hay chưa đủ trong một lần, nhiều lần ... để bảo  đảm việc thực thi. | Tiếp thu, điều chỉnh “không nộp" thành “không nộp đúng thời hạn theo quy định" (đồng bộ với khoản 17 Điều 3 Luật quản lý thuế) |
| ***32*** | ***Công ty iNET*** |  |
|  | Các quy định tại Luật Viễn thông hiện tại đang tập trung nhiều về viễn thông, dịch vụ viễn thông, chưa đầy đủ các quy định về Internet, tài nguyên Internet trong khi Internet là lĩnh vực quan trọng, có nhiều thay đổi, phát sinh hiện tại.  Theo quy định từ trước tới nay tại Luật Viễn thông, tài nguyên Internet là tài nguyên viễn thông, do vậy, cần xem xét bổ sung các quy định về đăng ký, sử dụng, dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên Internet, trong đó có tên miền quốc gia “.vn” đảm bảo đầy đủ sở cứ pháp lý cho mô hình, công tác quản lý, cung cấp dịch vụ hiện tại.  Hiện nay các quy định về nhà đăng ký tên miền “.vn” cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” và việc đăng ký, sử dụng tên miền quốc gia “.vn” thông qua các nhà đăng ký đã được quy định chính thức tại VBQPPL mức Thông tư, Nghị định. Ngày 12/11/2016, Quốc hội tiếp tục ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 trong đó quy định: “Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền” là dịch vụ kinh doanh có điều kiện.  Mặt khác, từ quy định về Tên miền là một dạng tài nguyên Internet, điều này vốn được quy định là tài nguyên viễn thông, vì vậy, cần bổ sung nội dung này vào trong Luật. | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Về mô hình cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” qua các nhà đăng ký đã được triển khai trên thực tế từ lâu và duy trì cho đến nay, tuy nhiên, hiện tại Luật Viễn thông chưa có quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, cũng như các thành phần tham gia trong cấu trúc cung cấp dịch vụ; các cơ chế , quy định pháp lý về mặt cung cấp dịch vụ của các nhà đăng ký đối với tên miền “.vn” cũng như đối với tên miền quốc tế.  Ngoài ra, đối với dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, các thành phần cung cấp dịch vụ ngoài nhà đăng ký tên miền “.vn”, nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam, còn có các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, tuy nhiên, hiện nay mức Luật Viễn thông cũng như Nghị định, Thông tư chưa có quy định nào về việc cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền của các doanh nghiệp xuyên biên giới dẫn đến phạm vi quản lý chưa đầy đủ, bao quát.  Vì vậy, iNET kiến nghị bổ sung tại Luật Viễn thông (sửa đổi) một số nội dung cụ thể như sau:  - Bổ sung các quy định về Internet và tài nguyên Internet.  - Bổ sung quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.  - Quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền mang tính nguyên tắc cơ bản về mô hình cung cấp dịch vụ, thành phần cung cấp dịch vụ để có sở cứ pháp lý đầy đủ về hoạt động dịch vụ tại Luật Viễn thông; đồng thời sẽ đồng bộ quy định tại các văn bản Luật khác, cụ thể là: quy định tại Luật Đầu tư; Luật CNTT (điều 23); đảm bảo có sở cứ pháp lý cho các quy định chi tiết ở văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư)  - Quy định nguyên tắc về quản lý, dịch vụ đăng ký duy trì tên miền với đầy đủ phạm vi (tên miền “.vn”, tên miền quốc tế, dịch vụ xuyên biên giới). | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
| ***33*** | ***Cục Tần số VTĐ*** |  |
|  | Đề nghị rà soát bảo đảm tính thống nhất giữa tên chương, điều với các nội dung quy định cụ thể. Ví dụ:  - Chương IV quy định về Kinh doanh dịch vụ viễn thông, tuy nhiên các Điều 26, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 27 lại quy định các nội dung về mạng nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng là các nội dung không liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông.  - Khoản 3 Điều 27 yêu cầu tổ chức thiết lập mạng viễn thông phải có “giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông”, tuy nhiên theo khoản 4, 5 và 6 điều này thì tổ chức thiết lập mạng viễn thông phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh phải có “giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng” mà không phải loại giấy phép quy định tại khoản 3 Điều này.  - Khoản 3 Điều 28 quy định về cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông là chưa phù hợp với tên Điều, chỉ quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông. Đồng thời không phù hợp với tên chương, chỉ quy định về kinh doanh dịch vụ viễn thông, không quy định về kinh doanh dịch vụ ứng dụng viễn thông. | - Tiếp thu  - Tiếp thu, chỉnh sửa Khoản 3 Điều 27 thành “Tổ chức thiết lập mạng viễn thông công cộng phải có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có thiết lập mạng viễn thông theo quy định của Luật này”  - Tiếp thu |
|  | Về sửa đổi dự thảo Luật để đồng bộ với Luật Tần số vô tuyến điện: |  |
|  | - Đề nghị sửa đổi tên gọi “Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông” thành “Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng”. | Bảo lưu, điều chỉnh theo chính sách cấp phép mới |
|  | - Đề nghị xem xét sửa đổi các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 44 dự thảo Luật để đồng bộ với quy định tại khoản 3a Điều 16 Luật Tần số vô tuyến điện về thời hạn của giấy phép sử dụng băng tần tần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển hoặc được cấp lại, tránh trường hợp giấy phép tần số vô tuyến điện còn hiệu lực nhưng giấy phép viễn thông hết hiệu lực.  Đồng thời bỏ yêu cầu “xem xét việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông” tại khoản 2 Điều 44 khi cấp giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp trúng đấu giá tần số VTĐ vì: doanh nghiệp tham gia đấu giá đã phải đáp ứng các điều kiện để được cấp phép viễn thông, tần số theo Luật Tần số VTĐ nên sau khi trúng đấu giá sẽ được cấp giấy phép viễn thông, tần số tương ứng mà không yêu cầu thêm các điều kiện khác. | Quy định tại Luật Tần số VTĐ sẽ điều chỉnh theo Luật Viễn thông (sửa đổi) |
|  | - Đề nghị xem xét sửa đổi khoản 3 Điều 40 để đồng bộ với Điều 11a Luật Tần số vô tuyến điện về sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch, trong đó có cấp phép thử nghiệm sử dụng băng tần cho các công nghệ mới. Nếu quy định như dự thảo, sẽ không cấp được giấy phép tần số cho trường hợp thử nghiệm ngoài quy hoạch. | Làm rõ các trường hợp. Nếu băng tần này đã thuộc quy hoạch của TTg phê duyệt thì vẫn có thể cấp được. |
|  | - Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi cụm từ “cấp mới giấy phép viễn thông” thành “cấp lại giấy phép viễn thông”. | Không tiếp thu. Việc cấp mới khi giấy phép cũ hết hạn khác với cấp lại khi giấy phép bị mất, hỏng. |
|  | - Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 44 như sau:  “…trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì không được gia hạn.” | Không tiếp thu. Khi gia hạn còn xem xét tính khả thi của tài nguyên tần số, nếu không khả thi thì sẽ không gia hạn. Quy định gia hạn còn áp dụng với các DN cung cấp dịch vụ. |
|  | - Đề nghị bổ sung quy định về cấp đổi giấy phép viễn thông trong các trường hợp mất hoặc hư hỏng. | Sẽ bổ sung quy định về cấp lại giấy phép trong Nghị định. |
|  | - Đề nghị quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn luật quy trình, thủ tục cấp giấy phép viễn thông có sử dụng băng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển hoặc cấp lại, đảm bảo đồng với với Luật Tần số vô tuyến điện. | Tiếp thu, làm tương tự như trong NĐ 88 (CVT đã đề xuất giải pháp cấp phép VT cho các DN trúng đấu giá). |
|  | - Về các hình thức cấp giấy phép viễn thông  Khoản 1 Điều 41 liệt kê 03 hình thức cấp giấy phép viễn thông là cấp phép riêng, cấp phép nhóm và đăng ký. Tuy nhiên chưa làm rõ được khi nào thì áp dụng hình thức cấp phép nào; đồng thời cũng chưa phân biệt rõ, cấp phép riêng là mỗi doanh nghiệp được cấp một giấy phép riêng, cấp phép nhóm là một nhóm doanh nghiệp được cấp 1 giấy phép, đăng ký thì không có giấy phép. Vì vậy đề nghị rà soát, hoàn chỉnh để có cơ sở tường minh cho Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. | Luật chỉ nêu khái niệm về các hình thức cấp phép, điều khoản cụ thể sẽ được quy định trong Nghị định, Thông tư. |
|  | - Về cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới  Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới tại các khu vực quá cảnh như sân bay (máy bay của nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông cho hành khách trên máy bay trong thời gian đỗ tại sân bay) tại Điều 29 đối với các tổ chức không có trụ sở tại Việt Nam và cũng không ký kết thỏa thuận với các tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông tại Việt Nam. | Sẽ nghiên cứu các kinh nghiệm, cam kết quốc tế để quy định trong Nghị định |
|  | - Về thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông  Đề nghị quy định giới hạn cụ thể về phạm vi và quy mô thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông tại điểm b khoản 3 Điều 43 để tránh lãng phí đầu tư thử nghiệm trong trường hợp kết thúc thử nghiệm không triển khai chính thức. | Sẽ quy định cụ thể về các giới hạn tại Nghị định, Thông tư |
|  | - Về thu hồi giấy phép viễn thông:  + Đề nghị bổ sung vào Điều 45 dự thảo Luật trường hợp thu hồi giấy phép viễn thông khi tần số bị thu hồi đối với doanh nghiệp không còn tần số để kinh doanh dịch vụ viễn thông. Đồng thời bổ sung quy định trình tự thủ tục thu hồi, đảm bảo ảnh hưởng tối thiểu đến các thuê bao viễn thông ở Luật hoặc Nghị định quy định chi tiết Luật. | Tiếp thu. Đã bổ sung tại Điểm g Khoản 1 Điều 45 của Dự thảo. Sẽ bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thu hồi trong Nghị định. |
|  | + Đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung vào Điều 45 quy định thu hồi giấy phép khi doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về nộp phí quyền hoạt động viễn thông. | Tiếp thu. Đã bổ sung tại Điểm h Khoản 1 Điều 45 của Dự thảo. |
|  | - Về miễn giấy phép viễn thông  Khoản 4 Điều 46 quy định miễn giấy phép viễn thông đối với “mạng viễn thông dùng riêng, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, b, và c khoản 6 Điều 27 của Luật này”. Tuy nhiên, điểm a, b, c khoản 6 Điều 27 lại bao gồm tất cả mạng viễn thông dùng riêng. Với quy định như vậy thì không miễn giấy phép viễn thông đối với bất cứ mạng viễn thông dùng riêng nào. Quy định này đã bất cập từ Luật Viễn thông 2009, do đó đề nghị sửa đổi để quy định cụ thể loại mạng viễn thông dùng riêng được miễn giấy phép tại khoản này, bảo đảm công tác thực thi đúng pháp luật. | Tiếp thu. Đã bỏ Khoản 4 Điều 46 trong Dự thảo. |
|  | - Đề nghị làm rõ “thành viên của mạng” trong định nghĩa mạng viễn thông dùng riêng tại khoản 13 Điều 3. | Đã quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 26 Nghị định 25/2011/NĐ-CP (sẽ chuyển tiếp trong Nghị định sửa đổi) |
|  | - Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp tại khoản 4 Điều 18. | Tiếp thu (sẽ có điều khoản chuyển tiếp chung đối với việc cấp phép trong Nghị định sửa đổi) |
|  | - Đề nghị nghiên cứu, xem xét làm rõ trường hợp của VTV, VTC thực hiện truyền dẫn phát sóng truyền hình cho các đài PTTH địa phương, không cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông cho công chúng thì có được xét là mạng viễn thông công cộng theo định nghĩa tại khoản 12 Điều 3 dự thảo Luật hay không để sửa đổi cho phù hợp. Đồng thời đề nghị phân tích đánh giá thị trường truyền dẫn phát sóng truyền hình để xử lý dứt điểm, tránh lãng phí tần số đối với các đài như VTV, VTC không thành lập doanh nghiệp nhưng vẫn cung cấp phần dung lượng dôi dư để truyền dẫn phát sóng chương trình truyền hình của đài địa phương. | Quan điểm: Dịch vụ truyền dẫn là dịch vụ viễn thông. Mạng của VOV, VTV là mạng dùng riêng đối với các kênh do đài sản xuất, phần truyền dẫn cho các đài địa phương là cung cấp dịch vụ viễn thông. |
| ***34*** | ***Công ty Vietnamobile*** |  |
|  | - Doanh nghiệp có hạ tầng mạng (‘Doanh Nghiệp Bán Buôn’) khi bán dịch vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác (MVNO hoặc đại lý viễn thông) để bán lại cho người tiêu dùng có trách nhiệm “cung cấp dịch vụ với mức giá cước và các điều kiện liên quan công bằng, hợp lý, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp mua dịch vụ, giữa bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp với các doanh nghiệp mua dịch vụ để bán lại trong cùng một điều kiện hoàn cảnh” (Điều 20.1 Dự thảo).  Quy định này hạn chế quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng. Đề nghị cân nhắc. | Bảo lưu  Nghĩa vụ không phân biệt đối xử này cũng đã và đang được áp dụng đối với việc kết nối (Điều 42, 43 Luật Viễn thông) và nghĩa vụ không phân biệt đối xử được áp dụng chung trong nhiều lĩnh vực không chỉ viễn thông. |
|  | Dự thảo đề xuất 2 phương án quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với dịch vụ viễn thông quan trọng nhà nước cần quản lý cạnh tranh gồm (Điều 62.1(b) Dự thảo):  + Phương án 1: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.  + Phương án 2: Quyết định giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.  Quyết định giá bán buôn (giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông) là quyền của doanh nghiệp viễn thông. Đề nghị bỏ cả hai phương án trên. | Bảo lưu  Trách nhiệm quản lý giá là trách nhiệm của Nhà nước, Bộ TT&TT có quyền và trách nhiệm quản lý giá chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật chung về quản lý giá. |
|  | - Dự thảo có nhiều quy định về bảo vệ “thông tin riêng” (ví dụ Điều 6.3, Điều 12.3, Điều 16.1.1(đ) v.v. của Dự thảo) nhưng không có định nghĩa cho khái niệm này. Tại Điều 6.4 Dự thảo mới dừng lại ở liệt kê mở là thông tin riêng “bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi, địa chỉ IP và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp”. Đề nghị làm rõ khái niệm “thông tin riêng” và tránh liệt kê bao trùm “bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin.” | Nội dung quy định đã xác định rõ phạm vi và các loại thông tin riêng |
|  | - Dự thảo cấm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường, doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu không được thực hiện các hành vi cung cấp hạ tầng, dịch vụ với mức giá quá cao gây trở ngại cho các doanh nghiệp bán lẻ trong việc cung cấp dịch vụ tới người sử dụng dịch vụ viễn thông (Điều 22.2(b) Dự thảo). Đề nghị làm rõ ngưỡng để xác định mức độ “quá cao”. | Đây là nội dung tại dự thảo cũ, trong quá trình soạn thảo chưa được đồng bộ với nội dung tại dự thảo mới. |
|  | - Dự thảo quy định doanh nghiệp viễn thông không được áp đặt, phá giá giá cước viễn thông. Hành vi bán “phá giá” chưa được định nghĩa trong Luật Giá (kể cả dự thảo sửa đổi Luật Giá mới nhất). Đề nghị làm rõ khái niệm này (Điều 62.1 Dự thảo). | Cụm từ “gây mất ổn định thị trường” sau khái niệm “phá giá” đã bổ trợ đầy đủ cho khái niệm này. |
|  | - Đề nghị rà soát lại các quy định liên quan đến Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Ví dụ, Điều 18.3(a) quy định “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là chưa phù hợp với Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp 2020. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa. |
|  | - Điều 19.4 Luật Viễn thông hiện tại quy định Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành Danh mục doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu. Dự thảo bỏ yêu cầu này. Đề nghị giữ lại do doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu có thể được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường và/hoặc có nghĩa vụ đặc biệt theo Điều 21.1(a) và Điều 49.2(b) Dự thảo. | Đã loại bỏ tại Điều 21 dự thảo mới. Tuy nhiên, Điều 19.4 Luật VT 2009 vẫn có quy định này. Để phục vụ cho các mục tiêu quản lý khác của Cục, đề nghị các đơn vị khác có liên quan (Phòng PTHT, Phòng Chính sách…) có ý kiến về viêc giữ hay không giữ quy định này. |
|  | - Đề nghị nghiên cứu và xóa bỏ trách nhiệm đóng góp quỹ viễn thông công ích của doanh nghiệp viễn thông như quy định tại Điều 25.2 (a) của Dự thảo Luật. Vì nguồn thu của Quỹ này nên được hình thành từ ngân sách nhà nước và các khoản viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. | Bảo lưu  Quỹ VTCI hoạt động từ việc đóng góp của doanh nghiệp viễn thông từ đó hỗ trợ lại DNVT, mục tiêu để phổ cập dịch vụ viễn thông đến người sử dụng. Quỹ DVVT không phải Quỹ hình thành từ ngân sách Nhà nước. |
| ***35*** | ***Sở TTTT Bắc Ninh*** |  |
|  | Bổ sung, thống nhất một số khái niệm với Luật CNTT:  - Thiết bị số: là thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông, truyền dẫn, thu phát sóng vô tuyến điện và thiết bị tích hợp khác được sử dụng để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số.  - Cơ sở hạ tầng thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu.  - Phần mềm là chương trình máy tính được mô tả bằng hệ thống ký hiệu, mã hoặc ngôn ngữ để điều khiển thiết bị số thực hiện chức năng nhất định.  - Về dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây … | Các khái niệm đã được rà soát, đồng bộ |
|  | Dự thảo Luật Viễn thông đã trình bày các nội dung về hoạt động đầu tư viễn thông, nhưng chưa đề cập đến các nội dung về đầu tư phục vụ cho hoạt động của các cơ quan Đảng, nhà nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước (như mua sắm các trang, thiết bị viễn thông; đầu tư xây dựng, lắp đặt hạ tầng mạng viễn thông, dịch chuyển tuyến cáp viễn thông…). Do đó đề nghị bổ sung các nội dung quy định quản lý đầu tư viễn thông sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. | Bảo lưu. Các điều kiện, hoạt động đầu tư tuân theo quy định pháp luật về đầu tư, không quy định chi tiết trong luật. |
|  | Lựa chọn phương án (PA) đưa ra tại điểm b, khoản 1, Điều 62 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi): Sở Thông tin và Truyền thông nhất trí chọn PA1 vì đối với các dịch vụ thuộc Danh mục định giá tại Luật Giá sửa đổi, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý giá cước viễn thông; quyết định giá cước viễn thông do Nhà nước quy định (quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 62). Còn đối với các dịch vụ khác để đảm bảo sự cạnh tranh chỉ cần có cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông. | Tiếp thu |
|  | Bổ sung “cụm công nghiệp” vào khoản 2, Điều 65. Quy hoạch công trình viễn thông và sửa thành:  “2. Quy hoạch xây dựng công trình giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao phải có quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong đầu tư xây dựng và thuận tiện cho việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông và cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông”. | Trong thực tế hiện nay, thuật ngữ “khu công nghiệp” về cơ bản đã bảo đảm bao hàm cả “cụm công nghiệp” |
| ***36*** | ***Sở TTTT Ninh Thuận*** |  |
|  | Tại điều 68, 69 dự thảo Luật, đề nghị thay thế cụm từ “hạ tầng kỹ thuật  giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước,  viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác” bằng cụm từ: hạ tầng kỹ  thuật viễn thông, hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng kỹ thuật khác.  Lý do: súc tích, trọng tâm vấn đề (viễn thông) dự thảo Luật sửa đổi đề cập. | Việc liệt kê các hạ tầng khác để cụ thể hóa tối đa các đối tượng cần dùng chung với hạ tầng viễn thông; Căn cứ quy định này Chính phủ đã có Nghị định 72/2012/NĐ-CP hướng dẫn cụ thể |
|  | Thống nhất cơ quan quyết định, tổ chức sử dụng chung cơ sở hạ tầng  viễn thông, hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng kỹ thuật khác tại địa phương  tại điểm b khoản 3 điều 51 dự thảo Luật (trách nhiệm cơ quan quản lý chuyên  ngành về viễn thông) và điểm b khoản 2 điều 69 dự thảo Luật (trách nhiệm  UBND các tỉnh, thành phố).  Lý do: thống nhất đầu mối tổ chức thực hiện nội dung này tại địa phương | Quy định tại dự thảo đã làm rõ vai trò giữa cơ quan quản lý chuyên ngành và địa phương với từng loại hình có liên quan (công trình tại địa phương do địa phương quyết định) |
| ***37*** | ***Bộ Tài nguyên Môi trường*** |  |
|  | - Về dự thảo Tờ trình dự án Luật Viễn thông (sửa đổi):  + Đoạn cuối Mục 1 Phần I, đề nghị bổ sung phân tích, làm rõ thực tế cần thiết xem xét, điều chỉnh Luật Viễn thông và các vấn đề chưa đồng bộ, thống nhất của Luật Viễn thông với quy định của luật chung.  + Phần V, đề nghị cân nhắc chuyển lên Phần I.  + Phần VII, đề nghị bổ sung làm rõ hơn “có lồng ghép một số chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013”. | Tiếp thu |
|  | Về dự thảo luật: |  |
|  | - Đề nghị trình bày, bố cục văn bản thành chương điều khoản điểm theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | - Điều 12, đề nghị xem xét bổ sung hành vi bị cấm trong hoạt động viễn thông là hành vi: Tiết lộ thông tin của cá nhân khi chưa được sự đồng ý của người đó để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định pháp luật liên quan và quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật. | Đã nằm trong quy định tại Khoản 2, 3 Điều 12 |
|  | - Điểm a khoản 1 Điều 21, đề nghị xem xét, quy định lại các cụm từ “có thể tạo ra rào cản đáng kể” cho rõ nghĩa hơn. Tương tự, điểm b khoản 2 Điều 22, đề nghị xem lại cụm từ “với mức giá quá cao gây trở ngại” để định lượng, bảo đảm thuận lợi, khả thi triển khai áp dụng. | Tiếp thu |
|  | - Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 29, đề nghị xem lại cụm từ “trên lãnh thổ đất liền Việt Nam” để thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều này, với các nội dung liên quan trong dữ thảo Luật và quy định của pháp luật hiện hành. | Tiếp thu |
|  | - Khoản 2 Điều 37, đề nghị làm rõ quy định “…được từ chối cung cấp dịch vụ cho người sử dụng vì lý do người sử dụng không đồng ý cho phép việc truy nhập vào các thông tin, dữ liệu hoặc các tính năng trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng dịch vụ và việc truy nhập này không phải là yếu tố bắt buộc phải có để thực hiện việc cung cấp dịch vụ” để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng. | Đã điều chỉnh dự thảo |
|  | - Điều 43, đề nghị xem lại quy định về điều kiện cấp giấy phép nghiệp vụ viễn thông để thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư 2020. | Đã rà soát đồng bộ. |
|  | - Khoản 1 Điều 62, đề nghị quy định theo Phương án 1 để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, bảo đảm công bằng giữa các doanh nghiệp. | Tiếp thu |
|  | - Khoản 2 Điều 63, đề nghị xem xét bổ sung quy định làm rõ cơ chế kiểm soát việc khấu trừ chính xác số tiền mà người sử dụng dịch vụ viễn thông phải thanh toán theo giá cước quy định đối với dịch vụ viễn thông thanh toán theo hình thức trả trước. | Bảo lưu  Việc quy định “khấu trừ chính xác số tiền” là rõ ràng. Khấu trừ chính xác theo giá cước tức là giá thế nào thì trừ đúng thế không thừa thiếu. |
|  | - Điều 64, đề nghị xem xét bổ sung quy định cụ thể các “trường hợp bất khả kháng” nêu tại khoản 4 Điều này để bảo đảm tính công khai, minh bạch. | “Sự kiện bất khả kháng” được pháp luật Việt Nam “định nghĩa” tại khoản 1 Điều 56 Bộ Luật Dân sự 2015 như sau: “Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”. Theo căn cứ này, có thể hiểu sự kiện bất khả kháng là sự kiện nằm ngoài ngoài phạm vi, tầm kiểm soát của con người như thiên tai, địch họa, bệnh dịch mà tại thời điểm thực hiện thỏa thuận hoặc trong quá trình thực hiện thỏa thuận các bên không thể biết được, lường trước được hậu quả có thể xảy đồng thời không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng tất cả các biện pháp trong khả năng cho phép. |
|  | Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động: |  |
|  | - Điểm b mục 1 Phần I, đề nghị xem xét bổ sung phân tích, làm rõ thực tế cần thiết xem xét, điều chỉnh Luật Viễn thông và các vấn đề chưa đồng bộ, thống nhất của Luật Viễn thông với quy định của luật chung. | Tiếp thu |
|  | - Phần II, đề nghị xem lại tên các chính sách, cần bổ sung để rõ hơn, bảo đảm thống nhất với các nội dung bổ sung, sửa đổi nêu tại Phần IV dự thảo Tờ trình, ví dụ chính sách 1. | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị bổ sung về tính toán chi phí tác động về kinh tế của từng chính sách. | Tiếp thu |
| 38 | ***Công ty Đông Dương Telecom*** |  |
|  | - Một số khái niệm cần có định nghĩa rõ ràng để tránh các cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện luật sau này, ví dụ như: hạ tầng mạng, cho thuê phần mềm… | Tiếp thu |
|  | - Trong thực tế các DN bán buôn dịch vụ viễn thông là bên chủ động và là “cửa trên” trong đàm phán và thực hiện thỏa thuận bán buôn, họ có khả năng và công cụ để hạn chế hoặc tạo điều kiện khó khăn hơn cho các DN có nhu cầu mua lưu lượng để tạo lợi thế cạnh tranh cho mình. Do vậy, ngoài các quy định về nghĩa vụ bán buôn, giá cước thì cần quy định việc tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông trong suốt quá trình hình thành, thực hiện, chấm dứt các thỏa thuận bán buôn lưu lượng để đảm bảo công bằng và hợp lý. | Nội dung này đã được thể hiện qua các quy định trong dự thảo Luật. |
|  | - Với hình thức cấp giấy phép viễn thông quy định tại Điều 41 nên nêu rõ loại giấy phép nào thì áp dụng hình thức cấp phép riêng, loại nào thì áp dụng hình thức cấp phép nhóm. Đề xuất Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông nên áp dụng hình thức cấp phép nhóm. | Luật chỉ nêu khái niệm về các hình thức cấp phép, cụ thể sẽ được quy định trong Nghị định, Thông tư |
|  | - Ngoài ra, có thể quy định tại Luật này hoặc các văn bản khác việc Bộ Thông tin và Truyền thông chính thức cho phép nhà mạng sử dụng các ứng dụng online vào công tác cập nhật thông tin thuê bao nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. | Nội dung này đã được nghiên cứu, bổ sung trong quá trình sửa đổi Nghị định 25/2011/NĐ-CP |
| ***39*** | ***Sở TTTT Hải Phòng*** |  |
|  | Đề nghị điều chỉnh, thay thế căn cứ ban hành Luật Viễn thông như sau:  - Nội dung nêu trong dự thảo: “Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội  chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị  quyết số 51/2001/QH10”  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Căn cứ Hiến pháp nước Cộng  hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” | Tiếp thu |
|  | Đề nghị xem xét điều chỉnh nội dung phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1  dự thảo luật như sau:  Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Luật này quy định về hoạt động  viễn thông; hoạt động thiết lập, quản lý, kinh doanh trung tâm dữ liệu và điện  toán đám mây; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân  trong hoạt động viễn thông, hoạt động thiết lập, quản lý, kinh doanh trung tâm  dữ liệu và điện toán đám mây và quản lý nhà nước về viễn thông” | Tiếp thu |
|  | Đề nghị xem xét điều chỉnh Khoản 8 Điều 3 Chương I dự thảo luật như  sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Dịch vụ thông tin liên lạc không  sử dụng kho số viễn thông là dịch vụ thông tin liên lạc được thực hiện mà không  cần đến các thuê bao viễn thông được ấn định trong kho số viễn thông. Dịch vụ  thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông không bao gồm các dịch vụ  mà tính năng thực hiện cuộc gọi thoại, nhắn tin chỉ là các đặc tính phụ thuộc,  thứ yếu của một dịch vụ khác.” | Bảo lưu như dự thảo |
|  | Đề nghị điều chỉnh cụm từ “lành lạnh” tại khoản 2 Điều 4 thành cụm  từ “lành mạnh” | Tiếp thu |
|  | Điều 9 quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về viễn thông, tuy  nhiên mới chỉ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền  thông trong việc chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý  nhà nước về viễn thông, chưa có quy định cụ thể về quản lý nhà nước về viễn  thông bao gồm những nội dung gì để thực hiện đối với các cơ quan khác. Đề  nghị bổ sung cho đầy đủ, rõ ràng và thuận lợi khi tổ chức thực hiện | Xem xét bổ sung trong VB hướng dẫn |
|  | Đề nghị bổ sung, điều chỉnh Khoản 1 Điều 12 Chương I dự thảo luật  như sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Lợi dụng hoạt động viễn thông  nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phương  hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết  toàn dân; tuyên truyền chiến tranh xâm lược; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các  dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, tội  ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc; lừa đảo, chiếm đoạt tài sản và làm ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi hợp pháp  của tổ chức, cá nhân” | Bảo lưu do nội dung bổ sung được quy định ở pháp luật chung |
|  | Đề nghị bổ sung, điều chỉnh Khoản 7 Điều 12 Chương I dự thảo luật  như sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Lưu trữ, lan truyền các thông  tin chống phá Nhà nước, gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn  xã hội; lưu trữ, lan truyền trái phép thông tin gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyền  và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân” | Bảo lưu do nội dung bổ sung được quy định ở pháp luật chung |
|  | - Bổ sung điều khoản về Thông báo thiết lập hạ tầng và cung cấp dịch vụ  viễn thông | Đã có quy định về thông báo chính thức khai thác mạng và cung cấp dịch vụ tị Khoản 2 Điều 9 Thông tư 12/2013/TT-BTTTT |
|  | Đề nghị bố cục lại Điều 14, Điều 16 để bảo đảm tính rõ ràng, không sử  dụng ký hiệu 1.1, 1.2, 2.1, 2.2. | Tiếp thu |
|  | Đề nghị bỏ đoạn dẫn trong Điều 20, đồng thời điều chỉnh tiêu đề Điều  20 thành “Nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông theo  hình thức bán buôn thuộc danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng nhà nước  cần quản lý cạnh tranh” | Tiếp thu |
|  | Đề nghị chuyển nội dung nêu tại khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 23  vào phần giải thích từ ngữ trong Điều 3. | Bảo lưu do đây là những quy định cụ thể trong các điều khoản, không phải giải thích từ ngữ |
|  | Đề nghị sắp xếp, điều chỉnh lại nội dung và tên tiêu đề Điều 21 và  Điều 22 theo hướng như sau:  - Đổi tên tiêu đề Điều 21 từ “Quản lý cạnh tranh trong lĩnh vực viễn  thông” thành “Doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường và các  nghĩa vụ có liên quan trong hoạt động viễn thông.”; đồng thời chuyển khoản 2  Điều 22 của dự thảo luật sang Điều 21 sau khi đã đổi tên tiêu đề.  - Đổi tiêu đề Điều 22 từ “Các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực  viễn thông” thành “Cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông”; đồng thời bổ sung  nội dung quy định về trách nhiệm trong quản lý cạnh tranh về lĩnh vực viễn  thông đối với tổ chức, cá nhân có liên quan. | Tiếp thu |
|  | Đề nghị điều chỉnh tên tiêu đề Điều 26 từ “Thiết bị đầu cuối thuê bao,  mạng nội bộ” thành “Hòa mạng, đấu nối thiết bị đầu cuối thuê bao và mạng nội  bộ”. | Bảo lưu do không phù hợp |
|  | Đề nghị điều chỉnh, bổ sung Khoản 3 Điều 27 như sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Tổ chức thiết lập mạng viễn  thông phải có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng  viễn thông theo quy định của Luật này; đồng thời phải thông báo cho cơ quan  quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương trước khi thiết lập mạng viễn  thông tại địa phương đó”. | Nghị định 81/2016/NĐ-CP đã quy định về thủ tục công bố nội dung GP. Để đơn giản TTHC, sẽ bổ sung trong Nghị định sửa đổi quy định Cục VT sẽ công bố nội dung GP trên cổng TTĐT của Cục VT. |
|  | Đề nghị điều chỉnh nội dung đoạn 1 Khoản 8 Điều 28 như sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Doanh nghiệp có hạ tầng mạng  có trách nhiệm xây dựng và công bố các mức chất lượng dịch vụ và giá cước  tương ứng với dịch vụ mà các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn  thông cung cấp cho các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước trên  mạng viễn thông của mình” | Tiếp thu một phần để hoàn thiện dự thảo |
|  | Đề nghị bổ sung ký hiệu các điểm tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 | Tiếp thu |
|  | Để tạo tính chủ động, linh hoạt theo các yếu tố thị trường của doanh  nghiệp trong việc quyết định giá, nhưng vẫn đảm việc kiểm soát, quản lý của  nhà nước đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh  tranh, đề xuất lựa chọn với PA1 cho Điểm b Khoản 1 Điều 62 dự thảo luật. | Tiếp thu |
|  | Đề nghị rà soát, chỉnh lý các lỗi chính tả, đồng thời không sử dụng  dấu “…” trong văn bản | Tiếp thu |
|  | Đề nghị điều chỉnh nội dung Khoản 2 Điều 65 như sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Quy hoạch xây dựng công trình  giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao và khu cung ứng dịch vụ công cộng tập trung phải có quy  hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm tính thống nhất, đồng  bộ trong đầu tư xây dựng và thuận tiện cho việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn  thông và cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông.” | Thuật ngữ “khu công nghiệp” đã bao hàm “cụm công nghiệp” |
|  | Đề nghị bổ sung nôi dung sau thành 01 khoản trong Điều 66 “Căn cứ  nội dung quy hoạch hạ tầng viễn thông trong Quy hoạch xây dựng công trình  giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh  tế, khu công nghệ cao và khu cung ứng dịch vụ công cộng tập trung, cơ quan có  thẩm quyền và chủ đầu tư các dự án, công trình nêu trên có trách nhiệm bố trí  quỹ đất để thiết lập hạ tầng viễn thông theo quy hoạch đã được duyệt” | Nội dung trong dự thảo đã bảo đảm đồng bộ với các quy định có liên quan |
|  | Đề nghị điều chỉnh nội dung Khoản 3 Điều 67 như sau:  - Nội dung đề xuất điều chỉnh, thay thế: “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ  tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp  viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương  trước khi thực hiện việc xây dựng” | Khoản 3 Điều 67 đã có nội dung “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương. Ngoài ra việc xây dựng Hạ tầng viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống bể) ngoài việc tuân thủ các quy định chuyên ngành thì được thực hiện (cấp phép, miễn cấp phép) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Theo[khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng 2014](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-2014-238644.aspx?anchor=khoan_1_107) (được sửa đổi bởi [khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020)](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-sua-doi-2020-so-62-2020-QH14-418229.aspx?anchor=dieu_1):  *Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc.* |
|  | Đề nghị bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp  viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lắp đặt công trình  viễn thông trên tài sản công. | Nội dung về xây dựng trên đất công/tài sản công đang được đưa vào Nghị định sửa đổi Nghị định 25 |
| ***40*** | ***Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao*** |  |
|  | Đề nghị giải thích bổ sung một số thuật ngữ đặc thù như “bù chéo”, “viễn thông công ích”, “liên lạc nghiệp vụ”…để khi thi hành được thuận lợi, tránh việc nhận thức theo nhiều nghĩa | - “bù chéo” là khái niệm chuyên sâu, cụ thể. Đã được đề cập đến trong các văn bản thực thi dưới Luật.  - “dịch vụ viễn thông công ích” là khái niệm chuyên sâu, cụ thể. Đã được định nghĩa tại VBQPPL dưới luật, dịch vụ VTCI bao gồm dịch vụ viễn thông phổ cập và dịch vụ viễn thông bắt buộc |
|  | Để đảm bảo cho việc nghiên cứu, góp ý toàn diện, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi gửi hồ sơ gửi xin ý kiến góp ý, cần bổ sung Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự thảo luật. | Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến được bổ sung khi gửi hồ sơ đi thẩm định, sau khi hết thời hạn lấy ý kiến |
| ***41*** | ***Công ty Mắt Bão*** |  |
|  | Điều 1: Chưa thấy đề cập đến phạm vi tài nguyên Internet bao gồm Tên miền, IP … | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 2: Chưa thấy đề cập đến phạm vi tài nguyên Internet bao gồm Tên miền, IP … | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 3: Chỉ có khái niệm về Tài nguyên internet, đề xuất bổ sung thêm về: Dịch vụ cung cấp tên miền; Doanh nghiệp cung cấp tên miền (bao gồm: .vn và quốc tế; trong nước và xuyên biên giới), Người sử dụng tên miền. | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 9 Khoản 2: Đề nghị bổ sung: Quản lý hoạt động đăng ký, duy trì, sử dụng tài nguyên Internet Việt Nam. | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 29: Không thấy đề cập đến việc các NCC tên miền Internet nước ngoài cung cấp dịch vụ tại lãnh thổ Việt Nam. Hoặc: việc cá nhân/ tổ chức đăng ký sử dụng tên miền không thông qua NĐK trong nước. Hoặc: việc Tổ chức trong nước cung cấp dịch vụ tên miền xuyên biên giới. | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 52: Điều kiện của doanh nghiệp cung cấp tên miền đã có trong Nghị định 72, 27, tuy nhiên chưa được bổ sung vào mức Luật. Cần làm rõ chỗ điều kiện để được phép hoạt động của các nhà đăng ký tên miền có thay đổi gì không? Hay các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp miền Quốc tế ở VN điều kiện hoạt động là gì? | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 55 Khoản 1: Quy trình chuyển nhượng địa chỉ Internet, số hiệu mạng mà Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp cho các tổ chức Việt Nam như thế nào? | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 56 Khoản 4: Các trường hợp thu hồi tên miền do không đúng đối tượng sử dụng thuộc quy định tại điểm b, tuy nhiên chủ thể không được bồi thường/không có quy định bồi thường cụ thể.  VD: Thu hồi tên miền đối tượng tintuc, baochi đã được cấp trước khi có sửa đổi trong Luật báo chí, nguyên tắc đăng ký tên miền trong Thông tư 24, 21, Nghị định 72, 27. | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
|  | Điều 62: Đề xuất chọn phương án 2 | Theo quy định tại Luật Giá, các dịch vụ thuộc anh mục định giá do Nhà nước quy định giá phải là các dịch vụ mang tính chất độc quyền. Trường hợp muốn bổ sung, sửa đổi phải được bổ sung, sửa đổi tại Luật Giá và giao trách nhiệm quyết định giá cho Bộ chuyên ngành. Ngành viễn thông hiện có giá cước kết nối và giá cước dịch vụ viễn thông công ích thuộc Danh mục định giá. |
|  | Đề nghị bổ sung thêm 1 chương về tài nguyên internet: tên miền và IP để làm rõ hơn việc Luật viễn thông quy định và quản lý chung về Tài nguyên viễn thông.  Riêng về tên miền có thể bao gồm các hạng mục như:  - Hoạt động kinh doanh dịch vụ tên miền  - Phân loại tên miền (tên miền quốc gia ccTLD .vn và tên miền khác .vn: gTLD, new gTLD)  - Nguyên tắc cấp phát, đăng ký tên miền/ sử dụng tên miền (làm cơ sở căn cứ cho Thông tư 24, 21)  - Nguyên tắc, điều kiện đăng ký kinh doanh dịch vụ tên miền (làm cơ sở căn cứ cho nghị định 72, 27)  + Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: trong nước và nước ngoài  + Cá nhân, tổ chức (trong nước và nước ngoài) đăng ký tên miền: Qua doanh nghiệp trong nước và đăng ký qua doanh nghiệp ở nước ngoài  - Thu thập và bảo mật thông tin chủ thể đăng ký tên miền  - Xử lý vi phạm liên quan sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu/ thương hiệu (thường gặp do nhãn tên miền có thể trùng với nhãn hiệu). | Xem xét quy định trong VB dưới luật, văn bản khác. |
| ***42*** | ***UBND Nghệ An*** |  |
|  | Tại Điều 33, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, mở rộng thêm các số liên lạc khẩn cấp của các cơ quan quân sự, cơ quan thường trực Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Ngoài ra, cần có quy định cụ thể trách nhiệm của DN viễn thông về việc truyền tải thông tin khẩn cấp theo phân cấp. | Nội dung này không thuộc chức năng của phòng PTHT.  Theo phòng nội dung tại dự thảo đã bảo đảm phù hợp với các quy định về trường hợp khẩn cấp. |
|  | Điều 35: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung dịch vụ báo hỏng, dịch vụ Internet cố định và các dịch vụ khác do doanh nghiệp cung cấp | Bảo lưu  Các dịch vụ Internet cố định và các dịch vụ khác do doanh nghiệp cung cấp là các dịch vụ giá trị gia tăng do thị trường điều tiết, ràng buộc dân sự giữa nhà cung cấp và người sử dụng bao gồm cả khách hàng cá nhân. Các nhà cung cấp đều có cung cấp dịch vụ báo hỏng xong có thể thu phí cuộc gọi đến của người sử dụng khi báo hỏng các dịch vụ trên |
|  | Điều 39: Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất tên “Giấy phép kinh doanh…” | Đã rà soát thống nhất tên GP kinh doanh DVVT |
|  | Điều 57: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, gộp 2 khoản thành 1 khoản vì các khoản có nội dung giống nhau | Bảo lưu  Nội dung hai điều khoản là khác nhau, quy chuẩn và tiêu chuẩn quốc gia. |
|  | Điều 65: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định cho doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông sử dụng đất công cộng, đất công trên tài sản công có điều kiện | Nội dung về xây dựng trên đất công/tài sản công đang được đưa vào Nghị định sửa đổi Nghị định 25 |
|  | Điều 66: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể sử dụng đất cho công trình viễn thông. Lý do: việc xây dựng hạ tầng viễn thông phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp | Nội dung quy định về hình thức cấp phép xây dựng tuân thủ theo các quy định chung của ngành xây dựng, cụ thể như theo Nghị định 53/2017/NĐ-CP quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng cũng đã có quy định “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất*.” là một loại giấy tờ hợp pháp để cấp phép xây dựng |
|  | Điều 67: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về thiết kế, xây dựng công trình viễn thông tại các tòa nhà cao tầng. | Nội dung kiến nghị thuộc phạm vi do pháp luật về xây dựng điều chỉnh |
|  | Điều 69: Việc lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương cần bảo đảm phù hợp với thẩm quyền, nội dung trong Luật Quy hoạch (nêu rõ việc địa phương có được lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hay không) | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Điều 70: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, mở rộng quy định áp dụng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước | Nội dung quy định về hình thức cấp phép xây dựng tuân thủ theo các quy định chung của ngành xây dựng, cụ thể như theo Nghị định 53/2017/NĐ-CP quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng cũng đã có quy định “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất*.” là một loại giấy tờ hợp pháp để cấp phép xây dựng |
| ***43*** | ***UBND Khánh Hòa*** |  |
|  | Về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương  - Tại khoản 4, Điều 8 của Dự thảo quy định: “Trên cơ sở quy hoạch phát triển  viễn thông quốc gia, doanh nghiệp viễn thông xây dựng quy hoạch, kế hoạch của  doanh nghiệp mình”.  - Tại điểm a khoản 2, Điều 69 của Dự thảo quy định trách nhiệm của Ủy ban  nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “Phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ  thuật viễn thông thụ động tại địa phương theo quy định của Bộ Thông tin và  Truyền thông; công bố, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch hạ  tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương”.  Hai quy định trên đây có thể gây bất cập trong việc tổ chức xây dựng và đảm  bảo tuân thủ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương. Do  vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ các nội dung sau:  - Doanh nghiệp viễn thông có xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn  thông thụ động của doanh nghiệp mình theo từng địa phương (tỉnh/thành phố trực  thuộc trung ương) hay không?  - Trong trường hợp doanh nghiệp viễn thông có xây dựng quy hoạch hạ tầng  kỹ thuật viễn thông thụ động theo địa phương thì quy hoạch của doanh nghiệp có  căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương do Ủy ban  nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt không ? | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Tại tiết a, điểm 2.1, khoản 2, Điều 14 của Dự thảo, quy định:  “2.1. Quyền của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng:  a) Được sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển để xây  dựng cơ sở hạ tầng viễn thông theo đúng quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ  thuật”.  Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ trong trường hợp “không gian, mặt đất,  lòng đất, đáy sông, đáy biển” thuộc khu vực đất công hoặc tài sản công thì doanh  nghiệp viễn thông có được xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông đúng theo quy hoạch  hay không ? | Nội dung về BTS trên tài sản công đang được đưa vào Nghị định sửa đổi Nghị định 25 |
|  | Tại khoản 1 Điều 34 của Dự thảo: Ngoài các hình thức dưới dạng bản in,  bản điện tử, trên mạng, Danh bạ điện thoại công cộng còn có thể được lưu giữ dưới  hình thức cơ sở dữ liệu và dịch vụ ứng dụng (API) để phục vụ dịch vụ cung cấp  thông tin thuê bao điện thoại cố định qua tổng đài điện thoại, qua tra cứu tin nhắn  SMS hoặc tích hợp với các hệ thống thông tin quản lý khác. Do vậy, đề nghị cơ  quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm các hình thức này vào quy định. | Xem xét đưa vào VB dưới luật |
| ***44*** | ***Sở TTTT An Giang*** |  |
|  | 1. Đề nghị nêu rõ, bổ sung giải thích một số từ ngữ tại dự thảo như sau:  a) Có quy định rõ hơn tiêu chí xác định “mức giá quá cao” tại điểm b khoản  2 Điều 22.  b) Bổ sung khái niệm “Hạ tầng số” để tạo điều kiện thuận lợi triển khai phát  triển hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số trong thời gian tới. | Điểm b khoản 2 Điều 22: Điểm này đã loại bỏ tại dự thảo mới  Bảo lưu, chưa có khải niệm rõ ràng về hạ tầng số |
|  | 2. Tại Điều 8, điều chỉnh khoản 4 như sau: “Trên cơ sở quy hoạch phát triển  viễn thông quốc gia, doanh nghiệp viễn thông xây dựng quy hoạch, kế hoạch của  doanh nghiệp mình. Đồng thời đảm bảo phù hợp quy hoạch của các địa  phương.”. | Bảo lưu, phù hợp với Luật Quy hoạch |
|  | 3. Tại khoản 1.1 Điều 14, đề nghị bỏ điểm d do doanh nghiệp cung cấp dịch  vụ không có hạ tầng mạng thì không có hạ tầng mạng để cho thuê. | Bảo lưu. DN được phép cho thuê lại |
|  | 4. Tại điểm a khoản 3 Điều 18, đề nghị bỏ nội dung “Giấy chứng nhận đăng  ký đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” để phù hợp với các  quy định về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư. | Tiếp thu |
|  | 5. Tại khoản 4 Điều 21, điều chỉnh điểm c như sau: “Thực hiện kê khai giá  cước với Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông khi định giá và điều chỉnh  giá. ”. | Tiếp thu đã loại bỏ khỏi dự thảo |
|  | 6. Tại Điều 30, bổ sung khoản 5 như sau: “Người sử dụng dịch vụ viễn thông  với mục đích thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.”. | Theo quy định tại pháp luật khác |
|  | 7. Tại khoản 3 Điều 51, điều chỉnh điểm b như sau: “Sử dụng chung hạ tầng  kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy  hoạch có liên quan.”. | Nội dung dự thảo đang nhấn mạnh vào việc tăng cường sử dụng chung tại khu vực “đô thị”. |
|  | 8. Tại điểm b khoản 1 Điều 62, chọn “PA1: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính  ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp  viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh  tranh.” để tạo sự thuận lợi, linh hoạt trong quá trình thực hiện. | Tiếp thu |
|  | 9. Tại Điều 67, điều chỉnh khoản 2 như sau: “Việc xây dựng công trình viễn  thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đảm bảo  cảnh quan, môi trường, theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp  luật có liên quan. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là nội dung bắt buộc phải có  khi thiết kế cơ sở hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng  lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.” | Nội dung tại khoản 2 Điều 67 đã phù hợp, đồng bộ với nội dung góp ý |
|  | 10. Tại khoản 2 Điều 69, điều chỉnh điểm a như sau: “Phê duyệt quy hoạch hạ  tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin  và Truyền thông; công bố, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch  hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;” | Nội dung tại khoản 2 Điều 69 đã phù hợp, đồng bộ với nội dung góp ý |
|  | 11. Đối với quy định về “Trung tâm dữ liệu” tại dự thảo, đề nghị nghiên cứu  điều chỉnh các nội dung có liên quan về hạ tầng lưu trữ dữ liệu tại các Luật như: Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng, các dự thảo Luật như: Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi để tránh chồng chéo trong quá trình triển khai thực hiện. | Đã thống nhất phạm vi quy định với các luật có liên quan. |
| ***45*** | ***Bộ Công thương*** |  |
|  | Về phạm vi điều chỉnh dự thảo luật: |  |
|  | - Khoản 31 Điều 3 Dự thảo luật: Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu thu hẹp phạm vỉ của trung tâm đữ liệu chỉ trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông, đảm bảo không trùng lặp với các hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin hay các hệ thống/nền tảng tương tự đã được quy định tại các văn bản khác như Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Giao dịch điện tử... | Bảo lưu  Thống nhất đưa trung tâm dữ liệu về Luật VT |
|  | - Liên quan đến các nội dung quy định về “điện toán đám mây“ (Điều 1 dự thảo Luật), “dịch vụ điện toán đám mây“ (Chương X dự thảo Luật), đê nghị bỏ. Lý do:  + Thứ nhất, Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ không có chính sách mở rộng phạm vi điều chỉnh của dự án Luật liên quan đến điện toán đám mây. Đề nghị đơn vị soạn thảo bám sát chính sách được thông qua tại Nghị quyết nói trên. Trường hợp có bổ sung tại dự án luật, phải có sự nghiên cứu, rà soát, đánh giá cụ thể về tác động của chính sách đối với nội dung này.  + Thứ hai, điện toán đám mây (cloud computing) không phải là dịch vụ mới và dịch vụ này không chỉ diễn ra trên mạng viễn thông mà rât phô biến trên không gian mạng nói chung (Tô chức hợp tác phát triển kinh tế- OECD năm 2014 khi thực hiện nghiên cứu vê Kinh tê sô đã có phân tích về vấn đề này). Khải niệm này nên được quy định tại dự án luật chung về công nghệ thông tin hoặc giao dịch điện tử để thống nhất hạ tầng pháp luật | Bảo lưu. Đây là chính sách mới đề xuất và đã bổ sung báo cáo đánh giá tác động liên quan đến các chính sách mới và đăng website. |
|  | Các nội dung liên quan đến Luật Cạnh tranh:  Căn cứ cơ sở các quy định của Luật Cạnh tranh 2018 (Điều 4, khoản 2,3 Điều 7, điểm a, b khoản 2 Điều 46) và các văn bản quy định chỉ tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh, Bộ Công Thương kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến cạnh tranh tại Dự thảo Luật như Sau: |  |
|  | - Thứ nhất, Bộ Công Thương nhất trí với quy định Bộ Thông tin và Truyễn thông có nhiệm vụ, quyền hạn chủ động phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh như tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Dự thảo Luật. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông sửa đổi được nêu tại Điều l Dự thảo Luật gồm nhiều nội dung: hoạt động viên thông, bao gồm đầu tư, kinh doanh viễn thông: viễn thông công ích; quản lý viễn thông: xây dựng công trình viễn thông và một số nội dung khác. Do vậy, đề nghị sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 9 Dự thảo Luật như sau: “Chủ động phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật về cạnh tranh” để đảm bảo tính bao quát. | Tiếp thu |
|  | Thứ hai, Điều 19 Dự thảo Luật quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ”. Khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Dự thảo Luật quy định khái niệm “cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn và “cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán lẻ”. Trong khi đó, khoản 3 Điều này quy định “Chính phủ quy định nguyên tắc xác định các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh. Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.  Bộ Công thương đề nghị bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật, bởi vì Luật Cạnh tranh 2018 điều chỉnh chung các quan hệ cạnh tranh trong tất cả các lĩnh vực, thị trường hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam, bao gồm cả các dịch vụ viễn thông. Không phải chỉ “dịch vụ viễn thông quan trọng” thì Nhà nước mới cần quản lý về cạnh tranh. | Khái niệm cạnh tranh trong viễn thông theo thông lệ quốc tế bao gồm cả quản lý tiền kiểm (quốc tế gọi là Ex ante Regulation/SMP Regulation/Sector-specific Regulation) và quản lý hậu kiểm (theo Luật Cạnh tranh chung).  Do đặc thù của dịch vụ viễn thông có tính kết nối liên mạng và tác động trên phạm vi lớn, dịch vụ viễn thông liên mạng có sự tham gia của cả doanh nghiệp chiều đi, chiều đến và trung gian, từ đó ảnh hưởng đến toàn bộ thị trường, người dân, khách hàng. Mặt khác, viễn thông là ngành công nghệ cao, các hệ thống khi kết nối với nhau cần phải thực hiện theo một quy chuẩn, tiêu chuẩn tương thích toàn cầu giữa ITU và các nhà sản xuất thiết bị lớn trên thế giới. Vì vậy cần phải có một số quy định tiền kiểm để tuân theo các nguyên tắc quản lý thị trường chung trên thế giới.  Trên thế giới ngoài các quy định về quản lý cạnh tranh theo Pháp luật cạnh tranh chung, viễn thông vẫn có các quy định quản lý tiền kiểm song hành.  Việc quản lý cạnh tranh theo hướng tiền kiểm, bên cạnh quản lý cạnh tranh theo hình thức hậu kiểm của Luật Cạnh tranh, dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi sẽ quy định một số quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phải tuân thủ trong việc quản lý tiền kiểm của Bộ TTTT.  Vì vậy, dự thảo đã sửa đổi thành “*Danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý tiền kiểm*” để thể hiện đúng quan điểm quản lý tiền kiểm của Bộ TTTT, tránh gây nhầm lẫn với trách nhiệm quản lý hậu kiểm theo Luật Cạnh tranh. |
|  | Ngoài ra, Dự thảo Luật đã quy định khái niệm “dịch vụ viễn thông ` tại khoản 7 Điều 3, tuy nhiên, chưa quy định nội hàm, tính chất ' “quan trọng” để xác định “dịch vụ viễn thông quan trọng”. Theo quy định tại Điều 20 và 21 Dự thảo Luật, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh phải thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm ràng buộc nhiều hơn so với các doanh nghiệp viễn thông khác. Bởi vậy, việc chưa quy định nội hàm, tính chất “quan trọng” để xác định “dịch vụ viễn thông quan trọng” có thể dẫn đến thiếu cơ sở, căn cứ rõ ràng trong việc áp dụng các quy định tại Điều 20 và 21 Dự thảo luật. | Đã loại bỏ cụm từ “quan trọng” tại dự thảo mới |
|  | Thứ ba, kê khai giá, công khai, niêm yết giá là các biện pháp quản lý giá của Nhà nước, được quy định trong pháp luật vê giá. Do vậy, đề nghị không quy định các nội dung về quản lý giá trong các quy định về quản lý cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông (khoản 2; khoản 3 Điều 20 và khoản 4 Điều 21 dự thảo luật) nhằm tránh gây chồng chéo, trùng lắp với các quy định của pháp luật về giá | Bảo lưu  Các quy đinh này nhằm đồng bộ, phù hợp với quy định tại Điều 62 dự thảo Luật. |
|  | Thứ tư, đề nghị rà soát, loại bỏ các quy định tại Điều 20, 21 và 22 của Dự thảo Luật có nội dung trùng lắp, chồng chéo với các quy định của Luật Cạnh tranh 2018, cụ thể:  (1) Loại bỏ quy định tại khoản 1 Điều 20 Dự thảo Luật về nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn “Cung cấp dịch vụ với mức giá cước và các điều kiện liên quan công bằng, hợp lý, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp mua dịch vụ, giữa bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp với các doanh nghiệp mua dịch vụ để bán lại trong cùng một điều kiện hoàn cảnh ") do có nội hàm tương tự, trùng lắp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Luật Cạnh tranh 2018. Đồng thời, ngoài quy định này, Luật Cạnh tranh 2018 đã có các quy định khác cấm “thỏa thuận hạn chế cạnh tranh” và “lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền” có liên quan đến giá của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp tại khoản 1 và 4 Điều 12; điểm a, b khoản l và điểm a khoản 2 Điều 27 Luật nhằm đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh về giá giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh. | Khái niệm cạnh tranh trong viễn thông theo thông lệ quốc tế bao gồm cả quản lý tiền kiểm (quốc tế gọi là Ex ante Regulation/SMP Regulation/Sector-specific Regulation) và quản lý hậu kiểm (theo Luật Cạnh tranh chung).  Do đặc thù của dịch vụ viễn thông có tính kết nối liên mạng và tác động trên phạm vi lớn, dịch vụ viễn thông liên mạng có sự tham gia của cả doanh nghiệp chiều đi, chiều đến và trung gian, từ đó ảnh hưởng đến toàn bộ thị trường, người dân, khách hàng. Mặt khác, viễn thông là ngành công nghệ cao, các hệ thống khi kết nối với nhau cần phải thực hiện theo một quy chuẩn, tiêu chuẩn tương thích toàn cầu giữa ITU và các nhà sản xuất thiết bị lớn trên thế giới. Vì vậy cần phải có một số quy định tiền kiểm để tuân theo các nguyên tắc quản lý thị trường chung trên thế giới.  Trên thế giới ngoài các quy định về quản lý cạnh tranh theo Pháp luật cạnh tranh chung, viễn thông vẫn có các quy định quản lý tiền kiểm song hành.  Việc quản lý cạnh tranh theo hướng tiền kiểm, bên cạnh quản lý cạnh tranh theo hình thức hậu kiểm của Luật Cạnh tranh, dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi sẽ quy định một số quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phải tuân thủ trong việc quản lý tiền kiểm của Bộ TTTT. |
|  | (2) Loại bỏ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Dự thảo luật về trách nhiệm của DN viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường khi cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn “Không cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn với giá cước thấp hơn giá thành bán buôn” do có nội hàm tương tự, trùng lắp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Cạnh tranh 2018 (“Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ đối thủ cạnh tranh”) |
|  | (3) Loại bỏ quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 21 dự thảo luật trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường khi cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn “Xây dựng, ban hành thỏa thuận mẫu cung cấp dịch vụ viễn thông để áp dụng thống nhất và gửi thỏa thuận mẫu này tới Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông” do quá trình thực hiện quy định tại điều khoản này có thể dẫn đến việc hình thành các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. |
|  | (4) Loại bỏ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 dự thảo luật về hành vi “Bù chéo dịch vụ viễn thông để cạnh tranh không lành mạnh”, vì hành vi này có nội hàm không rõ ràng; trường hợp dự thảo cấm quy định về “bù chéo dịch vụ viễn thông” thì cần bỏ cụm “để cạnh tranh không lành mạnh”, bổ sung định nghĩa về “bù chéo dịch vụ viễn thông”, đồng thời, chuyển quy định cấm này sang quy định tại Điều 12 về các hành vi bị cấm trong hoạt động viễn thông. | Nhất trí bỏ cụm từ “để cạnh tranh không lành mạnh” |
|  | (5) Loại bỏ quy định tại điểm b,c,d và đ khoản 2 Điều 22 dự thảo luật về các hành vi “Cung cấp hạ tầng, dịch vụ với mức giá quá cao gây trở ngại cho các doanh nghiệp bản lẻ trong việc cung cấp dịch vụ tới người sử dụng dịch vụ viễn thông”; “Sử dụng ưu thế về mạng viễn thông, phương tiện thiết yếu để cản trở việc xâm nhập thị trường, hạn chế, gây khó khăn cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viên thông khác ”; “Sử dụng thông tin thu được từ doanh nghiệp viễn thông khác vào mục đích “cạnh tranh không lành mạnh”, “Không cung cấp kịp thời cho doanh nghiệp viễn thông khác thông tin kỹ thuật về phương tiện thiết yếu và thông tin thương mại liên quan cân thiết để cung cấp dịch vụ viễn thông” do các hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh này đã được điều chỉnh theo quy định tại điểm b Điều 27 (“Áp đặt giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý hoặc ấn định giá bán lại tối thiểu gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho khách hàng ”), điểm e Điều 27 (“Ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác ”); khoản 1 Điều 45 (Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm: 1. xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh dưới các hình thức sau đây: a) Tiếp cận, thu thập thông tin bí mật trong kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu thông tin đó; b) Tiết lộ, sử dụng thông tin bí mật trong kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó) và khoản 4 Điều 45 (“Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, làm giản đoạn hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp đó”) Luật Cạnh tranh 2018. | - Tiếp thu 1 phần: Bỏ quy định “Cung cấp hạ tầng, dịch vụ với mức giá quá cao gây trở ngại cho các doanh nghiệp bản lẻ trong việc cung cấp dịch vụ tới người sử dụng dịch vụ viễn thông”  - Bảo lưu: các quy định khác  Lý do: Trong quá trình triển khai Luật VT cũ, các điều khoản này vẫn được các doanh nghiệp thực hiện đảm bảo thị trường viễn thông phát triển, cạnh tranh lành mạnh. Ngoài ra, Luật Cạnh tranh đưa ra các quy định áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực, để áp dụng đối với lĩnh vực viễn thông cần phải cụ thể hóa phù hợp đặc thù chuyên ngành, đồng thời thống nhất cách hiểu để có thể thực hiện được ngay. |
|  | Thứ năm, đề nghị rà soát, phân định rõ các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh trong dự thảo luật phù hợp với các quy định hiện hành của Luật Cạnh tranh 2018.  Hành vi hạn chế cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hai loại hành vi có nội hàm khác nhau. Cụ thể, khoản 2 Điều 3 Luật Cạnh tranh 2018 quy định: “Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, bao gồm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền”.  Khoản 6 Điều 3 Luật Cạnh tranh 2018 quy định: “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác. ”  Trong khi đó, Điều 22 Dự thảo Luật có tên điều là “Các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông”, tuy nhiên, khoản 1 và 2 Điều 22 quy định cả hành vi hạn chế cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh. | Tiếp thu và có chỉnh sửa |
|  | Thứ sáu, đề nghị rà soát quy định tại khoản 1 Điều 21 Dự thảo Luật quy định về “doanh nghiệp được coi là có vị trí thông lĩnh thị trường, có sức mạnh thị trường đáng kề” theo hướng:   1. loại bỏ các nội dung trùng lắp hoặc chồng chéo với quy định tại Điều 24, Điều 26 Luật Cạnh tranh 2018 và Điều 12 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh và 2. bổ sung các yếu tố đặc thù trong ngành, lĩnh vực viễn thông giúp xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp trong một số lĩnh vực dịch vụ viễn thông nhất định. | Bảo lưu:  Các tiêu chí bổ sung xác định sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp trong một số lĩnh vực dịch vụ viễn thông nhất định sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn. |
|  | Thứ bảy, theo quy định tại Điều 26 Luật Cạnh tranh 2018, “vị trí thống lĩnh thị tường” của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp phải gắn với “thị trường liên quan”. Trong khi đó, “thị trường liên quan là thị trường của những hàng hóa, dịch vụ có thể thay thế cho nhau về đặc tính, mục đích sử dụng và giá cả trong khu vực địa lý cụ thể có các điều kiện cạnh tranh tương tự và có sự khác biệt đáng kể với các khu vục địa lý lân cận” theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật Cạnh tranh 2018. Thị trường liên quan được xác định xuất phát từ hàng hóa, dịch vụ có liên quan trong một vụ việc cạnh tranh cụ thể. Khi chưa có hành vi vi phạm hoặc chưa có dấu hiệu về hành vi vi phạm thì chưa thể xác định thị trường liên quan, do đó, chưa thể xác định vị trí thống lĩnh thị trường của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp trên thị trường liên quan. Trong bối cảnh thị trường liên tục có sự biến động, thay đổi, điều chỉnh, việc “ban hành Danh mục doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh” trong một thời kỳ nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 21 Dự thảo Luật có thể mang tính cứng nhắc, khó phản ánh chính xác và phù hợp về vị trí thống lĩnh thị trường của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp tại thời điểm xem xét về hành vi hoặc dấu hiệu của hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh. | Bảo lưu:  Việc rà soát từng thời kỳ để xác định doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường, đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp để cơ quan quản lý từ đó đưa ra các giải pháp quản lý thị trường kịp thời là phù hợp. |
|  | Thứ tám, đề nghị loại bỏ nội dung giao “Bộ Thông tin và Truyền thông... quy định và tổ chức thực hiện biện pháp quản lý nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông” tại khoản 2 Điều 21 Dự thảo Luật do nội dung này chưa rõ ràng, có thể mâu thuẫn, xung đột với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 dự thảo luật và gây chồng chéo về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công thương, Ủy ban Cạnh tranh quốc gia theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018. | Tiếp thu |
|  | Thứ chín, đề nghị loại bỏ quy định về chính sách tại khoản 2 Điều 4 Dự thảo Luật “Bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông” vì nguyên tắc này đã được quy định tại Điều 6 Luật Cạnh tranh 2018 và áp dụng cho tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực viễn thông. Việc quy định lại các chính sách về cạnh tranh trong từng luật chuyên ngành sẽ dẫn đến tình trạng chồng chéo trong hệ thống pháp luật. | Bảo lưu  Quản lý cạnh tranh trong viễn thông bao gồm cả quản lý cạnh tranh theo hướng tiền kiểm và theo hướng hậu kiểm. |
|  | Tại Điều 6 về Bảo đảm bí mật thông tin:  Đề nghị bổ sung 1 khoản: "Tổ chức, cá nhân tiến hành việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, huỷ bỏ thông tin của người tiêu dùng, chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin của người tiêu dùng cho bên thứ ba phải tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quy định của Luật này và pháp luật có liên quan". | Bảo lưu  Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ luật này và pháp luật có liên quan, dẫn vào sẽ gây chống chéo |
|  | Do Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là pháp luật cơ bản, chung nhất quy định về các quyền và nghĩa vụ của người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ (bao gồm cả người sử dụng dịch vụ viễn thông), vì vậy, đề nghị Ban Soạn thảo cân nhắc dẫn chiếu quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng đã được quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (dự kiến Luật sửa đổi sẽ được ban hành vào giữa năm 2023), cụ thể: | Bảo lưu  Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ luật này và pháp luật có liên quan, dẫn vào sẽ gây chống chéo |
|  | - Tại Điểu l6. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông:  3.1. Quyền của người sử dụng dịch vụ viễn thông:  Đề nghị bổ sung 1 khoản như sau: "Các quyền khác theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”.  3.2. Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông:  Đề nghị bổ sung một khoản như sau: "Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng". | Bảo lưu  Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ luật này và pháp luật có liên quan, dẫn vào sẽ gây chống chéo |
|  | - Tại Điều 14 dự thảo quy định: “Ngoài các quyển, nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp..." và tại Điều 15 dự thảo quy định: “Ngoài các quyền, nghĩa vụ quy định tại Luật thương mại, ... " . Đề nghị không nên dẫn chiếu tên cụ thể của các luật tại các Điều này, bởi vì quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh nói chung (bao gồm cả doanh nghiệp, đại lý dịch vụ viễn thông) cũng đã được quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Hơn nữa, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng đã được xác định là luật chung nhất, cơ bản nhất quy định về các trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh. Vì vậy, việc dẫn chiếu này có thể làm bỏ sót các quy định pháp luật quan trọng.  Trong trường hợp vẫn quy định dẫn chiếu các luật cụ thể thì đề nghị bổ sung thêm “Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”. | Bảo lưu  Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ luật này và pháp luật có liên quan, dẫn vào sẽ gây chống chéo |
|  | Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành là các văn bản quy phạm pháp luật quy định các hoạt động trong lĩnh vực khuyến mại và áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ hiện kinh doanh tại Việt Nam mà pháp luật cho phép được thực hiện hoạt động khuyến mại (bao gồm và không giới hạn cho những mặt hàng Nhà nước quản lý giá như xăng dầu, thuốc chữa bệnh, điện,...). Đối với các mặt hàng do Nhà nước quản lý giá hiện cũng không có các văn Bản, quy định riêng cho việc thực hiện hoạt động khuyến mại và thực tế trong những năm qua, Cục Xúc tiến thương mại cũng chưa nhận được phản ánh, kiến nghị của các cơ quan có liên quan, doanh nghiệp và người dân đối với hoạt động khuyến mại của những mặt hàng này.  Riêng đối với lĩnh vực viễn thông, do tại điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009 đang quy định về hoạt động khuyến mại, do vậy trong thời gian qua, các văn bản hướng dẫn thi hành nội dung này chưa thống nhất và tạo nên sự mâu thuẫn với quy định về hoạt động khuyến mại của Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn, gây ra sự chồng chéo về mặt quản lý nhà nước và những bất cập, vướng mắc ảnh hưởng đến hoạt động khuyến mại của doanh nghiệp và quyền lợi của người tiêu dùng (nội dung này Bộ Công Thương cũng đã có công văn sô 6689/BCT-PC ngày 25 tháng 10 năm 2021 kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông). Do vậy, Cục Xúc tiến thương mại đề nghị bỏ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) để thống nhất quản lý hoạt động khuyến mại theo pháp luật về thương mại và thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến mại của tất cả các lĩnh vực. | - Khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông, quy định thống nhất Bộ TT&TT (đầu mối là Cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông) là cơ quan quản lý khuyến mại trong hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông (ngoại trừ hình thức khuyến mại mang tính may rủi). Các quy định quản lý khuyến mại dịch vụ viễn thông được xây dựng để thiết lập hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện quản lý cạnh tranh lành mạnh trên thị trường viễn thông; song hành với các quy định quản lý giá cước dịch vụ viễn thông để chống lại việc bán phá giá dịch vụ viễn thông, gây đổ vỡ thị trường.  - Căn cứ quy định tại Điểm đ khoản 12 Nghị định 48/2022/NĐ-CP, Bộ TTTT có nhiệm vụ và thẩm quyến "Ban hành cơ chế, chính sách, quy định và tổ chức thực hiện quản lý giá cước, khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông và Internet theo quy định của pháp luật..."  - Hiện nay, trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 25, Bộ TT&TT đề xuất sửa đổi các quy định về khuyến mại trong kinh doanh dịch vụ viễn thông để khắc phục một số điểm chưa đồng bộ, thống nhất với pháp luật chung về khuyến mại (Nghị định 81/2018/NĐ-CP), tạo hành lanh pháp lý đầy đủ để thực hiện quản lý cạnh tranh trên thị trường viễn thông, đồng thời tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông trong hoạt động khuyến mại dịch vụ viễn thông, sửa đổi các quy định về khuyến mại dịch vụ viễn thông trong Nghị định 25 đồng bộ với các quy định của pháp luật chung về khuyến mại trong Nghị định 81/2018/NĐ-CP. |
|  | Về các cam kết quốc tế trong lĩnh vực viễn thông:  Tại Chương V về kinh doanh dịch vụ viễn thông, qua rà soát sơ bộ các cam kết của Việt Nam trong các FTA thế hệ mới, Bộ Công Thương nhận thấy có rất nhiều cam kết liên quan tới các dịch vụ viễn thông, đặc biệt là cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới (Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng có hạ tầng mạng, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, dịch vụ viễn thông cơ bản không có hạ tầng mạng...) Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát tổng thể các cam kết để đảm bảo nội luật hóa đầy đủ và không trái với các cam kết của Việt Nam đối với dịch vụ này. | Đã có báo cáo rà soát VBQPPL và cam kết quốc tế |
|  | Góp ý đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động: |  |
|  | Về quản lý cạnh tranh đối với dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn và bán lẻ:  Điều 19 Dự thảo Luật quy định về dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ. Trường hợp cần phân biệt giữa dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn và dịch vụ viễn thông theo hình thức bán lẻ để quản lý nhà nước về cạnh tranh một cách hiệu quả, đề nghị bổ sung nội dung phân tích rõ căn cứ, cơ sở, nguyên nhân, sự cần thiết, tác động và sự khác biệt về biện pháp trong quản lý nhà nước về cạnh tranh đối với dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn và bán lẻ tại Báo cáo tác động trong bộ hồ sơ dự án Luật Viễn thông sửa đổi. | Tiếp thu một phần  Các quy định về quản lý, nghĩa vụ của doanh nghiệp tại các Điều 19, 20, 21 là quản lý cạnh tranh theo hướng tiềm kiểm |
|  | Về dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh:  Khoản 3 Điều 19 Dự thảo Luật có bổ sung quy định liên quan đến “dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh” và các nghĩa vụ, trách nhiệm mà doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thuộc Danh mục viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh phải thực hiện.  Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá sự cần thiết, mục đích ban hành quy định này và tác động của chính sách quản lý cạnh tranh riêng biệt đối với dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ đối với lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng tại Việt Nam |
|  | Về doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh:  Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá cơ sở pháp lý, sự cần thiết, mục đích ban hành quy định nguyên tắc xác định và Danh mục doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh và tác động của quy định này đối với lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng tại Việt Nam. |
| ***46*** | ***Công ty FPT Telecom*** |  |
|  | 1. Khái niệm “Thiết bị Internet vạn vật” được định nghĩa là “các thiết bị cảm biến”, khái niệm này có phần bó hẹp phạm vi các thiết bị được coi là thiết bị Internet vạn vật. Theo quan điểm của FPT Telecom, thiết bị Internet vạn vật là thiết bị có thể kết nối và tương tác thông qua giao thức Internet mà không nhất thiết là thiết bị cảm biến hay không | Đã điều chỉnh nội dung trong phần giải thích từ ngữ |
|  | 2. Hiện nay dịch vụ truyền dẫn ngang hàng (peer-to-peer) đang tương đối phổ biến. Tuy nhiên trong Dự thảo luật chưa có khái niệm này | Dự thảo Luật có quy định về Kết nối viễn thông. Việc cung cấp Dịch vụ truyền dẫn ngang hàng (peer-to-peer) phải tuân thủ các quy định về Kết nối viễn thông.  Luật viễn thông không điều chỉnh đối với các mạng máy tính. |
|  | 3. Tại Điều 12, FPT Telecom đề xuất bổ sung quy định cấm “Truyền đưa các thông tin vi phạm pháp luật, trái thuần phong mỹ tục” | Tiếp thu |
|  | 4. Tại Điều 14, quy định quyền nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông, FPT Telecom đề xuất đưa quyền được miễn trừ của doanh nghiệp viễn thông đối với các nội dung được truyền đưa trên mạng viễn thông do người sử dụng thực hiện vì doanh nghiệp viễn thông chỉ cung cấp khả năng truyền dẫn | Không tiếp thu, lý do như sau:  - Hiện nay không có điều khoản nào quy định DN VT phải chịu trách nhiệm với nội dung thông tin do người sử dụng dvu VT truyền đưa đi  - Thực tế hiện nay các doanh nghiệp viễn thông lớn cũng đồng thời là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin (VNPT, Viettel, Mobifone, Vietnamobile…) và vì vậy các doanh nghiệp này phải có trách nhiệm trong việc phối hợp ngăn chặn, lọc các thông tin xấu độc truyền đưa trên mạng viễn thông. |
|  | 5. Tại khoản 4, Điều 18: Đề nghị làm rõ nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động trên thị trường mà có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có vốn đầu tư nước ngoài sau khi đã được cấp phép. | Đã có quy định đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Điều 18) |
|  | 6. Tại Điều 76 quy định doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải gỡ bỏ các nội dung thông tin vi phạm quy định. Về hoạt động của trung tâm dữ liệu, doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đặt chỗ, các thiết bị, thông tin trong đó thuộc quyền của Khách hàng và doanh nghiệp không thể can thiệt nên chỉ có thể ngăn chặn hoặc cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền toàn bộ thiết bị của khách hàng đặt tại trung tâm dữ liệu khi có yêu cầu. FPT Telecom đề xuất xem xét lại trách nhiệm này | Đã điều chỉnh cho phù hợp |
|  | 7. Đề xuất đồng nhất các thuật ngữ giữa Dự thảo Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn, cụ thể như sau:  + Đồng nhất thuật ngữ “Doanh nghiệp viễn thông” và “Doanh nghiệp di động”: Theo quy định tại Khoản 24, Điều 3 Dự thảo Luật Viễn thông và Khoản 23, Điều 3 Luật Viễn thông 2009, Doanh nghiệp viễn thông là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam và được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. Trong đó, theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Viễn thông 2009, Giấy phép kinh doanh Dịch vụ viễn thông bao gồm: Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 11/2010/TT/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động (“Thông tư 11/2010/TT/BTTTT”), Doanh nghiệp di động được hiểu là Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động. Do vậy, có thể hiểu là cả Doanh nghiệp viễn thông và Doanh nghiệp di động đều là khái niệm để chỉ Doanh nghiệp được cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Trong khi đó, Luật viễn thông 2009 và Dự thảo Luật Viễn thông đều không có thuật ngữ Doanh nghiệp di động, vậy Doanh nghiệp viễn thông và Doanh nghiệp di động khác nhau như thế nào, kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông làm rõ sự khác biệt giữa hai thuật ngữ hoặc dùng thống nhất một thuật ngữ để tránh nhầm lẫn cho các Doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật. | Bảo lưu.  Trong dự thảo Luật không có khái niệm Doanh nghiệp di động, chỉ có khái niệm Doanh nghiệp viễn thông là thuật ngữ chung. Các VB dưới luật sẽ quy định nội hàm của “Doanh nghiệp di động” nếu cần. |
|  | Thuật ngữ “Doanh nghiệp thông tin di động” và “Doanh nghiệp di động”: Luật Viễn thông 2009 và Nghị định 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Viễn thông (“Nghị định 25/2011/NĐ-CP”) sử dụng thuật ngữ “Doanh nghiệp viễn thông” và không có bất kỳ quy định nào về “Doanh nghiệp thông tin di động” và “Doanh nghiệp di động”. Trong Thông tư 11/2010/TT-BTTTT có đề cập tới thuật ngữ “Doanh nghiệp di động” với giải thích đây là Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động. Ngoài ra, tại Công văn số 989/CVT-GCKM của Cục Viễn thông hướng dẫn nhãn hiệu dịch vụ thông tin di động và nhãn hiệu hàng hóa chuyên dùng thông tin di động, ở phần kính gửi điền “Doanh nghiệp thông tin di động” nhưng nội dung lại dẫn chiếu đến Thông tư 11/2010/TT-BTTTT với thuật ngữ “Doanh nghiệp di động”. Dù không thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ nhưng với sự dẫn chiếu của công văn này có thể nhận định rằng Cục Viễn thông đang hiểu rằng Doanh nghiệp thông tin di động chính là Doanh nghiệp di động. | Bảo lưu.  Trong dự thảo Luật không có khái niệm Doanh nghiệp di động, chỉ có khái niệm Doanh nghiệp viễn thông là thuật ngữ chung. Các VB dưới luật sẽ quy định nội hàm của “Doanh nghiệp di động” nếu cần. |
|  | Thuật ngữ "Hàng hóa viễn thông" và "Hàng hóa viễn thông chuyên dùng": Luật Viễn thông 2009 và Dự thảo Luật Viễn thông đều có quy định “Hàng hóa viễn thông” là phần mềm và vật tư, thiết bị viễn thông. Tuy nhiên trong Nghị định 25/2011/NĐ-CP thì chỉ có quy định về “Hàng hóa viễn thông chuyên dùng”, không nhắc đến thuật ngữ “Hàng hóa viễn thông”. Bên cạnh đó, xuyên suốt các văn bản hướng dẫn Luật viễn thông khác cũng không nhắc đến “Hàng hóa viễn thông” mà chỉ đề cập đến “Hàng hóa viễn thông chuyên dùng”, thậm chí tất cả các điều khoản của Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng và giao dịch điện tử cũng chỉ đề cập đến “Hàng hóa viễn thông chuyên dùng”. Do vậy, FPT Telecom thiết nghĩ trong Dự thảo Luật Viễn thông có cần thiết quy định về "Hàng hóa viễn thông" không hay quy định về "Hàng hóa viễn thông chuyên dùng" cho đồng nhất? | Bảo lưu  Nghị định 25/2011/NĐ-CP hiện đang sửa đổi, bổ sung trình Chính phủ xem xét ký ban hành, giữ giải thích thuật ngữ “hàng hoá viễn thông” để trường hợp NĐ 25 sửa đổi, bổ sung quản lý hàng hoá viễn thông sẽ có sở cứ để quy định. |
|  | 8. Quy định về Quản lý giá cước viễn thông hiện cũng đang có sự mâu thuẫn giữa Thông tư 02/2007/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông (“Thông tư 02/2007/TT-BTTTT”) và Nghị định 25/2011/NĐ-CP, cụ thể: Thông tư 02/2007/TT-BTTTT ra đời trước thời điểm Luật Viễn thông 2009 được ban hành và có hiệu lực. Theo Khoản 4, Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 thì Thông tư 02/2007/TT-BTTTT này phải hết hiệu lực bởi lẽ Thông tư 02/2007/TT-BTTTT là văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành cho Nghị định 160/2004/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông (“Nghị định 160/2004/NĐ-CP”); do đó khi Nghị định 160/2004/NĐ-CP hết hiệu lực thì Thông tư 02/2007/TT-BTTTT đương nhiên hết hiệu lực. Tuy nhiên Thông tư 02/2007/TT-BTTTT này chỉ bị bãi bỏ 1 phần hiệu lực nên dẫn đến tình trạng mâu thuẫn nội dung, Cụ thể như sau:  - Thông báo giá cước (Doanh nghiệp viễn thông tự quy định giá): NĐ 25 có, Thông tư 02 không có  - Thông tư quy định về nội dung Doanh nghiệp viễn thông tự quy định giá cước chia ra làm 2 trường hợp:  1. Nếu Doanh nghiệp viễn thông thuộc Danh mục dịch vụ báo giá thì hình thức quản lý là “Báo giá cước (báo giá)”;  2. Nếu Doanh nghiệp viễn thông nằm ngoài hình thức Quyết định giá cước, Đăng ký giá cước, Báo giá cước thì hình thức quản lý là “Tự quy định giá cước” => Nghị định 25 không có.  Sau khi Luật Viễn thông 2009 có hiệu lực thì không có văn bản hướng dẫn nào quy định về “Quy trình, thủ tục xây dựng, trình, thẩm định, ban hành giá cước dịch vụ viễn thông” nên đối với nội dung về “Quy trình, thủ tục xây dựng, trình, thẩm định, ban hành giá cước dịch vụ viễn thông” sẽ căn cứ vào Thông tư 02/2007/TT-BTTTT còn các nội dung khác sẽ chiếu theo các văn bản hướng dẫn sau khi Luật Viễn thông 2009 có hiệu lực. Vấn đề đặt ra là Thông tư 02/2007/TT-BTTTT đã hết hiệu lực hay chưa và cần thiết phải ban hành quy định về Quy trình, thủ tục xây dựng, trình, thẩm định, ban hành giá cước dịch vụ viễn thông hướng dẫn Luật Viễn thông sửa đổi. | Đã chỉnh sửa phù hợp với quy định của Luật Giá.  Bỏ hình thức đăng ký, thông báo giá cước. Thay bằng hình thức kê khai giá cước. Quy trình, thủ tục kê khai giá được quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn. |
|  | 9. Về quy trình thông báo giá cước viễn thông: Tại Điểm c Khoản 1 Điều 38 Nghị định 25/2011/NĐ-CP chỉ quy định nghĩa vụ chung về thông báo giá cước viễn thông chứ không có quy định cụ thể về thủ tục thông báo giá cước viễn thông. Tại Thông tư 02/2007/TT-BTTTT thì không có quy định về thủ tục thông báo giá cước viễn thông mà chỉ có quy định về thủ tục báo cáo giá cước viễn thông. Trước đây Quyết định 1361/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố “bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông” có quy định thủ tục thông báo giá cước nhưng Quyết định này đã hết hiệu lực vào ngày 01/10/2020. Trong Quyết định 124/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực báo chí thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ thông tin và truyền thông đã nêu rõ việc bãi bỏ thủ tục tại Quyết định 1361/QĐ-BTTTT. Do đó, tới thời điểm hiện tại vẫn không có văn bản mới thay thế về quy trình thông báo giá trước viễn thông. Bởi lẽ vậy, FPT Telecom kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy trình thông báo giá cước viễn thông cùng với Dự thảo Luật Viễn thông. | Đã chỉnh sửa phù hợp với quy định của Luật Giá.  Bỏ hình thức đăng ký, thông báo giá cước. Thay bằng hình thức kê khai giá. Quy trình, thủ tục kê khai giá được quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn. |
|  | 10. Về thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung: Hiện có mâu thuẫn về thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:  + Danh mục dịch vụ viễn thông thiết yếu thuộc danh Mục dịch vụ do Thủ tướng Chính phủ quy định phải có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ trùng Danh mục dịch vụ viễn thông thiết yếu thuộc danh Mục dịch vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định ở dịch vụ thông tin di động mặt đất.  + Cơ quan đăng ký hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với dịch vụ thông tin di động mặt đất là Bộ Công thương/Sở Công thương tùy từng trường hợp.  + Trong phạm vi Dịch vụ thông tin di động mặt đất thì văn bản quy phạm pháp luật không có mâu thuẫn nhưng giả sử trường hợp “Đối với dịch vụ viễn thông không thuộc danh Mục dịch vụ viễn thông thiết yếu thuộc danh Mục dịch vụ do Thủ tướng Chính phủ quy định phải có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ và thuộc danh Mục dịch vụ viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phải có hợp đồng theo mẫu, Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông” thì có sự mâu thuẫn giữa Nghị định 25/2011/NĐ-CP, Cơ quan tiếp nhận đăng ký là Bộ Thông tin và Truyền thông với Nghị định 99/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Cơ quan tiếp nhận đăng ký là Bộ Công thương/Sở Công thương. | Tiếp thu. Hiện nay tồn tại 02 thủ tục đăng ký và thông báo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông.  - Đăng ký: thực hiện đăng ký với cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công Thương đối với các dịch vụ viễn thông trong danh mục dịch vụ thiết yếu do TTgCP ban hành  - Thông báo: thực hiện thông báo với Cục Viễn thông đối với một số dịch vụ viễn thông trong danh mục tại Thông tư số 39/2016/TT-BTTTT  Về cơ bản thì 02 thủ tục này là độc lập với nhau, thực hiện với 02 cơ quan khác nhau nên không có sự chồng chéo, xâm lấn. Tuy nhiên, trong quá trình sửa đổi Luật Viễn thông, Bộ TTTT (Cục Viễn thông) sẽ tiếp thu và sửa đổi theo hướng chỉ đăng ký/thông báo với 01 đơn vị quản lý, đơn vị còn lại sẽ tiếp nhận thông tin qua cơ chế chia sẻ thông tin giữa các cơ quan Nhà nước.  Đối với nội dung chuyên ngành về viễn thông thì doanh nghiệp phải tuân thủ một số quy định tối thiểu trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông. |
|  | Tại Khoản 1, Điều 36 Dự thảo Luật Viễn thông quy định về Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông như sau: Doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam và đã hoàn thành việc đăng ký cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông với cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông trước khi cung cấp dịch vụ. Theo đó, loại hình Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông được hiểu là doanh nghiệp có vốn Việt Nam hoặc có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam. FPT Telecom băn khoăn rằng quy định như liệu có mâu thuẫn với quy định tại Điều 38 về cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông theo hình thức xuyên biên giới vào Việt Nam hay không?. Do đó, FPT Telecom kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông làm rõ, phân tách các quy định theo hướng sau: 1) Về phạm vi cung ứng: a) Trong lãnh thổ Việt Nam và/hoặc b) Ngoài lãnh thổ Việt Nam (xuyên biên giới); 2) Hình thức doanh nghiệp: Doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam và Doanh nghiệp được thành lập tại nước ngoài. | Bộ TT&TT giải trình thêm như sau: thuật ngữ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông được hiểu là doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam. Hình thức cung cấp dịch vụ xuyên biên giới là để chỉ các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông không có hiện diện thương mại tại Việt Nam (không có pháp nhân thành lập tại Việt Nam). |
|  | 12. Trong Dự thảo Luật Viễn thông có một số nội dung quy định chưa được rõ, FPT Telecom kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông làm rõ và bổ sung để hoàn thiện các quy định, cụ thể:  + Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 74 Dự thảo Luật Viễn thông quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây, quy định như sau: “Công bố công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến doanh nghiệp, mức độ tuân thủ các quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định”. Nội dung “các thông tin liên quan đến doanh nghiệp” ở đây là quy định rất chung chung, không cụ thể gồm những thông tin nào? | Đã bổ sung, làm rõ. |
|  | + Tại Điểm c, Khoản 1, Điều 74 Dự thảo Luật Viễn thông quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây: “Khi ký kết Thỏa thuận cung cấp dịch vụ với người sử dụng phải bảo đảm tối thiểu các nội dung theo quy định”. “Tối thiểu các nội dung theo quy định” cũng không rõ là các nội dung tối thiểu nào, dẫn chiếu quy định điều chỉnh cụ thể nào. | Đã bổ sung, làm rõ |
|  | + Điểm đ Khoản 1 Điều 74 Dự thảo Luật Viễn thông quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây: **“**Không được thực hiện hành vi hạn chế hoặc không cung cấp dịch vụ cho người sử dụng vì các lý do không chính đáng”. “Lý do không chính đáng” ở đây chưa được giải thích rõ là những lý do như thế nào, chưa có các tiêu chuẩn xác định lý do chính đáng và lý do không chính đáng | Đã bổ sung, làm rõ |
|  | + Khoản 3, Điều 75 quy định về Bảo đảm thông tin của người sử dụng, như sau: “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây không được cung cấp thông tin liên quan đến ngưởi sử dụng cho một bên nào khác khi chưa được sự đồng ý của người sử dụng dịch vụ”. Đề xuất bổ sung các trường hợp ngoại trừ cụ thể là “trừ các trường hợp buộc phải cung cấp thông tin của người sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. | Tiếp thu |
|  | + Khoản 2, Điều 76 quy định về Xử lý nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định pháp luật: “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải gỡ bỏ các nội dung thông tin vi phạm quy định về quyền riêng tư, thông tin vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Đề xuất bổ sung các trường hợp doanh nghiệp có quyền gỡ bỏ các nội dung thông tin khi có:  • Yêu cầu từ chủ sở hữu thông tin số với đầy đủ căn cứ và bằng chứng hợp pháp;  • Căn cứ theo quy định pháp luật và/hoặc quyết định cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Tiếp thu |
| ***47*** | ***Tập đoàn Viettel*** |  |
|  | Khoản 13, Điều 3: đề xuất bổ sung khái niệm Dịch vụ mạng viễn thông: là dịch vụ viễn thông do tổ chức hoạt động tại Việt Nam thiết lập để sử dụng một phần tài nguyên viễn thông đã được cấp để dành riêng cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông cho công chúng nhằm mục đích sinh lợi. Lý do: Hiện nay một số nước trên thế giới đang triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ PMN (Public Mobile Network). Đặc biệt là trên mạng 5G. Trong đó:  - Tài nguyên mạng lõi, truyền dẫn, trạm truy nhập được các nhà mạng (đang có giấy phép thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông) thiết lập dành riêng, chỉ dành cung cấp dịch vụ cho một đối tượng khách hàng (như: 01 nhà máy hoặc 01 bến cảng,…).  - Tài nguyên viễn thông: Sử dụng tài nguyên đã được cấp cho nhà mạng. Riêng đối với tần số: Có thể sử dụng chung tần số với mạng viễn thông công cộng hoặc có thể theo dải riêng tùy theo quy hoạch của từng nước | Điều 14 dự thảo Luật đã cho phép DN thuê hạ tầng để ccdv. Dịch vụ mạng sẽ được đưa vào NĐ hướng dẫn. Sẽ lấy ý kiến Cục TS đối với nội dung hỏi về tần số. |
|  | Khoản 18, Điều 3: Thay cụm từ “(nhà, trạm, cột, cống, bể cáp)” bằng cụm từ “(nhà/trạm, cột ăng ten, cột kéo cáp truyền dẫn, cống, bể cáp)”.  Lý do: Để phù hợp với thực tế. | Quy định hiện tại đã bao hàm các thành phần chi tiết mà đơn vị đề xuất |
|  | Khoản 30 Điều 3: Bỏ cụm từ: “được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động”  Lý do: Theo dự thảo NĐ sửa đổi NĐ 72 và 27, ngoài các dịch vụ nội dung được cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ nội dung, các dịch vụ cung cấp qua hình thức wap, web, app đã được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận do Bộ TTTT hoặc Sở TTTT cấp được trừ phí qua tài khoản SIM thuê bao di động | Tiếp thu |
|  | Điều 3: Bổ sung giải thích từ ngữ liên quan đến điểm cung cấp dịch vụ viễn thông  Theo QĐ 316/QĐ-TTg về triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money thì Viettel và các DNVT khác được triển khai điểm kinh doanh dịch vụ mobile money tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông khác là pháp nhân được DNVT ký hợp đồng ủy quyền. Tuy nhiên, Luật và quy định hiện hành không có khái niệm “Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông” mà chỉ có khái niệm “Đại lý dịch vụ viễn thông” và “việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chỉ được thực hiện tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông”. Do đó, cần thiết phải bổ sung giải thích từ ngữ liên quan đến điểm cung cấp dịch vụ viễn thông tại Điều 3 dự thảo Luật và quy định về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông vào Luật để tạo điều kiện thuận lợi cho DN trong quá trình cung cấp dịch vụ | - Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông: đề nghị phòng PTHT cho ý kiến tính cần thiết.  - Việc bổ sung khái niệm tại Luật để phục vụ triển khai 1 điểm tại quyết định thí điểm là không phù hợp. |
|  | Khoản 3, Điều 4: Đề nghị điều chỉnh:  “Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông tại những khu vực khó triển khai như bên trong các tòa nhà, trên hệ thống cầu/đường/hầm giao thông hoặc triển khai tốn kém như vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phân định rõ hoạt động viễn thông công ích và kinh doanh viễn thông; thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ và dịch vụ số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, sản xuất và nghiên cứu khoa học.”  Bổ sung cụm từ “những khu vực khó triển khai như bên trong các tòa nhà, trên hệ thống cầu/đường/hầm giao thông hoặc triển khai tốn kém”  Lý do: Hạ tầng viễn thông cần triển khai trên/trong các hạ tầng khác như các tòa nhà (chung cư, cao ốc, tháp văn phòng, sân bay, nhà ga, bến tàu v.v), các tuyến giao thông đặc biệt (đường sắt trên cao, tàu điện ngầm v.v) để đồng bộ các hạ tầng thiết yếu.  Thay cụm từ “sử dụng Internet” bằng cụm từ “sử dụng các công nghệ và dịch vụ số”.  Lý do: Internet cần thay bằng công nghệ và dịch vụ số để hợp với thay đổi giai đoạn mới.  Bổ sung cụm từ “sản xuất”.  Lý do: Cùng với xu thế chuyển đổi số thì lĩnh vực sản xuất cũng được áp dụng nhiều công nghệ và dịch vụ số vào để thay đổi phương thức hoạt động cũng như hiệu suất tạo ra sản phẩm. | Việc ưu tiên xây dựng công trình viễn thông tại các toà nhà, công trình xây dựng đã được quy định tại Điều/khoản về công trình viễn thông - Khoản 1, Điều 65 |
|  | Khoản 5, Điều 4: “Khuyến khích phát triển nguồn nhân lực viễn thông đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, kinh doanh hiệu quả cơ sở hạ tầng và dịch vụ viễn thông”  Bổ sung cụm từ “và dịch vụ”.  Lý do: Để nhấn mạnh giai đoạn mới ngoài chú trọng hạ tầng còn chú trọng cả dịch vụ. | Tiếp thu |
|  | Khoản 8, Điều 4: “Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông mới, triển khai thử nghiệm và nhanh chóng đưa vào thực tế các công nghệ mới, dịch vụ mới đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.”  Bổ sung cụm từ “và nhanh chóng đưa vào thực tế”  Lý do: Để nhấn mạnh tính định hướng cho việc thử nghiệm sẽ tập trung vào ứng dụng trên thực tế, phát huy hiệu quả và mang lại giá trị | Bảo lưu.  Cụm từ “nhanh chóng đưa vào thực tế” không rõ ràng, không phù hợp với VBQPPL, chỉ phù hợp với văn bản điều hành. |
|  | Điều 4: Đề nghị bổ sung:  “Ủng hộ, khuyến khích và hợp tác tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân. Bộ Xây dưng, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các công trình viễn thông được triển khai đồng bộ, hiệu quả cùng với các công trình xây dựng, công trình giao thông như các điều kiện thiết yếu, bắt buộc.”  Lý do: Bổ sung nội dung này vào luật để mọi cá nhân, tổ chức thấy được mình có trách nhiệm trực tiếp đối với sự phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông vì thực tế cơ sở hạ tầng viễn thông sẽ phải triển khai vào đến tận từng hộ gia đình (femtocell, smallcell) hoặc để tránh tình trạng kiện cáo, chống đối việc triển khai công trình viễn thông ở một số nơi. Hay một số công trình viễn thông khó triển khai ở các tòa nhà, các cầu hay đường hầm. | Khoản 8 Điều 4 Dự thảo đã có nội dung “Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông mới”.  Khoản 1 Điều 67 cũng đã quy định “Công trình giao thông, cột điện, đường điện, tuyến cấp nước, thoát nước và các công trình hoạt động kỹ thuật khác phải được thiết kế, xây dựng để bảo đảm việc lắp đặt, bảo vệ đường truyền dẫn, công trình viễn thông”. |
|  | Khoản 1, Điều 5:  “Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân; trường hợp phát hiện các hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ngăn chặn và thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan công an nơi gần nhất.”  Bổ sung cụm từ “ngăn chặn”.  Lý do: Để nâng cao trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức đối với việc bài trừ các hành vi phá hoại | Nội dung hiện tại của dự thảo đã bảo đảm phù hợp, khả thi trong thực tế |
|  | Khoản 4 Điều 6: Hiện nay, hoạt động phân tích, xử lý, kinh doanh dữ liệu là một trong những ngành then chốt trong cuộc cách mạng 4.0. Để tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển của ngành này, Viettel đề xuất bổ sung quy định cho phép các nhà mạng được sử dụng dữ liệu của thuê bao để phục vụ kinh doanh các dịch vụ hợp pháp  “d) Cần thiết cho lợi ích hợp pháp của chủ thể thu thập thông tin, trừ khi những lợi ích này vượt quá quyền cơ bản của cá nhân.” | Bảo lưu.  Tuân thủ theo Luật Bảo vệ quyền lợi người sử dụng |
|  | Khoản 3 và 4, Điều 6: Dự thảo Luật đang quy định 01 loại thông tin là “thông tin riêng có thể xác định danh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi, địa chỉ IP và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp)”.  Nghị định 49 hướng dẫn Luật Viễn thông đang quy định 01 loại thông tin là “Thông tin thuê bao, gồm: số thuê bao; đối tượng sử dụng; Thông tin trên giấy tờ tùy thân; Bản số hóa toàn bộ các giấy tờ, Ảnh chụp khách hàng; Hình thức thanh toán giá cước; Họ tên nhân viên giao dịch…  Hai loại thông tin trên có một số thông tin trùng nhau, một số thông tin khác nhau. Do đó, cần thiết thống nhất một loại thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông và mục đích được sử dụng như phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ của các DNVT. | Hai thuật ngữ “thông tin riêng” và thông tin thuê bao mang tính độc lập phục vụ cho 02 mục đích khác nhau do vậy không cần thiết phải đồng bộ. |
|  | Điều 8: Bổ sung quy định về chính sách quy hoạch công nghệ, tần số nhằm giúp cho doanh nghiệp chủ động trong việc dừng khai thác các công nghệ viễn thông không còn phù hợp và triển khai các công nghệ mới.  Hiện nay Bộ TTTT đang thúc đẩy quá trình dừng khai thác hạ tầng viễn thông di động không còn phù hợp (2G/3G) để có tần số cho mạng 4G, 5G và thúc đẩy chuyển đổi số ở VN. Tuy nhiên, để có thể tắt mạng 2G, tỷ lệ đầu cuối 2G trên mạng phải giảm xuống dưới 5%. Do đặc điểm về mặt công nghệ (chênh lệch 9dB), để đảm bảo vùng phủ 4G đạt tương đương 2G thì Viettel cần đầu tư bổ sung trạm 4G mới. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Viettel. Do đó, Viettel đề xuất Luật cần có quy định về chính sách, quy hoạch công nghệ, tần số để Viettel cũng như các DNVT khác chủ động trong việc dừng khai thác các công nghệ cũ, triển khai các công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ VT. | Đã bổ sung vào chính sách chung, cụ thể quy định trong VB hướng dẫn luật |
|  | Chương II: Xem xét bổ sung quy định các DN khác ngoài các DNVT phải đóng góp vào Quỹ phù hợp với các lĩnh vực tài trợ của Quỹ (ví dụ: nếu Quỹ tài trợ thiết bị đầu cuối thì các DN cung cấp thiết bị đầu cuối phải đóng góp vào Quỹ; Nếu Quỹ tài trợ cho các dịch vụ CNTT thì các DN cung cấp dịch vụ CNTT phải đóng góp vào Quỹ…)  Hiện đối tượng áp dụng của Quỹ VTCI không chỉ phục vụ hỗ trợ dịch vụ viễn thông mà còn hỗ trợ các hàng hóa ngoài viễn thông như máy tính, máy điện thoại thông minh | Bảo lưu  Quỹ chỉ thu đóng góp từ các DNVT. Quỹ hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, phổ cập dịch vụ viễn thông trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn và các khu vực mà DNVT không có khả năng kinh doanh hieeuuj quả theo cơ chế thị trường. Việc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thiết bị đầu cuối và cung cấp dịch vụ VTCI được thực hiện thông qua doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI, doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối hoặc trực tiếp tới người sử dụng dịch vụ viễn thông. Quỹ không hỗ trợ cho các dịch vụ CNTT cũng như các dịch vụ khác ngoài phạm vi trên. |
|  | Chương II: Bổ sung quy định cho phép trừ cước dịch vụ nội dung trên nền tảng số mà thuê bao sử dụng thông qua tài khoản viễn thông di động  Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và theo kịp sự phát triển của ngành công nghiệp nội dung số, giải trí số tại VN | Đã được quy định tại Khoản 30 Điều 3 |
|  | Điều 14: Bổ sung quy định về quyền của các DNVT được phép kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công An để phục vụ công tác chuẩn hóa thông tin thuê bao  Đề phù hợp với thực tế hiện nay đang triển khai | Nội dung này đã có trong Nghị định 49/2017/NĐ-CP |
|  | Điều 14: Bổ sung quy định để các nhà mạng viễn thông có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị sở hữu bản quyền hợp pháp ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền nội dung trên hạ tầng VT  Hiện nay tình trạng vi phạm bản quyền của nhiều cá nhân, tổ chức trên môi trường số gây ảnh hưởng không nhỏ đến các đơn vị sản xuất, phân phối nội dung. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định các nhà mạng VT phải có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị sở hữu bản quyền hợp pháp ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền nội dung trên hạ tầng VT | Nội dung này không thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng PTHT |
|  | Khoản 1.1.d, Điều 14: Cho doanh nghiệp khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông  Bỏ cụm từ “viễn thông”.  Lý do: Thực tế các doanh nghiệp viễn thông cũng có nhu cầu cho các doanh nghiệp có mạng viễn thông dùng riêng nhưng không phải doanh nghiệp viễn thông (ví dụ như Tập đoàn Điện Lực) thuê cơ sở hạ tầng viễn thông. Vì vậy, đề xuất bổ sung thêm quyền của doanh nghiệp viễn thông được cho doanh nghiệp khác (ngoài viễn thông) thuê cơ sở hạ tầng viễn thông. | Việc các DN, tổ chức khác có nhu cầu thuê lại hạ tầng viễn thông thụ động (công trình xây dựng) có thể được thực hiện thông qua hợp đồng, thoả thuận theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp có nhu cầu thuê lại hạ tầng tích cực thì sẽ thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông. |
|  | Khoản 2.1.a, Điều 14:  “Được sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển hoặc trên các công trình xây dựng (chung cư, tháp văn phòng, tổ hợp thương mại, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp), công trình giao thông khác (cầu, cảng, sân bay, bến tàu, bến xe, đường cao tốc, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm) để xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông theo đúng quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;”  Bổ sung cụm từ “hoặc trên các công trình xây dựng (chung cư, tháp văn phòng, tổ hợp thương mại, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp), công trình giao thông khác (cầu, cảng, sân bay, bến tàu, bến xe, đường cao tốc, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm)”.  Lý do: Để đảm bảo hạ tầng viễn thông được tích hợp đồng bộ vào các hạ tầng khác. | Việc ưu tiên xây dựng công trình viễn thông tại các toà nhà, công trình xây dựng đã được quy định tại Điều/khoản về công trình viễn thông- Khoản 1, Điều 65 |
|  | Khoản 1, Điều 20:  “Cung cấp dịch vụ nếu có khả năng đáp ứng về cơ sở hạ tầng viễn thông với mức giá cước và các điều kiện liên quan công bằng, hợp lý, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp mua dịch vụ, giữa bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp với các doanh nghiệp mua dịch vụ để bán lại trong cùng một điều kiện hoàn cảnh”  Thêm cụm từ “nếu có khả năng đáp ứng về cơ sở hạ tầng viễn thông”.  Lý do: Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định doanh nghiệp viễn thông phải cung cấp dịch vụ viễn thông bán buôn thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Tuy nhiên, doanh nghiệp viễn thông không có khả năng đáp ứng được tất cả nhu cầu của các doanh nghiệp khác.  Do đó, đề xuất doanh nghiệp viễn thông chỉ có thể bán buôn dịch vụ viễn thông nếu có khả năng đáp ứng về cơ sở hạ tầng viễn thông. | Bảo lưu  Đây là trách nhiệm phải thực hiện của các doanh nghiệp bán buôn và là nghĩa vụ phổ biến được nhiều quốc gia áp dụng trên thế giới. |
|  | Khoản 3a, Điều 21:  “Cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh cho các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng mạng viễn thông hoặc mua lưu lượng viễn thông để bán lại dịch vụ nếu có khả năng đáp ứng về cơ sở hạ tầng viễn thông;”  Lý do: Tương tự Khoản 1, Điều 20 | Bảo lưu  Đây là trách nhiệm phải thực hiện của các doanh nghiệp bán buôn và là nghĩa vụ phổ biến được nhiều quốc gia áp dụng trên thế giới. |
|  | Điểm d Khoản 3 Điều 21: Đề nghị bỏ quy định này  Quy định không phù hợp với Khoản 5 Điều 3 Luật bảo vệ người tiêu dùng: Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ soạn thảo để giao dịch với người tiêu dùng | Tiếp thu 1phần để chỉnh sửa cho phù hợp  Thỏa thuận mẫu là thỏa thuận giữa các doanh nghiệp viễn thông bán buôn và doanh nghiệp viễn thông bán lẻ trong quan hệ bán buôn, không phải hợp đồng mẫu đối với người tiêu dùng  Đây cũng là một trong các nghĩa vụ phổ biến theo thông lệ quốc tế. |
|  | Khoản 3, Điều 25:  “Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt nam; quy định cơ chế đóng góp, tỷ lệ đóng góp và sử dụng nguồn tài chính của Quỹ.”  Bổ sung cụm từ “tỷ lệ đóng góp”.  Lý do: Nhằm rõ ràng và thống nhất trách nhiệm giữa các bên liên quan tham gia vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt nam, căn cứ theo quy mô, vị thế, nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước và Chính phủ giao. | Bảo lưu  Hiện nay NĐ 25 đã quy định theo từng thời kỳ, TTCP quy định cụ thể danh mục dịch vụ VTCI phải trích nộp doanh thu vào Quỹ và mức đóng góp đối với từng dịch vụ trong Danh mục này. |
|  | Điều 27: Đề nghị bổ sung:  “Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định việc thiết lập và hoạt động của mạng viễn thông phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với mục đích phát triển kinh tế - xã hội”  Lý do: Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện | Xem xét quy định trong VB dưới luật |
|  | Khoản 8 Điều 28:  Đề nghị bổ sung quyền của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng có quyền yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông của mình chia sẻ chi phí về đầu tư hạ tầng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ hai bên hợp tác theo thỏa thuận của hai bên.  Thực tế hiện nay các OTT chiếm dụng hạ tầng, lưu lượng data lớn của nhà mạng, nếu không chia sẻ chi phí các nhà mạng khó đảm bảo nguồn lực để đầu tư. Do đó cần có quy định để các nhà mạng có cơ sở đàm phán với các OTT về việc đảm bảo chất lượng dịch vụ bằng cách chia sẻ chi phí hạ tầng với DNVT. | Dự thảo Luật đã bổ sung cơ chế để các tổ chức doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông tham gia đóng góp chi phí khi sử dụng mạng viễn thông của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng tại khoản 8, khoản 9 Điều 28. |
|  | Điều 29: Đề nghị bổ sung:  “Doanh nghiệp Việt Nam có hệ thống mạng tại Việt Nam và mở rộng ra phạm vi ngoài lãnh thổ được phép sử dụng IP hoặc ASN được cấp bởi Bộ TTTT cho mạng của mình đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam để quảng bá định tuyến với các nhà cung cấp ở nước ngoài và cung cấp dịch vụ ở nước ngoài. Doanh nghiệp phải báo cáo về việc sử dụng các vùng địa chỉ tại nước ngoài và có trách nhiệm quản lý các vùng địa chỉ mà mình sử dụng và tuân thủ pháp luật của nước sở tại”  Lý do: Bổ sung để đáp ứng nhu cầu thực tế. | Xem xét quy định trong VB dưới luật |
|  | Khoản 3, Điều 30: “Việc cung cấp dịch vụ viễn thông không khả thi về kinh tế - kỹ thuật”  Bỏ cụm từ “được cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông xác nhận bằng văn bản là”  Lý do: Nếu giữ nguyên như nội dung dự thảo thì sẽ không khả thi. Vì trên thực tế, trong quá trình cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp sẽ có rất nhiều trường hợp dẫn đến không thể cung cấp được dịch vụ. Nếu lần nào cũng phải trình lên CQQLNN và chờ đợi sự xác nhận bằng văn bản sẽ tốn nhiều thời gian, nguồn lực của cả doanh nghiệp và CQQLNN. | Bảo lưu  Quy định này nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và có thể được áp dụng trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng của doanh nghiệp viễn thông. |
|  | Khoản 1, 2, Điều 31: Đề xuất bổ sung thêm trường hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tắt bỏ công nghệ cũ  Lý do: Thực tế, nhiều năm nay, khi công nghệ ADSL không còn phù hợp, doanh nghiệp vẫn phải duy trì hệ thống ADSL để phục vụ một số ít người dân dứt khoát không chịu chuyển đổi sang dùng FTTH.  Nếu có thêm trường hợp này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thuyết phục khách hàng phối hợp để thực hiện chiến lược tắt bỏ công nghệ cũ (như ADSL, 2G/3G) và thay thế bằng công nghệ mới tốt hơn, hiệu quả hơn một cách nhanh hơn | Việc ngừng kinh doanh vẫn phải đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ, tắt công nghệ cũ phải xây dựng lộ trình, phù hợp với quy hoạch và thông qua thoả thuận với người dùng (hợp đồng đã ký giữa các bên), không quy định trường hợp riêng này để áp đặt người dùng. |
|  | Khoản 1 Điều 33: Đề nghị sửa thành: “Dịch vụ viễn thông khẩn cấp là dịch vụ gọi đến các số liên lạc khẩn cấp của cơ quan công an, cứu hỏa, cấp cứu, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, phản ánh cuộc gọi rác, tin nhắn rác”  Trong quy hoạch số 112 là số dịch vụ khẩn cấp phục vụ mục đích tìm kiếm cứu nạn. Đồng thời Bộ Thông tin và truyền thông đã hướng dẫn các nhà mạng khai đầu số 156, 5656 để người dân gọi/nhắn tin miễn phí phản ánh cuộc gọi rác, tin nhắn rác. | Bảo lưu. Nội dung tại dự thảo đã bảo đảm phù hợp với các quy định về trường hợp khẩn cấp |
|  | Điểm c Khoản 2 Điều 33:  Đề nghị sửa thành: Miễn giá cước gọi đến các số liên lạc khẩn cấp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông  Dịch vụ di động không có phạm vi nội hạt. Dịch vụ cần được miễn cước cho toàn bộ thuê bao viễn thông, không chỉ riêng phạm vi nội hạt. | Tiếp thu và có chỉnh sửa:  “Miễn giá cước gọi đến các số liên lạc khẩn cấp cho người sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất và dịch vụ thông tin di động mặt đất” |
|  | Điều 34, Điều 35: Đề nghị bỏ Điều này  Các quy định này không còn phù hợp với thực tế do hiện nay số lượng thuê bao cố định còn rất ít, đồng thời với sự phat triển của công nghệ, doanh nghiệp có nhiều kênh truyền thông miễn phí số điện thoại liên hệ của doanh nghiệp cũng như phương tiện tương tác với khách hàng như website, báo chí, truyền hình, email, tổng đài chăm sóc khách hàng | Bảo lưu.  Theo chính sách của Nhà nước. |
|  | Khoản 2,3 Điều 36: Đề xuất ghép khoản 2,3 vào làm một. Loại bỏ điều kiện phát sinh theo ngưỡng  Lý do: Tất cả các doanh nghiệp, khi đã cung cấp dịch vụ ở Việt Nam đều phải tuân theo các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ ở Việt Nam để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng. Dù có một số doanh nghiệp diện này không thu phí trực tiếp từ khách hàng nhưng đã hưởng lợi từ các quyền lợi khác như: Quảng cáo, khai thác giá trị gia tăng từ thông tin người dùng,… | Tiếp thu một phần. Việc quy định doanh nghiệp có quy mô lớn có thêm một số trách nhiệm là cách tiếp cận được nhiều nước như Châu Âu, Hàn Quốc áp dụng và tránh việc áp đặt nhiều nghĩa vụ không thực sự cần thiết lên các doanh nghiệp OTT, ảnh hưởng đến sự phát triển của các dịch vụ này |
|  | Khoản 2a, Điều 39:  “Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông có thời hạn không quá 15 năm được cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng (bao gồm cả doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được Chính phủ cho phép thiết lập mạng viễn thông phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với mục đích phát triển kinh tế - xã hội)”  Bổ sung cụm từ “(bao gồm cả doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được Chính phủ cho phép thiết lập mạng viễn thông phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với mục đích phát triển kinh tế - xã hội)”  Lý do: Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện | Không tiếp thu do khoản 2 điều 2 Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định về khái niệm DN an ninh quốc phòng đã bao gồm việc kết hợp này (“Doanh nghiệp quốc phòng an ninh là doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quy định tại Khoản 5 Điều 217 Luật Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định này”) |
|  | Khoản 3c, Điều 39:  “Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, có thời hạn không quá 02 năm được cấp cho tổ chức thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.”  Tăng thời hạn giấy phép thử nghiệm từ 01 lên 02 năm.  Lý do: Việc tăng giấy phép thử nghiệm từ 01 lên 02 năm sẽ phù hợp với thực tế vì kể từ khi có giấy phép thử nghiệm, doanh nghiệp phải mất khoảng 08 tháng để mua sắm, nhập khẩu và lắp đặt thiết bị. Với 04 tháng còn lại, doanh nghiệp không có đủ thời gian để đánh giá đầy đủ hiệu quả của hạ tầng mạng và dịch vụ thử nghiệm, gây khó khăn cho việc ra quyết định chính xác về việc đề xuất xin phép cung cấp dịch vụ chính thức hay tạm dừng. | Không tiếp thu do đã có quy định gia hạn thêm 01 năm. |
|  | Khoản 3, Điều 39: Đề nghị bổ sung  “Giấy phép thiết lập mạng và dịch vụ viễn thông đặc biệt, cấp cho nhà mạng đã có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông, có thời hạn không quá 01 năm, tại các khu vực có rủi ro thiên tai cấp độ 03 trở lên, có công bố dịch bệnh của Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”  Lý do: Đề nghị bổ sung thêm một loại giấy phép nghiệp vụ viễn thông phục vụ cho các trường hợp đặc biệt, khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh (ví dụ Covid-19) cho các nhà mạng đã có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông. Thời hạn của giấy phép là trong suốt thời gian diễn ra trường hợp đặc biệt hoặc khẩn cấp. | Điểm 5 khoản 5 Luật VT đã quy định về việc huy động trong tình trạng khẩn cấp. |
|  | Điều 40: Đề nghị bổ sung  “Trường hợp việc cấp Giấy phép thiết lập mạng và dịch vụ viễn thông đặc biệt thì được cấp ngay khi có công bố thiên tai – dịch bệnh, tài nguyên viễn thông có thể không đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt.”  Lý do: Để phù hợp với đề xuất bổ sung Giấy phép thiết lập mạng và dịch vụ viễn thông đặc biệt ở Khoản 3, Điều 39 ở trên | Đã có quy định về trường hợp khẩn cấp. |
|  | Điều 41:  Đề nghị sửa thành: Các hình thức cấp giấy phép viễn thông  1. Giấy phép viễn thông được cấp theo các hình thức như sau:  a) Cấp phép riêng là hình thức cấp phép cho doanh nghiệp nhất định gắn với điều kiện và nghĩa vụ cụ thể dựa trên mục tiêu quản lý viễn thông tại thời điểm cấp phép.  b) Cấp phép nhóm là hình thức cấp phép cho các doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện cấp phép theo quy định.  c) Đăng ký là hình thức doanh nghiệp chỉ cần gửi các thông tin đăng ký theo mẫu đã được quy định sẵn để được cấp phép  d) Thông báo là hình thức doanh nghiệp chỉ cần gửi thông tin thông báo theo quy định. Sau một thời gian nhất định theo quy định của pháp luật, nếu cơ quan chức năng không có ý kiến yêu cầu sửa đổi/bổ sung/từ chối, doanh nghiệp được chính thức triển khai  Bổ sung thêm hình thức thông báo.  Lý do: Hình thức thông báo cũng là một trong các hình thức cấp phép được nhiều lĩnh vực áp dụng hiện nay như: thông báo cung cấp website thương mại điện tử, thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4. | Không tiếp thu. Hình thức đăng ký đã đơn giản hóa thủ tục cấp phép. |
|  | Khoản 3b, Điều 43:  Đề xuất bỏ khoản này.  Lý do: (1) Không nên quy định phạm vi và quy mô thử nghiệm vì phạm vi và quy mô thử nghiệm tùy thuộc vào yêu cầu của số lượng mẫu cần phải lấy để đảm bảo tính đúng đắn của các phép đo, phục vụ cho doanh nghiệp đánh giá chính xác hiệu quả của hạ tầng mạng và dịch dich vụ, quyết định trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. (2) Mức độ đầu tư cho thử nghiệm tùy thuộc vào năng lực của từng doanh nghiệp. | Không tiếp thu để đảm bảo được mục đích của việc quy định GP thử nghiệm, tránh lẫn sang GP kinh doanh. |
|  | Khoản 1, Điều 44: Đề nghị bổ sung  “Giấy phép thiết lập mạng và dịch vụ viễn thông đặc biệt được phép gia hạn liên tục theo chu kỳ từng năm, đến khi Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hết xẩy ra thiên tai, dịch họa.”  Lý do: Để phù hợp với đề xuất bổ sung Giấy phép thiết lập mạng và dịch vụ viễn thông đặc biệt ở Khoản 3, Điều 39 ở trên. | Đã có quy định về trường hợp khẩn cấp. Xem xét trong VB dưới luật |
|  | Khoản 1, Điều 51: Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là việc sử dụng chung một phần mạng, công trình, thiết bị viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm bảo đảm thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng hoặc bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường, quy hoạch đô thị và phòng chống thiên tai, dịch bệnh.  Bổ sung cụm từ “và phòng chống thiên tai, dịch bệnh”  Lý do: Trong quá trình phòng chống thiên tai, dịch bệnh, các doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông như sợi quang, nguồn điện, cột cáp v.v. để dự phòng ứng cứu thông tin. Tuy nhiên, Luật Viễn thông 2009 và dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) chưa có quy định cụ thể cho trường hợp chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong các trường hợp này dẫn đến các doanh nghiệp còn lúng túng trong quá trình thực hiện. Do đó, đề xuất bổ sung quyền được sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông vì mục đích ứng cứu thông tin trong trường hợp phòng chống thiên tai, bão lũ | Việc chia sẻ hạ tầng cần dựa trên nguyên tắc tự nguyện, đồng thuận giữa các bên, trừ một số trường hợp phục vụ các tình huống an ninh, khẩn cấp đã được quy định tại Khoản 5 Điều 5 “5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được huy động một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh quốc gia và tình trạng khẩn cấp.” |
|  | Khoản 3c, Điều 51:  Sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.  Thay cụm từ “để phục vụ hoạt động viễn thông công ích” bằng cụm từ “để phòng chống thiên tai, dịch bệnh”.  Lý do: Các vị trí trạm VTCI thường được xây dựng trên cơ sở chỉ đảm bảo cho các dịch vụ cơ bản, với giá thành tối thiểu nhất. Do vậy thường không có năng lực dư thừa về hạ tầng để chia sẻ. Bộ Thông tin và Truyền thông nên nghiên cứu chuyển sang roaming ở các khu vực này để tiết kiệm đầu tư cho các doanh nghiệp.  Việc sử dụng chung cho phòng chống thiên tai, dịch bệnh như đề xuất tại Khoản 1, Điều 51 ở trên. | Việc chia sẻ hạ tầng cần dựa trên nguyên tắc tự nguyện, đồng thuận giữa các bên, trừ một số trường hợp phục vụ các tình huống an ninh, khẩn cấp đã được quy định tại Khoản 5 Điều 5 “5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được huy động một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh quốc gia và tình trạng khẩn cấp.” |
|  | Điều 51: Bổ sung quy định trách nhiệm phối hợp giữa doanh nghiệp viễn thông với ngành Giao thông trong việc xây dựng hạ tầng viễn thông đồng bộ với các kết cấu hạ tầng kỹ thuật của quốc gia do ngành giao thông xây dựng và quản lý  Hiện nay, đối với các tuyến đường giao thông, nhất là các tuyến cao tốc, đường hầm, đường trên cao, tuyến tàu điện ngầm, hệ thống cầu đường… ngay từ khâu xây dựng của một số dự án, thiết kế cho hệ thống viễn thông đi kèm không đảm bảo cho việc lắp đặt. Các DNVT phải tự triển khai phủ sóng bằng các giải pháp đơn lẻ, dùng các vị trí đặt anten từ xa phủ đến dẫn đến không đảm bảo chất lượng và thiếu đồng bộ. Việc triển khai tuyến truyền dẫn mới, đặc biệt là tuyến đường trục quốc gia phụ thuộc nhiều vào công tác đầu tư triển khai mới hoặc thuê lại hạ tầng viễn thông có sẵn (cống bể kéo cáp quang) trên các tuyến đường cao tốt (đang/dự kiến triển khai, đã đưa vào khai thác) của nhà đầu tư. Do đó, việc quy định về trách nhiệm phối hợp giữa ngành TTTT với ngành Giao thông trong việc xây dựng hạ tầng viễn thông dọc theo các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ… là rất cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ của kết cấu hậ tầng nói chung, nâng cao hiệu quả đầu tư kết cấu hạ tầng của quốc gia. | Việc dùng chung hạ tầng viễn thông- giao thông đã có các quy định liên quan Nghị định 72/2012/NĐ-CP, Nghị định 25/2011/NĐ-CP |
|  | Chương V, chương IX: Bổ sung quy định về hoạt động đầu tư cáp quang biển, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư cáp quang biển  Hiện nay quy định về phân loại dự án, hình thức đầu tư, thẩm quyền phê duyệt, quy trình thủ tục thực hiện dự án đầu tư cáp quang biển chưa có trong các VBQPPL của Nhà nước. Mỗi khi Viettel xin chủ trương tham gia đầu tư cáp quang biển, các cơ quan QLNN đều không đưa ra được hướng dẫn cụ thể do không thống nhất về hình thức đầu tư này là đầu tư trong nước hay đầu tư ra nước ngoài, thực hiện thanh toán hợp đồng C&MA là thanh toán vãng lai giống như thanh toán hợp đồng nhập khẩu hàng hóa ký với đối tác nước ngoài hay là khoản góp vốn đầu tư ra nước ngoài. Việc này dẫn đến tất cả các cấp có thẩm quyền, các đối tượng liên quan đều không đưa ra quyết định do chưa có cơ sở pháp lý. Điều này làm hạn chế, thậm chí làm mất đi cơ hội đầu tư của Viettel. Do đó, cần phải bổ sung quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt chủ trương và quyết định tham gia đầu tư cáp quang biển, triển khai thực hiện đầu tư và quản lý vận hành tài sản hình thành từ đầu tư cho phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội tham gia đầu tư các tuyến cáp biển | Xem xét tham vấn các bộ ngành. |
|  | Khoản 1d, Điều 54:  Ưu tiên phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet cho tổ chức có năng lực cung cấp dịch vụ viễn thông nhanh chóng trên thực tế; cung cấp dịch vụ viễn thông cho vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phục vụ hoạt động viễn thông công ích, hoạt động đảm bảo quốc phòng, an ninh.  Bổ sung cụm từ “quốc phòng an ninh”  Lý do: Để đảm bảo đầy đủ nhất có thể các hoạt động ưu tiên sẽ có chính sách ưu tiên. | Bảo lưu.  Quy định phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet là phục vụ cho việc kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng hoạt động của thị trường viễn thông. Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh được quy hoạch kho số riêng không cần phân bổ.  ‘Lưu ý tách bạch rõ việc doanh nghiệp thuộc Quân đội làm kinh doanh và đơn vị quân đội đảm bảo quốc phòng, an ninh” |
|  | Khoản 2a, Điều 54:  Đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng kho số viễn thông áp dụng cho các dãy số đặc biệt theo quy hoạch dành riêng hoặc cho các tài nguyên có nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ;  Thay cụm từ “có giá trị thương mại cao” bằng cụm từ “áp dụng cho các dãy số đặc biệt theo quy hoạch dành riêng”.  Lý do: (1) Hình thức phân bổ trực tiếp theo quy hoạch đảm bảo giải quyết nhanh hơn cho doanh nghiệp, tạo sự linh hoạt và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp (từ đó đóng góp vào ngân sách hàng năm nhiều hơn). (2) “Giá trị thương mại cao” là một cụm từ khó phân định được ranh giới và thay đổi thường xuyên theo thời gian, dễ gây tranh cãi trong từng tình huống cụ thể. | Bảo lưu.  Kho số viễn thông, tài nguyên Internet có thể đấu giá tùy theo thực tế thị trường viễn thông mỗi giai đoạn, không có khái niệm dãy số đặc biệt cũng như quy hoạch riêng cho dãy số đặc biệt.  Chính phủ sẽ quy định đấu giá (bỏ hình thức thi tuyển) loại kho số viễn thông nào phù hợp với thị trường giai đoạn đó. |
|  | Khoản 1a, Điều 55:  Đề xuất bỏ khoản này.  Lý do: Để đồng bộ với Khoản 2 Điều 54 (chỉ thực hiện đấu giá với một số dải tài nguyên đặc biệt). | Bảo lưu.  Kho số viễn thông, tài nguyên Internet có thể đấu giá tùy theo thực tế thị trường viễn thông mỗi giai đoạn, không có khái niệm dãy số đặc biệt cũng như quy hoạch riêng cho dãy số đặc biệt.  Chính phủ sẽ quy định đấu giá loại kho số viễn thông nào phù hợp với thị trường giai đoạn đó. |
|  | Chương VIII:  Bổ sung quy định về các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật, chất lượng hạ tầng viễn thông trong các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị.  Hiện nay, việc triển khai hạ tầng viễn thông tại các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị do một DNVT ký hợp đồng hợp tác độc quyền triển khai với chủ đầu tư dự án, dẫn tới không có sự cạnh tranh về giá, chất lượng dịch vụ, khách hàng không có sự lựa chọn dịch vụ sử dụng theo mong muốn. Nhiều dự án tòa nhà, hệ thống cáp viễn thông thụ động được đầu tư xây dựng bởi các đối tác thứ cấp. Các thiết bị OLT/SW, mạng cáp trong tòa nhà của đối tác thứ cấp không đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai hạ tầng, đảm bảo chất lượng dịch vụ của khách hàng. Nhiều tòa nhà có hệ thống DAS do các đơn vị xã hội hóa xây dựng, quản lý, tỷ lệ dùng chung hệ thống DAS cao. Do chưa bắt buộc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật DAS dẫn tới chất lượng mạng di động trong các tòa nhà chưa được đảm bảo; mặt khác, hạ tầng DAS được xây dựng bởi các đơn vị xã hội hóa cũng chưa đảm bảo chất lượng. Do đó, cần thiết phải bổ sung chính sách về các tiêu chuẩn, quy chuẩn hạ tầng viễn thông trong các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị nhằm đảm bảo chất lượng hạ tầng và dịch vụ viễn thông tại các khu vực này | Xem xét trong các VB dưới luật |
|  | Khoản 1b, Điều 62:  Lựa chọn phương án 1  Lý do: Chỉ nên quản lý theo cơ chế và nguyên tắc, để cho thị trường phát triển lành mạnh, tự do cạnh tranh. | Tiếp thu |
|  | Điều 62  Đối với giá bán lẻ của đối tượng mua lại dịch vụ bán buôn, đề nghị bổ sung quy định quản lý giá bán lẻ của đối tượng mua buôn, bán lại dịch vụ cho khách hàng nhằm đảm bảo thị trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng (không bán dưới giá thành…),  Thị trường có nguy cơ phát triển lệch lạc nếu chỉ tập trung cạnh tranh về giá bán lẻ, có nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh nếu không có quy định áp dụng đối với đối tượng mua lại dịch vụ bán buôn có quy mô khách hàng lớn trên thị trường. | Bảo lưu  Nghĩa vụ tiền kiểm theo thông lệ chỉ áp dụng với các doanh nghiệp thống lĩnh thị trường. Các trường hợp cạnh tranh không lành mạnh khác sẽ xử lý hậu kiểm theo luật cạnh tranh hoặc áp dụng các quy định của Luật viễn thông về đình chỉ giá cước trường hợp phá giá .. |
|  | Khoản 1, Điều 65:  Công trình viễn thông công cộng được ưu tiên sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển, đặc biệt là trên các công trình xây dựng (chung cư, tháp văn phòng, tổ hợp thương mại, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp), công trình giao thông (cầu, cảng, sân bay, bến tàu, bến xe, đường cao tốc, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm) để tạo ra hệ sinh thái đồng bộ các hạ tầng thiết yếu. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được ưu tiên đặt tại nhà ga, bến xe, cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu và các địa điểm công cộng khác để phục vụ nhu cầu của người sử dụng dịch vụ viễn thông.  Bổ sung cụm từ "đặc biệt là trên các công trình xây dựng (chung cư, tháp văn phòng, tổ hợp thương mại, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp), công trình giao thông (cầu, cảng, sân bay, bến tàu, bến xe, đường cao tốc, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm) để tạo ra hệ sinh thái đồng bộ các hạ tầng thiết yếu”.  Lý do: Để thể hiện doanh nghiệp viễn thông được tạo điều kiện để có thể triển khai hạ tầng viễn thông dễ dàng, thuận lợi trong bối cảnh và điều kiện đô thị hóa và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng giao thông và xây dựng. | Nội dung hiện tại đã bao hàm đầy đủ các công trình, việc liệt kê chi tiết nếu cần thiết sẽ bổ sung trong nghị định hướng dẫn Luật |
|  | Khoản 2, Điều 65:  Quy hoạch xây dựng công trình giao thông, khu đô thị, nhà chung cư, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao và các tổ hợp công trình xây dựng có quy mô tương đương phải có quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong đầu tư xây dựng với việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông và cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông.  Thay cụm từ “và thuận tiện cho việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông” bằng cụm từ “với việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông”  Lý do: Để khẳng định hạ tầng viễn thông là mặc định và không thể thiếu, luôn phải được gắn liền với các hạ tầng khác.  Bổ sung cụm từ “nhà chung cư” và cụm từ “và các tổ hợp công trình xây dựng có quy mô tương đương”.  Lý do: Để đảm bảo hạ tầng viễn thông được tích hợp đồng bộ vào các hạ tầng khác. | Nội dung hiện tại đã bao hàm đầy đủ các công trình, việc liệt kê chi tiết nếu cần thiết sẽ bổ sung trong nghị định hướng dẫn Luật |
|  | Khoản 1, Điều 67:  Công trình giao thông (cầu, cảng, sân bay, bến tàu, bến xe, đường cao tốc, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm), cột điện, đường điện, tuyến cấp nước, thoát nước, các công trình xây dựng (chung cư, tháp văn phòng, tổ hợp thương mại, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp) và các công trình hoạt động kỹ thuật khác phải được thiết kế, xây dựng để bảo đảm việc lắp đặt, bảo vệ đường truyền dẫn, công trình viễn thông.  Bổ sung cụm từ “Công trình giao thông (cầu, cảng, sân bay, bến tàu, bến xe, đường cao tốc, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm)” và cụm từ “các công trình xây dựng (chung cư, tháp văn phòng, tổ hợp thương mại, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp)”.  Lý do: Để đảm bảo hạ tầng viễn thông được tích hợp đồng bộ vào các hạ tầng khác. | Nội dung hiện tại đã bao hàm đầy đủ các công trình, việc liệt kê chi tiết nếu cần thiết sẽ bổ sung trong nghị định hướng dẫn Luật |
|  | Khoản 1,2 Điều 68; Khoản 1a, 2b, 3 Điều 69:  cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, xây dựng, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác  Thêm cụm từ “xây dựng” ở tất cả các cụm từ liên quan như mô tả  Lý do: Để thể hiện doanh nghiệp viễn thông được tạo điều kiện để có thể triển khai hạ tầng viễn thông dễ dàng, thuận lợi trong bối cảnh và điều kiện đô thị hóa và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng giao thông và xây dựng (nhấn mạnh yếu tố công trình xây dựng). | Tiếp thu, bổ sung |
|  | Chương X:  Đề nghị bổ sung quy định quản lý đối với việc cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây xuyên biên giới  Nội dung dự thảo chưa có quy định. Trên thực tế hiện nay, các tổ chức đang cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây xuyên biên giới vào Việt Nam. Để đảm bảo công bằng với doanh nghiệp trong nước, đề nghị bổ sung quy định quản lý đối với các đối tượng này | Quy định là chung áp dụng cả với các DN nước ngoài đều phải làm thủ tục đăng ký. |
|  | Chương X:  Cân nhắc việc bổ sung, mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm trung tâm dữ liệu.  Trung tâm dữ liệu là một thành phần của hệ thống công nghệ thông tin, nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Công nghệ thông tin, không nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông, gây chồng chéo không cần thiết. | Đã thuyết minh khi trình hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông (sửa đổi), đưa về Luật Viễn thông để quy định thống nhất phần hạ tầng. |
|  | Khoản 1, Điều 72:  Dịch vụ trung tâm dữ liệu gồm các dịch vụ sau:  a) Dịch vụ cho thuê chỗ tại trung tâm dữ liệu là dịch vụ cung cấp không gian, hạ tầng cơ điện, hạ tầng mạng cho phép khách hàng lắp đặt máy chủ và/hoặc các thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng khác;  b) Dịch vụ cho thuê thiết bị là dịch vụ cung cấp cho khách hàng máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng cùng các thiết bị phụ trợ và cơ sở hạ tầng thông tin sẵn có của trung tâm dữ liệu để sử dụng riêng;  Bổ sung cụm từ “hạ tâng cơ điện, hạ tầng mạng” vào mục a khoản 1.  Gộp mục b và c khoản 1 thành một mục chung để rút gọn còn 2 nhóm dịch vụ: không gian chỗ đặt và thuê thiết bị.  Lý do: “Cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu” về bản chất là cho thuê không gian để đặt thiết bị lưu trữ, hoặc cho thuê thiết bị lưu trữ. Đề xuất bỏ và đưa vào 2 mục trên để tránh nhầm lẫn. | Bảo lưu, các dịch vụ có điểm khác nhau, phân tách rõ các dịch vụ để thuận tiện trong việc quản lý. |
|  | Khoản 2, Điều 72:  Dịch vụ điện toán đám mây gồm các dịch vụ sau:  a) Dịch vụ cung cấp lớp hạ tầng bao gồm tài nguyên máy chủ, dung lượng lưu trữ (storage), mạng (networks)…;  b) Dịch vụ cung cấp lớp nền tảng bao gồm các nền tảng hỗ trợ tạo dựng, phát triển, cắt chuyển, quản lý và vận hành khai thác.  c) Dịch vụ cung cấp lớp phần mềm bao gồm các ứng dụng, dịch vụ phục vụ cho một nhu cầu cụ thể của người dùng cuối.  Bổ sung cụm từ “lớp hạ tầng”, “lớp nền tảng”, “lớp phần mềm”.  Lý do: Để tương đồng với các định nghĩa và tiêu chuẩn về điện toán đám mây từ NIST cũng như các nhà cung cấp dịch vụ đám mây tại Việt Nam. Các mô hình dịch vụ cung cấp theo 3 lớp: hạ tầng (infra – IaaS), nền tảng (platform – PaaS), phần mềm (software – SaaS) | Bảo lưu. Giải thích từ ngữ cần quy định cụ thể. Các thuật ngữ IaaS, PaaS, SaaS là cách viết tắt |
|  | Khoản 1đ, Điều 74:  Không được thực hiện hành vi hạn chế hoặc không cung cấp dịch vụ cho người sử dụng vì các lý do trái quy định của pháp luật.  Thay cụm từ “vì các lý do không chính đáng” bằng cụm từ “vì các lý do trái quy định của pháp luật”.  Lý do: “Lý do chính đáng” là một khái niệm rộng, không giới hạn được phạm vi và dễ gây ra tranh cãi về cách hiểu. “Lý do trái quy định của pháp luật” thể hiện rõ được phạm vi mà không làm thay đổi nội hàm của nội dung dự thảo cũ. | Nghiên cứu. Nội dung cụ thể quy định trong NĐ hướng dẫn |
|  | Điều 77  Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây  Bổ sung cụm từ “và dịch vụ điện toán đám mây”  Lý do: Để đầy đủ nội hàm ý nghĩa của định hướng chính sách | Bảo lưu.  Nội dung chính sách về phát triển dịch vụ trung tâm dữ liệu |
|  | Khoản 2, Điều 77:  2. Chính phủ quy định chi tiết chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây.  Bổ sung cụm từ “và dịch vụ điện toán đám mây”  Lý do: Để đầy đủ nội hàm ý nghĩa của định hướng chính sách | Bảo lưu.  Nội dung chính sách về phát triển dịch vụ trung tâm dữ liệu |
|  | Điều 77  Bổ sung một Khoản mới:  2. Nhà nước có chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư, phát triển các dịch vụ điện toán đám mây dựa trên các công nghệ mã nguồn mở, tiêu chuẩn mở (open source).  Lý do: Việc phát triển các dịch vụ điện toán đám mây dựa trên các công nghệ mã nguồn mở, tiêu chuẩn mở là cơ sở để có thể làm chủ công nghệ, làm chủ việc cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, không bị phụ thuộc vào các công nghệ đóng từ các nhà cung cấp nước ngoài. Từ đó có thể hạn chế các rủi ro về an ninh, an toàn thông tin, giảm thiểu chi phí về bản quyền. | Đã điều chỉnh |
|  | Điều 78:  Bổ sung một khoản mới:  Giấy phép viễn thông đã cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn được ghi trong giấy phép.  Lý do: Điều 39 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) đã điều chỉnh tên giấy phép “Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng” thành “Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông”. Tuy nhiên, Dự thảo chưa có quy định chuyển tiếp đối với các giấy phép của doanh nghiệp đang có hiệu lực. Vì vậy, đề xuất bổ sung quy định về chuyển tiếp đối với các giấy phép của doanh nghiệp đang có hiệu lực. | Sẽ bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp trong Nghị định. |
|  | Hiện nay, dịch vụ Mobile Money chưa có hành lang pháp lý cụ thể, mới chỉ được phép thí điểm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Để tạo điều kiện cho dịch vụ này phát triển, đề xuất bổ sung quy định về dịch vụ này | Dịch vụ Mobile Money thuộc phạm vi quản lý của NHNN, lĩnh vực tài chính ngân hàng, hiện đang trong thời gian thí điểm. Bộ TTTT sẽ bám sát hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình tổ chức triển khai thí điểm và sẽ phối hợp với NHNN để tổ chức đánh giá, xây dựng quy phạm phù hợp sau khi kết thúc thí điểm. |
|  | Cân nhắc việc bổ sung, mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm kết nối IoT vào Luật Viễn thông  Đối với kết nối IoT thì chỉ nên đưa vào quản lý các kết nối IoT có sử dụng tài nguyên viễn thông được cấp phép (tần số, kho số). Đối với các kết nối IoT không sử dụng tài nguyên viễn thông được cấp phép thì không cần quản lý (ví dụ: Thiết bị IoT sử dụng kết nối wifi, bluetooth… thì không cần quản lý). | Quan điểm quản lý IoT tại dự thảo Luật tương đồng với quan điểm Viettel, dự kiến quản lý như viễn thông đối với các hoạt động IoT các mạng viễn thông công cộng và cung cấp dịch vụ cho công cộng (M2M/IoT trên mạng di động, vệ tinh) hoặc được xem xét đánh giá là thiết lập mạng viễn thông công cộng, không quản lý mạng/dịch vụ viễn thông đối với hoạt động các thiết bị sóng ngắn như BlueTooth, Zigbee. |
|  | Đề nghị bổ sung thêm quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông từ các vật thể bay không người lái dựa trên công nghệ HAPS  HAPS là một trong những xu hướng phát triển của dịch vụ thông tin vệ tinh, có nhiều ưu điểm giúp việc cung cấp dịch vụ viễn thông trở nên hiệu quả hơn. | Xem xét trong các VB dưới luật |
|  | Bổ sung chính sách khuyến khích đặt hàng sản xuất và mua sắm đối với các sản phẩm, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ cao do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất.  Để xây dựng ngành công nghiệp điện tử viễn thông trở thành ngành công nghiệp chủ lực, tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển, cần có chính sách đẩy mạnh việc lựa chọn, tin dùng các thiết bị điện tử viễn thông, công nghệ thông tin “Make in Viet Nam”. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng vì hạ tầng kinh tế số là mạng lưới viễn thông. | Đã có quy định trong Khoản 8 Điều 4 |
|  | Đề nghị bổ sung chính sách khuyến khích các DNVT trong nước đầu tư ra nước ngoài | Bảo lưu  - Việc đầu tư ra nước ngoài không thuộc phạm vi của Luật Viễn thông.  - Khoản 1 Điều 51 Luật Đầu tư đã quy định rõ nguyên tắc đầu tư ra nước ngoài “Nhà nước khuyến khích đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác, phát triển, mở rộng thị trường; tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu ngoại tệ; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực quản trị và bổ sung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Ngành nghề kinh doanh dịch vụ viễn thông không thuộc trong danh mục các ngành nghề cấm đầu tư ra nước ngoài (Điều 53 Luật Đầu tư). Ngoài ra Chính phủ đã ban hành Nghị định số 83/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài |
| ***48*** | ***Sở TTTT Phú Yên*** |  |
|  | - Đơn vị soạn thảo rà soát, điều chỉnh viết hoa chữ cái đầu tiên của tên luật được viện dẫn để phù hợp với quy định tại khoản 5 Mục V Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: khoản 1 Điều 14, viết hoa từ “Doanh” trong cụm từ “Luật doanh nghiệp”; Điều 15, viết hoa từ “Thương” trong cụm từ “Luật thương mại”; điểm a khoản 5 Điều 18, viết hoa từ “Doanh” trong cụm từ “Luật doanh nghiệp”; khoản 1 Điều 22, viết hoa từ “Cạnh” trong cụm từ “Luật cạnh tranh”; khoản 2 Điều 52, viết hoa từ “Tần” trong cụm từ “Luật tần số vô tuyến điện”; khoản 3 Điều 62, viết hoa từ “Xây” trong cụm từ “Luật xây dựng”, từ “Quy” trong cụm từ “Luật quy hoạch;... | Tiếp thu |
|  | - Đề nghị xem xét chuyển nội dung quy định tại khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 35 lên Điều 3 vì nội dung này chỉ giải thích từ ngữ; đồng thời rà soát các nội dung khác có tính chất tương tự. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | - Tại khoản 1, khoản 2 Điều 72: hiện nay dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây chưa được quy định cụ thể, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung về “Các dịch vụ khác liên quan” nhằm điều chỉnh các loại dịch vụ mới chưa được Bộ TTTT cấp phép cung cấp dịch vụ. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | - Tại khoản 2 Điều 72, đề nghị xem xét quy định loại dịch vụ cung cấp nhằm phù hợp với mô hình cung cấp dịch vụ điện toán đám mây do Bộ TTTT đã phân loại tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020 về việc hướng dẫn bộ tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật để đánh giá và lựa chọn giải pháp nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử. | Luật đưa ra quy định khái quát hơn về các loại dịch vụ |
|  | - Đề nghị viết hoa chữ cái đầu dòng tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 21; nghiên cứu điều chỉnh nội dung tại điểm b Điều 21 để nội dung Luật quy định là đơn nghĩa | Tiếp thu |
|  | Ngoài ra, cũng tại Điều 21 quy định về quản lý cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông, đơn vị soạn thảo xem xét bổ sung“nhóm doanh nghiệp” có vị trí thống lĩnh thị trường trong lĩnh vực viễn thông đảm bảo phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành. | Tiếp thu xem xét và đánh giá lại |
| ***49*** | ***Tập đoàn VNPT*** |  |
|  | Khoản 2: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  Thiết bị viễn thông là thiết bị kỹ thuật, phần cứng và phần mềm, được dùng để thực hiện hoạt động viễn thông, gồm thiết bị mạng và thiết bị đầu cuối.  Lý do: Bổ sung để đảm bảo rõ nghĩa và đồng bộ với khái niệm tại Điều 1. | Nội dung đã được điều chỉnh |
|  | Khoản 7: *đề nghị cơ quan soạn điều chỉnh, bổ sung như sau:*  *Dịch vụ viễn thông* là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người, giữa hệ thống và người hoặc giữa các hệ thống, giữa các thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị mạng trên môi trường mạng viễn thông.  Lý do:  - Internet vạn vật đã được định nghĩa trong thiết bị đầu cuối ở khoản 4 Điều 3.  - Nếu định nghĩa dịch vụ viễn thông là chỉ giữa hai hoặc một nhóm người thì sẽ thiếu nhiều các dịch vụ giữa hệ thống và người (ví dụ các dịch vụ nhóm dịch vụ viễn thông GTGT, di động cộng thêm…). | Nội dung đã được điều chỉnh |
|  | Khoản 9: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, làm rõ sự khác biệt trong định nghĩa dịch vụ ứng dụng viễn thông, hoặc có hướng dẫn nguyên tắc phân biệt với dịch vụ viễn thông.  Lý do: Định nghĩa chưa làm rõ sự khác biệt giữa dịch vụ ứng dụng viễn thông với dịch vụ viễn thông, đặc biệt là trong xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin và tự động hóa; dẫn đến không thống nhất về cách hiểu và thực hiện các quyền/nghĩa vụ liên quan đến dịch vụ viễn thông/dịch vụ ứng dụng viễn thông giữa các doanh nghiệp | Bảo lưu. Nội dung giải thích từ ngữ trong khoản này đã rõ |
|  | Khoản 10: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  *Đường truyền dẫn* là tập hợp thiết bị viễn thông dùng để xác lập một phần hoặc toàn bộ đường truyền thông tin giữa hai điểm xác định, bao gồm:  10.1. Đường truyền dẫn trong nước: là kênh truyền dẫn vật lý để cung cấp kết nối và truyền thông tin giữa hai điểm xác định trong lãnh thổ Việt nam.  10.2. Đường truyền dẫn quốc tế: là kênh truyền dẫn vật lý để cung cấp kết nối và truyền thông tin ngoài lãnh thổ Việt nam. Đối với đường truyền dẫn cáp quang biển quốc tế cung cấp kết nối từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác hoặc từ điểm đi và điểm đến tại các quốc gia ngoài lãnh thổ Việt Nam. Đối với đường truyền dẫn cáp đất cung cấp kết nối từ biên giới Việt nam đi tới một quốc gia khác hoặc điểm đi và điểm đến tại các quốc gia ngoài Việt nam.  Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định thuế GTGT và thuế nhà thầu trong việc cung cấp dịch vụ thuê và cho thuê kênh truyền dẫn quốc tế. | Khái niệm trong dự thảo đã bao hàm đầy đủ các hình thức truyền dẫn, trường hợp cần thiết phải phân tách rõ thì sẽ tiếp thu, bổ sung trong quá trình ban hành các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | Khoản 18: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  *Công trình viễn thông* là hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp, trạm cáp quang biển quốc tế…) để lắp đặt thiết bị, đường truyền dẫn viễn thông.  Lý do:  - Trạm cáp quang biển quốc tế: là điểm giao tiếp và kết nối giữa các tuyến truyền dẫn trong nước với đường truyền dẫn quốc tế bằng cáp quang biển  - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định thuế GTGT và thuế nhà thầu trong việc cung cấp dịch vụ thuê và cho thuê kênh truyền dẫn quốc tế.  - Thêm “…” để phản ánh đầy đủ hơn những phần tử có thể có khác mà không được gọi và liệt kê đầy đủ. | Trạm cáp quang biển đã được bao hàm bởi thuật ngữ “nhà, trạm” |
|  | Khoản 20: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thành:  *Phương tiện thiết yếu* là bộ phận quan trọng của cơ sở hạ tầng viễn thông do một hoặc một số doanh nghiệp viễn thông độc quyền chiếm giữ hoặc chiếm giữ phần lớn trên thị trường viễn thông.  Lý do: - Bỏ cụm từ “*việc thiết lập mới bộ phận cơ sở hạ tầng này để thay thế là không khả thi về kinh tế, kỹ thuật*” vì trên thực tế các việc trên đều khả thi. Đồng thời, VNPT đề nghị làm rõ khái niệm “*phần lớn*” bằng một con số cụ thể để làm cơ sở thực hiện. | Khái niệm trong dự thảo đã bao hàm đầy đủ các tiêu chí cơ bản để xác định, trường hợp cần thiết phải phân tách rõ thì sẽ tiếp thu, bổ sung trong quá trình ban hành các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | Khoản 21: đề nghị bổ sung:  Tài nguyên viễn thông là tài nguyên quốc gia, bao gồm kho số viễn thông, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh thuộc quyền quản lý, sử dụng của Việt Nam  Lý do: ITU quản lý các Bộ hồ sơ quỹ đạo vệ tinh, các cơ quan quản lý của các nước có quyền sử dụng. | Bảo lưu.  Xác định quyền quản lý theo quy định |
|  | Khoản 25: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét mở rộng khái niệm Đại lý dịch vụ viễn thông  Lý do:  - Định nghĩa trong dự thảo chỉ đề cập đến Đại lý dịch vụ viễn thông 1 cấp. Tuy nhiên, trên thực tế việc mua dịch vụ viễn thông có thể thực hiện qua 2 cấp.  - Căn cứ Điều 169 (Các hình thức đại lý) của Luật Thương quy định hình thức tổng đại lý mua bán hàng hóa.  Vì vậy, để tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho các hoạt động kinh doanh trên thực tế, đề nghị mở rộng khái niệm này | Bảo lưu.  Các quy định đại lý cấp 1, cấp 2 hay nhiều cấp sẽ được quy định tại các văn bản dưới Luật (nếu cần thiết) |
|  | Khoản 26: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất trong khi sử dụng các thuật ngữ trong toàn bộ dự thảo.  Lý do:  - Tại Điều 3 (Giải thích thuật ngữ) chỉ có “*Người sử dụng dịch vụ viễn thông*”. Tuy nhiên, trong dự thảo đang sử dụng thêm các cụm từ: “*Người sử dụng” (khoản 29,30 Điều 3; khoản 1,2 Điều 37…) “Người sử dụng dịch vụ*” (khoản 2,3 Điều 36, khoản 2 Điều 37…).  - Đề nghị làm rõ khái niệm tại: “*Người sử dụng dịch vụ viễn thông” (*khoản 26) và *“Thuê bao viễn thông” (khoản 27)* vì định nghĩa trong dự thảo không nêu lên được sự khác biệt giữa 2 khái niệm, dễ gây nhầm lẫn trong quá trình áp dụng. | Tiếp thu, điều chỉnh cho đồng bộ  Bảo lưu, nội dung khái niệm đã rõ. |
|  | Khoản 28: đề nghị xem xét mở rộng khái niệm Bán lại dịch vụ viễn thông  Lý do: Tương tự góp ý đối với khoản 25 Điều này |  |
|  | Khoản 30: đề nghị điều chỉnh như sau:  *Tài khoản SIM thuê bao di động* là tài khoản phản ánh giá trị người sử dụng đã nạp bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông hoặc bằng phương tiện thanh toán hợp pháp (không bao gồm khuyến mại); được ghi nhận trong hệ thống tính cước của doanh nghiệp viễn thông, gắn với thuê bao viễn thông và dùng để chi trả cho dịch vụ viễn thông, dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông **và Internet** theo quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.  Lý do:  - Đề nghị bổ sung cụm từ “**và Internet” để**  đảm bảo phù hợp với thực tiễn.  - Hiện nay, thuê bao di động trả trước có 02 tài khoản: tài khoản chính và tài khoản khuyến mại. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, quy định cụ thể để làm cơ sở triển khai thực hiện. | Bảo lưu  Khái niệm dich vụ thông tin trên mạng viễn thông và Internet quá rộng và liên quan đến hoạt động thanh toán thuộc chức năng quản lý của NHNN.  - Doanh nghiệp phải chủ động quản lý và chịu trách nhiệm về tài khoản khuyến mại. |
|  | Khoản 32, 33:  VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại định nghĩa về “*Điện toán đám mây*” vì khi quy định điện toán đám mây là “mô hình dịch vụ” sẽ khó phân biệt với định nghĩa của thuật ngữ “Dịch vụ điện toán đám mây” tại Khoản 33 của Điều 3 ngay sau đó. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung: “... cho phép người *sử dụng dịch vụ* truy cập…” vào Khoản 32 Điều 3 này.  Bên cạnh đó, có thể phát sinh trường hợp máy (ứng dụng, dịch vụ,...) truy cập và sử dụng các tài nguyên điện toán dùng chung chứ không chỉ là con người nên Dự thảo sửa đổi Luật Viễn thông nên có quy định bao quát cả hình thức máy giao tiếp với máy trong các quy định về điện toán đám mây.  VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung các khái niệm được sử dụng trong dự thảo nhưng chưa được giải thích: “*dịch vụ trung tâm dữ liệu”:“cơ sở hạ tầng thông tin”, “dịch vụ cơ bản”, “dịch vụ giá trị gia tăng”, “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông, “hạ tầng mạng”…* | Nghiên cứu, tiếp thu |
|  | Khoản 7 Điều 4: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, trung tâm dữ liệu tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.  Lý do: bổ sung để đảm bảo đầy đủ. | Tiếp thu |
|  | Khoản 8, 9 Điều 5:  Khoản 8 Điều 5 đề cập đến “*an toàn mạng”* và Khoản 9 Điều 5 đề cập đến “*an ninh mạng*”. Thuật ngữ “*an ninh mạng*” đã được cụ thể trong Luật An ninh mạng tuy nhiên thuật ngữ “*an toàn mạng*” chưa được làm rõ nội hàm trong Dự thảo sửa đổi Luật Viễn thông, Luật An ninh mạng và Luật an toàn thông tin mạng (tại Luật an toàn thông tin mạng chỉ có định nghĩa về thuật ngữ “*an toàn thông tin mạng*”). Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ nội hàm của thuật ngữ "*an toàn mạng"* để phân biệt phạm vi của Khoản 8 Điều 5 và phạm vi "*an ninh mạng*" của Khoản 9 Điều 5 của Dự thảo sửa đổi Luật Viễn thông hoặc xem xét việc sử dụng thuật ngữ phù hợp để thống nhất trong các văn bản luật và dễ hiểu khi triển khai thực hiện. | Đề xuất sửa đổi “an toàn mạng” thành “an toàn mạng lưới” |
|  | Khoản 2 Điều 9: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  2. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về viễn thông, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  d) Quản lý hoạt động đăng ký, sử dụng tài nguyên viễn thông tại Việt Nam.  Lý do: Bộ TTTT quản lý toàn bộ tài nguyên viễn thông, không chỉ là tài nguyên Internet | Đã điều chỉnh |
|  | Khoản 2 Điều 13: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  Việc kinh doanh dịch vụ viễn thông phải tuân thủ theo các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  Lý do: Để đảm bảo tính hiệu lực của quy định trong văn bản luật | Tiếp thu |
|  | Việc kinh doanh hàng hóa viễn thông phải theo các quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.   * Đề nghị giải thích mối liên quan với 2 điều được tham chiếu (Điều 57, 58 được tham chiếu, 2 điều này quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn) | - Điều 57 của dự thảo Luật tham chiếu đến các Điều 10, 11, 12 và 13 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;  - Điều 58 của DT Luật tham chiếu đến các Điều 26, 27 và 28 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. |
|  | Khoản 1 Điều 14: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh để đảm bảo sự thống nhất giữa các quy định trong dự thảo.  Lý do:  Khoản 24, Điều 3 dự thảo quy định DCCDV không có hạ tầng mạng là *“doanh nghiệp thực hiện việc cung cấp dịch vụ viễn thông nhưng**không thiết lập, sở hữu mạng viễn thông”*.  Khoản 11, Điều 3 dự thảo quy định: *“Mạng viễn thông là tập hợp thiết bị viễn thông được liên kết với nhau bằng đường truyền dẫn để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông.”*  Như vậy theo quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 11, Điều 3 nêu trên thì DNCCDV không có hạ tầng mạng có thể sở hữu mạng viễn thông. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại khoản 24 Điều 3 là không phù hợp với định nghĩa về DCCDV không có hạ tầng mạng. | Bảo lưu.  DN CCDV không có hạ tầng mạng được “Xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông”. Tuy nhiên, để kết nối các thành phần trên lại với nhau để trở thành mạng viễn thông công cộng thì phải thuê đường truyền dẫn của doanh nghiệp viễn thông đã được cấp phép. |
|  | - Tiết b, c, điểm 1.1, khoản 1, Điều 14 dự thảo quy định DNCCDV không có hạ tầng mạng được quyền thuê của doanh nghiệp viễn thông khác đường truyền dẫn (đường truyền dẫn là một phần của mạng viễn thông), tuy nhiên tiết d, điểm 1.1, khoản 1, Điều 14 dự thảo lại cho phép DNCCDV không có hạ tầng mạng được quyền cho thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông (bao gồm mạng viễn thông và công trình viễn thông). Như vậy, quy định cho thuê lại này là quá rộng và không phù hợp với nội hàm quy định tại chính điều này, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh để đảm bảo sự phù hợp giữa các quy định.  - Đề nghị bổ sung DNCCDV không có hạ tầng mạng có quyền từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông | Bảo lưu  - Đã bổ sung việc cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn  - Việc từ chối CCDV viễn thông đã được quy định chi tiết tại Điều 30 |
|  | Điều 14 Khoản 2:  - Đề nghị bổ sung thêm các quyền: cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, bán lại lưu lượng…  - Đề nghị bổ sung DNCCDV có hạ tầng mạng có quyền từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông (Căn cứ Điều 30 Dự thảo)  - Đề nghị chuyển quy định tại điểm a khoản 2.2 sang khoản 2.1  Đề nghị loại bỏ quy định tại điểm b khoản 2.2 (Nghĩa vụ này đã bao gồm trong quy định tại điểm c khoản 2.2 để tránh trùng lặp) | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Điều 15 Khoản 6:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh: Thời gian cung cấp dịch vụ phải đảm bảo theo thời gian quy định của doanh nghiệp viễn thông | Bảo lưu do một số quy định về thời gian cung cấp dịch vụ (Internet, game,...) được áp dụng trực tiếp đối với các đại lý mà không cần thông qua doanh nghiệp viễn thông |
|  | Điều 16 Khoản 2:  - Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chuyển quy định khoản 2.2 điểm b về khoản 1.2 Điều 16  Khoản 26 Điều 3 dự thảo quy định: *“Người sử dụng dịch vụ viễn thông là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý dịch vụ viễn thông để sử dụng dịch vụ viễn thông”.* Theo đó nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng phải là của Người sử dụng dịch vụ viễn thông không phải của thuê bao viễn thông.  Đồng thời, trong quá trình sử dụng dịch vụ, người sử dụng dịch vụ viễn thông có thể thay đổi các thông tin, vì vậy, đề nghị bổ sung quy định theo hướng Người sử dụng dịch vụ viễn thông phải cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp viễn thông khi có sự thay đổi thông tin. | Bảo lưu.  Khái niệm người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông đã xác định rõ. |
|  | Điều 19 Khoản 1:  Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:  Cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn là việc doanh nghiệp viễn thông cho doanh nghiệp viễn thông khác mua lưu lượng viễn thông của mình.  Lý do: - Đề xuất bỏ cụm “*để phục vụ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông*” do mục đích của DNVT mua lưu lượng có thể là để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng hoặc thực hiện viễn thông công ích…  Đề xuất bỏ cụm từ “*sử dụng mạng viễn thông*” vì không phù hợp khi quy định trong Điều 19 về bán buôn, bán lẻ. | Bảo lưu  DNVT được thành lập có thể cung cấp dịch vụ VTCI ngoài việc cung cấp dịch vụ nhằm mục đích sinh lời, không có doanh nghiệp nào chỉ cung cấp dịch vụ công ích. Vì vậy, bất cứ đối tượng nào cung cấp dịch vụ cho người sử dụng đều phải thực hiện nghĩa vụ này.  Bán buôn viễn thông bao gồm 02 hình thức là sử dụng mạng viễn thông (thuê hạ tầng) và mua lưu lượng viễn thông (mua dịch vụ). |
|  | Điều 20 Khoản 1:  Đề nghị cơ quan soạn thảo không đưa quy định tại khoản 1 Điều 20 vào dự thảo.  Lý do: Phân khúc thị trường, mô hình hợp tác, mô hình kinh doanh của các MNO khác với MVNO, và giữa các MVNO cũng khác nhau. Do đó, việc quy định các MNO phải áp dụng các điều kiện không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp mua dịch vụ, giữa bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp với các doanh nghiệp mua dịch vụ để bán lại trong cùng một điều kiện hoàn cảnh là chưa thực sự phù hợp. | Bảo lưu  Đây là 1 nghĩa vụ rất phổ biến theo thông lệ quốc tế và không chỉ nhằm vào mối quan hệ giữa MNO và MVNO. Trong trường hợp áp dụng để điều tiết mối quan hệ mua bán giữa MNO và MVNO, thì quy định “không phân biệt đối xử…trong cùng một điều kiện hoàn cảnh” đã nhằm đảm bảo cho việc đối xử công bằng giữa các dn MVNO có quy mô đầu tư khác nhau (full MVNO, light MVNO). |
|  | Điều 20 Khoản 2:  Đề nghị điều chỉnh thành:  Công khai, minh bạch tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông  Lý do: VNPT đề xuất không bắt buộc công khai thông tin giá bán buôn do giá bán buôn là một phần nội dung Hợp đồng giữa các doanh nghiệp. Việc công khai các nội dung trong Hợp đồng là do các Bên tự thỏa thuận trong Hợp đồng. Do vậy, để đảm bảo nguyên tắc của pháp luật dân sự là tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, đề nghị bỏ quy định này. | Tiếp thu |
|  | Điều 20 Khoản 3:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định này.  Lý do: Để đảm bảo chính sách kinh doanh của từng doanh nghiệp, VNPT đề xuất các doanh nghiệp bán buôn không thực hiện kê khai giá cước bán buôn và việc quyết định giá, điều chỉnh giá là doanh nghiệp bán buôn tự quyết định. | Bảo lưu  Việc kê khai giá bán buôn là hoàn toàn hợp lý trong lĩnh vực viễn thông khi rất nhiều dịch vụ bán buôn là đầu vào của các dịch vụ bán lẻ, giá bán buôn bất hợp lý sẽ ảnh hưởng đến giá bán lẻ của người sử dụng dịch vụ. Việc kê khai giá bán buôn cũng không ảnh hưởng đến chính sách của doanh nghiệp mà chỉ tăng tính minh bạch và tạo thêm sự cạnh tranh cho thị trường. |
|  | Cấu trúc khi quy định về một chủ thể bao gồm quyền và nghĩa vụ, do dó, để đảm bảo phù hợp, VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung: Quyền của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn vào dự thảo. | Doanh nghiệp bán buôn là các doanh nghiệp có hạ tầng mạng và quyền của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng đã được quy định rõ ràng tại Điều 14. |
|  | Điều 21 Khoản 1:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, không đưa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 vào dự thảo.  Lý do: Các quy định tại Điều 26 của Luật cạnh tranh rất khó định lượng. Đối với lĩnh vực viễn thông thì cần có định lượng | Bảo lưu  Các tiêu chí này sẽ được làm rõ và định lượng ở cấp dưới Luật. Việc xác định SMP theo các tiêu chuẩn này là phổ biến trên thế giới. |
|  | Điều 21 Khoản 3: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét không đưa các quy định tại điểm a, c, đ khoản 3 Điều này vào dự thảo.  Lý do: Việc quyết định cung cấp dịch vụ bán buôn của doanh nghiệp viễn thông phụ thuộc vào các yếu tố như: Kế hoạch, nhu cầu sử dụng, kinh doanh của doanh nghiệp viễn thông, giá cước bán buôn, các điều kiện khác kèm theo. Do đó, việc quy định các doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ bán buôn khi có đề nghị của các doanh nghiệp khác là chưa thực sự phù hợp, đề xuất xem xét bỏ quy định này để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được quyền chủ động thương lượng căn cứ trên nhu cầu và khả năng của doanh nghiệp.  Việc quyết định giá bán buôn căn cứ vào chính sách kinh doanh của doanh nghiệp bán buôn và trên cơ sở tự do thỏa thuận giữa 02 doanh nghiệp  Mô hình tổ chức của VNPT là theo chuỗi cung cấp sản phẩm dịch vụ; mỗi đơn vị trong VNPT chịu trách nhiệm theo từng công đoạn dịch vụ theo phân công, phân nhiệm của VNPT. Nên mức giá giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn không phải là đơn giá bán buôn giữa hai doanh nghiệp Viễn thông như VNPT và DN MVNO mà chỉ là đơn giá nội bộ các công đoạn SX dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng một Tập đoàn. | Tiếp thu 1 phần  Đã bỏ Khoản đ |
|  | Điều 22 Khoản 2: đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ nội hàm quy định “*không cung cấp kịp thời*” cụ thể là như thế nào để có cơ sở thực hiện. | Tiếp thu, sẽ làm rõ ở các văn bản hướng dẫn dưới Luật |
|  | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định các hành vi hạn chế cạnh tranh đối với nhóm các dịch vụ OTT.  Lý do: Với xu hướng hiện tại, nhóm các dịch vụ OTT sẽ bắt đầu chiếm lĩnh thị trường dịch vụ viễn thông lớn. Vậy các quy định quản lý cạnh tranh cũng cần phải được áp dụng cho nhóm dịch vụ này. | Khái niệm dịch vụ OTT có phạm vi rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, các hành vi vi phạm về cạnh tranh trong lĩnh vực nào thì sẽ chịu sự điều chỉnh chung của Luật Cạnh tranh và pháp luật có liên quan tương ứng. Trong phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông, dự thảo đề xuất điều chỉnh các dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông (dịch vụ OTT điện thoại, nhắn tin) trong đó đã có quy định giao Chính phủ quy định các biện pháp quản lý cần thiết để bảo đảm cạnh tranh trên thị trường. |
|  | Điều 24 Khoản 2: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hàng năm *và đột xuất.*  Lý do:Thực tế nhiệm vụ phát sóng biển đảo (dàn khoan, cửa khẩu…) thường đột xuất (dàn khoan dầu mới, cửa khẩu mới…) và chi phí triển khai kênh vệ tinh rất cao. | Bảo lưu.  Đột xuất là tình huống cụ thể phát sinh mới, không đưa được vào kế hoạch hàng năm.  Để cung cấp DVVTCI, trước năm KH thì Bộ phải đặt hàng các DN. Trong nội dung của Chương trình cung cấp dịch vụ VTCI, các DN phải đề xuất trước, không thể có kế hoạch đột xuất. Giàn khoan, cửa khẩu không phải là đối tượng được hỗ trợ. |
|  | Điều 27 Khoản 2:  Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  Mạng viễn thông bao gồm:   1. Mạng viễn thông cố định mặt đất: có sử dụng kho số có sử dụng băng tần, có sử dụng kho số không sử dụng băng tần, không sử dụng kho số có sử dụng băng tần, không sử dụng kho số không sử dụng băng tần 2. Mạng viễn thông cố định *qua* vệ tinh; 3. …   Mạng viễn thông di động *qua* vệ tinh;  Lý do: Bổ sung vào tên gọi để thống nhất với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia theo QĐ số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 theo nghiệp vụ cố định qua vệ tinh và nghiệp vụ di động qua vệ tinh. | Không tiếp thu. Các quy định trước đây sẽ phải thay đổi theo Luật VT sửa đổi. |
|  | Điều 28 Khoản 3:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, rà soát để đảm bảo nội dung phù hợp với tên gọi của Điều này.  Lý do: Tên Điều 28 của dự thảo là Cung cấp dịch vụ viễn thông, tuy nhiên khoản 3 Điều 28 lại quy định về cung cấp dịch ứng dụng viễn thông. | Tiếp thu, sẽ xem xét đưa quy định về cung cấp dịch ứng dụng viễn thông sang điều khoản khác phù hợp |
|  | Điều 28 Khoản 5:  Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa như sau:  Doanh nghiệp viễn thông phải đăng ký hoặc thông báo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông mẫu theo quy định của pháp luật.  Theo quy định của pháp luật có hợp đồng dịch vụ viễn thông phải đăng ký, có hợp đồng dịch vụ viễn thông phải thông báo (Điều 3, Điều 4 Thông tư 39/2016/TT-BTTT) | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa. |
|  | Điều 28 Khoản 8:  Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định này.  Lý do: Cần làm rõ ý Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng có trách nhiệm xây dựng và công bố các mức chất lượng dịch vụ và giá cước tương ứng đối với dịch vụ sử dụng mạng viễn thông để cung cấp cho các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước để các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước sử dụng (người sử dụng dịch vụ viễn thông) hay để tiếp tục cung cấp (bán lại) cho người sử dụng viễn thông khác. | Bộ TT&TT giải trình thêm như sau: Tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước đã được nêu rõ tại khoản 9, trong đó không bao gồm việc thực hiện hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông |
|  | Điều 29 Khoản 2:  Đề nghị điều chỉnh như sau:  Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam đã được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông.  Lý do: Điều chỉnh để đảm bảo phù hợp. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa. |
|  | Điều 29 Khoản 3:  Để nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định này đối với DN nước ngoài.  Dự thảo chưa quy định trách nhiệm của DN nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải đăng ký thỏa thuận thương mại mẫu. Do đó, VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung để tạo sự công bằng giữa DN Việt Nam và DN nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam | Bảo lưu.  DN nước ngoài phải thông qua thỏa thuận với DN Việt Nam nên chỉ quy định DN Việt Nam phải đăng ký thỏa thuận mẫu. |
|  | Điều 33 Khoản 1:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét số máy cứu hộ cứu nạn có thuộc phạm vi dịch vụ khẩn cấp hay không? | Dự thảo đã quy định bảo đảm đồng bộ với các quy định về trường hợp khẩn cấp trong trường hợp cần làm rõ sẽ bổ sung trong quá trình ban hành các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | Điều 33 Khoản 3:  Đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét miễn cước từ cố định và di động. | Xem xét tham vấn các cơ quan có liên quan. |
|  | Điều 33 Khoản 4:  Đề nghị cơ quan soan thảo xem xét bổ sung:  Người sử dụng dịch vụ viễn thông khẩn cấp có trách nhiệm : Sử dụng dịch vụ viễn thông khẩn cấp đúng mục đích, các hành vi quấy rối sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.  Lý do: Điểm d khoản 3 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP “*Gọi điện thoại đến số điện thoại khẩn cấp 111, 113, 114, 115 hoặc đường dây nóng của cơ quan, tổ chức để quấy rối, đe dọa, xúc phạm*” sẽ bị xử phạt tiền từ 02 - 03 triệu đồng. Vì vậy, đề nghị bổ sung trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ viễn thông khẩn cấp vào dự thảo. | Dự thảo đã quy định bảo đảm đồng bộ với các quy định về trường hợp khẩn cấp trong trường hợp cần làm rõ sẽ bổ sung trong quá trình ban hành các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | Điều 34:  Đề nghị giải thích tại sao chỉ áp dụng với điện thoại cố định | Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất là dịch vụ viễn thông cơ bản, phục vụ đối tượng là các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và hộ gia đình (không phải là cá nhân), đến nay chủ yếu đối tượng là các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Vì vậy việc tra cứu thông tin sử dụng số thuê bao cố định với chủ thuê bao, địa chỉ rõ ràng là có tính hữu ích cho xã hội, cho người dân và Luật VT quy định miễn cước người gọi đến tra cứu. |
|  | Điều 35:  Đề nghị giải thích tại sao chỉ áp dụng với điện thoại cố định.  Thực tế các DNVT vẫn có các đầu số CSKH, tiếp nhận phản ánh về dịch vụ điện thoại cố định và các dịch vụ viễn thông khác. | Các dịch vụ Internet cố định và các dịch vụ khác do doanh nghiệp cung cấp là các dịch vụ giá trị gia tăng do thị trường điều tiết, ràng buộc dân sự giữa nhà cung cấp và người sử dụng bao gồm cả khách hàng cá nhân (là thông tin riêng được đảm bảo theo Luật). Các nhà cung cấp đều có cung cấp dịch vụ báo hỏng xong có thể thu phí cuộc gọi đến của người sử dụng khi báo hỏng các dịch vụ trên. |
|  | Điều 36:  Đề nghị phân loại dịch vụ này là dịch vụ viễn thông hay dịch vụ ứng dụng viễn thông? | Tiếp thu, Bộ TT&TT đã điều chỉnh dự thảo quy định rõ các dịch vụ này là dịch vụ viễn thông |
|  | Điều 36 Khoản 1:  Đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định đối với trường hợp doanh nghiệp đã có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông thì chỉ cần thông báo với cơ quan quản lý nhà nước.  Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh | Tiếp thu một phần, dịch vụ này sẽ được cấp phép theo hình thức đơn giản nhất để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ. |
|  | Điều 38 Khoản 2:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung thêm các nội dung trong thông báo  Nội dung thông báo bao gồm tên người đại diện, điện thoại, thư điện tử là chưa đầy đủ. Đề nghị xem xét bổ sung thêm các thông tin khác như: tên tổ chức, địa chỉ… | Tiếp thu, các nội dung thông báo cụ thể sẽ do Chính phủ quy định chi tiết |
|  | Điều 39 Khoản 2, 3:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, làm rõ, trường hợp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và quyền thiết lập mạng viễn thông của DNVT hết hạn thì Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển còn hạn của DNVT đó còn hiệu lực hay không? Để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng luật | Hai loại giấy phép có thời hạn riêng. |
|  | Điều 44 Khoản 2:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định về việc ưu tiên cấp mới giấy phép viễn thông cho tổ chức khi giấy phép đã cấp hết hạn, cấp giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp trúng đấu giá tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp viễn thông đã được cấp phép các loại giấy phép đó nhưng hết hạn giấy phép và đáp ứng các điều kiện cấp phép vì việc đầu tư hạ tầng mạng lưới viễn thông rất lớn nên các doanh nghiệp rất cần nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.  Lý do: Thời gian thực hiện xem xét “*việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông*:” có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ. | Nghị định 81/2016/NĐ-CP đã có quy định trước thời hạn 6 tháng hết hạn GP thì DN phải chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp mới để quá trình kinh doanh được liên tục. |
|  | Điều 45 Khoản 1:  - Đề nghị cơ quan soạn thảo tách riêng điểm e khoản 1.  Lý do: Trường hợp này về bản chất không thuộc diện bị thu hồi giấy phép viễn thông  - Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung quy định doanh nghiệp sẽ bị thu hồi giấy phép viễn thông trong trường hợp doanh nghiệp không nộp, nộp không đầy đủ, đúng hạn phí quyền hoạt động viễn thông.  Để đảm bảo công bằng, tuân thủ quy định của pháp luật. | Đã điều chỉnh. |
|  | Điều 47 Khoản 2:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, loại bỏ hình thức tính phí theo tỷ lệ phần trăm doanh thu.  Lý do: Theo Khoản 1 Điều 3 Luật phí và Lệ phí (số 97/2015/QH13):  "*1. Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này*."  Doanh thu của các doanh nghiệp được xác định trên cơ sở chính sách kinh doanh của từng doanh nghiệp nên sẽ khác nhau giữa các doanh nghiệp và trong cùng một doanh nghiệp sẽ khác nhau tại các thời điểm. Điều này dẫn đến hàm lượng/chất lượng dịch vụ công được hưởng là như nhau, nhưng phí phải đóng khác nhau giữa các Doanh nghiệp và giữa các thời điểm của một Doanh nghiệp.  Hơn nữa, việc tính phí như trên không xét đến Chi phí phải trả của doanh nghiệp viễn thông để thực hiện việc cung cấp dịch vụ viễn thông là khác nhau giữa các thời điểm và giữa các doanh nghiệp.  Như vậy, việc tính phí theo % trên Doanh thu của Doanh nghiệp như trên không phản ánh hợp lý giá trị dịch vụ công do Nhà nước cung cấp cho các Doanh nghiệp khác nhau – không theo đúng bản chất của phí theo định nghĩa; | Xem xét tham vấn các cơ quan có liên quan |
|  | Điều 49 Khoản 1:  Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau:  a) Cung cấp kết nối tại bất kỳ điểm nào khả thi về mặt kỹ thuật trên mạng viễn thông và phù hợp với định hướng quy hoạch của Doanh nghiệp có hạ tầng mạng  Lý do: Để đảm bảo phù hợp với thực tiễn | Quy định hiện tại đã bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế |
|  | Điều 49 Khoản 3:  Đề nghị bổ sung như sau:  Giá cước kết nối viễn thông được xây dựng trên cơ sở giá thành, phân tách hợp lý theo các bộ phận cấu thành mạng hoặc theo công đoạn dịch vụ, không phân biệt các loại hình dịch vụ. Bộ TTTT quy định giá cước kết nối đối với các dịch vụ cơ bản.   * Đề nghị làm rõ giá cước kết nối có áp dụng giữa MNO và MVNO hay không? | Bảo lưu  Đang thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. |
|  | Điều 51 Khoản 3:  Đề nghị điều chỉnh thành:  b) Sử dụng chung công trình viễn thông để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị;  Lý do: Khoản 18 Điều 3 dự thảo quy *định “Công trình viễn thông* là hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp) để lắp đặt thiết bị, đường truyền dẫn viễn thông”, theo đó đề nghị điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với thuật ngữ đã được giải thích. | Nội dung khoản 3 Điều 51 đang đề cập tới “chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông” |
|  | Điều 62 Khoản 1:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh.  Lý do: Hoạt động khuyến mại trong cung cấp dịch vụ viễn thông hiện đang cũng đang được quy định tại Nghị định 81/2018/NĐ-CP và do Chính phủ ban hành. Do vậy, đề nghị sửa đổi dự thảo theo hướng: Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền quy định hướng dẫn chi tiết về hoạt động khuyến mại trong cung cấp dịch vụ viễn thông, để đảm bảo thống nhất một đầu mối quy định về nội dung này. | Bảo lưu  - Khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông, quy định thống nhất Bộ TT&TT (đầu mối là Cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông) là cơ quan quản lý khuyến mại trong hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông (ngoại trừ hình thức khuyến mại mang tính may rủi). Các quy định quản lý khuyến mại dịch vụ viễn thông được xây dựng để thiết lập hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện quản lý cạnh tranh lành mạnh trên thị trường viễn thông; song hành với các quy định quản lý giá cước dịch vụ viễn thông để chống lại việc bán phá giá dịch vụ viễn thông, gây đổ vỡ thị trường.  - Căn cứ quy định tại Điểm đ khoản 12 Nghị định 48/2022/NĐ-CP, Bộ TTTT có nhiệm vụ và thẩm quyến "Ban hành cơ chế, chính sách, quy định và tổ chức thực hiện quản lý giá cước, khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông và Internet theo quy định của pháp luật..."  - Hiện nay, trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 25, Bộ TT&TT đề xuất sửa đổi các quy định về khuyến mại trong kinh doanh dịch vụ viễn thông để khắc phục một số điểm chưa đồng bộ, thống nhất với pháp luật chung về khuyến mại (Nghị định 81/2018/NĐ-CP), tạo hành lanh pháp lý đầy đủ để thực hiện quản lý cạnh tranh trên thị trường viễn thông, đồng thời tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông trong hoạt động khuyến mại dịch vụ viễn thông, sửa đổi các quy định về khuyến mại dịch vụ viễn thông trong Nghị định 25 đồng bộ với các quy định của pháp luật chung về khuyến mại trong Nghị định 81/2018/NĐ-CP. |
|  | Điều 62 Khoản 2:  Đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét không đưa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 vào dự thảo.   * Để đảm bảo quyền chủ động của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh | Bảo lưu  Quy định này không ảnh hưởng đến quyền chủ động của DN trong hoạt động kinh doanh. |
|  | Điều 63:  Đề xuất bỏ các Khoản 1, 2, 3,4 và ghi chung là “*Thực hiện theo quy định của pháp luật về Hóa đơn, chứng từ”*  Lý do: Hiện nay pháp luật đã có các quy định chuyên về Hóa đơn, chứng từ (VD: Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Thông tư 78/2021/TT-BTC,…), nội dung quy định tại Điều 63 về cơ bản không có khác biệt với các quy định trên; cần tránh chồng chéo giữa các quy định của các Bộ/Ban ngành để giảm thiểu tình trạng phát sinh vướng mắc trong trường hợp các quy định không đồng bộ với nhau. | Bảo lưu  Các điều khoản này được quy định tại Luật VT 2009 và vẫn vận hành tốt, vì vậy tiếp tục được duy trì tại dự thảo Luật VT sửa đổi. |
|  | Điều 70:  Đề xuất nên tách biệt quy định về dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây thành từng chương riêng trong dự thảo này.  Lý do: Bản chất mỗi dịch vụ khác nhau, vì vậy quy định vào chung một chương là chưa thực sự phù hợp | Hai loại hình dịch vụ này có mối liên kết với nhau, đi liền với nhau nên quy định chung để tránh nhiều chương, điều |
|  | Điều 74:  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, quy định cụ thể điều kiện kinh doanh đối với từng dịch vụ, các tiêu chuẩn, quy chuẩn cần đạt để có thể được phép cung cấp dịch vụ vì đây là 2 dịch vụ có đặc thù riêng. | Đã quy định theo mức độ cần thiết cho các dịch vụ |
|  | Điều 75 Khoản 1:  Để đảm bảo rõ ràng, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ trường hợp đã lưu trữ các dữ liệu tại Việt Nam thì có được lưu trữ dữ liệu ở nước khác hay không? | Chỉ quy định nguyên tắc chung tuân theo các quy định hiện hành có liên quan về yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong nước. |
|  | Điều 75 Khoản 3:  - Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh để phù hợp với nguyên tắc đảm bảo bí mật thông tin quy định tại Điều 6 dự thảo.  - Đề nghị làm rõ phạm vi “*thông tin của người sử dụng”* bao gồm những gì để đảm bảo cụ thể, rõ ràng khi áp dụng.  - Dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây có nhiều loại hình dịch vụ khác nhau. Theo đó, nếu áp dụng các quy định tại Điều này cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu/điện toán đám mây là thực sự chưa phù hợp (ví dụ: quy định tại khoản 1 Điều này với dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ của dịch vụ Trung tâm dữ liệu là không phù hợp…). Đề nghị xem xét, quy định đối với từng dịch vụ cụ thể để đảm bảo sự phù hợp. | Điều khoản trong luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc, cụ thể sẽ được quy định trong Nghị định hướng dẫn |
|  | Điều 76 Khoản 2:  - Đề nghị xem xét lại điều khoản này vì đa số các trường hợp DN cung cấp dịch vụ dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây trong nhiều trường hợp không có khả năng gỡ bỏ các nội dung thông tin vi phạm quy định  Lý do: Quy định yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu phải gỡ bỏ các nội dung thông tin vi phạm pháp luật là không khả thi, đặc biệt trong trường hợp dịch vụ được cung cấp cho khách hàng là dịch vụ cho thuê chỗ tại trung tâm dữ liệu (dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ). Trong trường hợp này, doanh nghiệp chỉ cung cấp các điều kiện về cơ sở hạ tầng như nhà trạm, thiết bị mạng, điện, băng thông, các thiết bị làm mát...để khách hàng sử dụng dịch vụ đặt máy chủ của họ. Các nội dung, thông tin trong máy chủ thuộc quyền quản lý, khai thác của khách hàng, do đó, doanh nghiệp không thể can thiệp vào máy chủ của khách hàng để gỡ bỏ nội dung thông tin vi phạm. | Đã điều chỉnh. |
|  | - Đề nghị bổ sung qui định trách nhiệm của tổ chức cá nhân sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây.  Lý do: Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) | Nghiên cứu, tiếp thu |
|  | Đề nghị bổ sung quy định về MVNO để đảm bảo phù hợp.  Dự thảo chỉ có quy định về Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, tuy nhiên trong báo cáo đánh giá tác động của Luật Viễn thông sửa đổi có đề cập đến khái niệm mạng di động ảo. Theo đó, đề nghị xem xét, bổ sung để đảm bảo phù hợp cách sử dụng thuật ngữ về các doanh nghiệp viễn thông. | Quy định trong VB dưới luật |
|  | Dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi bổ sung các quy định về: cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới; cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông; cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông theo hình thức xuyên biên giới vào Việt Nam.  Đề nghị sớm có chế tài đối với các quy định mới được bổ sung vào dự thảo Luật Viễn thông để đảm bảo sự tuân thủ quy định của pháp luật và sự công bằng giữa các doanh nghiệp. | Tiếp thu trong quá trình xây dựng chế tài |
|  | **-** Bổ sung chính sách phát triển mạng viễn thông trong chung cư, toà nhà văn phòng:  Để đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, bên cạnh việc xây dựng các chính sách phát triển năng lực, chất lượng mạng viễn thông thì việc thể chế hóa các quy định tại Luật để thúc đẩy, phát triển hạ tầng viễn thông tại các khu chung cư, tòa nhà văn phòng là cần thiết, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông – dịch vụ số ngày càng cao của đông đảo người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.  Khoản 3, Điều 26 Luật Nhà ở năm 2014 quy định chủ đầu tư xây dựng nhà ở có trách nhiệm “***xây dựng*** *nhà ở và* ***công trình hạ tầng kỹ thuật****, hạ tầng xã hội trong dự án…*”. Hạ tầng kỹ thuật theo quy định của Luật Nhà ở bao gồm hạ tầng kỹ thuật phòng cháy chữa cháy; cấp, thoát nước, xử lý nước thải; cấp điện, giao thông nội bộ, hệ thống kỹ thuật viễn thông, thông tin trong tòa nhà.  Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông đã quy định:  *“**Điều 42. Thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình viễn thông*  *1.* ***Tổ chức, cá nhân đầu tư*** *xây dựng tòa nhà có nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn)* ***có trách nhiệm thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp viễn thông, điểm truy nhập trong tòa nhà****. Giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà được xác định trên cơ sở giá thành*.  *2. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng tòa nhà cao tầng có nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn), công trình xây dựng công cộng có trách nhiệm bố trí mặt bằng để* ***doanh nghiệp viễn thông lắp đặt cột ăng ten trên nóc tòa nhà, lắp đặt thiết bị thu, phát sóng trong tòa nhà, trong công trình xây dựng công cộng*** *nếu việc lắp đặt là khả thi về kỹ thuật.*  Như vậy, pháp luật đang quy định thiếu thống nhất về trách nhiệm của chủ đầu tư, doanh nghiệp viễn thông trong việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong chung cư và tòa nhà văn phòng. Đồng thời, pháp luật hiện hành chỉ quy định về quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở bên ngoài chung cư, tòa nhà văn phòng như nhà trạm, cột, cống, bể viễn thông mà chưa có quy định về quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông trong tòa nhà.  Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung, làm rõ những quy định sau:  - Quy định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, doanh nghiệp viễn thông trong việc đầu tư, thiết kế hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;  - Mở rộng nội hàm thuật ngữ hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bao hàm hệ thống thang, máng, phòng đặt thiết bị… được sử dụng trong chung cư, tòa nhà văn phòng để triển khai mạng viễn thông; Bổ sung quy định giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong chung cư, tòa nhà văn phòng.  - Xây dựng cơ chế sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong chung cư, tòa nhà văn phòng. | Nội dung này đề xuất tiếp thu bổ sung trong quy định hướng dẫn Luật để bảo đảm đồng bộ với các quy định của Luật Nhà ở (về nguyên tắc Luật ban hành sau sẽ phủ quy định Luật trước nếu không có điều khoản loại trừ) |
| ***50*** | ***UBND Bình Dương*** |  |
|  | Về giải thích từ ngữ tại Điều 3 của Dự thảo:  - Từ “cột” tại khoản 18 là chưa rõ nghĩa, cần thay thế từ “cột” bằng cụm từ “cột ăng ten, cột treo cáp”.  - Các cụm từ “công trình hạ tầng kỹ thuật”, “cơ sở hạ tầng thông tin” và “nền tảng” tại khoản 31 và 33 của Điều 3 và các Điều, khoản khác (Điều 4, 67, 68, 69, 72, 78) có nội hàm khác nhau. Vì vậy, các cụm từ trên cần được giải thích để có cách hiểu thống nhất trong phạm vi Luật Viễn thông (sửa đổi). | Các khái niệm hiện tại về cột, công trình hạ tầng, cơ sở hạ tầng đã được kế thừa bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế |
|  | Tại Chương IX về Công trình viễn thông (các điều: 65, 66, 67, 68, 69) của Dự thảo vẫn giữ nguyên theo Luật Viễn thông 2009 mà chưa được nghiên cứu để sửa đổi cho phù hợp với Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc đầu tư phát triển mạng viễn thông, cụ thể: |  |
|  | - Về quy hoạch: Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị đã có quy định về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc) là nội dung bắt buộc phải có trong các Đồ án: quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch nông thôn, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | - Về quản lý: công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động về bản chất là công trình xây dựng (công trình hạ tầng kỹ thuật), nên việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn công trình,... cũngcần phải tuân theo quy định của pháp luật về Xây dựng. | Các nội dung về xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động đã bảo đảm đồng bộ với quy định pháp luật về xây dựng (khoản 2 Điều 67 đã quy định: Việc xây dựng công trình viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan) |
|  | Trong những năm qua việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đặc biệt là cột ăng ten (phục vụcho việc lắp đặt các thiết bị thu phát sóng mạng viễn thông di động) gặp rất nhiều khó khăn,chủ yếu là do các quy định về loại đất, thủ tục đăng ký, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp để lập hồ sơ xin cấp phép xây dựng cột ăng ten. Với đặc thù, diện tích đất để xây dựng cột ăng ten tương đối nhỏ (từ 20 m2đến 200 m2) và nằm rải rác trong khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, vùng nông thôn, đất nông nghiệp, vùng biên giới, đất rừng phòng hộ,... để phục vụ cho việc phủ sóng viễn thông di động đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông mọi lúc, mọi nơi của người dùng góp phần phát triển kinh tế -xã hội, đảm bảo quốc phòng -an ninh. Vì vậy, cần có quy định thông thoáng hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, nhằm đảm bảo vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ tốt hơn cho mục tiêu chuyển đổi số quốc gia. | Đề xuất tiếp thu bổ sung trong các văn bản hướng dẫn Luật cũng như các quy định có liên quan của ngành xây dựng |
|  | Hiện nay, nhiều doanh nghiệp viễn thông có giấy chứng nhận đầu tư tại một địa phương nhưng lại được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn toàn quốc (hoặc một số tỉnh, thành phố). Tại các địa phương khác (không phải tại địa phương có giấy chứng nhận đầu tư), các doanh nghiệp này có triển khai hạ tầng mạng và cung cấp dịch vụ nhưng không thành lập chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) gây khó khăn trong công tác quản lý. Luật Viễn thông năm 2009 và dự thảo sửa đổi lần này cũng chưa có quy định điều chỉnh vấn đề trên. Vì vậy, cần phải xem xét bổ sung quy định để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp viễn thông. | Xem xét nghiên cứu để phù hợp với Luật Đầu tư 2020 |
| ***51*** | ***Bộ Giáo dục và Đào tạo:*** |  |
|  | - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm các chính sách về viễn thông công ích nhằm hỗ trợ điều kiện kết nối cho các vùng khó khăn, phối hợp đồng bộ với các chính sách phát triển các loại hình dịch vụ trên nền tảng thông tin vệ tinh giá rẻ nhằm cải thiện độ sẵn sàng kết nối cho vùng sâu, vùng xa, đảm bảo các điều kiện giáo dục, y tế và phát triển kinh tế xã hội. | CHính sách VTCI trong thời gian qua đã hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, phổ cập dịch vụ viễn thông trên cả nước trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn…đảm bảo độ sẵn sàng kết nối trên cả nước, phục vụ tốt cho giáo dịch, y tế và phát triển kinh tế xã hội |
|  | - Dự thảo Luật căn cứ vào Hiến pháp đã hết hiệu lực (Hiến pháp 1992, Nghị quyết số 51/2001/QH10). Đề nghị căn cứ vào Hiến pháp 2013; | Tiếp thu |
|  | - Tại Khoản 6, Điều 4, Chương I: Đề nghị xem xét chỉnh sửa “tăng cường hợp tác quốc tế” thành “tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế”; | Tiếp thu |
|  | - Tại Điều 10, Chương I: Về cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông, trường hợp cần quy định cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tại dự thảo Luật nên xác định rõ tên hoặc có thể giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn; | Đã điều chỉnh theo ý kiến của Bộ Nội vụ |
|  | - Tại Khoản 4, Điều 23, Chương III: Đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “theo quy định” để đảm bảo việc sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phù hợp với các quy định, hiệu quả và tiết kiệm; | Đã quy định rõ. |
|  | - Tại các điều từ Điều 32 đến 35, Chương IV: Đề nghị xem xét điều chỉnh theo hướng chỉ giữ lại các nội dung liên quan đến quản lý ngành đối với các nghiệp vụ này, các quy định chi tiết về nghiệp vụ viễn thông chỉ cần quy định bằng các văn bản dưới luật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; | Bảo lưu.  Các quy định trên liên quan đến việc miễn cước người gọi đến, liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp khi xây dựng hệ thống báo hỏng, Danh bạ điện thoại công cộng phải quy định ở cấp văn bản Luật. |
|  | - Tại Điều 67, Chương IX: Về thiết kế, xây dựng công trình viễn thông, đề nghị xem xét bổ sung quy định nhằm đảm bảo tính đồng bộ với các thiết kế khác và có tính chia sẻ giữa các doanh nghiệp viễn thông; | Dự thảo đã quy định (khoản 2 Điều 67): Việc xây dựng công trình viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.) |
|  | - Đề nghị Ban soạn thảo rà soát dự thảo Luật đảm bảo thống nhất với các Luật đã ban hành. | Đã có báo cáo rà soát VBQPPL |
| ***52*** | ***Sở TTTT Hà Nam*** |  |
|  | Nhất trí đề xuất theo phương án 1 tại điểm b khoản 1 Điều 62 của dự thảo LuậtViễn thông (sửa đổi). | Tiếp thu |
|  | Đối với khoản 3 Điều 65 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi): “3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở địa phương phải phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế -xã hội của địa phương và là nội dung bắt buộc trong quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn theo quy định của Luật xây dựng và Luật quy hoạch đô thị.”  Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa thành “3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở địa phương phải phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinhtế -xã hội của địa phương và là nội dung bắt buộc trong quy hoạch huyện, quyhoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và quy hoạch xây dựng khu chức năng theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị.”. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Tại Điều 67 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định về thiết kế, xây dựng công trình viễn thông đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung: Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải được cấp phép xây dựng hoặc miễn phép xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan. | Dự thảo đã quy định (khoản 2 Điều 67): Việc xây dựng công trình viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.) |
|  | Theo Điều 10 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi): Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông là cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.  Tại khoản 3 Điều 51 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi): “3. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông quyết định việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong các trường hợp sau đây:  a) Sử dụng chung phương tiện thiết yếu nếu các doanh nghiệp viễn thông không đạt được thỏa thuận;  b) Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị;  c) Sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông để phục vụ hoạt động viễn thôngcông ích.”Việc chỉ quy định “Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông”tại khoản 3, Điều 51 như trên là chưa phù hợp, bởi tại các địa phương, việc quyết định chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông được giao cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông, nhất là việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan,môi trường và quy hoạch đô thị.Vì vậy, đề nghịcơ quan soạn thảo nghiên cứu,sửa lại quy định trên cho phù hợp và bổ sung thêm trường hợp:Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để đảm bảo sự đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung, phát triểncông trình, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật dùng chung | Điểm a, b K2 Điều 69 phân cấp cho UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng VTTĐ, tổ chức việc dùng chung |
|  | Tại Điều 67 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cho phép xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên các tài sản công để tháo gỡ khó khăn cho các cơ quan, doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển hạ tầng viễn thông nhằm đảm bảo vùng phủ và chất lượng dịch vụ. | Nội dung này đã được đưa vào Nghị định sửa đổi NĐ 25 |
|  | Hiện nay theo Luật Quy hoạch, việc xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được lồng ghép vào quy hoạch chung của các tỉnh, thành phố (UBND tỉnh không phê duyệt quy hoạch riêng cho các ngành, lĩnh vực). Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, sửa lại điểm a khoản 2 Điều 69 dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) cho phù hợp. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
| ***53*** | ***Sở TTTT Bình Định*** |  |
|  | Đối với dự thảo Luật Viễn thông, có 10 chương, trong đó, Chương IX quy định về công trình viễn thông, tuy nhiên, tại Điều 1, Chương I nội dung phạm vi điều chỉnh không có nội dung về xây dựng, quản lý công trình viễn thông, kính đề nghị có bổ sung trong nội dung phạm vi điều chỉnh. | Phạm vi điều chỉnh nói chung đến lĩnh vực viễn thông, không cần thiết phải ghi quá chi tiết |
|  | Tại khoản 3, Điều 3.Giải thích từ ngữ, có định nghĩa về thiết bị Internet vạn vật (gọi tắt thiết bị IoT), tuy nhiên, trong dự thảo Luật Viễn thông chưa có các quy định liên quan đến hạ tầng, dịch vụ, ứng dụng M2M/IoT, kính đề nghị có bổ sung để các địa phương có cơ sở thực hiện quản lý, định hướng phát triển trong thời gian đến | Việc quy định quản lý sẽ thực hiện tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật viễn thông sửa đổi, ví dụ như phân loại mạng dịch vụ, quản lý đăng ký thông tin thuê bao, quản lý an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết bị. |
|  | Tại điểm b, khoản 1, Điều 62, Chương VIII, thống nhất chọn Phương án 1: “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.”, vì để thống nhất với Luật Giá năm 2012. | Tiếp thu |
|  | Ngày 01/01/2019, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 của Quốc hội đã có hiệu lực, qua nội dung của Luật Quy hoạch quy định,cấp tỉnh chỉ có 01 quy hoạch tổng thể chung và không còn quy hoạch từng ngành, lĩnh vực tại các địa phương. Tuy nhiên, tại Chương IX công trình viễn thông vẫn còn các nội dung liên quan Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở địa phương. Do đó, kính đề nghị bỏ các nội dung liên quan đến Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở địa phương trong Chương IX | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Tại Điều 66.Đất sử dụng cho công trình viễn thông, đề nghị bổ sung thêm khoản: “Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợpvới Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về triển khai xây dựng công trình viễn thông trên các vị trí không phải đất xây dựng (đất rừng phòng hộ, đất quốc phòng...)” | Việc triển khai xây dựng công trình viễn thông đang được thực hiện theo các quy định của ngành Xây dựng |
|  | Tại Điều 67. Thiết kế, xây dựng công trình viễn thông, đề nghị bổ sung thêm khoản: “Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng quy định về thiết kế, xây dựng công trình viễn thông tại các tòa nhà cao tầng”. | Việc triển khai xây dựng công trình viễn thông đang được thực hiện theo các quy định của ngành Xây dựng |
| ***54*** | ***Ngân hàng Nhà nước*** |  |
|  | Dự thảo bổ sung phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây” so với Luật Viễn thông hiện hành và quy định cụ thể tại Chương X. Tuy nhiên, không có quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước, bảo đảm bí mật thông tin… đối với hoạt động này. Do đó, đề nghị nghiên cứu, quy định bổ sung để đảm bảo đồng bộ với hoạt động quản lý viễn thông.  Ngoài ra, thực tế hiện nay tại VN các tổ chức, doanh nghiệp lớn chủ yếu sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây nước ngoài (như AWS, Microsoft Azure, Google,…). Do đó, đề nghị nghiên cứu, quy định rõ về hình thức, việc chấp thuận cho hoạt động tại VN của các nhà cung cấp này, bao gồm cả trường hợp các nhà cung cấp đó chưa có hoặc đã có đăng ký kinh doanh tại VN. | Áp dụng như nhà cung cấp dịch vụ trong nước |
|  | Điều 3 Khoản 30:  Đề nghị sửa cụm từ “bằng phương tiện thanh toán hợp pháp” thành “bằng phương tiện thanh toán theo quy định pháp luật”. Đồng thời, đề nghị quy định rõ hơn về “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động”. | Bảo lưu  - Để đảm bảo hạn chế rủi ro, những phương tiện thanh toán hợp pháp được quy định tại pháp luật về Ngân hàng mới được thanh toán.  - Dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động được quy định tại pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. |
|  | Điều 31 Khoản 4:  Đề nghị xem lại việc giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông để tránh quy định lại nội dung đã quy định tại Luật vì khoản 1, khoản 2 đã quy định cụ thể điều kiện này. |  |
|  | Điều 42:  Điều này quy định về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông khác với điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông hiện hành. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định của luật này). | Tiếp thu. Sẽ bổ sung điều kiện chuyển tiếp trong Nghị định |
| ***55*** | ***UBND Hà Nội*** |  |
|  | Khoản 4 Điều 8: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung như sau:  “Trên cơ sở quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch phát triển của doanh nghiệp mình trình cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tại địa phương phê duyệt”. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Khoản 1 và khoản 2 Điều 31: đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa bố cục thống nhất theo khoản, điểm; không dùng dấu gạch ngang để quy định. | Tiếp thu |
|  | Khoản 3 Điều 65. Quy hoạch công trình viễn thông: “Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở địa phương phải phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và là nội dung bắt buộc trong quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị” và điểm a khoản 2 Điều 69. Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “Phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương theo quy định của Bộ TT&TT; công bố, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương”.  Căn cứ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh/thành phố sẽ được tích hợp vào quy hoạch của tỉnh và trở thành “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát sửa đổi các nội dung nêu trên để đảm bảo phù hợp với Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Xây dựng. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: Quy hoạch cấp tỉnh sẽ bao gồm nội dung “Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh”.  Như vậy, nội dung quy định hiện tại của dự thảo Luật là phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành.  Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, trong đó có giao Chính phủ “chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành về quy hoạch” (Điểm e Khoản 2 nghị quyết 61/2022/QH15). Trong thời gian tới, Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ động nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành (Nghị định Chính phủ) về hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thông tin và truyền thông và quy định về định mức kinh tế -kỹ thuật cho việc xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch (trong đó có quy hoạch HTKTVT thụ động). |
|  | Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL “Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản QPPL phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu”, tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 Điều 72 của dự thảo sử dụng dấu ba chấm “…” để thay thế nội dung quy định là không phù hợp với quy định nêu trên, cụ thể:  “a) Dịch vụ cung cấp tài nguyên máy chủ, dung lượng lưu trữ (storage), mạng (networks)...;  b) Dịch vụ cung cấp khả năng tạo dựng, phát triển, quản lý và vận hành... phần mềm, bao gồm các ứng dụng”. | Tiếp thu |
| ***56*** | ***Công ty Digilife*** |  |
|  | Đề xuất chỉnh sửa, bổ sung tiết c điểm 1 khoản 1 Điều 14 như sau: “Thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông *hoặc doanh nghiệp viễn thông khác”.* | Bảo lưu.  Khái niệm Người sử dịch vụ viễn thông đã bao gồm cả tổ chức và cá nhân (DN viễn thông khác cũng nằm trong đó) |
|  | Điều 20:  Đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung về công bố và kê khai giá cước bán buôn theo hướng đơn giá bán buôn là thỏa thuận giữa các doanh nghiệp trên cơ sở tự nguyện đàm phán và thỏa thuận nhằm tối đa hòa lợi ích của các bên, phù hợp pháp luật dân sự và thương mại. | Nội dung về công khai giá cước bán buôn đã được loại bỏ khỏi dự thảo  Hình thức kê khai giá cước là một hình thức quản lý giá cước (bán buôn, bán lẻ) theo đúng quy định của Luật Giá |
|  | Đề xuất chỉnh sửa, bổ sung điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 54 dự thảo như sau:  “2. Việc phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet được thực hiện theo các phương thức sau đây:   1. Đấu giá, *niêm yết giá* quyền sử dụng kho số viễn thông, đấu giá tài nguyên Internet đặc biệt, có nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ;   …  5. Chính phủ quy định chi tiết việc phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet thông qua đấu giá, *niêm yết giá*, chuyển nhượng; trách nhiệm bồi thường khi thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet.”  Bổ sung quy định về việc phân bổ kho số viễn thông lần đầu cho doanh nghiệp viễn thông mới đủ điều kiện mới được cấp phép lần đầu. | Bảo lưu |
|  | Đề xuất chỉnh sửa, bổ sung điểm b,c khoản 2 Điều 72 như sau:  “b) Dịch vụ cung cấp khả năng tạo dựng, phát triển, quản lý và vận hành *dưới dạng cấp tài nguyên điện toán đám mây cho* phần mềm, bao gồm các ứng dụng.  c) Dịch vụ cung cấp phần mềm *cho phép người có kết nối mạng truy cập và sử dụng tài nguyên điện toán đám mây,* bao gồm các ứng dụng”. | Xem xét điều chỉnh |
|  | Đề xuất điều chỉnh khoản 1 Điều 76 như sau:  “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải thông báo ngay cho Bộ Thông tin và Truyền thông khi *có căn cứ* xác định các hoạt động *có dấu hiệu rõ ràng về* lợi dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật *hoặc hành vi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là vi phạm pháp luật tại quyết định, bản án*”. | Nghiên cứu, xem xét |
|  | Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 76 như sau:  “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải *tạm ngừng cung cấp dịch vụ và thực hiện ẩn tạm thời* các nội dung thông tin vi phạm quy định về quyền riêng tư, thông tin vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm quy định của pháp luật khi có *quyết định* của cơ quan nhà nước có thẩm quyền *theo quy định pháp luật*”. | Nghiên cứu, xem xét |
| ***57*** | ***Bộ Quốc phòng*** |  |
|  | Dự thảo Tờ trình, Mục IV: Đề nghị sửa Luật Viễn thông năm 2009 có 10 chương và 63 điều. | Tiếp thu |
|  | Phần căn cứ ban hành: sửa thành Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hiến pháp 1992 đã được thay thế bằng Hiến pháp năm 2013). | Tiếp thu |
|  | Khoản 8 Điều 5: Đề nghị sửa thành  “Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, *Ban Cơ yếu Chính phủ* và cơ quan có liên quan…”   * Bổ sung Ban Cơ yếu Chính phủ để thống nhất với quy định của Luật Cơ yếu, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này. | Dự thảo đã đề cập đến “các cơ quan có liên quan” do vậy không nhất thiết phải ghi rõ tên tất cả các đơn vị |
|  | Khoản 9 Điều 5: Đề nghị sửa thành  “Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, *Ban Cơ yếu Chính phủ* và các cơ quan có liên quan…”   * Bổ sung Ban Cơ yếu Chính phủ để thống nhất với quy định của Luật Cơ yếu, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này. | Dự thảo đã đề cập đến “các cơ quan có liên quan” do vậy không nhất thiết phải ghi rõ tên tất cả các đơn vị |
|  | Khoản 2 Điều 6: Đề nghi sửa thành  “Tổ chức, cá nhân khi *lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước hoặc truyền đưa thông tin* thuộc danh mục bí mật nhà nước trên mạng viễn thông phải được mã hóa theo quy định của pháp luật về cơ yếu”   * Đồng bộ với Luật Cơ yếu và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. | Tiếp thu |
|  | Khoản 1 Điều 51: Đề nghị sửa thành  “Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là việc sử dụng chung một phần mạng, công trình, thiết bị viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông, *các tổ chức* nhằm bảo đảm thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng và bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường, quy hoạch đô thị *và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, dịch bệnh*”  Lý do: Hiện nay ngoài các doanh nghiệp viễn thông còn nhiều tổ chức, đơn vị sự nghiệp sở hữu cơ sở hạ tầng viễn thông. Việc chia sẻ, trao đổi cơ sở hạ tầng viễn thông chỉ giới hạn trong phạm vi giữa các doanh nghiệp là chưa đầy đủ.  Trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, các doanh nghiệp tổ chức có nhu cầu sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông như sợi quang, nguồn điện, cột cáp… để dự phòng ứng cứu thông tin. Tuy nhiên, Luật Viễn thông 2009 và dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) chưa có quy định cụ thể cho trường hợp chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong các trường hợp này dẫn đến các đơn vị tổ chức còn lúng túng trong quá trình thực hiện. | Khoản 2 Điều 68 đã quy định “Chính phủ quy định chi tiết việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.”, cụ thể hiện Chính phủ đã ban hành Nghị định 72/2012/NĐ-CP về sử dụng chung, trên cơ sở đó Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 210/TTLT-BTC-BXD-BTTTT về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật  Việc các DN, tổ chức khác có nhu cầu thuê lại hạ tầng viễn thông thụ động (công trình xây dựng) có thể được thực hiện thông qua hợp đồng, thoả thuận theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp có nhu cầu thuê lại hạ tầng tích cực thì sẽ thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông. |
|  | Khoản 2 Điều 51: Đề nghị sửa thành:  “Việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua hợp đồng, *thỏa thuận* trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của *các tổ chức*, doanh nghiệp”.  Bổ sung cum từ “thỏa thuận” và “tổ chức” để bảo đảm đầy đủ hình thức và đối tượng tham gia chia sẻ. | Đề xuất giữ nguyên  Theo quy định Hợp đồng đã bao hàm thuật ngữ “thoả thuận” |
|  | Khoản 1 Điều 75: Đề nghị sửa thành  “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây *phải* lưu trữ các dữ liệu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật có liên quan”  Thay cụm từ “có trách nhiệm” bằng từ “phải” để thống nhất với khoản 3 Điều 26 Luật An ninh mạng: Dữ liệu của người dùng tại Việt Nam phải được lưu trữ tại Việt Nam | Tiếp thu, theo quy định của PL hiện hành |
|  | Các ý kiến góp ý khác được tập hợp từ ý kiến của Tập đoàn Viettel (đã đưa vào phần ý kiến của Viettel). |  |
| ***58*** | ***Tổng công ty Mobifone*** |  |
|  | **Điều 20. Nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn**  - Khoản 1 Điều 20 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định như sau:  “*Doanh nghiệp viễn thông cung cấp các dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh có trách nhiệm:*  *1. Cung cấp dịch vụ với mức giá cước và các điều kiện liên quan công bằng, hợp lý, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp mua dịch vụ, giữa bộ phận bán lẻ của chính doanh nghiệp với các doanh nghiệp mua dịch vụ để bán lại trong cùng một điều kiện hoàn cảnh.*”  MobiFone cho rằng, việc đưa ra quy định này chưa phù hợp với Khoản 1 Điều 60 của Dự thảo về Nguyên tắc xác định giá cước viễn thông là “*Tôn trọng quyền tự xác định và cạnh tranh về giá cước của doanh nghiệp viễn thông*” và chưa phù hợp với Khoản 2 Điều 61 của Dự thảo về căn cứ xác định giá cước viễn thông: “*Trên cơ sở giá thành, quan hệ cung – cầu trên thị trường và tương quan phù hợp với giá cước viễn thông của các nước trong khu vực và trên thế giới*.”  MobiFone đề xuất không đưa vào quy định này mà giá cước bán buôn giữa các doanh nghiệp sẽ thực hiện trên cơ sở đàm phán/thỏa thuận giữa các doanh nghiệp căn cứ vào giá thành, quan hệ cung cầu tại từng thị trường mục tiêu của hai doanh nghiệp. | Bảo lưu  - Thị trường viễn thông bao gồm 02 loại thị trường: thị trường bán buôn (quan hệ mua bán giữa các doanh nghiệp viễn thông) và thị trường bán lẻ (quan hệ mua bán giữa doanh nghiệp viễn thông và khách hàng sử dụng).  - Khoản 1 Điều 60 và Khoản 2 Điều 61 là các quy định về giá cước đối với khách hàng sử dụng.  - Khoản 1 Điều 20 là quy định về giá cước giữa các DNVT (giá cước bán buôn). Giá cước bán buôn là đầu vào hình thành nên giá cước bán lẻ.  - Các DNVT được cấp phép tham gia cung cấp dịch vụ có thể tham gia toàn bộ chu trình cung cấp dịch vụ hoặc tham gia một phần vào chu trình này.  => Để tạo điều kiện công bằng, hợp lý cho các DNVT khi tham gia thị trường, tránh việc các DNVT bán buôn sử dụng ưu thế về mạng và dịch vụ, gây ảnh hưởng đến việc gia nhập và cung cấp dịch vụ của DNVT bán lẻ đến khách hàng sử dụng, thì quy định này là hoàn toàn phù hợp. Các doanh nghiệp chủ động đàm phán theo đúng quy định.  - Đây cũng là một trong các nghĩa vụ phổ biến được nhiều quốc gia áp dụng đối với các đối tượng DN bán buôn trên thị trường viễn thông. |
|  | **Điều 21. Quản lý cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông**  **- Điểm a Khoản 3 Điều 21** Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định như sau:  *“3. Ngoài các trách nhiệm quy định tại Điều 20 của Luật này, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường khi cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn có trách nhiệm:*  *a) Cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh cho các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng mạng viễn thông hoặc mua lưu lượng viễn thông để bán lại dịch vụ;”*  Xuất phát từ lý do thực tế là các doanh nghiệp không đảm bảo các tiêu chuẩn về kinh doanh, kỹ thuật khi kết nối vào có thể gây ảnh hưởng đến hệ thống của doanh nghiệp viễn thông, vì vậy MobiFone đề xuất xem xét bổ sung quy định về việc “doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng mạng viễn thông hoặc mua lưu lượng viễn thông để bán lại dịch vụ” phải đảm bảo các yêu cầu về pháp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực hệ thống kinh doanh, kỹ thuật để kết nối với doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường. | Điểm c Khoản 2 Điều 48 Chương VI Nguyên tắc kết nối viễn thông quy định: “c) Bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về kết nối viễn thông và an toàn, thống nhất của các mạng viễn thông;”. Như vậy, bất cứ doanh nghiệp viễn thông nào khi có nhu cầu kết nối mạng, dịch vụ viễn thông đều phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về kết nối.  Ngoài ra, các nội dung khác về yêu cầu kết nối giữa doanh nghiệp có thể được quy định tại Thỏa thuận kết nối giữa doanh nghiệp. |
|  | - **Điểm b Khoản 3 Điều 21** Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định như sau:  *“b) Thực hiện hạch toán chi phí, xác định giá thành đối với các dịch vụ viễn thông doanh nghiệp cung cấp nằm trong Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh;”*  Với nội dung này, MobiFone đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông nhanh chóng có hướng dẫn mới về phương pháp tính giá thành dịch vụ viễn thông. Phương pháp tính giá thành hiện tại đang áp dụng theo quy định tại Thông tư 16/2012/TT-BTTTT có nhiều điểm bất cập, kết quả tính giá thành chưa phù hợp với thực tế cung cấp dịch vụ. | Tiếp thu |
|  | - **Điểm đ Khoản 3 Điều 21** Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định như sau:  *“đ) Báo cáo Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông mức giá chuyển giao nội bộ giữa bộ phận bán buôn và bán lẻ của doanh nghiệp khi định giá và điều chỉnh về giá.”*  Đối với nội dung này, khi đối chiếu với tài liệu “Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật Viễn thông sửa đổi” – Phần A, Mục II-1.3 (Giải pháp giải quyết vấn đề), nội dung này đang theo tinh thần của Phương án 2 (doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng phải báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về giá bán buôn, bán lẻ) và chưa phù hợp với tinh thần của Phương án 3 (phương án được lựa chọn).  Bên cạnh đó, MobiFone đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông có hướng dẫn cụ thể về cơ sở, phương pháp xác định giá chuyển giao nội bộ giữa bộ phận bán buôn và bán lẻ của doanh nghiệp để các doanh nghiệp có cơ sở pháp lý thực hiện. | Tiếp thu: đã loại bỏ khỏi dự thảo |
|  | **- Đối với nội dung sửa đổi liên quan tới các dịch vụ OTT**  Tại Khoản 8 Điều 3 của Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) có đưa ra quy định:  *“8. Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông là dịch vụ điện thoại, nhắn tin trên Internet không kết nối đến các thuê bao viễn thông được ấn định kho số viễn thông. Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông không bao gồm các dịch vụ mà tính năng thực hiện cuộc gọi thoại, nhắn tin chỉ là các đặc tính phụ thuộc, thứ yếu của một dịch vụ khác.”*  Ngoài ra, Dự thảo cũng dành riêng một Mục gồm các Điều từ Điều 36 đến Điều 38 về cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông.  MobiFone nhận thấy, các dịch vụ OTT đã phát triển rất mạnh mẽ và trở nên phổ biến ở khắp các quốc gia trên thế giới trong suốt thời gian vừa qua. Sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ này đặt ra các vấn đề về bảo mật thông tin cá nhân, đảm bảo chất lượng dịch vụ, bảo đảm an ninh trật tự xã hội,… Bên cạnh đó, sự phát triển của các dịch vụ này có bao gồm nhiều dịch vụ OTT sử dụng hạ tầng lớn nhưng lại không có sự đóng góp chi phí phát triển hạ tầng, về lâu dài không đảm bảo nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng trong khi doanh thu dịch vụ viễn thông chững lại, trong khi đó, khung pháp lý để điều chỉnh, quản lý các dịch vụ này còn thiếu. Vì vậy, việc Dự thảo sửa đổi đưa ra các nội dung quy định nhằm quản lý nhóm dịch vụ này là phù hợp với xu thế hiện nay và vô cùng cần thiết.  Các nội dung được bổ sung trong Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) có liên quan đến việc quản lý các dịch vụ OTT đã phần nào bổ sung thêm khung pháp lý cần thiết; quy định đảm bảo an toàn dữ liệu và quyền riêng tư của cá nhân người sử dụng dịch vụ;… Nhằm làm rõ hơn, hoàn thiện hơn các nội dung này trong Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), MobiFone có một số ý kiến đề xuất làm rõ thêm như sau:  - Hiện Dự thảo đang sử dụng thuật ngữ “*dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông*” - Thuật ngữ này được hiểu là đề cập đến dịch vụ gọi điện, nhắn tin thông qua các ứng dụng OTT (Number-independent OTT) trên Internet mà không phụ thuộc vào mạng viễn thông truyền thống, không thực hiện cuộc gọi/nhắn tin đến số điện thoại trên mạng viễn thông truyền thống. Định nghĩa này chưa bao hàm được dịch vụ Number-based OTT, là dịch vụ điện thoại/nhắn tin có thể gọi đến các số điện thoại của mạng viễn thông truyền thống (ví dụ Viber out, Skype out). Các dịch vụ gọi điện, nhắn tin qua Number-based OTT và Number-Independent OTT đều cần được coi là dịch vụ viễn thông và phải được quản lý theo Luật Viễn thông. | Một số nước xếp các dịch vụ OTT number-based được là dịch vụ viễn thông và về cơ bản quản lý giống như các dịch vụ viễn thông truyền thống. Việc phân loại dịch vụ này có thể giải quyết ở cấp Nghị định/Thông tư của Bộ. |
|  | - OTT là một thuật ngữ phổ biến và đã được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực viễn thông trên thế giới và trong nước. Vì vậy, MobiFone đề xuất định nghĩa và sử dụng khái niệm OTT trong Luật, thay thế cho khái niệm “Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông” vì định nghĩa này không bao hàm hết các dịch vụ OTT. | Bảo lưu. Khái niệm OTT có phạm vi rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Dự thảo đề xuất chỉ điều chỉnh các Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông (OTT điện thoại, nhắn tin). |
|  | - Theo cách thức giải thích các định nghĩa được liệt kê tại Điều 3 của Dự thảo, MobiFone kiến nghị làm rõ thêm một số điểm sau:  + “Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông” có phải là dịch vụ viễn thông hay không?  + Đề xuất làm rõ nội dung quy định “đặc tính phụ thuộc, thứ yếu của một dịch vụ khác”?  - Internet cũng là tài nguyên viễn thông, vì vậy đề nghị làm rõ “dịch vụ thông tin liên lạc trên internet” có phải là dịch vụ viễn thông không?  + Đề nghị làm rõ “dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông” thuộc nhóm dịch vụ viễn thông hay là nhóm dịch vụ ứng dụng viễn thông? | Bộ TT&TT giải trình như sau: theo cách định nghĩa như dự thảo hiện nay, dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số VT không phải là dịch vụ viễn thông. |
|  | - Bên cạnh đó, MobiFone đề xuất xem xét bổ sung thêm nội dung quy định về việc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông có số lượng người sử dụng dịch vụ hoặc phát sinh lưu lượng dịch vụ tại thị trường Việt Nam vượt mức ngưỡng thì phải chia sẻ phí đầu tư hạ tầng đối với doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng. | Đã có quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 28. |
|  | **Đối với các nội dung sửa đổi về dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây:**  **- Điều 72. Phân loại dịch vụ**  Khoản 2 Điều 72 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) có nội dung như sau:  ***“****2. Dịch vụ điện toán đám mây gồm các dịch vụ sau:*  *….*  *b) Dịch vụ cung cấp khả năng tạo dựng, phát triển, quản lý và vận hành… phần mềm, bao gồm các ứng dụng.*  *c) Dịch vụ cung cấp phần mềm, bao gồm các ứng dụng.”*  Hiện tại, dịch vụ tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 72 Dự thảo Luật có thể hiểu là các phần mềm và đang chịu sự chi phối của Luật Công nghệ thông tin. Theo Dự thảo này thì các phần mềm đó sẽ là dịch vụ viễn thông và chịu sự chi phối của Luật Viễn thông có đúng không? Đề nghị làm rõ thêm về điểm này; kiến nghị nên quy định rõ hơn về phân loại dịch vụ điện toán đám mây tại các Điểm này (có thể viện dẫn nêu ra một số ví dụ cụ thể). | **Đã điều chỉnh nội dung** |
|  | **Điều 73. Đăng ký kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây**  Điều 73 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) có nội dung như sau:  *“1. Doanh nghiệp trước khi kinh doanh các loại hình dịch vụ trung tâm dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 72 và kinh doanh loại hình dịch vụ điện toán đám mây theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 phải thực hiện thủ tục cấp phép theo hình thức đăng ký trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông.*  *2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây.”*  MobiFone đề xuất xem xét bổ sung thêm quy định đối với các doanh nghiệp hiện đang kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây trước khi Luật Viễn thông sửa đổi có hiệu lực (hiện nội dung điều khoản chuyển tiếp trong Dự thảo cũng chung chung, chưa rõ ràng về nội dung này). | ***Tiếp thu, quy định rõ trong điều khoản chuyển tiếp*** |
|  | **Điều 76. Xử lý nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định của pháp luật**  Ngày 16/6/2022, Quốc hội vừa thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15 – trong đó, một trong những điểm sửa đổi đáng chú ý là quy định về trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian. Theo đó, Điều 198b Luật này quy định như sau:  *“****Điều 198b. Trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian***  *1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.*  *2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.*  *3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ của mình trong các trường hợp sau đây:*  *a) Chỉ thực hiện việc truyền dẫn nội dung thông tin số hoặc cung cấp khả năng truy nhập đến nội dung thông tin số;*  *b) Khi thực hiện chức năng lưu trữ đệm trong quá trình truyền dẫn thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải thực hiện một cách tự động, tạm thời nhằm mục đích trung chuyển thông tin và làm cho việc truyền dẫn thông tin hiệu quả hơn, với các điều kiện sau: chỉ biến đổi thông tin vì lý do công nghệ; tuân thủ các điều kiện truy nhập, sử dụng nội dung thông tin số; tuân thủ các quy tắc về cập nhật nội dung thông tin số được quy định cụ thể theo cách thức được ngành công nghiệp thừa nhận và sử dụng rộng rãi; không ngăn cản việc sử dụng hợp pháp công nghệ được thừa nhận rộng rãi trong ngành công nghiệp để lấy dữ liệu về việc sử dụng nội dung thông tin số; gỡ bỏ nội dung thông tin số hoặc không cho truy nhập đến nội dung thông tin số khi biết rằng nội dung thông tin số đó đã được gỡ bỏ tại nguồn khởi đầu hoặc nguồn khởi đầu đã hủy việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó;*  *c) Lưu trữ nội dung thông tin số của người sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của người sử dụng dịch vụ với các điều kiện sau: không biết rằng nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; có hành động nhanh chóng gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó khi biết rằng nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;*  *d) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.*  *4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều này không phải tự giám sát dịch vụ của mình hoặc chủ động tìm kiếm các bằng chứng chỉ ra hành vi xâm phạm.*  *5. Nội dung thông tin số quy định tại Điều này là tác phẩm và các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ theo quy định của Luật này được thể hiện dưới dạng số.*  *6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”*  Theo cách hiểu của MobiFone, phạm vi điều chỉnh tại Điều 76 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) cần đảm bảo phù hợp và thống nhất với quy định tại Điều 198b trên đây của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ. Do đó, MobiFone đề xuất có sự rà soát đảm bảo nội dung Điều 76 của Dự thảo thống nhất với quy định tại Điều 198b của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2022. | ***Tiếp thu, đã điều chỉnh*** |
|  | **Đối với các sửa đổi liên quan tới quản lý dịch vụ IoT**  IoT là một thuật ngữ ngày càng trở nên phổ biến và theo như nhiều dự báo, các dịch vụ IoT sẽ ngày càng phát triển và được ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế xã hội như y tế, giao thông, xây dựng, điện lực, tự động hóa,…đăc biệt trong việc triển khai thành phố thông minh. Trong khi đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật viễn thông hiện nay chưa đầy đủ các quy định về việc quản lý các dịch vụ IoT. Vì vậy, việc đưa ra các quy định về quản lý dịch vụ IoT trong Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) là rất cần thiết khi xem xét dưới góc độ hoàn thiện khung pháp lý cũng như dưới góc độ thực tiễn sự phát triển của lĩnh vực này hiện nay.  Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) hiện đã đưa ra khái niệm về “*Thiết bị Internet vạn vật*” (Khoản 3 Điều 3 Dự thảo); mở rộng phạm vi khái niệm “*dịch vụ viễn thông*” bao gồm cả dịch vụ cung cấp đường truyền dẫn giữa các thiết bị Internet vạn vật (Khoản 7 Điều 3 Dự thảo). Tuy nhiên, hiện các nội dung quy định cụ thể trong Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) về dịch vụ IoT còn tương đối đơn giản, chưa có các quy định chi tiết (theo Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật Viễn thông sửa đổi thì các nội dung quy định cụ thể sẽ được làm rõ trong Nghị định/Thông tư hướng dẫn về sau). MobiFone đề xuất Ban soạn thảo, Tổ biên tập xem xét đưa ra một số quy định mang tính chất nguyên tắc chung cho nhóm dịch vụ IoT – có thể tách ra thành một Mục riêng hoặc Chương riêng tương tự như Mục về dịch vụ OTT hay Chương về dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây. | Dự thảo Luật làm rõ quản lý mạng/dịch vụ IoT như là viễn thông. Tương tự các dịch vụ viễn thông khác, các quy định chi tiết sẽ để trong các văn bản hướng dẫn. |
|  | **- Về việc cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông**  Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) có quy định nội dung liên quan đến việc sử dụng mạng viễn thông để cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 28 Dự thảo. Tuy nhiên, liên quan tới việc cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, MobiFone có ý kiến góp ý như sau: Hiện tại, định nghĩa về “dịch vụ ứng dụng viễn thông” tại Khoản 9 Điều 3 của Dự thảo về cơ bản vẫn giữ nguyên như quy định về dịch vụ ứng dụng viễn thông như Luật Viễn thông năm 2009. Tuy nhiên, từ khi ra đời thì quy định này mới chỉ có định nghĩa chung, chưa có quy định cụ thể trong văn bản dưới luật nào cũng như chưa có phân biệt với một số khái niệm mới ví dụ dịch vụ nội dung thông tin số, dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông. Đề nghị xem xét tính cần thiết của khái niệm này hoặc cần làm rõ.  Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định về hệ sinh thái dịch vụ viễn thông và nội dung thông tin mà doanh nghiệp viễn thông cung cấp…để các doanh nghiệp có hành lang pháp lý rõ ràng, đầy đủ triển khai các dịch vụ nội dung số, dịch vụ giá trị gia tăng hiện đang được cung cấp rất đa dạng trên mạng viễn thông. | Bộ TT&TT giải trình thêm như sau: khái niệm dịch vụ ứng dụng viễn thông đã được định nghĩa rõ tại khoản 9 Điều 3 dự thảo luật (kế thừa quy định đã có tại Luật VT 2009) nhằm phân biệt rõ giữa dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác trên mạng viễn thông. Việc cung cấp các dịch vụ ứng dụng viễn thông sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi pháp luật chuyên ngành liên quan tương ứng.  Sẽ bổ sung dịch vụ băng thông trong danh mục các dịch vụ viễn thông quy định trong Nghị định. |
|  | **Về giải thích từ ngữ “Dịch vụ viễn thông” tại Khoản 7 Điều 3 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi)**  Đối với nội dung giải thích từ ngữ “Dịch vụ viễn thông” tại Khoản 7 Điều 3 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), MobiFone có một số ý kiến góp ý như sau:  - Theo quy định hiện tại của Dự thảo thì dịch vụ viễn thông sẽ không được bao gồm dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa người sử dụng dịch vụ viễn thông và thiết bị (ví dụ như dịch vụ thông báo cuộc gọi nhỡ, dịch vụ chặn cuộc gọi), giữa thiết bị và thiết bị (ví dụ như dịch vụ M2M). Do vậy, MobiFone kiến nghị xem xét điều chỉnh theo 1 trong 2 phương án sau:  + Phương án 1: tách định nghĩa về dịch vụ viễn thông thành 2 nhóm: Dịch vụ viễn thông dành cho người dùng và dịch vụ viễn thông dành cho các thiết bị Internet vạn vật. Từ đó có quy định riêng về việc đăng ký sử dụng đối với 2 nhóm dịch vụ này.  + Phương án 2: sửa đổi quy định này như dự thảo trước gần nhất: “*Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, giữa người sử dụng dịch vụ viễn thông và thiết bị, giữa thiết bị và thiết bị, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng*.” | ***Đã điều chỉnh nội dung điều khoản*** |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  - Thuật ngữ “mạng di động ảo” hiện đang được sử dụng khá phổ biến. Kiến nghị xem xét bổ sung thêm định nghĩa giải thích về “mạng di động ảo” (chẳng hạn như: là mạng di động mà nhà cung cấp không sở hữu hạ tầng mạng lưới nhưng cung cấp dịch vụ di động tới khách hàng); các cấp độ của nhà mạng di động ảo – đồng thời có các quy định riêng áp dụng đối với các doanh nghiệp mạng di động ảo.  - Đề nghị xem xét bổ sung thêm khái niệm về “Hạ tầng số”.  - Đề nghị xem xét bổ sung thêm khái niệm về “chuyển mạng giữ nguyên số (MNP)” – phù hợp với đề xuất tại Điều 6 về bảo mật thông tin có đề cập đến việc cung cấp thông tin trong trường hợp này. | - Định nghĩa về MNVO: tiếp thu để bổ sung trong Nghị định  - Hạ tầng số chưa xác định rõ nên chưa đưa vào luật  - MNP: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 6. Đưa điều kiện bắt buộc triển khai MNP vào phần cấp phép hoặc kho số. |
|  | Khi mở rộng phạm vi điều chỉnh thêm của Dự thảo Luật bao gồm cả dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây thì “lưu trữ” cũng là 1 tiến trình trong viễn thông; xem xét điều chỉnh lại thành:  “*Viễn thông* là việc gửi, truyền, nhận, lưu trữ và xử lý ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng đường cáp, sóng vô tuyến điện, phương tiện quang học và phương tiện điện từ khác.” | Bảo lưu do dịch vụ DC và dịch vụ cloud được quy định riêng, không xếp trong dịch vụ viễn thông |
|  | Tại Khoản 2 Điều 3 của Dự thảo định nghĩa “*Thiết bị viễn thông* là thiết bị kỹ thuật, phần cứng và phần mềm, được dùng để thực hiện viễn thông, gồm thiết bị mạng và thiết bị đầu cuối.” Như vậy, khái niệm “Thiết bị viễn thông” đã bao hàm cả phần mềm. Đề xuất điều chỉnh thành: “6. *Hàng hóa viễn thông* là vật tư, thiết bị viễn thông.” | Bảo lưu. Phần mềm khác nhau |
|  | Đề xuất điều chỉnh (thêm nội dung về “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông”): “*Mạng viễn thông là tập hợp thiết bị viễn thông được liên kết với nhau bằng đường truyền dẫn để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông và dịch vụ nội dung thông tin.*” | Bảo lưu, nằm trong dịch vụ ứng dụng viễn thông |
|  | Đề xuất điều chỉnh (thêm nội dung về “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông”): “*Mạng viễn thông công cộng là mạng viễn thông do doanh nghiệp viễn thông thiết lập để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông và dịch vụ nội dung thông tin cho công chúng nhằm mục đích sinh lợi.*” | Bảo lưu, nằm trong dịch vụ ứng dụng viễn thông |
|  | Để xuất điều chỉnh (thêm nội dung về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin): “*Điểm kết cuối của mạng viễn thông công cộng là điểm đấu nối vật lý thuộc mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để bảo đảm việc đấu nối thiết bị đầu cuối vào mạng viễn thông và phân định ranh giới kinh tế, kỹ thuật giữa doanh nghiệp viễn thông và người sử dụng dịch vụ viễn thông, thiết bị Internet vạn vật, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin.*” | Bảo lưu, nằm trong dịch vụ ứng dụng viễn thông |
|  | *Phương tiện thiết yếu*: Kiến nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về danh mục các bộ phận, dịch vụ, cơ sở hạ tầng viễn thông,… được quy định là “Phương tiện thiết yếu”. | Nghiên cứu, bổ sung chi tiết trong các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | *Thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động*: Đề xuất làm rõ khái niệm “nạp giá trị” – “giá trị” ở đây được hiểu là gì? Tiền hay “giá trị” nào khác? | “Giá trị” ở khái niệm không phải là tiền. Thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động theo quy định là hàng hoá viễn thông chuyên dùng, do vậy “giá trị” ở khái niệm là giá trị hàng hoá. |
|  | *Tài khoản SIM thuê bao di động:*  - Đề xuất bổ sung thêm nội dung liên quan cho phép sử dụng tài khoản SIM thuê bao di động dùng để chi trả cho dịch vụ ứng dụng viễn thông;  - Dự thảo Luật đề cập đến khái niệm “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động” nhưng không đưa ra định nghĩa, giải thích về khái niệm này tại Điều 3. Đề xuất bổ sung định nghĩa về “dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động”.  - Dự thảo đang dẫn chiếu đến quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng nhưng không quy định trách nhiệm ban hành các quy định này của các cơ quan chức năng có thẩm quyền (Chính phủ).  - Đề xuất sửa đổi quy định như sau: “*Tài khoản SIM thuê bao di động là tài khoản phản ánh giá trị người sử dụng đã nạp bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông hoặc bằng phương tiện thanh toán hợp pháp (không bao gồm khuyến mại); được ghi nhận trong hệ thống tính cước của doanh nghiệp viễn thông, gắn với thuê bao viễn thông và dùng để chi trả cho dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông và dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.*”  - Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu thực tế của khách hàng và theo thông lệ quốc tế đã được nhiều quốc gia chấp nhận, đề nghị xem xét bổ sung cho phép kết nối thanh toán bằng tài khoản SIM thuê bao di động: ví dụ DCB trên các kho ứng dụng như Google, Netflix, Spotify,… | Bảo lưu  - Việc mở rộng như đề xuất sẽ trở thành phương tiện thanh toán cho các dịch vụ khác ngoài viễn thông do NHNN quy định.  - Định nghĩa dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã được quy định tại pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, và các dịch vụ này phải bảo đảm tính hợp pháp. |
|  | **Điều 4. Chính sách của Nhà nước về viễn thông**  Đề nghị điều chỉnh lại lỗi soạn thảo:  “*2. Bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.*” | Tiếp thu |
|  | **Điều 4. Chính sách của Nhà nước về viễn thông**  - Đề xuất bổ sung chính sách cấp phép viễn thông trong trường hợp thiết lập mạng viễn thông khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Thực tế công tác phòng chống dịch COVID-19 trong những năm vừa qua (2019-2021) cho thấy đây là một vấn đề cấp thiết, cần được bổ sung, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong các trường hợp cần thiết lập mạng viễn thông trong các tình huống khẩn cấp.  - Nhằm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật khi mở rộng thêm trung tâm dữ liệu, kết nối IoT, điện toán đám mây; tạo nền tảng để xây dựng cơ chế khuyến khích thúc đẩy sự phát triển, làm chủ khoa học công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, đề xuất bổ sung thêm nội dung:  “*Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực viễn thông: nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển giao, làm chủ công nghệ, triển khai dự án khoa học & công nghệ để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới.*” | Không tiếp thu, tương tự đề nghị của Vtel |
|  | **Điều 6. Bảo đảm bí mật thông tin**  - Đề nghị bổ sung thêm hai (02) trường hợp cho phép doanh nghiệp viễn thông được tiết lộ thông tin:  d) Trường hợp đối soát thông tin thuê bao với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;  Lý do: thời điểm hiện nay, người dân sử dụng thuê bao vẫn đang sử dụng đồng thời cả CMND và CCCD. Hiện CCCD của người dân đã được Bộ Công an nhập trên hệ thống quản lý dân cư quốc gia. Việc doanh nghiệp viễn thông kết nối tới cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ giúp doanh nghiệp viễn thông chuẩn hóa được thông tin.  e) Trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp viễn thông trong trường hợp chuyển mạng giữ nguyên số (MNP)  Lý do: theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, khi khách hàng có đề nghị chuyển mạng thì ngoài thông tin thuê bao, nhà mạng gốc phải bắt buộc cung cấp thêm các thông tin về tình hình sử dụng của khách hàng như gói cước, lịch sử sử dụng của khách hàng về gói cước, ưu đãi,…  - Về nội dung “*Khi có yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật*”: Hiện nay có rất nhiều cơ quan nhà nước đề nghị doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin thuê bao/thông tin khách hàng như Cơ quan cảnh sát điều tra, Cục Thuế các tỉnh thành, Thanh tra, Cục Phát thanh truyền hình, Sở Công Thương,…Trong nhiều trường hợp, rất khó cho doanh nghiệp để xác định thế nào là cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, đề nghị quy định rõ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc ngành nào, cấp nào để thuận tiện cho việc triển khai hoặc quy định rõ, việc yêu cầu cung cấp thông tin phải được thể hiện bằng văn bản và trong văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải chỉ rõ căn cứ/văn bản pháp lý cụ thể cho thấy thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin. | Đã giải trình bên trên |
|  | **Điều 13. Hình thức kinh doanh viễn thông**  - Đề xuất xem xét bổ sung thêm nội dung về “kinh doanh dịch vụ ứng dụng viễn thông”.  - Ngoài ra, đề xuất xem xét bổ sung thêm quy định và điều khoản về dịch vụ “Mobile Money” (đang áp dụng triển khai hiện nay). Về bản chất, Mobile Money là dịch vụ triển khai trên nền tảng viễn thông di động; do đó, đề xuất dự thảo bổ sung thêm quy định có liên quan để quản lý, điều chỉnh các dịch vụ này. | - Không tiếp thu, đã regulate phần truyền dẫn thuộc viễn thông  - Về bản chất, dịch vụ Mobile Money là một dịch vụ công nghệ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng (Financial Technology - Fintech) thuộc phạm vi quản lý của NHNN, sử dụng tài nguyên viễn thông để thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng như nạp tiền, rút tiền, chuyển tiền, thanh toán (có thể hiểu đây là dịch vụ ứng dụng viễn thông). Hiện dịch vụ Mobile Money đang trong thời gian thí điểm, do đó Bộ TTTT sẽ bám sát hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình tổ chức triển khai thí điểm và sẽ phối hợp với NHNN để tổ chức đánh giá, xây dựng chính sách quản lý phù hợp sau khi kết thúc thí điểm. |
|  | **Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông**  - Đề xuất bổ sung thêm nội dung sau vào Khoản 1 Điều 14 của Dự thảo hoặc quy định khác có liên quan đến quyền của doanh nghiệp viễn thông trong việc tái sử dụng số thuê bao: Doanh nghiệp viễn thông được quyền tái sử dụng lại số thuê bao thuộc kho số phân bổ đã bị nhà mạng thu hồi sau 12 tháng kể từ ngày thu hồi trên hệ thống do người sử dụng vi phạm Điều 12 Luật Viễn thông, vi phạm an ninh trật tự được Cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu xử lý.  - Đề xuất bổ sung thêm nội dung về nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông trong việc phòng chống tin nhắn rác, cuộc gọi rác: “*Thực hiện các biện pháp phòng, chống tin nhắn rác, cuộc gọi rác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*” | Kho số từ đầu được phân bổ cho DN viễn thông, thuê bao sử dụng và vi phạm Điều 12 nên bị thu hồi. Không có quy định nào cấm DN không được sử dụng kho số mình đã được phân bổ. Nội dung này DN tự quy định tại quy định quản lý sử dụng kho số trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, phù hợp với quy định quản lý, sử dụng kho số của nhà nước  Quy định trong VB dưới luật |
|  | **Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông**  Đề xuất bổ sung như sau:  “*a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá cước dịch vụ viễn thông. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về khoản nợ cước phát sinh đã được nhà mạng thông báo.*”  Lý do đề xuất: Do trong thực tế thu hồi nợ khó đòi, xử lý nợ, rất nhiều khách hàng nợ cước né tránh nhà mạng, chuyển nơi ở, không chịu xác nhận số liệu cước đã dùng,… | Bảo lưu  Các nội dung liên quan đến thu nộp cước, thanh toán cước ... là quan hệ dân sự giữa DNVT và người sử dụng dịch vụ, đã được cam kết tại hợp đồng cung cấp sử dụng dịch vụ. Vì vậy không bổ sung nội dung này vào Luật Viễn thông |
|  | **Điều 16.** Đề nghị bổ sung:  - Cập nhật thông tin giấy tờ tùy thân cho doanh nghiệp viễn thông khi có thay đổi (cấp mới) giấy tờ tùy thân trong vòng 30 ngày (hoặc một thời hạn khác phù hợp):  “*b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin của thuê bao cho doanh nghiệp viễn thông khi giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông; cập nhật thông tin thuê bao cho doanh nghiệp viễn thông trong vòng 30 ngày kể từ khi có thay đổi thông tin thuê bao;*”  Lý do đề xuất: Do trong thực tiễn công tác kiểm soát thông tin thuê bao khi thu hồi công nợ, xử lý nợ khó đòi của doanh nghiệp viễn thông gặp rất nhiều khó khăn do không tìm được địa chỉ, nơi ở của thuê bao nợ cước vì thay đổi nơi ở, nơi thường trú, giấy tờ tùy thân,… mà không thông báo cho doanh nghiệp viễn thông.  Ngoài ra, đề nghị bổ sung thêm nội dung sau vào Dự thảo (tại Điều 16 hoặc một Điều khoản khác phù hợp) hoặc vào các văn bản dưới Luật:  - Công dân Việt Nam chỉ được sử dụng Căn cước công dân để đăng ký thông tin thuê bao di động.  - Người nước ngoài được sử dụng hộ chiếu còn thời hạn Lưu trú ở Việt Nam để đăng ký thông tin thuê bao.  - Hạn mức số thuê bao/căn cước công dân tại mỗi mạng di động: 3 thuê bao/giấy tờ tùy thân. | Nghiên cứu, bổ sung chi tiết trong các văn bản hướng dẫn Luật |
|  | 1.2. Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông:  a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá cước dịch vụ viễn thông;  => Quy định này chỉ đề cập đến việc thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông – tức là các khoản cước phát sinh khi khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông. Trong khi thực tế, khách hàng còn thanh toán các khoản cước phát sinh từ dịch vụ nội dung thông tin trong hệ sinh thái dịch vụ của doanh nghiệp viễn thông cung cấp.  Do đó, đề xuất xem xét bổ sung quy định khách hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá cước các dịch vụ đã phát sinh (bao gồm dịch vụ viễn thông và các dịch vụ trong hệ sinh thái do doanh nghiệp viễn thông cung cấp). | Bảo lưu  Phạm vi thanh toán giá cước, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, người sử dụng dịch vụ sẽ quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn. |
|  | **Điều 19.** Đề nghị điều chỉnh lại lỗi soạn thảo:  “3. Chính phủ quy định nguyên tắc xác định các dịch vụ viễn quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh. Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.” | Tiếp thu |
|  | **Điều 20 Khoản 1.** Việc đưa ra quy định này chưa phù hợp với Khoản 1 Điều 60 của Dự thảo về Nguyên tắc xác định giá cước viễn thông là “*Tôn trọng quyền tự xác định và cạnh tranh về giá cước của doanh nghiệp viễn thông*” và chưa phù hợp với Khoản 2 Điều 61 của Dự thảo về căn cứ xác định giá cước viễn thông: “*Trên cơ sở giá thành, quan hệ cung – cầu trên thị trường và tương quan phù hợp với giá cước viễn thông của các nước trong khu vực và trên thế giới*.”  Đề xuất không đưa vào quy định này mà giá cước bán buôn giữa các doanh nghiệp sẽ thực hiện trên cơ sở đàm phán/thỏa thuận giữa các doanh nghiệp căn cứ vào giá thành, quan hệ cung cầu tại từng thị trường mục tiêu của hai doanh nghiệp. | Bảo lưu  - Thị trường viễn thông bao gồm 02 loại thị trường: thị trường bán buôn (quan hệ mua bán giữa các doanh nghiệp viễn thông) và thị trường bán lẻ (quan hệ mua bán giữa doanh nghiệp viễn thông và khách hàng sử dụng).  - Khoản 1 Điều 60 và Khoản 2 Điều 61 là các quy định về giá cước đối với khách hàng sử dụng.  - Khoản 1 Điều 20 là quy định về giá cước giữa các DNVT (giá cước bán buôn). Giá cước bán buôn là đầu vào hình thành nên giá cước bán lẻ.  - Các DNVT được cấp phép tham gia cung cấp dịch vụ có thể tham gia toàn bộ chu trình cung cấp dịch vụ hoặc tham gia một phần vào chu trình này.  => Để tạo điều kiện công bằng, hợp lý cho các DNVT khi tham gia thị trường, tránh việc các DNVT bán buôn sử dụng ưu thế về mạng và dịch vụ, gây ảnh hưởng đến việc gia nhập và cung cấp dịch vụ của DNVT bán lẻ đến khách hàng sử dụng, thì quy định này là hoàn toàn phù hợp.  - Đây cũng là một trong các nghĩa vụ phổ biến được nhiều quốc gia áp dụng đối với các đối tượng DN bán buôn trên thị trường viễn thông. |
|  | **Điều 21.** Đề nghị điều chỉnh lỗi soạn thảo:  “*1. Doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường có sức mạnh thị trường đáng kể nếu:*  *a) Nắm giữ phương tiện thiết yếu có giá trị và khó thay thế có thể tạo ra rào cản đáng kể cho các doanh nghiệp mới gia nhập thị trường và/hoặc đáp ứng một hoặc tất cả các tiêu chí được xác định theo quy định tại khoản b và c Điều này;*  *b) Có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh; và/hoặc*  *c) Có các tiêu chí được xác định theo quy định tại Điều 26 của Luật Cạnh tranh.*  *3. Ngoài các trách nhiệm quy định tại Điều 20 của Luật này, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường khi cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn có trách nhiệm:*  *c) Không cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn với giá cước thấp hơn giá thành bán buôn;* | Tiếp thu |
|  | **Điều 21. Khoản 3.** Đề nghị xem xét bổ sung quy định “doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng mạng viễn thông hoặc mua lưu lượng viễn thông để bán lại dịch vụ” phải đảm bảo các yêu cầu về pháp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực hệ thống kinh doanh, kỹ thuật để kết nối với doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường. Lý do: các doanh nghiệp không đảm bảo các tiêu chuẩn về kinh doanh, kỹ thuật khi kết nối vào có thể gây ảnh hưởng đến hệ thống của doanh nghiệp viễn thông. | Điểm c Khoản 2 Điều 48 Chương VI Nguyên tắc kết nối viễn thông quy định: “c) Bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về kết nối viễn thông và an toàn, thống nhất của các mạng viễn thông;”. Như vậy, bất cứ doanh nghiệp viễn thông nào khi có nhu cầu kết nối mạng, dịch vụ viễn thông đều phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về kết nối.  Ngoài ra, các nội dung khác về yêu cầu kết nối giữa doanh nghiệp có thể được quy định tại Thỏa thuận kết nối giữa doanh nghiệp. |
|  | **Điều 21. Khoản 3 Điểm b.** Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nhanh chóng có hướng dẫn mới về phương pháp tính giá thành dịch vụ viễn thông. Phương pháp tính giá thành hiện tại đang áp dụng theo quy định tại Thông tư 16/2012/TT-BTTTT có nhiều điểm bất cập, kết quả tính giá thành chưa phù hợp với thực tế cung cấp dịch vụ. | Tiếp thu |
|  | **Điều 21. Khoản 3 Điểm đ.**  - Khi đối chiếu với tài liệu “Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật Viễn thông sửa đổi” – Phần A, Mục II-1.3 (Giải pháp giải quyết vấn đề), nội dung này đang theo tinh thần của Phương án 2 (doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng phải báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về giá bán buôn, bán lẻ) và chưa phù hợp với tinh thần của Phương án 3 (phương án được lựa chọn).  - Bên cạnh đó, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông có hướng dẫn cụ thể về cơ sở, phương pháp xác định giá chuyển giao nội bộ giữa bộ phận bán buôn và bán lẻ của doanh nghiệp để các doanh nghiệp có cơ sở pháp lý thực hiện. | Quy định về giá chuyển giao nội bộ đã được loại bỏ tại dự thảo |
|  | **Chương III – Viễn thông công ích**  Đề xuất xem xét bổ sung quy định rõ về tính cần thiết, phạm vi cũng như tỷ lệ đóng góp vào Quỹ viễn thông công ích theo từng thời kỳ, cơ chế sử dụng nguồn quỹ có hiệu quả, tránh lãng phí các nguồn lực cho các doanh nghiệp viễn thông. | Bảo lưu  Đã có các quy định này. Hiện nay, Nghị định 25 đã quy định theo từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể danh mục dịch vụ viễn thông phải trích nộp doanh thu vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và mức đóng góp đối với từng dịch vụ trong Danh mục này |
|  | **Điều 28. Khoản 2. Cung cấp dịch vụ viễn thông**  Thực tế hiện nay theo Thông tư 05/2012/TT-BTTTT ngày 18/05/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông, dịch vụ viễn thông gồm dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và dịch vụ viễn thông cộng thêm. Do vậy, đề xuất xem xét bổ sung thêm nội dung về “dịch vụ viễn thông cộng thêm”. | Khái niệm DV cộng thêm nằm trong DV cơ bản |
|  | **Điều 28. Khoản 5.** Thực tế hiện nay, không phải dịch vụ viễn thông nào cũng phải thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng mẫu, một số dịch vụ chỉ thực hiện thủ tục thông báo. Do đó, đề nghị xem xét lại nội dung này trong Dự thảo. | Tiếp thu. Thông tư 39/2016/TT-BTTTT hiện nay đã có quy định rõ về danh mục dịch vụ viễn thông phải thực hiện thủ tục đăng ký/thông báo. Theo đó, các dịch vụ viễn thông phải thực hiện thủ tục đăng ký – chấp thuận là các dịch vụ trong danh mục dịch vụ thiết yếu do TTgCP quy định, các dịch vụ thực hiện thủ tục thông báo cũng đã được nêu chi tiết. Trong quá trình sửa Luật, Bộ TTTT (Cục Viễn thông) cũng sẽ quy định cụ thể danh mục các dịch vụ cần quản lý hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo hình thức phù hợp. |
|  | **Điều 29. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới**  Hiện tại, đối với các dịch vụ cung cấp qua các kho ứng dụng, kho nội dung quốc tế như Google store, Apple store, Netflix, Spotify,… cho thuê bao viễn thông, được trừ cước qua tài khoản SIM thuê bao chưa có quy định rõ ràng về việc có được xem là dịch vụ viễn thông qua biên giới hay không và nếu không thì doanh nghiệp viễn thông có được cung cấp không và thuộc loại dịch vụ gì? Do vậy, đề nghị lãm rõ quy định của điều luật và/hoặc có hướng dẫn để làm rõ hiện trạng bên của các doanh nghiệp viễn thông; có cơ sở rõ ràng cho việc thực hiện cung cấp các dịch vụ này. | Bảo lưu  - Định nghĩa dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã được quy định tại pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, và các dịch vụ này phải bảo đảm tính hợp pháp. |
|  | **Điều 30. Từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông**  Đề nghị Luật Viễn thông bổ sung thêm nội dung:  - Doanh nghiệp viễn thông được từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông đối với các trường hợp quấy rối, quảng cáo rao vặt, vi phạm an ninh trật tự an toàn xã hội được các cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu (Công an, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông).  - Doanh nghiệp viễn thông được từ chối cung cấp dịch vụ đối với các khách hàng có các hành vi như quấy rối, làm phiền nhà mạng, khiếu nại nhiều lần không có cơ sở (nhà mạng có đủ bằng chứng để chứng minh hành vi vi phạm này).  Lý do đề xuất: hiện có một số khách hàng cố tình khiếu nại doanh nghiệp viễn thông, mặc dù đã được doanh nghiệp viễn thông chăm sóc, giải thích, cung cấp số liệu… nhưng vẫn cố tình khiếu nại, gọi tổng đài hỗ trợ nhiều lần, gây áp lực cho nhân viên tổng đài nhà mạng/nhân viên giải quyết khiếu nại, hoặc gửi khiếu nại vượt cấp lên cơ quan cấp trên. Việc trả lời giải quyết khiếu nại cho các trường hợp này mất rất nhiều thời gian, nhân lực của nhà mạng trong khi cước tiêu dùng các khách hàng này rất thấp. | Bảo lưu  Đã quy định tại Khoản 4 Điều này |
|  | **Điều 34. Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định**  Thực tế, hiện nay các nội dung này cũng không còn thực sự phù hợp với sự phát triển của các dịch vụ viễn thông. | Bảo lưu  Đã quy định tại Khoản 4 Điều này |
|  | **Điều 36. Cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông**  Đề xuất, xem xét bổ sung thêm nội dung quy định: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông có số lượng người sử dụng dịch vụ hoặc phát sinh lưu lượng dịch vụ tại thị trường Việt Nam vượt mức ngưỡng thì phải chia sẻ phí đầu tư hạ tầng đối với doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng. | Đã có quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 28 |
|  | **Điều 37. Quyền truy nhập các thông tin trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng**  Đề xuất điều chỉnh lại như sau:  “*1. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông cần thực hiện việc truy nhập vào các thông tin, dữ liệu hoặc các tính năng của dịch vụ doanh nghiệp đó cung cấp trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng để phục vụ việc cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng về sự cần thiết và phải được người sử dụng đồng ý trước khi thực hiện truy nhập.*” | Bảo lưu. Dự thảo hướng đến việc truy cập vào các tính năng trên thiết bị đầu cuối |
|  | **Chương V – Cấp giấy phép viễn thông**  Đề xuất xem xét có quy định rõ cho việc cấp giấy phép đối với các mạng ảo MVNO (cụ thể với các cấp độ của nhà mạng di động ảo MVNO). | Sẽ quy định chi tiết ở Nghị định |
|  | **Điều 46. Miễn giấy phép viễn thông**  Tổ chức, cá nhân hoạt động viễn thông được miễn giấy phép viễn thông trong các trường hợp sau đây:  1. Kinh doanh hàng hóa viễn thông;  Đề xuất làm rõ hình thức kinh doanh hàng hóa viễn thông nào được miễn giấy phép viễn thông. | Bảo lưu.  Áp dụng với tất cả các hình thức kinh doanh hàng hóa viễn thông. Kinh doanh hàng hoá viễn thông không phải là ngành nghề kinh doanh có điều kiện vì vậy bất cứ hình thức nào, loại hàng hoá gì (trừ hàng hoá bị cấm theo quy định chuyên ngành) thì đều được miễn GP. |
|  | **Điều 51. Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông**  4. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.  - Đề xuất quy định cơ chế chia sẻ, cơ chế thúc đẩy/kể cả trường hợp bắt buộc phải dùng chung hạ tầng viễn thông, hạ tầng số quốc gia để tránh lãng phí các nguồn lực xã hội;  - Đề xuất quy định thúc đẩy/kể cả bắt buộc sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật của ngành khác để phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nhằm giảm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung, đảm bảo mỹ quan (ví dụ hạ tầng của ngành điện lực, hạ tầng giao thông, ngành xây dựng, tòa nhà, khu công nghiệp,…) | Nội dung này quy định chi tiết sẽ được tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật |
|  | **Điều 61. Căn cứ xác định giá cước viễn thông**  - Góp ý bổ sung nội dung cho phép bù chéo giữa các dịch vụ viễn thông để đảm bảo hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và lợi ích của khách hàng.  - Góp ý bổ sung căn cứ để xác định giá cước viễn thông đối với các mô hình mạng di động ảo MVNO (Ví dụ: (1) Đại lý/Reseller, (2) Khai thác dịch vụ truyền thống/Service Operator, (3) Khai thác dịch vụ nâng cao/Enhanced Service Operator, (4) MVNO đầy đủ/Full MVNO). Vì giá bán buôn sẽ khác nhau tùy theo cấp độ hợp tác giữa bên bán buôn và bên mua, cũng như mức độ tham gia của doanh nghiệp không có hạ tầng mạng vào chuỗi cung cấp sản phẩm và dịch vụ.  - Đề xuất xem xét bổ sung quy định về giá cước viễn thông phù hợp theo xu hướng hội tụ sản phẩm trong lĩnh vực viễn thông. | Bảo lưu  Hành vi bù chéo sẽ làm méo thị trường viễn thông, không phản án được thực tế hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và gây khó khăn cho CQQLNN trong công tác quản lý giá.  Điều 61. Căn cứ xác định giá cước là điều khoản quy định về nguyên tắc xác định giá chung tất cả các loại giá trong viễn thông. Đối với từng dịch vụ cụ thể, hoặc trong các trường hợp đặc thù như các dịch vụ viễn thông theo hướng hội tụ, CQQLNN sẽ có các nguyên tắc quản lý chi tiết hơn trong trường hợp cần thiết và ở cấp dưới Luật. |
|  | **Điều 62. Quản lý giá cước viễn thông**  Kiến nghị xem xét quy định rõ về việc cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm trong việc xác nhận giá thành dịch vụ viễn thông hàng năm hay không. Hiện nay, giá thành của các doanh nghiệp viễn thông được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận gần nhất là năm 2016. | Hiện nay Bộ đang xem xét sửa đổi thông tư 16 quản lý giá thành theo hướng hậu kiểm. |
|  | **Điều 63. Lập hoá đơn và thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông**  Quy định này chỉ đề cập đến việc lập hóa đơn và thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông – tức là các khoản cước phát sinh khi khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông. Trong khi thực tế, khách hàng còn thanh toán các khoản cước phát sinh từ dịch vụ nội dung thông tin trong hệ sinh thái dịch vụ của doanh nghiệp viễn thông cung cấp.  Do đó, đề xuất xem xét bổ sung quy định khách hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá cước các dịch vụ đã phát sinh (bao gồm dịch vụ viễn thông và các dịch vụ trong hệ sinh thái do doanh nghiệp viễn thông cung cấp).  Đồng thời đề xuất Điểm a Khoản 3 bỏ “Giá cước”: thực tế hiện tại, với tất cả các mạng thì trên hóa đơn chỉ thể hiện được số tiền phải thanh toán của từng loại dịch vụ; bổ sung quy định cho phép để doanh nghiệp được triển khai cung cấp thông báo cước và bảng kê chi tiết cước theo hình thức điện tử để phù hợp với thực tế. | - DN có trách nhiệm theo dõi, quản lý các nội dung thanh toán trong hóa đơn theo đúng quy định pháp luật.  - Tiếp thu có chỉnh sửa  - Trong dự thảo Luật viễn thông quy định việc lập hóa đơn, không quy định hình thức hóa đơn cụ thể (giấy, điện tử) do đó doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức phù hợp. |
|  | **Điều 66. Đất sử dụng cho công trình viễn thông**  - Hiện tại, khoản 2 Điều 10 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (có hiệu lực từ ngày 1/1/2018) đã quy định nghiêm cấm “sử dụng tài sản công không đúng mục đích” và tại khoản 5 Điều 10 của Luật này cũng quy định nghiêm cấm “sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không phù hợp với mục đích sử dụng của tài sản, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao”. Các vị trí phát triển mạng cần đặt trạm BTS trên đất hay công trình thuộc đất công, tài sản công đang bị dừng triển khai theo văn bản số 4088/BTTT-CVT ngày 22/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc lắp đặt các trạm BTS trên tài sản công. Vì vậy, nếu có thể, kiến nghị Dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi xem xét về việc cho phép Doanh nghiệp viễn thông đặt trạm trên đất công, tài sản công.  - Kiến nghị bổ sung quy định trong dự thảo (hoặc cũng có thể bổ sung vào Nghị định hoặc các văn bản dưới luật) nội dung cho phép: Trạm BTS đã được Sở Thông tin và Truyền thông chấp thuận tọa độ thì không phải xin phép xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp viễn thông trong việc xây dựng hạ tầng trạm BTS. | Nội dung này đã được bổ sung trong Nghị định sửa đổi Nghị định 25 |
|  | **Điều 67. Thiết kế, xây dựng công trình viễn thông**  Đề xuất xem xét bổ sung thêm nội dung về việc doanh nghiệp viễn thông được các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đảm bảo, hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc xây dựng hạ tầng viễn thông hợp pháp.  Lý do đề xuất: hạn chế tình trạng tranh chấp với người dân, người dân khiếu nại, khởi kiện dẫn tới việc không thể xây dựng được hạ tầng trạm phát sóng viễn thông. | Nội dung này đã có trong quy định tại khoản 5 Điều 69 |
|  | **Điều 78. Điều khoản chuyển tiếp**  Nội dung quy định chuyển tiếp còn mang tính chung chung, chưa cụ thể; đặc biệt là các nội dung liên quan đến cấp giấy phép viễn thông; cấp phép cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây,… | Sẽ bổ sung chi tiết trong Nghị định. |
| ***59*** | ***UBND Thừa thiên Huế*** |  |
|  | - Tại “Mục 1. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông và Mục 2. Cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông”: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo đúng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể “Từ “Mục”,“Tiểu mục” và số thứ tự của mục, tiểu mục được trình bày trên một dòng riêng, canh giữa, bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm. Số thứ tự của mục dùng chữ số Ả Rập. Tiêu đề của mục được trình bày ngay dưới, canh giữa, bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm;” . | Tiếp thu hoàn thiện dự thảo |
|  | Tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa bố cục thống nhất theo khoản, điểm; không dùng dấu gạch ngang để quy định. | Tiếp thu |
|  | Tại điểm b khoản 1 Điều 62, đề nghị chọn phương án 1 “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh.”, vì để thống nhất với Luật giá năm 2012. | Tiếp thu |
|  | Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu.”, tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 Điều  72 dự thảo sử dụng dấu ba chấm “…” để thay thế nội dung quy định là không phù hợp với quy định nêu trên; cụ thể: “a) Dịch vụ cung cấp tài nguyên máy chủ, dung lượng lưu trữ (storage), mạng (networks)…; ” | Tiếp thu |
|  | Tại Điều 66. Đất sử dụng cho công trình viễn thông của dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm khoản: “Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về triển khai xây dựng công trình viễn thông trên các vị trí không phải đất xây dựng (đất rừng phòng hộ, đất quốc phòng...)”. | Nội dung này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng |
|  | Tại Điều 67. Thiết kế, xây dựng công trình viễn thông, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm khoản: “Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì phối hợp Bộ Xây dựng quy định về thiết kế, xây dựng công trình viễn thông tại các tòa nhà cao tầng”. | Nội dung này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng |
| ***60*** | ***Ý kiến chưa chính thức của các DN nước ngoài thông qua công ty luật…*** |  |
|  | Nên giới hạn phạm vi áp dụng của Dự thảo Luật Viễn thông cho các thực thể được thành lập hoặc công nhận theo luật pháp Việt Nam. Chúng tôi nhấn mạnh rằng sẽ không khả thi nếu phạm vi thẩm quyền của Dự thảo Luật Viễn thông mở rộng cho các tổ chức nước ngoài. Để phù hợp với các thông lệ phổ biến nhất trên toàn cầu và để duy trì môi trường pháp lý thuận lợi nhằm thu hút đầu tư quốc tế và các nhà cung cấp dịch vụ số, chúng tôi đề nghị Bộ TT&TT chỉ nên giới hạn phạm vi thẩm quyền của Dự thảo Luật Viễn thông đối với các tổ chức được thành lập hoặc công nhận theo luật pháp Việt Nam. | Bảo lưu |
|  | Khuyến nghị loại bỏ các lĩnh vực như điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật Viễn thông. Chúng tôi muốn lưu ý rằng mục đích chính của Dự thảo Luật Viễn thông là quy định các nghĩa vụ pháp lý đối với các dịch vụ viễn thông và cả hai lĩnh vực trên đều không phải là dịch vụ viễn thông. Các định nghĩa về dịch vụ điện toán đám mây quá rộng và bao trùm cả các dịch vụ bên ngoài lĩnh vực đám mây (ví dụ như dịch vụ cấp phép cho người dùng sử dụng một phần mềm). Chúng tôi đề nghị Bộ TT&TT cân nhắc kỹ tác động của việc áp dụng các nghĩa vụ bổ sung hướng tới nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lên doanh nghiệp từ các lĩnh vực khác – điều này có thể làm tăng chi phí kinh doanh một cách trầm trọng, không tương xứng với lợi ích có thể mang lại đối với nền kinh tế Việt Nam và có thể sẽ ngăn cản đầu tư quốc tế. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị loại bỏ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật Viễn thông. | Bảo lưu |
|  | Khuyến nghị loại bỏ các yêu cầu đăng ký phức tạp đối với các doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ viễn thông. Yêu cầu này – bao gồm các nghĩa vụ hành chính phức tạp và tốn kém, sẽ tạo gánh nặng không cần thiết cho các nhà cung cấp dịch vụ số, đặc biệt là những nhà cung cấp không có hiện diện thực tế trong biên giới quốc gia của Việt Nam. Cách tiếp cận như vậy không tương xứng lợi ích mà người tiêu dùng Việt Nam có thể nhận được, và có khả năng bị ảnh hưởng bởi vì có ít sự lựa chọn hơn hoặc bị tăng chi phí sử dụng. Chúng tôi nhấn mạnh rằng những nghĩa vụ tốn kém như vậy thậm chí có thể dẫn đến tác dụng ngược, ngăn cản đầu tư quốc tế vào nền kinh tế Việt Nam. Vì thế, chúng tôi đề nghị Bộ TT&TT loại bỏ các yêu cầu đăng ký, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp thậm chí không thuộc lĩnh vực viễn thông | Các doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ viễn thông thì không phải đăng ký, thủ tục đăng ký là đơn giản, không phức tạp |
|  | Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT loại bỏ mọi yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong nước đối với dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây. Chúng tôi nhấn mạnh rằng các doanh nghiệp Việt Nam sử dụng các dịch vụ này có quyền tự do lựa chọn nơi họ muốn lưu trữ dữ liệu của mình, phù hợp với yêu cầu hiện tại của nơi đó. Việc đưa quy định này vào Dự thảo Luật Viễn thông là không phù hợp và trùng lặp với quy định đã nêu tại văn bản pháp luật khác, nhất là khi các yêu cầu này được đặt ra đối với cả các doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ viễn thông. | Bảo lưu do quan điểm quản lý |
|  | Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT loại bỏ yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây chủ động theo dõi hoặc sửa đổi dữ liệu của khách hàng. Chúng tôi nhấn mạnh rằng các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây không kiểm soát nội dung được tải lên, cách thức cung cấp nội dung đó cho công chúng, và nội dung đó được cung cấp cho ai, bởi vì những quyết định này được thực hiện bởi người sử dụng chứ không phải các nhà cung cấp dịch vụ. Một đặc điểm cơ bản của dịch vụ dữ liệu và điện toán đám mây là các nhà cung cấp dịch vụ đó không truy cập hoặc sử dụng dữ liệu của khách hàng của họ, ngoài những gì cần thiết để duy trì hoặc cung cấp dịch vụ. Điều này giúp khách hàng (như các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân) tin tưởng và được đảm bảo rằng dữ liệu của họ vẫn riêng tư, an toàn và được bảo vệ khỏi việc bị tiết lộ, xóa, sửa đổi hoặc giám sát trái phép. Do đó, các nhà cung cấp không có khả năng tuân thủ các yêu cầu buộc họ phải chủ động giám sát hoặc sửa đổi dữ liệu của khách hàng theo bất kỳ cách nào. Việc yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ này tuân thủ theo các nghĩa vụ được đề xuất trong Dự thảo Luật Viễn thông là không phù hợp và chúng tôi thực sự khuyến nghị Bộ TT&TT loại bỏ các điều khoản đó đối với các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây. | Bảo lưu do quan điểm quản lý |
|  | Điều 2. Đối tượng áp dụng  Theo quy định của pháp luật toàn cầu về quyền riêng tư hoặc giao dịch điện tử, luật trong nước chỉ áp dụng cho các tổ chức được thành lập hoặc công nhận theo pháp luật của nước đó (pháp luật Việt Nam). Việc thực hiện chế tài luật pháp Việt Nam đối với các nhà cung cấp dịch vụ đám mây bên ngoài lãnh thổ sẽ không khả thi hoặc không thể thi hành được. Để thu hút các nhà đầu tư quốc tế, cần sửa quy định này và tránh các xung đột tiềm ẩn về nghĩa vụ pháp lý giữa Việt Nam và luật pháp nước ngoài.   * Đề xuất luật chỉ nên áp dụng cho các tổ chức được hình thành hoặc công nhận theo luật pháp Việt Nam. | Bảo lưu do quan điểm quản lý |
|  | Khoản 8 Điều 3. Giải thích từ ngữ  Thông thường, các dịch vụ thông tin liên lạc OTT (cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người dùng, không sử dụng kho số viễn thông) không được quản lý theo luật viễn thông truyền thống.  Có sự khác biệt căn bản giữa dịch vụ OTT và dịch vụ viễn thông, dẫn đến những khác biệt lớn về khía cạnh quản lý. Việc áp dụng các quy định về viễn thông được thiết kế cho các dịch vụ truyền thống sẽ không phù hợp hoặc gây ra hệ quả ngoài dự kiến đối với các ứng dụng nhắn tin. Đối với các dịch vụ viễn thông, người dùng thường có ít lựa chọn và khả năng chuyển đổi dịch vụ cũng bị hạn chế - các quy định viễn thông được thiết kế có cân nhắc đến tính độc quyền này. Ngược lại, ứng dụng OTT không kiểm soát cơ sở hạ tầng truy cập Internet và hoạt động trong bối cảnh cạnh tranh cao mà người dùng có thể dễ dàng chuyển đổi giữa các ứng dụng cạnh tranh hoặc sử dụng nhiều ứng dụng cùng loại hầu như đồng thời trên cùng một thiết bị (tức là “sử dụng song song” (“multi-homing”).  Tạo ra những rào cản mới đối với việc gia nhập thị trường thông qua việc áp dụng các quy định viễn thông truyền thống có thể cản trở quá trình đổi mới trong các ứng dụng kỹ thuật số, tăng chi phí cho người dùng, và kìm hãm tác động kinh tế tích cực của các ứng dụng OTT đối với nền kinh tế số ở tầm vĩ mô.  Cách đáng tin cậy nhất để tạo điều kiện cho đổi mới là bảo đảm một môi trường quản lý rõ ràng, có thể dự đoán và cân bằng cho doanh nghiệp, giúp loại bỏ các rào cản gia nhập thị trường và các trở ngại đối với tăng trưởng và áp dụng rộng rãi. Nếu cần thiết, quy định đối với các ứng dụng OTT phải được điều chỉnh riêng, phù hợp với mục đích, và có tính đến sự đa dạng của các sản phẩm trong hệ sinh thái trực tuyến.   * Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ việc điều chỉnh các Dịch vụ thông tin liên lạc OTT theo Luật viễn thông sửa đổi. Nếu nội dung này vẫn được đưa vào, thì Luật sửa đổi nên nêu rõ “các đặc tính phụ thuộc, thứ yếu của một dịch vụ khác” có nghĩa là gì và cung cấp mô tả về các Dịch vụ thông tin liên lạc OTT nào sẽ thuộc định nghĩa này. | Bảo lưu. Hiện nay một số nước như khu vực Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc đã phân loại các dịch vụ OTT viễn thông là dịch vụ viễn thông. Dự thảo luật đã thiết kế để các dịch vụ OTT viễn thông có mức độ quản lý phù hợp, có sự khác biệt so với dịch vụ viễn thông để vừa tạo thuận lợi cho các dịch vụ này phát triển nhưng vẫn bảo đảm quản lý để bảo vệ quyền lợi người sử dụng và bảo đảm an toàn, an ninh. |
|  | Khoản 32 Điều 3. Phạm vi quá rộng; định nghĩa này sẽ bao trùm cả các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến mà không phải là dịch vụ viễn thông.   * Chúng tôi đề xuất bỏ điện toán đám mây ra khỏi phạm vi điều chỉnh của luật này | Bảo lưu |
|  | Khoản 4 Điều 6. Bảo đảm bí mật thông tin  Theo Điểm c Khoản 4 Điều 6, nhà cung cấp Dịch vụ thông tin liên lạc OTT phải cung cấp cho cơ quan nhà nước danh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi, địa chỉ IP và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp) và cơ quan nhà nước không bắt buộc phải sử dụng các quy trình của Hiệp Định Tương Trợ Tư Pháp (MLAT) hiện hữu để thu thập thông tin này.  Quy định này áp đặt các yêu cầu không hợp lý đối với dịch vụ thông tin liên lạc OTT và không tuân thủ các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận về quyền riêng tư, an ninh và can thiệp theo pháp luật.   * Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ yêu cầu này vì Dịch vụ thông tin liên lạc OTTtoàn cầu có thể trái với các tiêu chuẩn được công nhận về quyền riêng tư, an ninh và can thiệp theo pháp luật. | Bảo lưu. Dự thảo không có quy định nhà cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông phải cung cấp cho cơ quan nhà nước danh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ. Điều 6 chỉ quy định nhà cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin người sử dụng. Việc cung cấp thông tin người dùng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu có thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan |
|  | Khoản 2 Điều 36. Cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông  Điểm a Khoản 2 Điều 36 Nhà cung cấp Dịch vụ thông tin liên lạc OTT không sở hữu hoặc kiểm soát mạng mà qua đó dịch vụ của họ được truyền tải và không kiểm soát việc người tiêu dùng chọn mạng nào. Do đó, các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến không thể cung cấp bất kỳ bảo đảm nào hoặc nhất thiết phải giải quyết khắc phục các vấn đề liên quan đến chất lượng dịch vụ được cung cấp. Các cơ quan quản lý và các nhà hoạch định chính sách cần lưu ý đến điều này khi xem xét việc mở rộng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ đối với các nhà cung cấp dịch vụ OTT.  Theo Liên Minh Châu Âu (EU), Bộ Quy Tắc Truyền Thông Điện Tử Châu Âu (EECC) công nhận rằng hiện nay, không nên có yêu cầu chung buộc các dịch vụ nhắn tin OTT (còn gọi là dịch vụ truyền thông giữa các cá nhân không phụ thuộc vào đầu số) phải bảo đảm chất lượng dịch vụ (QoS) hoặc tuân thủ các yêu cầu QoS. EECC công nhận rằng các dịch vụ không phụ thuộc vào đầu số thường không kiểm soát mạng mà qua đó dịch vụ được cung cấp và theo đó, yêu cầu phải tuân thủ các mức độ QoS bắt buộc sẽ vừa không cân đối vừa không khả thi.   * Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ điều 36.2a) khỏi dự thảo Luật sửa đổi. | Bảo lưu. Dự thảo không quy định nhà cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số phải bảo đảm các mức chất lượng dịch vụ hoặc tuân thủ các yêu cầu về chất lượng. Dự thảo chỉ quy định nhà cung cấp này nếu thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng thì phải có trách nhiệm đáp ứng tiêu chuẩn mà mình đã công bố. |
|  | Điểm c Khoản 2 Điều 36 Quy định này áp đặt các yêu cầu đối với Dịch vụ thông tin liên lạc OTT trong việc chống tin nhắn rác và/hoặc cuộc gọi rác.  Các yêu cầu về ngăn chặn tin nhắn/cuộc gọi rác phải thiết thực, cân đối và khả thi, đồng thời có xét đến tính chất của các dịch vụ nhắn tin riêng có mã hóa đầu cuối (E2EE) khi áp đặt các biện pháp ngăn chặn.   * Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ điều khoản này khỏi dự thảo Luật sửa đổi, nếu không, thì cần phải làm rõ để bảo đảm tính thiết thực, cân đối và khả thi. | Bảo lưu. Do mức độ phổ biến của các dịch vụ dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số và để bảo vệ quyền lợi của người sử dụng, thì nhà cung cấp các dịch vụ này cần phải thực hiện các quy định phòng chống tin nhắc rác, cuộc gọi rác. Các quy định cụ thể sẽ được xem xét tại các văn bản hướng dẫn. |
|  | Điểm d Khoản 2 Điều 36 Quy định này yêu cầu chia sẻ dữ liệu định kỳ nhưng thiếu sự rõ ràng.   * Do sự mơ hồ, chúng tôi kiến nghị nên loại bỏ điều khoản này. | Bảo lưu. Hoạt động báo cáo là cần thiết để cung cấp các thông tin cho cơ quan quản lý phục vụ việc quản lý, điều tiết thị trường một cách chính xác, kịp thời và phù hợp. |
|  | Khoản 3 Điều 36 Không có thông tin rõ ràng về mức ngưỡng sẽ được Chính phủ quy định và các yêu cầu liên quan.   * Luật sửa đổi cần xác định cụ thể các ngưỡng liên quan đến số lượng người đăng ký dịch vụ và lưu lượng, đồng thời xác định cụ thể các yêu cầu sẽ áp dụng cho các nhà cung cấp đạt các ngưỡng này. | Bảo lưu. Dự thảo luật đã quy định mức ngưỡng được xác định theo số lượng người sử dụng hoặc lưu lượng phát sinh trên thị trường Việt Nam. Mức ngưỡng cụ thể do Chính phủ quy định. |
|  | Khoản 2 Điều 37 Quy định này có thể trao cho người sử dụng quyền từ chối các điều khoản và điều kiện của nhà cung cấp dựa trên cơ sở là người dùng không đồng ý cho phép nhà cung cấp truy nhập thông tin, dữ liệu hoặc các tính năng trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng dịch vụ, và nhà cung cấp vẫn phải cung cấp dịch vụ cho những người sử dụng đó.  Quy định này áp đặt các yêu cầu không hợp lý đối với Dịch Vụ Truyền Thông OTT.   * Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ điều khoản này khỏi dự thảo Luật sửa đổi. | Tiếp thu. |
|  | Đề nghị bỏ chương X về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây | Bảo lưu |
|  | Điều 72 Khoản 2:  Nếu mục đích chính của Luật này là để điều chỉnh các dịch vụ viễn thông, thì chưa rõ tại sao phần định nghĩa lại bao gồm cả các dịch vụ đám mây/dịch vụ trung tâm dữ liệu.  Những định nghĩa/phân loại này quá rộng và sẽ bao hàm cả các dịch vụ nằm ngoài phạm vi cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, ví dụ như dịch vụ cung cấp cho người dùng sử dụng một phần mềm.   * Đề nghị bỏ quy định cụ thể về điện toán đám mây nếu Luật này ra đời nhằm điều chỉnh dịch vụ viễn thông. | Đã làm rõ |
|  | Điều 73 Khoản 1:  Nếu mục đích của điều khoản này là thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ trung tâm dữ liệu trong nước và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp trong nước, thì yêu cầu đăng ký sẽ dẫn đến tác dụng ngược lại. Yêu cầu này cũng đặt ra gánh nặng không cân xứng cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát việc đăng ký so với những lợi ích mà yêu cầu này mang lại.   * Đề nghị bỏ quy định này | Bảo lưu do quan điểm quản lý. Hình thức đăng ký thủ tục đơn giản, không ảnh hưởng đến hoạt động của DN |
|  | Điều 74.  Việc áp đặt các loại tiêu chuẩn quốc gia khác nhau thay vì công nhận các tiêu chuẩn quốc tế sẽ khiến việc tuân thủ trở nên khó khăn, đồng thời cũng không giúp nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ tốt hơn cho người dùng Việt Nam. Chi phí tuân thủ cao hơn cũng sẽ dẫn đến các tác động cản trở nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cung cấp dịch vụ tại thị trường Việt Nam, và dẫn đến một số tác động tiêu cực lên người dùng trong nước do khả năng tiếp cận công nghệ của họ bị hạn chế.   * Đề nghị công nhận các tiêu chuẩn quốc tế như ISO27001, hoặc SOC2 | Xem xét tiếp thu |
|  | Điều 74.1.c) Khi ký kết Thỏa thuận cung cấp dịch vụ với người sử dụng phải bảo đảm tối thiểu các nội dung theo quy định.   * Đề nghị nêu rõ nội dung tối thiểu theo quy định, có thể thông qua việc tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp trong ngành. | Các nội dung tối thiểu trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã được quy định cụ thể trong Thông tư số 39/2016/TT-BTTTT. Nội dung này đã được lấy ý kiến của các doanh nghiệp viễn thông và Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương (là đơn vị quản lý Nhà nước về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng)  Đây là các nội dung chi tiết nên được quy định tại cấp văn bản hướng dẫn. |
|  | Điều 74.1.d) Không được thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, hành vi chèn ép, ngăn chặn các doanh nghiệp khác trong hoạt động kinh doanh.   * Sẽ hợp lý hơn nếu quy định điều này trong Luật Cạnh tranh. Đề nghị bỏ quy định này. | Bảo lưu, cần quy định nguyên tắc trong Luật VT |
|  | Điều 75.1:  Người dùng nên được chọn khu vực mà họ muốn lưu trữ dữ liệu của mình, phù hợp với qui định của nơi đó.  Quy định này không phù hợp và trùng lặp nếu đặt trong Luật Viễn thông vì các trung tâm dữ liệu không phải là dịch vụ viễn thông, đồng thời Nghị định 53 (hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng) cũng đã có quy định về vấn đề này.   * Đề nghị bỏ yêu cầu này. | Thực hiện theo các quy định PL hiện hành |
|  | Điều 75.3. Điều này mâu thuẫn trực tiếp với các luật khác của Việt Nam (ví dụ: Luật an ninh mạng), trong đó có điều khoản yêu cầu công khai thông tin cho các cơ quan nhà nước.   * Cần có qui định loại trừ cho các yêu cầu thực hiện cung cấp thông tin theo lệnh có giá trị pháp lý và mang tính ràng buộc. | Nghiên cứu, đồng bộ quy định |
|  | Điều 75.4. Người dùng có toàn quyền xóa, sửa đổi và chuyển dữ liệu. Các nhà cung cấp dịch vụ không có quyền truy cập vào nội dung dữ liệu khách hàng cũng như thực hiện chuyển giao, sửa đổi và xóa.  Người sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ phải đảm bảo rằng họ sẽ thiết lập/ hướng dẫn việc xóa nội dung của họ. Nghĩa vụ đối với nhà cung cấp dịch vụ là tuân thủ các hướng dẫn của người sử dụng.   * Đề xuất bỏ nghĩa vụ này cho các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây. | Quy định lại cho rõ. |
|  | Điều 75.5. Các quy định nên dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế về quyền riêng tư thay vì các tiêu chuẩn riêng biệt của Việt Nam.   * Khuyến nghị Chính phủ nên tận dụng chương trình bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ. Những chương trình bảo mật này được thực hiện bởi các đơn vị kiểm toán độc lập. | Đã điều chỉnh |
|  | Điều 76. Điều này tốt hơn nên được quy định trong pháp luật về bản quyền hoặc các quy định về quyền riêng tư. Đề nghị bỏ quy định này. | Đã điều chỉnh |
|  | Điều 76.1 và 76.2.  - Các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây không có quyền truy cập vào dữ liệu khách hàng, bao gồm cả việc thấy được nội dung; do đó không thể đáp ứng yêu cầu này.  - Yêu cầu này đặt các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây ở vị thế xung đột lợi ích với khách hàng của họ và đòi hỏi các nhà cung cấp dịch vụ phải xác định điều gì là bất hợp pháp theo luật Việt Nam. Thay vào đó, nên quy định rằng các nhà cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ tuân thủ các lệnh ràng buộc của Tòa án cũng như chỉ thị thực thi pháp luật để gỡ bỏ nội dung bất hợp pháp.  => Đề xuất bỏ nghĩa vụ này cho các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 77.1. Đề xuất tham chiếu các tiêu chuẩn quốc tế. | Nghiên cứu điều chỉnh |
| ***61*** | ***Bộ Kế hoạch và Đầu tư*** |  |
|  | Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Viễn thông năm 2009 của Bộ TTTT đã nêu ra những kết quả đạt được cũng như những vướng mắc, bất cập qua hơn 10 năm áp dụng triển khai Luật đối với các hoạt động viễn thông và sự phát triển của thị trường viễn thông. Trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ tự động hóa cho phép các doanh nghiệp viễn thông phát triển các nền tảng số dựa trên hạ tầng viễn thông sẵn có để đáp ứng các nhu cầu của người sử dụng dịch vụ viễn thông trên môi trường số. Vì vậy, nhiều thuật ngữ chuyên ngành mới, khái niệm, hành vi mới trong lĩnh vực này cần được xác định, đòi hỏi có các phương thức, quy định quản lý phù hợp trong dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển. Do đó, hồ sơ báo cáo Dự thảo Luật cần bổ sung các tài liệu thuyết minh chi tiết việc rà soát, cơ sở thực tiễn đối với từng điều khoản cần sửa đổi, nội dung điều khoản được thay thế hoặc bổ sung mới (bao gồm cả các cam kết quốc tế có liên quan đến lĩnh vực viễn thông và hội nhập quốc tế trên môi trường mạng) nhằm đảm bảo việc xây dựng các quy định mới trong dự luật Viễn thông (sửa đổi) có sự nhất quán, tránh chồng chéo về quy định cụ thể trong một số Luật liên quan đã được ban hành hoặc đang triển khai xây dựng như Luật Công nghiệp Công nghệ số, dự luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng,... | Tiếp thu |
|  | Tại Điều 1 và Điều 2: Đề nghị làm rõ thông lệ quốc tế về hạ tầng viễn thông và căn cứ khi bổ sung trung tâm dữ liệu và dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây trên hạ tầng trung tâm dữ liệu là hạ tầng viễn thông. | Đã thuyết minh rõ trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi |
|  | Tại Điều 3: Đề nghị nghiên cứu bổ sung định nghĩa các thuật ngữ “hạ tầng số”, “nền tảng số”, “dịch vụ hạ tầng số”, “dịch vụ điện toán đám mây” và “Trung tâm dữ liệu” để đồng bộ với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật. | Về thuật ngữ “hạ tầng số”: Dự thảo Luật đã tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới theo đó chưa cần thiết bổ sung khái niệm “hạ tầng số” nhưng đã mở rộng phạm vi tác động, đối tượng điều chỉnh của luật mới bao gồm các thành phần, cơ sở hạ tầng số như: thiết bị, dịch vụ kết nối IoT, OTT là dịch vụ viễn thông; dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây |
|  | Tại Điều 8: Đề nghị bổ sung tại Khoản 2 nội dung “Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng thông tin và truyền thông”. | Bảo lưu. Đã quy định rõ |
|  | Tại Điều 13: Đối với Hình thức kinh doanh viễn thông, cần nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể hơn để bao hàm các nội dung kinh doanh như “đầu tư xây dựng; thuê hoặc cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông” ở các điều khoản khác trong dự thảo Luật; làm rõ nội hàm cụm từ “cho thuê phần mềm và vật tư” trong quy định về kinh doanh hàng hóa viễn thông tại Khoản 1. | Bảo lưu |
|  | Tại Điều 22: Đề nghị cân nhắc quy định cụ thể, có tính định lượng thay vì định tính trong hành vi hạn chế cạnh tranh tại điểm b Khoản 2 “Cung cấp hạ tầng, dịch vụ với mức giá quá cao gây trở ngại cho các doanh nghiệp bán lẻ trong việc cung cấp dịch vụ tới người sử dụng dịch vụ viễn thông” | Đã loại bỏ tại dự thảo mới |
|  | Tại Điều 62: Về quản lý giá cước viễn thông, tại điểm b Khoản 1 đề nghị chọn phương án “Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh” để đảm bảo sự phù hợp với các quy định có liên quan về quản lý giá tại Luật Giá (sửa đổi). | Tiếp thu |
|  | Tại Điều 72: Nội dung quy định về phân loại dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây cần làm rõ nội hàm, khái niệm quy định tại điểm b, c Khoản 2 về Dịch vụ điện toán đám mây để đảm bảo sự phù hợp với phạm vi hoạt động viễn thông, tránh sự chồng chéo với các quy định về quản lý hạ tầng thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong các Luật liên quan như Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thông tin. | Đã điều chỉnh làm rõ |
|  | Tại Điều 75: Đối với nội dung “Bảo đảm thông tin của người sử dụng” trong hoạt động kinh doanh dịch vụ Trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây, đề nghị bổ sung quy định cụ thể các nội dung liên quan về điều kiện kỹ thuật, chế tài pháp lý để đảm bảo sự thống nhất với các quy định hiện hành tại Luật Lưu trữ (đối với dữ liệu điện tử), Luật An ninh mạng,… | Tiếp thu |
| ***62*** | ***Bộ Tư pháp*** |  |
|  | Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy ngoài 04 chính sách đã trình Chính phủ thông qua theo đề nghị tại Tờ trình số 06/TTr-BTTTT ngày 18/01/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bao gồm: (i) quản lý và điều tiết thị trường bán buôn; (ii) hoàn thiện các quy định về cấp phép viễn thống; (iii) quản lý và phát triển dịch vụ thông tin vệ tinh; (iv) bổ sung thêm thành phần trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông, quản lý kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu), cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm 02 chính sách mới (bao gồm: (i) quản lý dịch vụ OTT; (ii) quản lý dịch vụ IoT). Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động chính sách đầy đủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) và báo cáo rõ những nội dung quy định liên quan đến các chính sách mới đề nghị bổ sung trong dự thảo Tờ trình để Chính phủ xem xét, quyết định. Đối với nội dung dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bảo đảm thể chế đầy đủ, cụ thể, chính xác các chính sách đã được Chính phủ thông qua và các chính sách mới đề nghị bổ sung. | Tiếp thu. Đã có trong Báo cáo đánh giá tác động. |
|  | ***\* Về dự thảo Tờ trình:***  1. Tại Phần II dự thảo Tờ trình về mục đích, quan điểm xây dựng Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ đâu là mục đích, đâu là quan điểm và thể hiện rõ ràng, sâu sắc hơn nội dung này. | Tiếp thu |
|  | 2. Phần IV dự thảo Tờ trình về bố cục và nội dung cơ bản của Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nêu rõ việc cụ thể hóa các chính sách đã được Chính phủ thông qua và các chính sách đề nghị bổ sung mới thành các điều, khoản cụ thể trong nội dung dự thảo Luật như thế nào. | Tiếp thu |
|  | 3. Tại Phần V dự thảo Tờ trình về tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung rà soát dự thảo Luật với Luật Đấu giá tài sản năm 2016 để bảo đảm tính thống nhất của cả hệ thống pháp luật. | Tiếp thu |
|  | Bên cạnh đó, tại phần V dự thảo Tờ trình nêu kết quả rà soát được thể hiện cụ thể trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật (xin gửi kèm theo Tờ trình). Tuy nhiên, Bộ Tư pháp không nhận được Báo cáo rà soát nêu trên, do đó không có đủ điều kiện, cơ sở để góp ý nội dung tác động của dự thảo Luật đến hệ thống pháp luật nói chung cũng như trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp (như đấu giá tài sản…). | Bổ sung trong bộ hồ sơ gửi thẩm định |
|  | ***\* Về dự thảo Luật:***  1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 đã được cụ thể hóa đầy đủ trong dự thảo Luật (ví dụ: đầu tư viễn thông được quy định tại Điều 1 dự thảo Luật nhưng chưa quy định nội dung trong dự thảo Luật). | Đã làm rõ |
|  | 2. Về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin (Điều 5 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm không trùng lặp hoặc mâu thuẫn với Luật An toàn thông tin, Luật An ninh mạng. | Rà soát, bảo đảm tính thống nhất |
|  | 3. Về cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông (Điều 10 dự thảo Luật) và thanh tra chuyên ngành về viễn thông (Điều 11 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, không quy định để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (mục III.2.a); Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (khoản 1 Điều 2) và mục II.1.a Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. | Tiếp thu |
|  | 4. Về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 12), Bộ Tư pháp nhận thấy các hành vi bị nghiêm cấm đã được quy định trong các luật, Bộ luật khác như Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Bộ luật Hình sự, Luật Quảng cáo…, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lược bỏ các nội dung đã được quy định trong các luật khác (nếu không có nội hàm mới khi quy định trong dự thảo Luật) để bảo đảm thống nhất, không trùng lặp. | Bảo lưu, nêu cụ thể trong Luật |
|  | 5. Chương II, khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật có quy định về kinh doanh dịch vụ viễn thông và kinh doanh hàng hóa viễn thông. Tuy nhiên, dự thảo Luật chỉ có quy định cụ thể về kinh doanh dịch vụ viễn thông (chương IV) mà không có quy định cụ thể về kinh doanh hàng hóa viễn thông, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung. | Có quy định về hàng hóa viễn thông tại Điều 55, 56 |
|  | 6. Khoản 3 Điều 22 dự thảo Luật quy định: “Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Bộ Công thương quy định cụ thể các hành vi hạn chế cạnh tranh và xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông”. Nội dung này liên quan đến xử lý hành vi vi phạm, thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, bảo đảm phù hợp về thẩm quyền. | Tiếp thu đã loại bỏ khỏi dự thảo mới |
|  | 7. Điều 25 dự thảo Luật quy định Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhưng nguồn tài chính hình thành nên Quỹ từ đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông, không có từ ngân sách nhà nước là chưa phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước về quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; việc yêu cầu doanh nghiệp viễn thông phải đóng góp kinh phí cho Quỹ ngoài khoản thuế, phí, lệ phí mà doanh nghiệp đã nộp theo quy định là không phù hợp với pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Mặt khác, hoạt động của Quỹ trong thời gian qua chưa hiệu quả, bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập đến nay chưa được giải quyết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định Quỹ dịch vụ viễn thông công ích trong dự thảo Luật. | \* Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định:  - Điều 4 khoản 19: “Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”.  - Điều 8 khoản 11: “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước”.  Theo các quy định trên thì việc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam không lấy nguồn từ ngân sách nhà nước là phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.  \* - Điều 3 Luật Phí và lệ phí năm 2020 quy định:  “1. Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này.  2. Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này”.  Như vậy, phí và lệ phí là khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước khi tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công.  Thuế là khoản doanh nghiệp phải nộp tính theo lợi nhuận từ toàn bộ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.  Khoản đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được tính theo doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp, không thu từ các hoạt động kinh doanh khác, dùng để bù đắp chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông ở các vùng mà doanh nghiệp viễn thông không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường, cung cấp dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác.  Với cơ chế như trên, việc đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ không trái với quy định pháp luật về thuế, phí, lệ phí.  \* Trong thời gian qua, hoạt động triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đang có một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:  - Mức độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình còn thấp, không đồng đều, nhiều nhiệm vụ triển khai chậm, thậm chí chưa thực hiện được.  - Vốn của Chương trình còn dư lớn, thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông chưa cân đối với nhu cầu giải ngân thực hiện Chương trình.  Bộ Thông tin và Truyền thông đã phân tích, đánh giá, chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trên, cụ thể như sau:  - Việc điều chỉnh chính sách hỗ trợ cung cấp dịch vụ công ích chưa kịp thời, dẫn đến việc hỗ trợ dịch vụ cho nhóm trường học, bệnh viện, hộ nghèo, hộ cận nghèo, ngư dân chưa sát với nhu cầu sử dụng thực tế.  - Tỷ lệ giải ngân cho các nhiệm vụ hỗ trợ hạ tầng thấp, do vướng mắc cơ chế sử dụng kinh phí của Quỹ để đầu tư hạ tầng, vì nguồn vốn của Quỹ không hình thành từ ngân sách nhà nước nhưng khi sử dụng lại phải tuân thủ theo quy định pháp luật như đối với vốn ngân sách nhà nước và các quy định về đầu tư công, do vậy không giải ngân được kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng ở vùng sâu, vùng xa.  Phương hướng, biện pháp khắc phục:  - Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông để quy định và điều chỉnh kịp thời chính sách hỗ trợ đối tượng công ích, quy trình thủ tục hỗ trợ, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.  - Triển khai Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhằm triển khai có hiệu quả chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.  \* Việc tiếp tục quy định về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trong Luật Viễn thông là cần thiết, không trái với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí và lệ phí, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân. Đồng thời, hình thành Quỹ để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cũng nhằm đám ứng cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), phù hợp với xu thế quản lý nhà nước về viễn thông trên thế giới. Đây cũng là công cụ điều tiết quan trọng của Nhà nước nhằm cân bằng giữa cạnh tranh và phục vụ, giữa kinh doanh và công ích, bảo đảm các doanh nghiệp đều có trách nhiệm đóng góp để phát triển viễn thông ở các địa bàn kinh doanh không đủ bù đắp chi phí, cung cấp dịch vụ viễn thông cho các đối tượng yếu thế, là nền tảng hạ tầng quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.  - Một là, đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ là một hình thức Nhà nước và doanh nghiệp cùng làm, kết hợp chia sẻ trách nhiệm về tài chính để hỗ trợ phát triển phổ cập dịch vụ.  - Hai là, đây là chính sách điều tiết quan trọng của Nhà nước trong lĩnh vực viễn thông, bảo đảm cân bằng giữa cạnh tranh và công ích, giữa lợi nhuận và phát triển kinh tế-xã hội ở các vùng khó khăn, cho nhóm người dân khó khăn.  - Ba là, khuyến khích doanh nghiệp viễn thông tích cực tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, khi đó doanh nghiệp sẽ nhận lại nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn đóng góp vào Quỹ, đây chính là nguồn hỗ trợ trở lại cho chính doanh nghiệp viễn thông (kể cả hỗ trợ sử dụng dịch vụ cho người dân thì cũng đều thông qua doanh nghiệp, trở thành doanh thu của doanh nghiệp) và doanh nghiệp sẽ có nguồn lực để duy trì và phát triển hạ tầng viễn thông, duy trì tệp khách hàng ổn định. Khoản hỗ trợ này trên cơ sở chương trình, kế hoạch mục tiêu phổ cập dịch vụ của nhà nước. Do đó, kinh phí các doanh nghiệp đóng góp sẽ trở thành doanh thu hoặc vốn đầu tư hình thành tài sản của Nhà nước trong các doanh nghiệp trong thời kỳ tiếp theo. Do đó, khoản hỗ trợ từ Quỹ là cơ sở để hình thành thu nhập và nguồn thu của NSNN trong chu kỳ kinh doanh kế tiếp và xét về thổng thể, việc hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp về lâu dài sẽ mở rộng nguồn thu của NSNN và của doanh nghiệp.  - Bốn là, các doanh nghiệp viễn thông khi tham gia cung cấp các dịch vụ viễn thông công ích thì cũng được áp dụng chính sách ưu đãi về thuế: Luật Thuế giá trị gia hiện hành đã qui định dịch vụ viễn thông công ích là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; doanh thu của doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cũng được tính miễn trừ khi tính thu nộp các loại phí viễn thông và phần đóng góp vào Quỹ.  - Năm là, việc quy định dịch vụ viễn thông công ích và cơ chế cung cấp dịch vụ trên cơ sở đóng góp từ doanh thu dịch vụ viễn thông nhằm đáp ứng cam kết của Việt Nam trong Văn bản tham chiếu của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) về quản lý nhà nước trong lĩnh vực viễn thông (Reference Paper) khi Việt Nam gia nhập WTO.  “3. Dịch vụ phổ cập  Bất kỳ thành viên nào của WTO đều có quyền xác định loại nghĩa vụ cung cấp dịch vụ phổ cập mà mình muốn duy trì. Các nghĩa vụ như vậy tự chúng không bị coi là phi cạnh tranh, với điều kiện chúng được quản lý một cách minh bạch, không phân biệt đối xử, trung lập về cạnh tranh và không được phiền hà hơn mức cần thiết đối với loại dịch vụ phổ cập mà thành viên đó đã xác định” .  - Sáu là, việc hình thành Quỹ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là đúng theo xu thế quản lý nhà nước về viễn thông trên thế giới. Theo thống kê của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), tính tới năm 2019, đã có 91 nước trên thế giới thành lập Quỹ với nguồn thu từ doanh thu dịch vụ viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Trong vòng 5 năm trở lại đây, các nước ASEAN cũng đẩy mạnh việc thành lập Quỹ dịch vụ viễn thông công ích trên cơ sở thu từ doanh thu dịch vụ viễn thông để thực hiện chức năng điều tiết của Nhà nước giữa cạnh tranh và công ích; đặc biệt là Campuchia, Lào và Thái Lan đã từng tổ chức các cuộc họp song phương với Bộ Thông tin và Truyền thông để học hỏi kinh nghiệm về chủ đề này. |
|  | 8. Khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật quy định: “Doanh nghiệp viễn thông quy định chi tiết đối tượng, phạm vi, mức sử dụng và ban hành quy chế quản lý liên lạc nghiệp vụ nội bộ doanh nghiệp”. Đây là hoạt động quản trị nội bộ của doanh nghiệp, đề nghị không quy định trong dự thảo Luật. |  |
|  | 9. Chương V dự thảo Luật quy định về cấp phép viễn thông, trong đó có quy định về điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và điều kiện cấp giấy phép nghiệp vụ viễn thông; Điều 74 dự thảo Luật quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây. Qua rà soát quy định của Luật Đầu tư năm 2020 thì kinh doanh dịch vụ viễn thông là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (mục 118 Phụ lục IV), nghiệp vụ viễn thông, kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây không phải là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ sự cần thiết và bổ sung quy định nghiệp vụ viễn thông, kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020. | Cấp phép nghiệp vụ ko phải cấp phép kinh doanh, DN phải đáp ứng các điều kiện để đảm bảo về mặt kỹ thuật và an toàn, an ninh thông tin, mạng lưới, vẫn cấp phép nghiệp vụ.  Kinh doanh dịch vụ Trung tâm dữ liệu là ngành nghề có điều kiện |
|  | 10. Về phân bổ, sử dụng, hoàn trả kho số viễn thông, tài nguyên Internet (Điều 54 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ trình tự, thủ tục đấu giá phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet thực hiện theo pháp luật về đấu giá tài sản để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với Luật Đấu giá tài sản năm 2016; trường hợp cần quy định khác Luật Đấu giá tài sản thì đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, giải trình rõ và bổ sung quy định trong dự thảo Luật. | Tiếp thu một phần, quy định tại văn bản dưới Luật. Riêng việc đấu giá nghiên cứu để bổ sung vào dự thảo Luật nhắm đảm bảo tính khả thi do có các điều kiện đặc thù khi đấu giá kho số viễn thông, tìa nguyên Internet (1 loại tài sản công) |
|  | 11. Điều 70 dự thảo Luật về quy định chung ở chương X (Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây) chỉ đưa ra nội dung mang tính nguyên tắc mà không có nội hàm cụ thể, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định, trường hợp cần thiết quy định thì đưa lên Chương I (Những quy định chung). | Tiếp thu |
|  | 12. Điều 76 dự thảo Luật quy định xử lý nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm không trùng lặp với quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ luật Hình sự… Ngoài ra, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định xử lý nội dung vi phạm đối với các hoạt động khác (ngoài hoạt động kinh doanh kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây) để bảo đảm đầy đủ, đồng bộ. | Tiếp thu |
|  | 13. Điều 78 dự thảo Luật quy định về điều khoản chuyển tiếp giữ nguyên nội dung Điều 68 Đề cương Luật (gửi kèm theo Tờ trình số 23/TTr-BTTT ngày 23/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông) mà không có nội dung chuyển tiếp cụ thể. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu bổ sung đầy đủ các nội dung quy định chuyển tiếp cụ thể để bảo đảm sự thống nhất, khả thi. | Tiếp thu |
|  | 14. Về bố cục dự thảo Luật, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh lý để bảo đảm tính hợp lý, logic (ví dụ: chuyển Chương IV về kinh doanh dịch vụ viễn thông lên trước Chương III về viễn thông công ích…) | Tiếp thu |
|  | ***\* Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản:***  1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật để đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). | Tiếp thu |
|  | 2. Như đã đề cập tại mục II.3 nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật theo quy định tại điểm b1 khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Ngoài ra, nội dung dự thảo Luật có quy định về thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Luật theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | 3. Dự thảo Luật có nhiều nội dung mang tính kỹ thuật chuyên ngành, do đó, ngoài lấy ý kiến dự thảo Luật theo quy định tại Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến các chuyên gia về lĩnh vực này. Trên cơ sở đó hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). | Tiếp thu, đã có hỏi ý kiến chuyên gia |
| ***63*** | ***Bộ Y tế*** |  |
|  | 1. Về Hồ sơ Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi):  a) Đề nghị bổ sung Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông năm 2009; | Tiếp thu |
|  | b) Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách:  - Đề nghị tách riêng tác động về kinh tế và tác động về xã hội trong các giải pháp chính sách và bổ sung thông tin, số liệu về chi phí hiệu quả trong một số giải pháp chính sách tác động đến nhà nước, doanh nghiệp và người dân như chính sách 2 về cấp phép viễn thông; chính sách 4 bổ sung thêm thành phần trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông, quản lý kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịchvụ điện toán đám mây...  - Đối với tác động về xã hội: Đề nghị thực hiện đánh giá tác động theo đúng các tiêu chí, nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP.  - Tác động về thủ tục hành chính: Đề nghị phân tích đánh giá cụ thể hơn tác động về thủ tục hành chính trong một số chính sách như chính sách 2 về cấp phép viễn thông hay chính sách 4...  - Tác động về hệ thống pháp luật: Đề nghị rà soát bổ sung phân tích kỹ hơn tác động về hệ thống pháp luật vì một số giải pháp có tác động đối với hệ thống pháp luật liên quan như chính sách 1 có liên quan đến pháp luật về giá hay như chính sách 2, chính sách 3 có liên quan đến pháp luật về đầu tư, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng... Tuy nhiên, trong phần đánh giá tác động hệ thống pháp luật lại chưa đề cập đến các văn bản pháp luật liên quan này. | Tiếp thu |
|  | 2. Về dự thảo Luật:  - Điều 10. Cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông: Dự thảo Luật mới quy định cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông ở Trung ương là Bộ Thông tin và Truyền thông mà chưa quy định cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông ở địa phương. Do vậy, đề nghị rà soát và xem xét bổ sung nội dung này. | Xem xét quy định thẩm quyền trong các VB dưới luật |
|  | - Điều 11. Thanh tra chuyên ngành về viễn thông: Đề nghị xem xét bỏ Điều này vì hiện nay đã có Luật Thanh tra và văn bản hướng dẫn. Hơn nữa dự thảo cũng chỉ quy định dẫn chiếu đến pháp luật Thanh tra. | Tiếp thu |
|  | - Chương V. Cấp phép viễn thông: Đề nghị xem xét bổ sung quy định về thủ tục cấp giấy phép viễn thông, thủ tục thu hồi giấy phép viễn thông, có thể theo hướng đưa ra quy định chung về thủ tục và giao Chính phủ quy định chi tiết. | Quy định trong VB dưới luật |
|  | - Điều 62. Quản lý giá cước viễn thông: Lựa chọn phương án 1 quy định: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh để bảo đảm có cơ chế pháp lý quản lý giá cước viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng. | Tiếp thu |
|  | - Điều 78. Điều khoản chuyển tiếp: Đề nghị quy định cụ thể việc chuyển tiếp đối với một số quy định sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật như quy định về cấp phép, giá cước viễn thông, quản lý kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây... | Tiếp thu |
| ***64*** | ***UBND Đà Nẵng*** |  |
|  | 1. Về thể thức:  Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 62 Nghị định 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:  a) Mục 1. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông và Mục 2. Cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông”:  Từ “Mục”, “Tiểu mục” và số thứ tự của mục, tiểu mục được trình bày trên một dòng riêng, canh giữa, bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm. Số thứ tự của mục dùng chữ số Ả Rập. Tiêu đề của mục được trình bày ngay dưới, canh giữa, bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm;”  b) Đề nghị viết hoa các chữ cái đầu các điểm tại Khoản 1 Điều 21  c) Tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa bố cục thống nhất theo khoản, điểm; không dùng dấu gạch ngang để quy định.  d) Tại điểm a khoản 2 Điều 72 dự thảo sử dụng dấu “…” thay thế nội dung quy định, đề nghị cơ quan soạn thảo sử dụng chính sách, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.  e) Các “Mục” và các “Khoản” của dự thảo Tờ trình chữ cái đầu dòng chưa lùi vào 1cm hoặc 1,27cm. | Tiếp thu |
|  | 2. Về nội dung dự thảo luật: |  |
|  | a) Điều 3: Về công trình viễn thông: Theo dự thảo, định nghĩa là hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp) để lắp đặt thiết bị, đường truyền dẫn viễn thông. Theo Nghị định 06/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng: định nghĩa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là “Một công trình độc lập, một tổ hợpcaác công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp, đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông”. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất về định nghĩa “Công trình viễn thông” với các văn bản quy phạm pháp luật khác. | Rà soát, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ |
|  | b) Khoản 7 Điều 5 dự thảo: Đề nghị bổ sung việc ngăn chặn khẩn cấp và ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông đối với trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông để lừa đảo, quấy rối, làm phiền các cá nhân, tổ chức để bảo đảm kịp thời ngăn chặn các hành vi gây ảnh hưởng, thiệt hại đến tổ chức, công dân. | Nội dung này không thuộc chức năng, nhiệm vụ phòng PTHT |
|  | c) Điều 10: đề nghị xem xét và bổ sung chức năng cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về viễn thông của Sở TTTT tại địa phương (theo Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Sở TTTT thuộc UBND cấp tỉnh). | Đã bỏ điều khoản này theo ý kiến của Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp |
|  | d) Điều 12:  - Đề nghị bổ sung các hành vi bị cấm đối với các hoạt động liên quan đến DC và cloud.  - Đề nghị, bổ sung hành vi “sử dụng dịch vụ viễn thông để lừa đảo, quấy rối, làm phiền các cá nhân, tổ chức” bởi vì hiện nay, hành vi này xảy ra rất phổ biến trong hoạt động viễn thông. Việc bổ sung quy định này nhằm mục đích ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích chính đáng, bí mật riêng tư của tổ chức, cá nhân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong sử dụng mạng viễn thông. | Bảo lưu. Không cần thiết phải bổ sung |
|  | đ) Điều 45: đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung: “Tổ chức bị thu hồi giấy phép viễn thông nếu vi phạm quy định về khoản 4 Điều 6 Luật Viễn thông (sửa đổi)”.  Lý do: Việc quản lý, bảo mật thông tin thuê bao của các doanh nghiệp viễn thông di động hiện nay còn chưa chặt chẽ, tình trạng SIM rác vẫn được bán trên thị trường dẫn đến việc các đối tượng xấu lợi dụng để phát tán tien nhắn, thực hiện cuộc gọi rác, quấy rối, lừa đảo; sơ hở trong việc cấp lại SIM của doanh nghiệp có thể bị đối tượng xấu lợi dụng để chiếm đoạt SIM, từ đó chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của thuê bao; do đó, các DN viễn thông di động cần tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an ninh an toàn thông tin cho các cá nhân, tổ chức; trường hợp quản lý không chặt chẽ thì cần phải có biện pháp xử lý đối với các doanh nghiệp viễn thông đó. | Xử lý bằng các biện pháp khác, không thu hồi giấy phép |
|  | e) Khoản 1 Điều 57: Trong nội dung dự thảo chưa đề cập đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về thiết kế, hạ tầng, quản lý vận hành trung tâm dữ liệu, đề nghị bổ sung nội dung này. | Bảo lưu. Đây là nội dung chỉ quy định về viễn thông. DC được quy định trong chương riêng |
|  | g) Khoản 3 Điều 51: Đề nghị bổ sung nội dung Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông quyết định việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong các trường hợp phục vụ an ninh, quốc phòng, phục vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. | Việc quy định chi tiết sẽ có văn bản dưới Luật hướng dẫn |
|  | h) Điểm b khoản 1 Điều 62, đề nghị chọn phương án 1 để thống nhất với Luật Giá năm 2012 | Tiếp thu |
|  | i) Chương IX:  - Điều 65: trong dự thảo có tên Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, tuy nhiên, theo Luật Quy hoạch đô thị thì hạng mục liên quan đến viễn thông là Quy hoạch thông tin liên lạc. Vì vậy, đề nghị thống nhất về tên quy hoạch. | Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 và Phụ lục 2 Luật Quy hoạch thì quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngànhvà được đưa vào trong danh mục tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch. Tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 quy định các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. |
|  | - Điều 66: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm khoản: “Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về triển khai xây dựng công trình viễn thông trên các vị trí không phải đất xây dựng hoặc phải bắt buộc chuyển đổi mục đích sử dụng đất như đất rừng, đất quốc phòng”. | Nội dung quy định về hình thức cấp phép xây dựng tuân thủ theo các quy định chung của ngành xây dựng, cụ thể như theo Nghị định 53/2017/NĐ-CP quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng cũng đã có quy định “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất*.” là một loại giấy tờ hợp pháp để cấp phép xây dựng |
|  | - Điều 67:  + Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm khoản: “Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì phối hợp Bộ Xây dựng quy định về thiết kế, xây dựng công trình viễn thông tại các tòa nhà cao tầng”.  + Hiện nay, việc lắp đặt các công trình viễn thông trên các công trình là tài sản công (trụ sở công, địa điểm công) đang bị vướng mắc theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các VB hướng dẫn Luật Tài sản công, tuy nhiên trong dự thảo chưa có nội dung cụ thể để gỡ vướng mắc này. | Nội dung lắp đặt các công trình viễn thông trên các công trình là tài sản công (trụ sở công, địa điểm công) đã được bổ sung trong quá trình sửa đổi Nghị định 25/2011/NĐ-CP |
|  | 3. Về dự thảo tờ trình:  - Điểm 2 Mục I dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung căn cứ là “Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định phát triển hạ tầng số là một trong các nhiệm vụ trọng tâm quốc gia” vào căn cứ xây dựng Luật Viễn thông (sửa đổi). | Tiếp thu |
| ***65*** | ***Bộ Công an*** |  |
|  | 1. Chính phủ ban hành NĐ số 59/2022/NĐ-CP về định danh và xác thực điển tử; theo đó, Bộ Công an đã triển khai xây dựng Hệ thống định danh và xác thực điện tử để thực hiện cấp, quản lý tài khoản định danh điện tử cho cá nhân, tổ chức sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại khác theo nhu cầu. Để tăng cường công tác quản lý dân cư, thực hiện xác thực thông tin thuê bao di động, thông tin người đăng ký tài khoản định danh điện tử được chính xác, cần thiết phải thực hiện việc đối soát, cập nhật thông tin thuê bao của các nhà mạng viễn thông vào hệ thống các cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý. Do vậy, tại Điều 6 và Điều 14, dự thảo Luật đề nghị bổ sung trường hợp doanh nghiệp viễn thông được chia sẻ, cung cấp thông tin thuê bao cho cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý mà không cần phải có sự đồng ý của chủ thuê bao; đồng thời, bổ sung quy định doanh nghiệp viễn thông phải có nghĩa vụ kết nối, chia sẻ thông tin thuê bao do mình quản lý với các cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý khi được yêu cầu để phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn, xã hội. Bộ Công an có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bí mật trong việc tiếp nhận, lưu trữ, sử dụng thông tin thuê bao được các doanh nghiệp viễn thông chia sẻ theo đúng quy định của Luật Viễn thông và các VBQPPL khác có liên quan. | Quy định về trách nhiệm kết nối CSDL TTTB với CSDL của Bộ Công an đã được quy định tại văn bản dưới Luật (Nghị định 25/2011/NĐ-CP, Nghị định 49/2017/NĐ-CP) |
|  | 2. Điều 3: Bổ sung quy định giải thích một số thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo luật cho rõ ràng như thị trường bán buôn, bán lẻ, dịch vụ nội dung thông tin, dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng, mạng viễn thông cố định mặt đất, mạng viễn thông di động mặt đất, hạ tầng mạng (phân biệt giữa nhà cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng hoặc không có hạ tầng mạng)… | Quy định cụ thể trong VB hướng dẫn luật |
|  | 3. Điều 5: Đề nghị chỉnh lý khoản 6 theo hướng như sau cho rõ ràng hơn: “Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm cung cấp điểm truy nhập, điểm kết nối mạng viễn thông; đầu tư các hệ thống, thiết bị bảo đảm an ninh phía doanh nghiệp viễn thông và các điều kiện kỹ thuật, nghiệp vụ cần thiết khác để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. | Nội dung chi tiết sẽ được tiếp thu, bổ sung trong văn bản dưới Luật |
|  | 4. Điều 12: Bổ sung quy định nghiêm cấm đối với hành vi Sử dụng thiết bị viễn thông chưa đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông hoặc sử dụng thiết bị viễn thông thuộc Danh mục thiết bị viễn thông bắt buộc kiểm định nhưng chưa được kiểm định; thiết lập trái phép cơ sở hạ tầng viễn thông. | Việc sử dụng thiết bị viễn thông chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn và thiết lập trái pháp cơ sở hạng tầng viễn thông nếu bị phát hiện sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự |
|  | 5. Điều 14: đề nghị chỉnh lý một số nội dung sau:  a) Bỏ điểm d khoản 1.1 quy định việc DN cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng được phép cho DN viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông (việc thuê, cho thuê lại hạ tầng mạng viễn thông là thỏa thuận dân sự và thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự). | DN có quyền cho thuê và thực hiện theo các PL có liên quan. |
|  | b) Bổ sung quy định một số nghĩa vụ của DN viễn thông cho chặt chẽ:  - Lưu trữ, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ đăng ký, địa chỉ truy cập Internet từ mạng viễn thông di động, đường truyền dẫn viễn thông và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với DN), thông tin về hoạt động của thuê bao viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  - Kịp thời phối hợp với cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh mạng của Bộ Công an trong cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu viễn thông và triển khai các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.  - Quản lý chặt chẽ các thuê bao viễn thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin khách hàng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bảo đảm xác định được danh tính chủ thuê bao viễn thông.  - Triển khai các hệ thống kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm an ninh mạng; có hệ thống quản lý, giảm sát, phát hiện dấu hiệu sử dụng dịch vụ viễn thông để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và thông báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý.  - Bố trí mặt bằng, cổng kết nối và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng theo yêu cầu của Bộ TTTT, Bộ Công an. | Quy định về trách nhiệm kết nối CSDL TTTB với CSDL của Bộ Công an đã được quy định tại văn bản dưới Luật (Nghị định 25/2011/NĐ-CP, Nghị định 49/2017/NĐ-CP) |
|  | 6. Điều 15: đề nghị bổ sung trách nhiệm của đại lý dịch vụ viễn thông trong việc thực hiện đăng ký thông tin người sử dụng dịch vụ viễn thông cho đầy đủ. | Bảo lưu |
|  | 7. Khoản 4 Điều 28: đề nghị cân nhắc bổ sung thực hiện qua phương thức “cho thuê” ngoài việc thực hiện trực tiếp, bán lại dịch vụ này. | Xem xét VB dưới luật |
|  | 8. Điều 29: đề nghị chỉnh lý cụm từ “trên lãnh thổ đất liền Việt Nam” thành “trên lãnh thổ Việt Nam” cho đầy đủ | Tiếp thu |
|  | 9. Điều 36: đề nghị bổ sung quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông có trách nhiệm: (a) Lưu trữ, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin người sử dụng dịch vụ, thông tin về hoạt động sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (2) Kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin người sử dụng dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (3) Quản lý chặt chẽ các dịch vụ cung cấp, bảo đảm xác định được danh tính người sử dụng dịch vụ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông được xếp loại là dịch vụ viễn thông. Trong dự thảo đã có quy định trách nhiệm chung của doanh nghiệp viễn thông phải thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh thông tin. Các trách nhiệm cụ thể sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn luật này và luật về an ninh mạng. |
|  | 10. Điều 39: đề nghị bổ sung nội dung cấp giấy phép về điều kiện kinh doanh cho các cá nhân làm dịch vụ thuê lại đường truyền, máy chủ riêng ảo (VPN) để bảo đảm công tác quản lý nhà nước đối với các dịch vụ này. | Dịch vụ cho thuê đường truyền, mạng riêng ảo đã được phân loại là dịch vụ viễn thông |
|  | 11. Khoản 1 Điều 45: đề nghị bổ sung trường hợp thu hồi giấy phép khi doanh nghiệp viễn thông không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 14 dự thảo Luật này. | Thu hồi GP viễn thông là một hình thức xử lý rất nặng, gây nhiều hệ luỵ cho thị trường, người dùng vì vậy cần thận trọng khi áp dụng, chỉ thu hòi khi doanh nghiệp vi phạm điều cấm. |
|  | 12. Điều 58: Bổ sung một khoản vào điều này quy định về thẩm quyền của Bộ Công an trong việc kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin hệ thống viễn thông phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. | Ý kiến chưa rõ |
|  | 13. Điều 62: đề nghị lựa chọn PA 1 | Tiếp thu |
|  | 14. Điều 74: Bổ sung quy định doanh nghiệp kinh doanh vụ này phải lập phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình thiết lập trung tâm dữ liệu và kinh doanh các loại dịch vụ để hạn chế rủi ro có thể xảy ra khi cung cấp dịch vụ, tránh lộ, lọt thông tin, dữ liệu của khách hàng. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | 15. Khoản 3 Điều 75: đề nghị bổ sung quy định loại trường hợp DN kinh doanh dịch vụ DC, dịch vụ cloud cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến người sử dụng mà không cần có sự đồng ý của người đó như trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm phục vụ việc bảo đảm an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, công cộng. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | 16. Điều 76: đề nghị bổ sung quy định DN kinh doanh dịch vụ DC và dịch vụ cloud có trách nhiệm xây dựng hệ thống quản lý, ngăn chặn hoạt động lợi dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ cloud để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; thông báo ngay cho cơ quan chức năng có thẩm quyền khi phát hiện các hoạt động lợi dụng những dịch vụ này để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | 17. Hiện nay dịch vụ Mobile Money chưa có hành lang pháp lý cụ thể, mở được triển khai thí điểm theo Quyết định số 316/QĐ-TTg về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ. Do vậy, để tạo điều kiện cho dịch vụ này phát triển trong thời gian tới, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về dịch vụ này trong dự thảo Luật. Đồng thời, bổ sung quy định về quản lý dịch vụ, ứng dụng gia tăng khác trên nền tảng viễn thông (như Viber, Zoom, Zalo, Whatsapp…) và các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông để tạo điều kiện phát triển đa dạng các dịch vụ viễn thông. | Dịch vụ Mobile Money thuộc phạm vi quản lý của NHNN, lĩnh vực tài chính ngân hàng, hiện đang trong thời gian thí điểm. Bộ TTTT sẽ bám sát hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình tổ chức triển khai thí điểm và sẽ phối hợp với NHNN để tổ chức đánh giá, xây dựng quy phạm phù hợp sau khi kết thúc thí điểm. |
|  | 18. Đề nghị rà soát, chỉnh lý bố cục một số điềut rong dự thảo Luật cho phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như Điều 14, Điều 16, Điều 31… | Tiếp thu |
| ***66*** | ***Bộ Tài chính (VB dự thảo)*** |  |
|  | 1. Về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam:  - Khoản 4 Điều 23: “Lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua đặt hàng, đấu thầu hoặc giao kế hoạch”; đề nghị sửa lại như sau: “Lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu”.  - Điều 25 (Quỹ dịch vụ VTCI Việt Nam):  Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25: “Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được hình thành từ đóng góp theo tỷ lệ doanh thu dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông.”  Đây là khoản đóng góp mang tính chất bắt buộc của các doanh nghiệp viễn thống, mang tính chất “thuế” và tương tự như khoản phí thương quyền các doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thống và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.  Mặt khác, qua rà soát cho thấy một số nhiệm vụ chi của quỹ còn trùng lặp với nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, cơ chế thu tạo tồn dư quỹ lớn. Do vậy, đề nghị xem xét điều chỉnh thuế đối với các doanh nghiệp viễn thông trên cơ sở mức thuế suất hiện nay và khoản đóng góp này hoặc nộp toàn bộ khoản đóng góp này vào ngân sách nhà nước và bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện nhiệm vụ VTCI. Theo đó, trường hợp trình cấp có thẩm quyền thống nhất chấm dứt hoạt động Quỹ dịch vụ viễn thông công ích, đề nghị bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 14 và khoản 3 Điều 23, dự thảo Luật vì có chứa nội dung liên quan đến Quỹ dịch vụ viễn thông công ích (dự kiến bỏ), kinh phí thực hiện nhiệm vụ viễn thông công ích được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và điều chỉnh lại quy định tại Điều 25 về nguồn kinh phí thực hiện dịch vụ viễn thông công ích như sau:  “1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Nhà nước giao.  2. Nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.  3. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.” | 1. Đối với ý kiến “Khoản 4 Điều 23: “Lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua đặt hàng, đấu thầu hoặc giao kế hoạch”; đề nghị sửa lại như sau: “Lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu”.  Bộ TT&TT đề nghị bảo lưu như dự thảo với ý kiến giải trình như sau:  - Không phải tất cả các dịch vụ VTCI đều có thể cung cấp thông qua đấu thầu, ví dụ các dịch vụ khẩn cấp (công an, cứu hỏa, y tế) chỉ có thể đặt hàng với tất cả các DN đang cung cấp dịch vụ này để bảo đảm quyền lợi cho người dân, không thể đấu thầu để chọn 1 vài DN thắng thầu;  - Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên có quy định “Sản phẩm, dịch vụ công là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: Giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; tài nguyên và môi trường; giao thông vận tải; nông nghiệp và phát triển nông thôn; công thương; xây dựng; lao động thương binh và xã hội; tư pháp và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ. Sản phẩm, dịch vụ công bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích”  - Tại mục 17 phần IV Biểu 01 Phụ lục I của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, thì “Dịch vụ viễn thông, Internet” là dịch vụ trong danh mục sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.  => Do đó việc lựa chọn đơn vị/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải được thực hiện thông qua đấu thầu, đặt hàng và giao kế hoạch (giao nhiệm vụ). - Mặt khác, Luật Viễn thông năm 2009 quy định “Thuê bao viễn thông là người sử dụng dịch vụ viễn thông có gắn với việc ấn định tài nguyên viễn thông hoặc đường truyền dẫn viễn thông cụ thể” (Khoản 26, Điều 3). Người sử dụng dịch vụ viễn thông có các quyền “Lựa chọn doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý dịch vụ viễn thông để giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông”. Người dân có quyền lựa chọn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ viễn thông trong đó có dịch vụ viễn thông công ích trên tài nguyên viễn thông (số thuê bao) hoặc đường truyền dẫn viễn thông cụ thể. Do vậy, đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, dịch vụ viễn thông khẩn cấp trên các thuê bao hiện hữu thì các doanh nghiệp viễn thông được người dân lựa chọn thì sẽ do nhà nước đặt hàng để các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các dịch vụ viễn thông công ích theo đăng ký của khách hàng. 2. Đối với ý kiến “Khoản đóng góp theo tỷ lệ doanh thu dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông” mang tính chất bắt buộc của các doanh nghiệp viễn thống, mang tính chất “thuế” và tương tự như khoản phí thương quyền các doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước. Qua rà soát cho thấy một số nhiệm vụ chi của quỹ còn trùng lặp với nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, cơ chế thu tạo tồn dư quỹ lớn. Do vậy, đề nghị xem xét điều chỉnh thuế đối với các doanh nghiệp viễn thông trên cơ sở mức thuế suất hiện nay và khoản đóng góp này hoặc nộp toàn bộ khoản đóng góp này vào ngân sách nhà nước và bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện nhiệm vụ VTCI.  Bộ TT&TT bảo lưu việc tiếp tục quy định về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam vì không trái với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí và lệ phí, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân. Đồnh thời, hình thành Quỹ để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cũng nhằm đám ứng cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), phù hợp với xu thế quản lý nhà nước về viễn thông trên thế giới. Đây cũng là công cụ điều tiết quan trọng của Nhà nước nhằm cân bằng giữa cạnh tranh và phục vụ, giữa kinh doanh và công ích, bảo đảm các doanh nghiệp đều có trách nhiệm đóng góp để phát triển viễn thông ở các địa bàn kinh doanh không đủ bù đắp chi phí, cung cấp dịch vụ viễn thông cho các đối tượng yếu thế, là nền tảng hạ tầng quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Cụ thể:  *Một là,* đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ là một hình thức nhà nước và doanh nghiệp cùng làm, kết hợp chia sẻ trách nhiệm về tài chính để hỗ trợ phát triển phổ cập dịch vụ.  *Hai là*, đây là chính sách điều tiết quan trọng của Nhà nước trong lĩnh vực viễn thông, bảo đảm cân bằng giữa cạnh tranh và công ích, giữa lợi nhuận và phát triển kinh tế-xã hội ở các vùng khó khăn, cho nhóm người dân khó khăn.  *Ba là,* khuyến khích doanh nghiệp viễn thông tích cực tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, khi đó doanh nghiệp sẽ nhận lại nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn đóng góp vào Quỹ, đây chính là nguồn hỗ trợ trở lại cho chính doanh nghiệp viễn thông (kể cả hỗ trợ sử dụng dịch vụ cho người dân thì cũng đều thông qua doanh nghiệp, trở thành doanh thu của doanh nghiệp) và doanh nghiệp sẽ có nguồn lực để duy trì và phát triển hạ tầng viễn thông, duy trì tệp khách hàng ổn định. Khoản hỗ trợ này trên cơ sở chương trình, kế hoạch mục tiêu phổ cập dịch vụ của nhà nước. Do đó, kinh phí các doanh nghiệp đóng góp sẽ trở thành doanh thu hoặc vốn đầu tư hình thành tài sản của Nhà nước trong các doanh nghiệp trong thời kỳ tiếp theo. Do đó, khoản hỗ trợ từ Quỹ là cơ sở để hình thành thu nhập và nguồn thu của NSNN trong chu kỳ kinh doanh kế tiếp và xét về thổng thể, việc hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp về lâu dài sẽ mở rộng nguồn thu của NSNN và của doanh nghiệp.  *Bốn là,* việc quy định dịch vụ viễn thông công ích và cơ chế cung cấp dịch vụ trên cơ sở đóng góp từ doanh thu dịch vụ viễn thông nhằm đáp ứng cam kết của Việt Nam trong Văn bản tham chiếu của WTO về quản lý nhà nước trong lĩnh vực viễn thông (Reference Paper) khi Việt Nam gia nhập WTO.  “*3. Dịch vụ phổ cập*  *Bất kỳ thành viên nào của WTO đều có quyền xác định loại nghĩa vụ cung cấp dịch vụ phổ cập mà mình muốn duy trì. Các nghĩa vụ như vậy tự chúng không bị coi là phi cạnh tranh, với điều kiện chúng được quản lý một cách minh bạch, không phân biệt đối xử, trung lập về cạnh tranh và không được phiền hà hơn mức cần thiết đối với loại dịch vụ phổ cập mà thành viên đó đã xác định*”  *Năm là,* việc hình thành Quỹ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là đúng theo xu thế quản lý nhà nước về viễn thông trên thế giới. Theo thống kê của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), tính tới năm 2019, đã có 91 nước trên thế giới thành lập Quỹ với nguồn thu từ doanh thu dịch vụ viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Trong vòng 5 năm trở lại đây, các nước ASEAN cũng đẩy mạnh việc thành lập Quỹ dịch vụ viễn thông công ích trên cơ sở thu từ doanh thu dịch vụ viễn thông để thực hiện chức năng điều tiết của Nhà nước giữa cạnh tranh và công ích; đặc biệt là Campuchia, Lào và Thái Lan đã từng tổ chức các cuộc họp song phương với Bộ Thông tin và Truyền thông để học hỏi kinh nghiệm về chủ đề này./.  b. Trong thời gian qua, hoạt động triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đang có một số vướng mắc, bất cập: “Vốn của Chương trình còn dư lớn, thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông chưa cân đối với nhu cầu giải ngân thực hiện Chương trình”. Bộ Thông tin và Truyền thông đã phân tích, đánh giá, chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trên, cụ thể như sau: Việc điều chỉnh chính sách hỗ trợ cung cấp dịch vụ công ích chưa kịp thời, dẫn đến việc hỗ trợ chưa sát với nhu cầu sử dụng thực tế; Tỷ lệ giải ngân cho các nhiệm vụ hỗ trợ hạ tầng thấp, do vướng mắc cơ chế sử dụng kinh phí của Quỹ để đầu tư hạ tầng, vì nguồn vốn của Quỹ không hình thành từ ngân sách nhà nước nhưng khi sử dụng lại phải tuân thủ theo quy định pháp luật như đối với vốn ngân sách nhà nước và các quy định về đầu tư công, do vậy không giải ngân được kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng ở vùng sâu, vùng xa.  Phương hướng, biện pháp khắc phục:  - Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông để quy định và điều chỉnh kịp thời chính sách hỗ trợ đối tượng công ích, quy trình thủ tục hỗ trợ, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.  - Triển khai Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhằm triển khai có hiệu quả chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. |
|  | - Nội dung quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Viễn thông năm 2009 “Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về việc hạch toán, thu nộp các khoản đóng góp cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Quy chế quản lý tài chính Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam” không có trong dự thảo Luật. Thực tế trong các năm qua, tại các Quyết định phê duyệt Chương trình VTCI của Thủ tướng Chính phủ có giao Bộ Tài chính hướng dẫn hạch toán thu nộp đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ VTCI. Tuy nhiên, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành theo hình thức văn bản cá biệt, không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì các Quyết định này không đủ cơ sở pháp lý để Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện. Bộ Tài chính đã căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Viễn thông năm 2009 để ban hành các Thông tư hướng dẫn hạch toán thu nộp đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ VTCI. Do vậy, trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định duy trì Qũy VTCI và Bộ Tài chính tiếp tục phải thực hiện nhiệm vụ này thì đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cân nhắc, báo cáo rõ trong Tờ trình dự thảo Luật lý do bỏ khoản 4 Điều 22 Luật Viễn thông năm 2009. | Trong những năm qua, các Quyết định phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo hình thức văn bản cá biệt, không phải văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 nêu rõ “Quyết định của Thủ tướng không phải là văn bản quy phạm pháp luật trong … trường hợp phê duyệt … chương trình, đề án…”. Các Chương trình viễn thông công ích được triển khai đến các đối tượng thụ hưởng rộng rãi với nguồn kinh phí Chương trình lớn, có quy mô sử dụng nguồn tài chính lớn, tác động trên phạm vi cả nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, do Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện hỗ trợ.  Để đảm bảo quản lý sử dụng nguồn tài chính của Nhà nước, cần có hướng dẫn cơ chế quản lý chặt chẽ, đảm bảo cơ sở pháp lý, minh bạch trong quản lý, thì Bộ Tài chính cần hướng dẫn về hạch toán thu nộp đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ VTCI và cơ chế quản lý tài chính của Chương trình là rất cần thiết, phù hợp với chức năng của Bộ Tài chính  Do đó, Bộ TT&TT đề nghị giữ nguyên khoản 4 Điều 22 Luật Viễn thông năm 2009. |
|  | 2. Về nội dung thuế  - Về thuế thu nhập doanh nghiệp:  Điểm c khoản 2 Điều 55 dự thảo Luật quy định: “Các bên tham gia chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet có nghĩa vụ nộp thuế chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet”; đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Các bên tham gia chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định”.  - Về thuế giá trị gia tăng:  Tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) hiện hành quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: “10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công  ích và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ”.  Căn cứ quy định nêu trên, viễn thông công ích thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do đó, đề nghị sửa khoản 3 Điều 63 dự thảo Luật như sau:  “3. Hoá đơn thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông phải thể hiện đầy đủ,  chính xác, rõ ràng các nội dung sau đây:  a) Giá cước và số tiền phải thanh toán đối với từng loại dịch vụ viễn thông;  b) Tổng số tiền phải thanh toán;  c) Thuế giá trị gia tăng (trừ dịch vụ viễn thông công ích)” | - Điểm c khoản 2 Điều 55 đề nghị P. CPTN cho ý kiến  - Khoản 3 Điều 63 Tiếp thu |
|  | 3. Về phí và lệ phí  3.1. Về tên các khoản phí và lệ phí tại dự thảo Luật  -Tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định:  + Phí duy trì sử dụng tên miền và địa chỉ Internet; phí sử dụng mã, số viễn thông; phí quyền hoạt động viễn thông thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.  + Lệ phí phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet, lệ phí cấp giấy  phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông thuộc  thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.  - Tại khoản 3 Điều 19 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm Bộ Tài chính: “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản  phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.  - Tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của các Bộ: “…Kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý”.  Căn cứ quy định nêu trên và đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư quy định thu các khoản phí, lệ phí nêu trên.  Vì vậy, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông, rà soát lại dự thảo Luật các nôi dung sau:  (i) Rà soát sửa tên các khoản phí, lệ phí tại dự thảo Luật để thống nhất với Luật Phí và lệ phí (ví dụ khoản 5 Điều 40, điểm d khoản 3 Điều 54 ...).  (ii) Bỏ khoản 3 Điều 47 và khoản 7 Điều 54 dự thảo Luật để tránh trùng  lắp với quy định tại Luật Phí và lệ phí.  (iii) Ngoài ra, hiện nay có nhiều dịch vụ viễn thông, internet đang quy định thu cả phí và lệ phí (cùng dịch vụ thu cả 02 khoản). Ví dụ, doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải nộp: Lệ phí cấp giấy phép 01 triệu đồng/giấy (thời hạn tối đa giấy phép 15 năm). Phí quyền hoạt động viễn thông = 0,5% doanh thu kinh doanh dịch vụ viễn thông, mức tối thiểu không thấp hơn 2.000 triệu đồng/năm. Đề nghị rà soát, trường hợp số thu lệ phí thấp thì cân nhắc đề xuất bãi bỏ khoản thu lệ phí, nhằm giảm thủ tục hành chính cũng như chi phí cho doanh nghiệp. | Xem xét tham vấn các cơ quan liên quan |
|  | 3.2. Về khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật  - Tại khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật quy định:  “2. Tổ chức có trách nhiệm nộp phí quyền hoạt động viễn thông theo một trong ba hình thức sau đây:  a) Nộp hằng năm theo tỷ lệ phần trăm doanh thu;  b) Nộp hằng năm theo mức cố định;  c) Nộp một lần theo mức cố định cho toàn bộ thời hạn của giấy phép”.  Nội dung trên kế thừa quy định tại Điều 41 Luật Viễn thông năm 2009.  - Tại khoản 2b Điều 30 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của  Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông quy định: b) Doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông: Nộp hằng năm theo tỷ lệ phần trăm doanh thu các dịch vụ viễn thông quy định tại giấy phép, mức nộp tối đa không quá 1% doanh thu các dịch vụ viễn thông nhưng không thấp hơn một mức cố định tùy theo dịch vụ được phép cung cấp và số lượng, giá trị tài nguyên viễn thông cần phân bổ.  Quy định tính phí theo tỷ lệ % doanh thu kế thừa Điều 41 Luật Viễn thông năm 2009. Tuy nhiên, không phù hợp với nguyên tắc xác định mức thu phí tại Luật Phí và lệ phí (Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí).  Ngoài tính chất là dịch vụ công, kho số, tần số, tên miền còn là tài nguyên quốc gia, Vì vậy, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung:  (i) Báo cáo rõ về việc tiếp tục quy định thu phí quyền hoạt động viễn thông theo tỷ lệ % doanh thu cung cấp dịch vụ.  (ii) Bổ sung, nguyên tắc xác định mức thu phí quyền hoạt động viễn thông và quy định mức phí tối đa (tương tự Nghị định số 25/2011/NĐ-CP) làm cơ sở cho Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất và Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thu phí. | Xem xét tham vấn các cơ quan liên quan |
|  | 3.3. Về thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet  - Tại khoản 2 Điều 56 dự thảo Luật quy định:  “2. Việc thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet được thực hiện trong các trường hợp sau đây:  …..  c) Tổ chức, cá nhân đã được phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet không nộp lệ phí phân bổ, phí sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet.”  - Tại khoản 1 Điều 125 Luật Quản lý thuế quy định:  “1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý  thuế bao gồm:  a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định  hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ  chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;  b) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập;  c) Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;  d) Ngừng sử dụng hóa đơn;  đ) Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên theo quy định của pháp  luật;  e) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định  hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ;  g) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký  đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.”  - Tại khoản 1 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề”.  Theo quy định tại Luật Quản lý thuế nêu trên, việc thu hồi quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet là biện pháp cưỡng chế cuối cùng trong các biện pháp cưỡng chế nợ thuế, phí, lệ phí và chỉ được áp dụng trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép.  Do đó, đề nghị nghiên cứu và tham khảo thêm các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế tại Luật Quản lý thuế để xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Viễn thông (Điều 56) cho phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực hoạt động. | Xem xét tham vấn các cơ quan liên quan |
|  | 4. Về nội dung đấu giá, chuyển nhượng, trách nhiệm bồi thường khi thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet  Tại Điều 54 dự thảo Luật Viễn thông quy định:  - Khoản 2 quy định: Phương thức phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet theo phương thức đấu giá, thi tuyển, trực tiếp theo quy hoạch và các phương thức phân bổ khác.  - Khoản 3 quy định: Tổ chức, cá nhân được phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet có trách nhiệm nộp tiền đấu giá trong trường hợp được phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet thông qua đấu giá.  Tại khoản 5 Điều 119, Điều 121 và Điều 122 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:  “Điều 119. Tài nguyên  5. Kho số viễn thông, kho số khác phục vụ quản lý nhà nước, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh;  Điều 121. Khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên  1. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên.  2. Thu thuế tài nguyên.  3. Thu phí, lệ phí trong quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên.  4. Khai thác nguồn lực tài chính khác từ tài nguyên theo quy định của pháp luật.  Điều 122. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên  1. Việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên được thực hiện theo quy định của các luật về tài nguyên.  2. Mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên thực hiện theo quy định của Chính phủ.”  Căn cứ các quy định nêu trên, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:  - Làm rõ nội dung “đấu giá” để đảm bảo phù hợp với các hình thức khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên (thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên; thu thuế tài nguyên; thu phí, lệ phí trong quản lý, sử dụng, khai thức tài nguyên; khai thác nguồn lực tài chính khác từ tài nguyên) quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.  - Rà soát quy định cụ thể về phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet theo phương thức “thi tuyển”, “trực tiếp theo quy hoạch” và “các phương thức phân bổ khác” là gì và có thu tiền cấp quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet đối với các phương thức này hay không.  - Đề nghị bổ sung vào dự thảo quy định: Chính phủ quy định cụ thể mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet. | Xem xét tham vấn các cơ quan liên quan |
|  | 5. Về giá cước dịch vụ viễn thông  - Tại khoản 3 Điều 49, đề nghị sửa thành: “3. Giá cước kết nối viễn thông được xây dựng trên cơ sở yếu tố hình thành giá dịch vụ cước viễn thông, phân tách hợp lý theo các bộ phận cấu thành mạng hoặc theo công đoạn dịch vụ, không phân biệt các loại hình dịch vụ”.  - Tại điểm a khoản 1 Điều 62 dự thảo Luật quy định Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm: “a) Quy định về quản lý giá cước viễn thông; quyết định giá cước viễn thông do Nhà nước quy định (đối với các dịch vụ thuộc Danh mục định giá tại Luật Giá sửa đổi). Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật đang quy định dịch vụ viễn thông công ích là dịch vụ do Nhà nước định giá, cụ thể: “2. Dịch vụ viễn thông công ích bao gồm dịch vụ viễn thông phổ cập và dịch vụ viễn thông bắt buộc. Dịch vụ viễn thông phổ cập là dịch vụ viễn thông được cung cấp đến mọi người dân theo danh mục, điều kiện, chất lượng và giá cước do Nhà nước quy định; tại điểm b khoản 2 Điều 24 dự thảo Luật quy định Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm “Ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông công ích, chất lượng, giá cước, đối tượng và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông công ích”.  Để thống nhất các nội dung quy định tại dự thảo Luật, đề nghị quy định dịch vụ viễn thông công ích là dịch vụ do Nhà nước định giá và thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo đó, đề nghị sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 62 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông như sau: “a) Quy định về quản lý giá cước viễn thông; quy định giá cước dịch vụ viễn thông công ích”. Đồng thời, tại điểm a khoản 2 Điều 24, đề nghị sửa thành “2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm: a) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quyết định giá cước viễn thông công ích theo quy định pháp luật về giá và pháp luật có liên quan”. | - Khoản 3 Điều 49: Tiếp thu  - Điểm a khoản 1 Điều 62: Bảo lưu  Lý do: Theo quy định tại Luật Giá, ngoài giá cước dịch vụ VTCI, Bộ TTTT có trách nhiệm quy định giá cước kết nối viễn thông  - Điểm a khoản 2 Điều 24: Tiếp thu. |
|  | - Tại Điều 60, Điều 61 về giá cước viễn thông, căn cứ quy định tại Luật giá về nguyên tắc quản lý giá, phương pháp định giá của nhà nước, đề nghị sửa thành:  “Điều 60. Nguyên tắc quản lý nhà nước giá cước viễn thông  1. Tôn trọng quyền định giá và cạnh tranh về giá cước của doanh nghiệp viễn thông.  2. Bảo đảm hài hoà quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông; lợi ích của Nhà nước; phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ, phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  3. Nhà nước bảo đảm thực hiện hoạt động viễn thông công ích, giá dịch vụ viễn thông công ích do Nhà nước quy định quy định pháp luật về giá và pháp luật liên quan”.  Điều 61. Căn cứ, phương pháp xác định giá cước viễn thông  1. Giá cước viễn thông xác định trên cơ sở yếu tố hình thành giá dịch vụ cước viễn thông tại thời điểm định giá. Giá thị trường trong nước, quan hệ cung - cầu trên thị trường và tương quan phù hợp với giá cước viễn thông của các nước trong khu vực và trên thế giới.  2. Không bù chéo giữa các dịch vụ viễn thông.  3. Phương pháp xác định giá cước viễn thông thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.  4. Xem xét điều chỉnh giá dịch vụ cước viễn thông khi yếu tố hình thành giá dịch vụ cước viễn thông thay đổi.” | Tiếp thu có chỉnh sửa |
|  | - Tại Điều 62:  + Đề nghị sửa tiêu đề thành “Thẩm quyền, trách nhiệm quản lý giá cước viễn thông”.  + Điểm b khoản 1: Đề nghị theo Phương án 1 và sửa lại như sau “Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định giá cước viễn thông, kê khai giá cước viễn thông”.  + Điểm d khoản 1: Đề nghị sửa thành “d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định cước viễn thông phục vụ hoạt động viễn thông công ích theo quy định pháp luật về giá”. Lý do: theo Luật giá không quy định việc miễn, giảm giá.  + Điểm e khoản 1: Đề nghị sửa thành “e) Ban hành và hướng dẫn phương pháp xác định giá cước viễn thông”.  + Điểm c khoản 2 về trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông: Đề nghị sửa thành “c) Thực hiện phương pháp xác định giá cước viễn thông theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và kê khai giá cước viễn thông với Bộ Thông tin và Truyền thông). | - Điểm b khoản 1: Tiếp thu 1 phần và sửa như sau  “Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định giá thành dịch vụ viễn thông, phương pháp xác định giá cước viễn thông”. Quy định về kê khai giá cước sẽ quy định tại văn bản dưới Luật và theo hướng dẫn tại Luật Giá.  - Điểm d khoản 1: Tiếp thu bỏ quy định tại khoản này và chỉnh sửa bổ sung tại Khoản 2 Điều 37.  - Điểm e khoản 1: Đã sửa đổi bổ sung tại Điểm a Khoản này  - Điểm c khoản 2: Tiếp thu có chỉnh sửa |
|  | - Đề nghị làm rõ mối quan hệ giữa giá cước dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ quy định tại Điều 20 và các loại giá cước quy định tại Điều 59 để thống nhất cách hiểu và thuật ngữ sử dụng. | Tiếp thu |
|  | - Ngoài ra, hiện dự thảo Luật giá sửa đổi đang hoàn thiện để trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp tháng 5/2023, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát nội dung dự thảo Luật giá sửa đổi để hoàn thiện các nội dung về giá dự thảo Luật. | Tiếp thu |
|  | - Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung dự thảo Luật thể hiện là Luật thay thế Luật Viễn thông năm 2009. Tuy nhiên, trong các văn bản (Tờ trình, dự thảo Luật…) đang thể hiện là Luật sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009. Do đó, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát lại. | Tiếp thu |
|  | - Nội dung quy định tại khoản 1, Điều 13 “Hình thức kinh doanh viễn thông” là việc diễn giải các khái niệm liên quan đến kinh doanh viễn thông. Do đó, đề nghị đưa các quy định tại khoản này lên Điều 3 “Giải thích từ ngữ”. | Bảo lưu. Nội dung quy định về kinh doanh viễn thông, không phải giải thích từ ngữ. |
|  | - Đề nghị bổ sung các nội dung quy định để làm rõ nội dung chính sách của Nhà nước về viễn thông “phân định rõ hoạt động viễn thông công ích và kinh doanh viễn thông” quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật. | Bảo lưu  Điều 4 dự thảo Luật quy định Chính sách của Nhà nước về viễn thông, đưa ra các chính sách chung để phát triển lĩnh vực viễn thông. Hoạt động viễn thông công ích và kinh doanh viễn thông đã được phân định rõ ràng, quy định cụ thể tại các nội dung về viễn thông công ích (Chương III), kinh doanh viễn thông (Chương II) |
|  | - Tại khoản 1 Điều 51 quy định “Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là việc sử dụng chung một phần mạng, công trình, thiết bị viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm bảo đảm thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng hoặc bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị”. Theo quy định này, việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông chỉ giới hạn giữa các doanh nghiệp viễn thông. Trên thực tế đã có hoạt động sử dụng chung hạ tầng viễn thông giữa doanh nghiệp và các đơn vị ngành an ninh, quốc phòng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định việc chia sẻ hạ tầng giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, nhất là với cơ quan, đơn vị quốc phòng, an ninh, cơ chế miễn, giảm giá thuê dịch vụ sử dụng chung hạ tầng (nếu có) để xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh. | Khoản 2 Điều 68 đã quy định “Chính phủ quy định chi tiết việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.”, cụ thể hiện Chính phủ đã ban hành Nghị định 72/2012/NĐ-CP về sử dụng chung, trên cơ sở đó Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 210/TTLT-BTC-BXD-BTTTT về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuậtt  Việc các DN, tổ chức khác có nhu cầu thuê lại hạ tầng viễn thông thụ động (công trình xây dựng) có thể được thực hiện thông qua hợp đồng, thoả thuận theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp có nhu cầu thuê lại hạ tầng tích cực thì sẽ thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông. |
|  | Điều 63: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  “Điều 63. Lập hoá đơn và thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông  3. Hoá đơn thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông *phải đảm bảo theo quy định pháp luật về hóa đơn và* phải thể hiện đầy đủ, chính xác, rõ ràng các nội dung sau đây:  a) Giá cước và số tiền phải thanh toán đối với từng loại dịch vụ viễn thông;  b) Tổng số tiền phải thanh toán;  c) Thuế giá trị gia tăng.” | Tiếp thu có chỉnh sửa |
| ***67*** | ***Bộ Khoa học & Công nghệ*** |  |
|  | -Về hồ sơ dự án Luật đăng tải tại đường link <https://vnta.gov.vn/quanlyvienthong/trang/tinchitiet.aspx?tinTucID=24189> còn thiếu Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông năm 2009 theoquy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vì vậy đề nghị xem xét bổ sung. | Báo cáo tổng kết thi hành Luật VT 2009 đã được đăng website khi lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị sửa đổi luật. Bộ bổ sung khi gửi hồ sơ dự án luật thẩm định Bộ Tư pháp. |
|  | -Về Tờ trình: trong Tờ trình có nêu hiện có vấn đề chưa đồng bộ giữa Luật Cạnh tranh và Luật Viễn thông, nhưng không có nội dung đề xuất giải pháp khắc phục, đề nghị xem xét cân nhắc bổ sung. | Tiếp thu |
|  | -Về dự thảo Luật:  + Đề nghị tiếp tục làm rõ nội dung của Chương X (Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây) của dự thảo Luật với nội dung “Trung tâm tính toán hiệu năng cao” tại Dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số hiện đang được Quý Bộ đồng thời xây dựng. Đồng thời, công nghệ điện toán đám mây là một trong số các công nghệ số được đề cập ở Dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số, vì vậy đề nghị cân nhắc phân định rõ phạm vi để tránh trùng lặp. | Quy định rõ phạm vi |
|  | + Đề nghị cân nhắc nghiên cứu bổ sung các quy định liên quan đến đến việc cung cấp các dịch vụ xuyên biên giới, các dịch vụ ứng dụng OTT trên hạ tầng mạng viễn thông. | Tiếp thu. Dự thảo đã bổ sung một số quy định quản lý các dịch vụ OTT viễn thông |
|  | - Đối với giải thích từ ngữ tại khoản 3 Điều 3 “Thiết bị Internet vạn vật là các thiết bị cảm biến có khả năng ...”, đề nghị xem xét nghiên cứu thêm để đảm bảo tính bao quát, đầy đủ, ví dụ một số nghiên cứu cho rằng thiết bị Internet vạn vật ngoài cảm biến có thể là các thiết bị vật lý có khả năng kết nối với mạng internet và các thiết bị kết nối khác, thu thập, truyền tải và xử lý dữ liệunhư thiết bị gia dụng thông minh (tủ lạnh thông minh, điều hòa thông minh), thiết bị ngoại vi thông minh (Loa thông minh, máy in thông minh),... | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | - Do tính đa dạng của “thiết bị internet vạn vật” như đã có ý kiến tại khoản 3 Điều 3, đề nghị cân nhắc nghiên cứu làm rõ thêm khoản 4 Điều 3. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | -Tương tự như các ý kiến đóng góp ở trên, do tính đa dạng và quy mô ngày càng lớn của các thiết bị intenet vạn vật, khoản 7 Điều 7 cần nghiên cứu làm rõ hơn trường hợp nào thì dịch vụ truyền dẫn giữa các thiết bị internet vạn vật là dịch vụ viễn thông. | Đã điều chỉnh nội dung |
| ***68*** | ***Liên minh Phần mềm (BSA)*** |  |
|  | Tại Chương X, DC và Cloud yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải đăng ký với Bộ TT&TT và thực hiện thủ tục cấp phép. Điều này không phù hợp với hầu hết các khung pháp lý và không phù hợp với mục đích của Dự Thảo Luật, đó là để quy định cụ thể các nghĩa vụ pháp lý đối với các dịch vụ viễn thông.  Chính phủ của các quốc gia khác đều không có xu hướng mở rộng phạm vi của dịch vụ viễn thông để bao gồm cả dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây. Thay vào đó, hầu hết các khu vực tài phán có sự phân biệt rõ ràng giữa các chủ thể thiết lập mạng viễn thông; các chủ thể cung cấp dịch vụ trung gian liên lạc, kết nối hoặc truy cập Internet/di động thông qua mạng viễn thông; và các chủ thể cung cấp nội dung và phương tiện trên các mạng và dịch vụ viễn thông. Các chủ thể cung cấp nội dung và phương tiện trên các mạng và dịch vụ viễn thông không phải tuân thủ các điều kiện hoặc thủ tục cấp phép trong lĩnh vực viễn thông và thường không được coi là nhà cung cấp dịch vụ tương tự dịch vụ viễn thông.  Để đảm bảo trọng tâm điều chỉnh của Luật Viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông và để đảm bảo sự phù hợp của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế, Dự Thảo Luật không nên mở rộng phạm vi để điều chỉnh Dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây. Do đó, BSA kiến nghị cơ quan soạn thảo loại bỏ toàn bộ Chương X về “Kinh Doanh Dịch Vụ Trung Tâm Dữ Liệu Và Dịch Vụ Điện Toán Đám Mây” và không áp đặt yêu cầu cấp phép hoặc đăng ký nào đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây. Bên cạnh đó, BSA cũng kiến nghị cơ quan soạn thảo loại bỏ quy định dẫn chiếu đến dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây tại Điều 1 và Điều 2. | Bảo lưu. Dự thảo Luật không mở rộng phạm vi của dịch vụ viễn thông; các dịch vụ Dc, Cloud không thuộc dịch vụ viễn thông. Phạm vi của Luật sửa đổi đã nêu rõ nội dung này |
|  | Khoản 1 Điều 75 yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây phải có trách nhiệm “lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật có liên quan.” Như đã trình bày trong Bản góp ý trước đây gửi Bộ Công an về Nghị Định 53,14 yêu cầu lưu trữ dữ liệu sẽ có tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam vì yêu cầu này không cho phép các doanh nghiệp trong nước và các tổ chức khác hưởng đầy đủ lợi ích từ công nghệ và dịch vụ tiên tiến có sẵn trên thị trường toàn cầu, và ngăn chặn các doanh nghiệp nắm bắt và tận dụng nền kinh tế số. Ví dụ, yêu cầu về lưu trữ dữ liệu có thể hạn chế doanh nghiệp trong nước, bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và các tổ chức lớn hơn như bệnh viện, ngân hàng đối với việc sử dụng các giải pháp công nghệ thông tin và điện toán đám mây cung cấp bởi các chủ thể ở ngoài Việt Nam. Bảo lưu quan điểm. Đã sửa lại diễn đạt để làm rõ trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ: “Tuân thủ quy định của pháp luật về lưu trữ thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân” Các dịch vụ như vậy thường cung cấp khả năng bảo mật tốt nhất với quy mô kinh tế; việc ngăn cản các doanh nghiệp trong nước sử dụng các dịch vụ như vậy có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của họ, đặc biệt là ở thị trường quốc tế và khiến họ đối diện với những rủi ro bảo mật dữ liệu lớn hơn. Mặc dù BSA ủng hộ các nỗ lực trong việc đảm bảo dữ liệu được bảo vệ tương xứng với rủi ro mà sự xâm phạm đối với dữ liệu đó có thể gây ra, việc yêu cầu lưu trữ dữ liệu không làm tăng cường khả năng bảo vệ đối với dữ liệu mà thậm chí ngược lại còn có thể làm tăng rủi ro dữ liệu đó bị xâm phạm.  Ngoài ra, yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam “theo quy định của pháp luật có liên quan” tại Khoản 1 Điều 75 tạo ra sự không rõ ràng về mặt pháp lý cho doanh nghiệp vì một số luật và dự thảo liên quan quy định về yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam ở các mức độ khác nhau và thậm chí trái ngược nhau. Ví dụ: Luật An Ninh Mạng, Dự Thảo Nghị Định Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân, Nghị Định 72 Và Nghị Định 53, mỗi văn bản lại đặt ra các yêu cầu khác nhau về địa phương hóa dữ liệu. Không rõ Khoản 1 Điều 75 nên được giải thích như thế nào bởi các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam khác nhau.  Yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam cũng tạo ra những lo ngại liên quan đến các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định quốc tế và đặt ra những thách thức đối với nỗ lực của Việt Nam trong việc ứng dụng chuyển đổi số vì lợi ích của nền kinh tế và người dân. Ví dụ, yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam không tương thích với các cam kết của Việt Nam theo Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện Và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Hơn nữa, việc loại bỏ yêu cầu về lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam sẽ tăng khả năng Việt Nam được tham gia và hưởng lợi từ các chương trình thương mại trong khu vực, chẳng hạn như Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF).  Vì vậy, BSA kiến nghị cơ quan soạn thảo loại bỏ điều kiện về lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong Dự Thảo Luật và kiến nghị cụ thể rằng trong trường hợp cơ quan soạn thảo quyết định giữ lại các quy định khác của Chương X, cơ quan soạn thảo nên loại bỏ Khoản 1 Điều 75. | Bảo lưu quan điểm. Đã sửa lại diễn đạt để làm rõ trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ: “Tuân thủ quy định của pháp luật về lưu trữ thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân” |
|  | Về tuân Thủ Với Các Tiêu Chuẩn:  Trong trường hợp Bộ TT&TT quyết định giữ lại các quy định trong Chương X, chúng tôi lưu ý rằng Điểm a Khoản 1 Điều 7 yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải “tuân thủ các tiêu chuẩn, [và] quy chuẩn kỹ thuật trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành, [và] khai thác trung tâm dữ liệu cũng như tuân thủ với các tiêu chuẩn, [và] quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu của người dùng dịch vụ và đồng thời, thống nhất với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.”  Để đảm bảo rằng Việt Nam tiếp tục được tiếp cận với công nghệ tiên tiến và đổi mới trên toàn thế giới, Việt Nam không nên xây dựng tiêu chuẩn riêng biệt mà thay vào đó, nên áp dụng các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận rộng rãi. | Bảo lưu.theo pháp luật hiện hành (Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) quy định nguyên tắc xây dựng, ban hành TC, QC là phải phù hợp với khoa học, kỹ thuật và sửa dụng tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm cơ sở để xây dựng TCQC kỹ thuật trong nước. Do đó, TCQC của Việt Nam về DC, Cloud cũng sẽ phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế đã được công nghận rộng rãi. |
|  | Trong trường hợp Bộ TT&TT quyết định giữ lại các quy định trong Chương X, chúng tôi lưu ý rằng có những yêu cầu trong Chương X chồng chéo với các quy định pháp luật hiện hành cũng như quy định trong các dự thảo. Các Điều 73 và 74 quy định về yêu cầu đăng ký và tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật đã được quy định trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị Định số 72/2013/NĐ-CP. | Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã quy định kinh doanh Trung tâm dữ liệu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện; ở dự luật và nghị định sẽ quy định cụ thể điều kiện kinh doanh và hình thức cấp phép. |
|  | Trong Dự Thảo Luật, các điều kiện để bảo vệ thông tin người dùng tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 75 đã được quy định trong Luật An ninh mạng, Nghị Định số 53/2022/NĐ-CP và dự thảo Nghị Định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng. Hơn nữa, trách nhiệm yêu cầu xóa bỏ, trả lại hoặc chuyển dữ liệu khi kết thúc thỏa thuận dịch vụ phải thuộc về người dùng dịch vụ để đảm bảo rằng họ là người hướng dẫn việc xóa nội dung của họ và nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ chỉ bao gồm việc tuân thủ hướng dẫn của người sử dụng dịch vụ. | Bảo lưu. Luật ATTT, An ninh mạng, NĐ 53/2022/NĐ-CP mới chỉ quy định chung trách nhiệm bảo đảm ATTT, ANM, bảo vệ thông tin người dùng đối với “Hệ thống thông tin” mà chưa có quy định cụ thể DC, Cloud là “Hệ thống thông tin”, do đó dự Luật cụ thể hóa trách nhiệm của nhà cung cấp DC, Cloud phải tuân thủ quy định về ATTT, bảo vệ dữ liệu người dùng |
|  | Điểm d Khoản 1 Điều 74 quy định rõ doanh nghiệp phải “không được thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, hành vi chèn ép, [hoặc] cản trở hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp khác” và quy định này được hướng dẫn cụ thể hơn trong Luật Cạnh Tranh. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Khoản 2 Điều 76 quy định về xâm phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật đã được quy định trong Nghị Định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng. Hơn nữa, cả Khoản 1 và Khoản 2 Điều 76 đều không ghi nhận một cách rõ ràng sự khác biệt giữa các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây (những bên có khả năng tiếp cận rất hạn chế đối với dữ liệu và nội dung của khách hàng doanh nghiệp) và khách hàng doanh nghiệp - chủ thể nên phải thực hiện các quy định liên quan đến việc phát hiện, thông báo và gỡ bỏ nội dung. Cụ thể, Khoản 1 Điều 76 yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây “phải thông báo ngay cho Bộ Thông Tin Và Truyền Thông khi phát hiện các hoạt động lợi dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, [hoặc] dịch vụ điện toán đám mây để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.” Nhiều nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây sẽ không thể thực hiện được nghĩa vụ giám sát hoặc phát hiện dữ liệu và nội dung của khách hàng doanh nghiệp của họ vì lý do kỹ thuật, hợp đồng và pháp lý.  Vì vây, nếu Bộ TT&TT quyết định giữ nguyên nội dung quy định tại Chương X, BSA kiến nghị cơ quan soạn thảo nên loại bỏ các Điều 73, 74, các Khoản 2, 3, 4 Điều 75 và Điều 76 trong Dự Thảo Luật để tránh sự chồng chéo với các quy định khác. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Phạm Vi Điều Chỉnh Của Chương X  Hầu hết các khái niệm của Chương X đều có liên quan đến dịch vụ cơ sở hạ tầng (xem Điều 71), ngoại trừ Điểm b và c Khoản 2 Điều 72 xác định cụ thể Nền Tảng Là Dịch vụ và Phần Mềm Là Dịch Vụ (SaaS).  Do đó, nếu MIC quyết định giữ lại các nội dung quy định của Chương X, BSA kiến nghị xóa bỏ Điểm b và c Khoản 2 Điều 72 để các chủ thể được xác định trong Chương X phù hợp hơn với các nghĩa vụ quy định tại Chương X. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Dịch Vụ Liên Lạc Không Sử Dụng Kho Số Viễn Thông  Chúng tôi đồng ý với việc loại trừ quy định trong Khoản 8 Điều 3 về “các dịch vụ trong đó các tính năng điện thoại [và/hoặc] và nhắn tin chỉ là các đặc tính phụ thuộc [và/hoặc] thứ yếu của một dịch vụ khác”. Đây là một sự khác biệt quan trọng và sẽ thúc đẩy sự đổi mới và cũng phù hợp với pháp luật ở nhiều thị trường khác.  Tuy nhiên, Khoản 8 Điều 3 chưa quy định rõ rằng liệu “Dịch vụ liên lạc không sử dụng kho số viễn thông” đang đề cập đến dịch vụ điện thoại và/hoặc nhắn tin độc lập, hay bao gồm cả Phần Mềm Như Một Dịch Vụ (SaaS) có cung cấp tính năng điện thoại/nhắn tin như là một phần mở rộng của dịch vụ. Theo quy định tại Điều 36, có vẻ như mục đích của chính sách là bao gồm cả dịch vụ SaaS, cụ thể, để điều chỉnh các dịch vụ OTT được thiết kế đặc biệt để cung cấp các dịch vụ liên lạc bằng văn bản và âm thanh. Để giới hạn quy định này một cách rõ ràng chỉ áp dụng đối với với các dịch vụ OTT độc lập và cũng như để tránh việc bao gồm các dịch vụ có tính năng như vậy nhưng tính năng đó chỉ đóng vai trò phụ trợ cho dịch vụ được cung cấp, BSA đề xuất sửa đổi Khoản 8 Điều 3 bằng cách bổ sung phần nội dung được gạch chân ở dưới đây: “Dịch vụ liên lạc không sử dụng kho số viễn thông là dịch vụ gọi thoại, nhắn tin độc lập trên Internet không kết nối với thuê bao viễn thông thuộc kho số viễn thông”. | Tiếp thu một phần. Các dịch vụ trên Internet có tính năng chính là gửi truyền, nhận xử lý thông tin giữa 2 hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh. |
|  | Phạm Vi Áp Dụng Theo Lãnh Thổ Của Dự Thảo Luật  Điều 2 quy định Dự Thảo Luật áp dụng đối với “tổ chức nước ngoài […] trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông và hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây tại Việt Nam.” Trên cơ sở phù hợp với các thông lệ trên thế giới và để duy trì môi trường pháp lý thuận lợi nhằm thu hút đầu tư quốc tế cũng như các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật số, BSA kiến nghị rằng phạm vi áp dụng theo lãnh thổ của Dự Thảo Luật nên được giới hạn đối với các pháp nhân được thành lập hoặc công nhận theo pháp luật Việt Nam. Hơn nữa, như đã giải thích ở các phần khác, chúng tôi kiến nghị cơ quan soạn thảo nên loại bỏ khỏi phạm vi của Điều 2 “hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây”. Chúng tôi kiến nghị sửa lại Điều 2 như sau:  Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông tại Việt Nam. | Bảo lưu |
|  | Đảm Bảo An Toàn  Khoản 1 Điều 5 yêu cầu mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời các hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông nhưng không nêu rõ những kỳ vọng đối với thông báo và các yếu tố cấu thành một vấn đề có thể được thông báo. Nếu Bộ TT&TT có ý định quy định cụ thể về định lượng đối với kỳ vọng nêu trên, BSA kiến nghị cơ quan soạn thảo nên quy định yêu cầu thông báo dựa trên rủi ro tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của sự cố. | Dự thảo đã quy định bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế |
|  | Khoản 4 Điều 5 yêu cầu “Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đáp ứng yêu cầu của các cơ quan này về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông.” Với việc quy định bao gồm tất cả các hoạt động viễn thông, phạm vi của Khoản 4 Điều 5 là quá rộng và sẽ áp đặt các nghĩa vụ vô lý đối với các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ không có mối liên hệ nào với các cơ sở hoạt động hoặc cung cấp các dịch vụ không phải là trọng tâm của luật này. BSA kiến nghị sửa đổi Khoản 4 Điều 5 để chỉ tập trung vào “Doanh Nghiệp Viễn Thông” cung cấp “Dịch Vụ Viễn thông”. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Đảm Bảo Bí Mật Thông Tin  Khoản 1 Điều 6 yêu cầu tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông “có trách nhiệm bảo vệ bí mật Nhà Nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà Nước” Phạm vi của bên chịu trách nhiệm là quá rộng. Doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát trực tiếp nội dung phải có trách nhiệm đảm bảo các công cụ và dịch vụ phù hợp do doanh nghiệp viễn thông và các bên khác cung cấp được sử dụng để bảo vệ bí mật Nhà Nước. Các doanh nghiệp viễn thông và các bên khác có thể không có khả năng biết hoặc phát hiện liệu thông tin được truyền hoặc lưu trữ bằng dịch vụ của họ có thuộc bí mật Nhà Nước hay không. BSA kiến nghị sửa đổi Khoản 1 Điều 6 để làm rõ rằng chủ sở hữu thông tin có trách nhiệm bảo vệ bí mật Nhà Nước. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 4 Điều 6 nghiêm cấm việc tiết lộ một số thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ viễn thông, trừ những trường hợp đã được liệt kê. Một số thông tin được liệt kê phải được tiết lộ cho các nhà cung cấp khác để cung cấp dịch vụ. BSA kiến nghị bổ sung thêm một ngoại lệ khác “vì mục đích cung cấp dịch vụ” hoặc bằng cách quy định làm rõ rằng người dùng đã hoàn toàn đồng ý với việc tiết lộ đó khi họ đăng ký và sử dụng dịch vụ. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Quyền Và Nghĩa Vụ Của Doanh Nghiệp Viễn Thông  Điểm a Khoản 1.2 Điều 14 yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng phải đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch Vụ Viễn Thông Công Ích Việt Nam. Điều này có thể ngăn cản các công ty nhỏ hơn cung cấp dịch vụ tại Việt Nam, bên cạnh đó, còn có thể trở nên phức tạp và khó quản lý (đặc biệt đối với các dịch vụ được cung cấp miễn phí) và có thể làm tăng chi phí cho phạm vi mở rộng của các dịch vụ viễn thông được cung cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam. BSA kiến nghị xóa bỏ Điểm a Khoản 1.2 Điều 14 hoặc sửa đổi quy định này theo hướng chỉ những chủ thể đủ điều kiện nhận trợ cấp cung cấp dịch vụ viễn thông mới phải đóng góp tài chính. | Bảo lưu, đảm bảo bình đẳng quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả các DNVT trong việc thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và đóng góp tài chính vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam |
|  | Đầu Tư Trong Kinh Doanh Dịch Vụ Viễn Thông  BSA kiến nghị sửa đổi Điều 18 để làm rõ rằng các công ty không được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đủ điều kiện đăng ký để cung cấp dịch vụ viễn thông tại Việt Nam. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
| ***69*** | ***Liên minh Dữ liệu toàn cầu (GDA)*** |  |
|  | LMDLTC lo ngại rằng Khoản 1 Điều 75 yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây phải chịu trách nhiệm “lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật có liên quan.”  Như đã lưu ý trong các lần đóng góp ý kiến trước đây của chúng tôi, các yêu cầu về lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam sẽ có tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam vì những yêu cầu đó không cho phép các doanh nghiệp trong nước và các tổ chức khác hưởng lợi đầy đủ từ công nghệ và dịch vụ tiên tiến có sẵn trên thị trường toàn cầu. Chẳng hạn, yêu cầu lưu trữ dữ liệu có thể hạn chế các doanh nghiệp trong nước, cả doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các tổ chức lớn hơn như bệnh viện và ngân hàng, sử dụng các giải pháp công nghệ thông tin và điện toán đám mây hàng đầu thế giới từ các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ của họ từ bên ngoài Việt Nam.13 Các dịch vụ như vậy thường cung cấp khả năng bảo mật tốt nhất; việc cấm các doanh nghiệp trong nước sử dụng các dịch vụ như vậy có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp đó, đặc biệt là ở thị trường quốc tế và khiến các doanh nghiệp đối diện với rủi ro bảo mật dữ liệu lớn hơn. Mặc dù LMDLTC ủng hộ các nỗ lực nhằm đảm bảo dữ liệu được bảo vệ tương xứng với rủi ro mà sự xâm phạm đối với dữ liệu đó có thể gây ra, việc yêu cầu lưu trữ dữ liệu không làm tăng cường khả năng bảo vệ đối với dữ liệu mà thậm chí ngược lại còn có thể làm tăng rủi ro dữ liệu đó bị xâm phạm.  Ngoài ra, yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam “theo quy định của pháp luật có liên quan” tại Khoản 1 Điều 75 tạo ra sự không rõ ràng về mặt pháp lý cho doanh nghiệp vì một số luật và dự thảo liên quan quy định về yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam ở các mức độ khác nhau và thậm chí trái ngược nhau. Ví dụ: Luật An Ninh Mạng, Dự Thảo Nghị Định Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân, Nghị Định 72 Và Nghị Định 53, mỗi văn bản lại đặt ra các yêu cầu khác nhau về lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam. Không rõ Khoản 1 Điều 75 nên được giải thích thế nào bởi các doanh nghiệp sẽ phải thực hiện nhiều nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam khác nhau.  Yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam cũng gây ra lo ngại liên quan đến các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định quốc tế và đặt ra những thách thức đối với nỗ lực của Việt Nam trong việc ứng dụng chuyển đổi số vì lợi ích của nền kinh tế và người dân. Ví dụ, yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam như vậy dường như không tương thích với các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam theo Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện Và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Việc loại bỏ các yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam sẽ tăng khả năng của Việt Nam trong việc tham gia và hưởng lợi từ các chương trình thương mại trong khu vực, chẳng hạn như Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF).  Tóm lại, LMDLTC kiến nghị loại bỏ các yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong Dự Thảo Luật. Chúng tôi đặc biệt kiến nghị xóa bỏ Khoản 1 Điều 75 khỏi Dự Thảo Luật. | Bảo lưu. Dự thảo Luật không mở rộng phạm vi của dịch vụ viễn thông; các dịch vụ Dc, Cloud không thuộc dịch vụ viễn thông. Phạm vi của Luật sửa đổi đã nêu rõ nội dung này |
| ***70*** | ***Amcharm*** |  |
|  | Khuyến nghị nên loại bỏ các dịch vụ OTT, cloud và DC ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông | Bảo lưu. Việc quản lý dịch vụ OTT viễn thông là cần thiết để bảo vệ quyền lợi người sử dụng và bảo đảm an toàn, an ninh. Một số quốc gia như Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc đã xếp các dịch vụ OTT viễn thông là một loại hình dịch vụ viễn thông và thực hiện quản lý trong pháp luật về viễn thông. |
|  | Dự thảo Luật đặt ra yêu cầu nội địa hóa dữ liệu đối với các nhà cung cấp dịch vụ DC và dịch vụ cloud, mặc dù các nhà cung cấp này không cung cấp dịch vụ viễn thông. Khuyến nghị nên bỏ các yêu cầu nội địa hóa dữ liệu đối với các nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Một đặc điểm cơ bản của dịch vụ dữ liệu và điện toán đám mây là các nhà cung cấp dịch vụ đó không truy cập hoặc sử dụng dữ liệu của khách hàng ngoài những gì cần thiết để duy trì hoặc cung cấp dịch vụ. Điều này giúp khách hàng tin tưởng rằng dữ liệu của họ vẫn đảm bảo sự riêng tư, an toàn và được bảo vệ, không bị tiết lộ, xóa, sửa đổi hoặc bị theo dõi trái phép. Các nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud không kiểm soát nội dung nào được tải lên, cách thức công bố nội dung và nội dung được cung cấp cho ai. Khách hàng mới chính là chủ thể thực hiện các quyết định này. Về vấn đề này, các nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud không thể tuân thủ các yêu cầu buộc họ phải chủ động theo dõi hoặc sửa đổi dữ liệu của khách hàng. Khuyến nghị nên bỏ mọi yêu cầu thực hiện chủ động theo dõi và sửa đổi dữ liệu của khách hàng đối với các nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Chương 1 Điều 2: Luật này chỉ nên áp dụng với các pháp nhân được thành lập và công nhận theo pháp luật Việt Nam. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 1 Điều 2, 3: Khuyến nghị bỏ phần dịch vụ truyền thông OTT ở trong dự thảo luật. Nếu dịch vụ OTT vẫn cần được thêm vào, dự thảo luật cần quy định rõ ràng về “các đặc tính phụ thuộc, thứ yếu của một dịch vụ khác” nghĩa là gì và cung cấp mô tả về những dịch vụ truyền thông OTT nào sẽ thuộc định nghĩa này. | Bảo lưu. Việc quản lý dịch vụ OTT viễn thông là cần thiết để bảo vệ quyền lợi người sử dụng và bảo đảm an toàn, an ninh. Một số quốc gia như Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc đã xếp các dịch vụ OTT viễn thông là một loại hình dịch vụ viễn thông và thực hiện quản lý trong pháp luật về viễn thông. |
|  | Chương 1 Khoản 8 Điều 3: Khuyến nghị sửa lại:  “Dịch vụ liên lạc không sử dụng lưu trữ viễn thông, nghĩa là dịch vụ gọi thoại và/hoặc nhắn tin *độc lập trên Internet* không kết nối với thuê bao viễn thông được ấn định kho số viễn thông. Dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông không bao gồm các dịch vụ mà tính năng thực hiện cuộc gọi thoại, nhắn tin chỉ là các đặc tính phụ thuộc, thứ yếu của một dịch vụ khác”. | Xem xét tiếp thu |
|  | Chương 1 Khoản 22 Điều 3, Khoản 23 Điều 3: Chưa rõ các thành phần cấu thành “số viễn thông”, liệu đó có phải là số điện thoại bao gồm các địa chỉ IP cho VoIP hay không? Điều 23 định nghĩa về tài nguyên Internet gợi ý rằng tên miền và địa chỉ IP phải được xử lý riêng. Định nghĩa nên được thể hiện rõ ràng hơn. | Đã điều chỉnh nội dung |
|  | Chương 1 Khoản 32 Điều 3: phạm vi quá rộng, loại bỏ các nhà cung cấp dịch vụ phi viễn thông khỏi phạm vi điều chỉnh của dự thảo luật. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 1 Khoản 1 Điều 5: Các nội dung cần báo cáo hiện vẫn chưa rõ là gì và điều gì được coi là vấn đề phải báo cáo đối với các cá nhân chịu trách nhiệm báo cáo kịp thời các hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông và các hành vi vi phạm. Khuyến nghị nên bao gồm từ ngữ hướng dẫn đối với yêu cầu báo cáo dựa trên các rủi ro tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của sự cố nếu điều này nhằm mục đích định lượng thêm trong quy định cụ thể, bao gồm khung thời gian báo cáo ở các mức độ ưu tiên khác nhau. | Dự thảo đã quy định bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế |
|  | Chương 1 Khoản 4 Điều 5: Phạm vi điều chỉnh của Khoản 4 về “chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra và thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” là quá rộng, bao trùm toàn bộ hoạt động viễn thông và quá chung đối với nội dung chịu sự thanh tra, kiểm tra… Cần thu hẹp lại để chỉ tập trung vào Doanh nghiệp viễn thông cung cấp “dịch vụ viễn thông”. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 1 Điều 6: Phạm vi tham gia vào các hoạt động viễn thông là quá rộng. Chủ sở hữu thông tin phải có trách nhiệm đảm bảo các công cụ và dịch vụ do các doanh nghiệp viễn thông và các bên khác cung cấp là phù hợp để bảo vệ bí mật nhà nước. Các doanh nghiệp viễn thông và các bên khác không có khả năng biết hoặc phát hiện thông tin nào được lưu truyền hoặc lưu trữ bằng dịch vụ họ cung cấp có chứa bí mật nhà nước. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 1 Khoản 4 Điều 6: Điều khoản này đặt ra các yêu cầu không khả thi đối với các dịch vụ truyền thông OTT và không tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận về quyền riêng tư, bảo mật và can thiệp hợp pháp => Loại bỏ yêu cầu này trong dự thảo luật vì dịch vụ truyền thông OTT toàn cầu có thể trái với các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận về quyền riêng tư, bảo mật và can thiệp hợp pháp. | Bảo lưu. Khoản 4 Điều 6 quy định về trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin của người dùng trên nguyên tắc doanh nghiệp không được cung cấp cho bên thứ ba trừ khi được người sử dụng đồng ý. Đây là nguyên tắc được áp dụng rộng rãi trên thế giới. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể cung cấp thông tin về người sử dụng dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu mà không bị coi là vi phạm quy định về bảo đảm bí mật thông tin. Cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, các trường hợp nào được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ thực hiện theo các quy định của pháp luật khác có liên quan. |
|  | Chương 4 Điểm a Khoản 2 Điều 36: Các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông OTT không sở hữu hoặc kiểm soát các mạng mà dịch vụ của họ được phổ biến và cũng không kiểm soát được người dùng lựa chọn mạng nào. Do đó, các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến không thể đưa ra bất kỳ đảm bảo nào, hoặc khắc phục các vấn đề liên quan đến chất lượng dịch vụ được cung cấp. Các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách nên cân nhắc điều này khi xem xét mở rộng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ đối với các nhà cung cấp dịch vụ OTT. => Loại bỏ khỏi dự thảo luật. | Bảo lưu. Doanh nghiệp OTT nếu có công bố tiêu chuẩn chất lượng của dịch vụ do mình cung cấp thì phải có trách nhiệm bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn đã công bố. |
|  | Chương 4 Điểm c Khoản 2 Điều 36: Điều khoản này áp đặt các yêu cầu đối với Dịch vụ truyền thông OTT để loại bỏ tin nhắn rác và/ hoặc cuộc gọi rác.  Các yêu cầu để ngăn chặn thư rác phải thực tế, phù hợp và có tính khả thi, đồng thời cần cân nhắc đến bản chất của dịch vụ nhắn tin riêng biệt E2EE khi áp dụng điều khoản đó. => Loại bỏ khỏi dự thảo luật, và nếu không, cần làm rõ để sát với thực tế hơn, có thể dễ dàng áp dụng. | Tiếp thu một phần. Quy định cụ thể về loại bỏ tin nhắn rác, cuộc gọi rác sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn luật trên nguyên tắc bảo đảm khả thi, phù hợp. |
|  | Chương 4 Điểm d Khoản 2 Điều 36: Điều khoản này yêu cầu chia sẻ dữ liệu theo quy định nhưng lại thiếu sự rõ ràng. => Loại bỏ khỏi dự thảo luật | Bảo lưu. Trách nhiệm báo cáo các cơ quan nhà nước các thông tin là cần thiết để phục vụ công tác quản lý thị trường, dịch vụ. Các văn bản hướng dẫn luật sẽ quy định cụ thể các nội dung báo cáo trên nguyên tắc bảo đảm khả thi, phù hợp. |
|  | Chương 4 Khoản 3 Điều 36: Chưa rõ ràng về “ngưỡng” do Chính phủ quy định và các yêu cầu liên quan => Dự thảo Luật nên quy định các ngưỡng liên quan đến số lượng thuê bao, lưu lượng truy cập và các yêu cầu áp dụng đối với các nhà cung cấp để đáp ứng các ngưỡng này. | Bảo lưu. Dự thảo luật đã quy định mức ngưỡng được xác định theo số lượng người sử dụng hoặc lưu lượng phát sinh trên thị trường Việt Nam. Mức ngưỡng cụ thể do Chính phủ quy định. |
|  | Chương 4 Khoản 2 Điều 37: Điều khoản này quy định có thể trao quyền cho người dùng để từ chối các điều khoản và các điều kiện của nhà cung cấp trên cơ sở người dùng không cho phép truy cập thông tin, dữ liệu hoặc tính năng trên thiết bị đầu cuối của người dùng dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ cho những người dùng như vậy.  Quy định này đặt ra những yêu cầu bất khả thi đối với dịch vụ truyền thông OTT => Loại bỏ khỏi dự thảo luật. | Tiếp thu. Đã loại bỏ điều khoản này |
|  | Chương 10: Các ngành trong chương 10 không phải dịch vụ viễn thông => Loại bỏ khỏi dự thảo luật. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 10 Điều 71: Việc cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu giữa các nhóm nên được loại khỏi phạm vi điều chỉnh của dự thảo luật | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 10 Khoản 2 Điều 72: Bỏ điều khoản dịch vụ điện toán đám mây ra khỏi dự thảo Luật. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 10 điểm b, c Khoản 2 Điều 72: Các định nghĩa quá rộng => Loại bỏ khỏi dự thảo luật. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 10 Khoản 1 Điều 73: Phản tác dụng thúc đẩy sự phát triển của thị trường dịch vụ DC quốc gia và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các DN trong nước, tạo gánh nặng cho cơ quan quản lý đăng ký => Loại bỏ khỏi dự thảo | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Chương 10 Điểm a Khoản 1 Điều 74: Áp dụng các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận khi cần, chẳng hạn như ISO 27001 hoặc SOC2 thay vì tiêu chuẩn quốc gia | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điểm c Khoản 1 Điều 74: cụ thể hóa quy định tối thiểu, có thể tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp liên quan. | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điểm d Khoản 1 Điều 74: Đã được quy định cụ thể trong Luật Cạnh tranh => Loại bỏ khỏi dự thảo luật. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 1 Điều 75: Đã có quy định tương tự trong NĐ 53/2022/NĐ-CP => Loại bỏ khỏi dự thảo Luật | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 3 Điều 75: Có thể gây mâu thuẫn với các luật khác tại VN như Luật An ninh mạng về yêu cầu tiết lộ thông tin cho các cơ quan nhà nước. Cần xây dựng một quy định pháp lý có tính ràng buộc khác. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 4 Điều 75: Loại bỏ nghĩa vụ này đối với các nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud. Người dùng dịch vụ phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đảm bảo rằng họ lên kế hoạch/ đưa ra yêu cầu xóa bỏ các nội dung của mình. Nghĩa vụ đối với nhà cung cấp dịch vụ là tuân thủ các hướng dẫn cho người sử dụng. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 5 Điều 75: Các tiêu chuẩn nên dựa vào các tiêu chuẩn quốc tế về quyền riêng tư thay vì xây dựng các tiêu chuẩn riêng biệt. Nên tận dụng chương trình bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ được thực hiện bởi các kiểm toán viên độc lập. | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 76: Quy định trong Luật bản quyền và các quy định về quyền riêng tư khác => Loại bỏ khỏi dự thảo luật | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 1, 2 Điều 76: Các nhà cung cấp dịch vụ không có quyền truy cập vào dữ liệu khách hàng và khả năng hiển thị trên nội dung của họ. Thay vào đó, các nhà cung cấp dịch vụ phải có nghĩa vụ tuân thủ các lệnh ràng buộc của tòa án và các chỉ thị của cơ quan thi hành pháp luật để gỡ bỏ nội dung bất hợp pháp => Loại bỏ nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud khỏi điều khoản này. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản 1 Điều 77: Tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế | Đã điều chỉnh quy định |
| ***71*** | ***Eurocharm*** |  |
|  | Khoản 2, 3 Điều 29: chưa quy định rõ thỏa thuận thương mại. | Quy định trong VB dưới luật |
|  | Điều 2: Đề nghị không điều chỉnh đối tượng cá nhân, tổ chức nước ngoài | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Điều 3.8, 3.9: Đề nghị xem xét dịch vụ OTT như dịch vụ cung cấp nội dung trên Internet, không phân loại là dịch vụ viễn thông. | Bảo lưu. Hiện nay các quốc gia trên thế giới có quản lý dịch vụ OTT viễn thông đều xếp dịch vụ này là dịch vụ viễn thông (ví dụ Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc,…). Dự thảo luật được thiết kế theo hướng doanh nghiệp OTT được quản lý ở mức độ phù hợp, so với doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ viễn thông thì có thể được loại trừ một số trách nhiệm ví dụ đóng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích,… |
|  | Điều 3.32 và 3.33: Đề nghị bỏ định nghĩa cloud computing và đồng bộ khái niệm với Nghị định 72. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Khoản b và c Điều 72.2: Điều khoản quá rộng, có thể bao gồm cả dịch vụ không phải dịch vụ cloud, đề nghị bỏ điều khoản này. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Điều 73.1: Tạo gánh nặng hành chính cho các nhà cung cấp dịch vụ, đặc biệt nhà cung cấp dịch vụ không có VP đại diện ở Việt Nam, tạo gánh nặng hành chính cho cơ quan quản lý => Loại bỏ điều khoản này. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Điểm a Điều 74.1: Chưa quy định rõ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước hay quốc tế, khuyến nghị chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27001, ISO/IEC 22237 | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điểm c Điều 74.1: Chưa có quy định các nội dung trong thỏa thuận cung cấp dịch vụ. Đề nghị đưa một số nội dung tối thiểu cụ thể trong luật | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điểm d Điều 74.1: Trùng lặp với Luật Cạnh tranh. Đề nghị bỏ điều khoản này. | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 75.1: Không phải dịch vụ viễn thông, tương tự quy định trong Nghị định 53 thi hành Luật An ninh mạng => Đề nghị bỏ điều khoản này. | Bảo lưu theo mục tiêu quản lý |
|  | Điều 75.3: Đề nghị bổ sung trường hợp để phù hợp với Luật An ninh mạng: cung cấp thông tin của người sử dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong các trường hợp cần thiết mà không cần thông báo với người sử dụng. | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 75.4: Theo thỏa thuận dịch vụ của các công ty lớn, dữ liệu của người sử dụng sẽ bị xóa bỏ và ngăn chặn truy cập khi chấm dứt hợp đồng dịch vụ. Trách nhiệm của người sử dụng lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển sang bên thứ 3 hoặc xóa bỏ. | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 75.5: Khuyến nghị Chính phủ thúc đẩy các chương trình bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ được thực hiện bởi các bên độc lập | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 76: Cần phù hợp với Điều 198.b Luật Sở hữu trí tuệ 2022 | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 76.1 và 76.2: Đề nghị sửa lại điều khoản vì nhà cung cấp dịch vụ DC và cloud không truy cập được vào dữ liệu của khách hàng, không xem được dữ liệu. | Đã điều chỉnh quy định |
|  | Điều 77.1: Đề nghị xem xét các tiêu chuẩn quốc tế. | Đã điều chỉnh quy định |
| ***72*** | ***Cổng thông tin điện tử Chính phủ*** |  |
|  | Công ty GMO-Z.com RUNSYSTEM:  Bổ sung quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” (Nhà đăng ký tên miền “.vn”) và tên miền quốc tế tại Việt Nam (Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam); quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, các thành phần tham gia trong cấu trúc cung cấp dịch vụ; các cơ chế, quy định pháp lý về mặt cung cấp dịch vụ của các nhà đăng ký (đối với tên miền “.vn”, cũng như đối với tên miền quốc tế) để có sở cử pháp lý đầy đủ về hoạt động dịch vụ tại Luật Viễn thông  Đồng thời đồng bộ quy định hiện nay Luật Đầu tư đang quy định dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền là dịch vụ kinh doanh có điều kiện để các doanh nghiệp được hoạt động cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc, cơ chế quy định tại Luật, bao gồm cả cơ chế về giá dịch vụ đối với tên miền “.vn” và các quy định liên quan đến việc thu phí, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền “.vn” thông qua nhà đăng ký | Xem xét quy định trong VB dưới luật hoặc VB khác |
|  | Bạn đọc Nguyễn Văn Học:  Trong quá trình làm việc lĩnh vực tên miền, tôi nhận thấy: Kể từ năm 2000, quy định về Nhà đăng ký tên miền “.vn” cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” và việc đăng ký, sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thông qua các nhà đăng ký đã được quy định chính thức tại VBQPPL mức Thông tư, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP có quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền; nhà đăng ký tên miền “.vn”, nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam. Tuy nhiên, Luật Viễn thông chưa có quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, cũng như các thành phần tham gia trong cấu trúc cung cấp dịch vụ, các cơ chế, quy định pháp lý về mặt cung cấp dịch vụ của các nhà đăng ký (đối với tên miền “.vn” cũng như đối với tên miền quốc tế. | Xem xét quy định trong VB dưới luật hoặc VB khác |